**Ngày soạn:...................**

**BÀI 6: BÀI HỌC CUỘC SỐNG**

**Ngày dạy:....................**

**TIẾT 73:**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

- Nêu được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.

- Phân tích được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.

**b. Năng lực riêng:**

- Đọc-hiểu văn bản truyện ngụ ngôn.

- Nhận diện thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những ngụ ngôn Đẽo cày giữa đường và những ngụ ngôn khác.

- Liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành và phát triển ở HS: Trách nhiệm học hỏi cái tốt; phê phán cái xấu, cái không phù hợp.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi: **Nhìn hình đoán tục ngữ?**

GV đưa ra hình ảnh, HS dựa vào những hình ảnh đó để đoán về câu tục ngữ ***Đi một ngày đàng học một sàng khôn***

- HS thực hiện nhiệm vụ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *“Đi một ngày đàng học một sàng khôn”, đúng vậy, không chỉ học ở nhà trường, mà chúng ta còn học được ở nhiều nơi trong cuộc sống: học qua những chuyến đi, học qua việc tiếp xúc với người từng trải, hiểu biết....Chúng ta có thể học suốt đời nhờ những nguồn tài liệu vô tận đó. Đến với bài học này, các em sẽ được làm quen và tìm hiểu hai thể loại sáng tác là truyện ngụ ngôn và tục ngữ. Đi sâu tùm hiểu những câu chuyện ngắn gọn và chứa đựng muôn vàn bài học bổ ích...*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi:  + Chủ đề của bài học là gì?  + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?  + Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào?  + Để thể hiện chủ đề, bài học đưa vào mấy ngữ liệu?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: Bài học cuộc sống.  -> Nhắc nhở chúng ta không ngừng học hỏi, không chỉ học trong sách vở, mà còn học trong cuộc sống, học từ những trải nghiệm, những chuyến đi….  - **Thể loại chính**: truyện ngụ ngôn, tục ngữ  + Đẽo cày giữa đường  + Ếch ngồi đáy giếng  + Con mối và con kiến  + Một số câu tục ngữ Việt Nam  + Con hổ có nghĩa |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, đặc điểm của truyện ngụ ngôn

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và hoàn thành phiếu học tập theo nhóm.  + GV chia lớp thành 4 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập tìm hiểu kiến thức về truyện ngụ ngôn.  + Thời gian: 5 phút    + Nêu khái niệm về tục ngữ và thành ngữ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành phiếu học tập và câu hỏi của GV.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Truyện ngụ ngôn**  **- Khái niệm:** là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.  **- Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn**  **+ Hình thức:** ngắn gọn, được viết bằng thơ hoặc văn xuôi.  **+ Nhân vật:** con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hóa.  **+ Mục đích:** thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.  **2. Tục ngữ**  Tục ngữ thuộc loại sáng tác ngôn từ dân gian, là những câu ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần, có điệu, đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống.  Ví dụ: “Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa”…  3. Thành ngữ  Thành ngữ là một cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***“Đâu là thành ngữ, đâu là tục ngữ?”***

+ GV chia lớp thành 2 team: “Team Thành ngữ, Team Tục ngữ

+ Yêu cầu: lựa chọn những câu thuộc team của mình.

*Đáp án:*

* ***Team Tục ngữ***
* *Ba mặt một lời*
* *Cõng rắn về cắn gà nhà*
* *Bỏ thương, vương tội*
* *Đâm lao phải theo lao*
* ***Team Thành ngữ***
* *Ăn một bát cháo chạy ba quãng đồng*
* *Có thực mới vực được đạo*
* *Con nhà tông, không giống lông cũng giống cánh*

***- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.***

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***“Ai nhanh nhất”***

***- Hình thức:*** *- GV gọi 2 bạn**tham gia trò chơi*

***- Yêu cầu:*** *Trong 5 phút, đặt câu có chứa câu tục ngữ “học ăn, học nói, học gói, học mở”. Ai đặt nhiều câu hơn sẽ là người chiến thắng*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**--------------------------------------------------**

**Ngày dạy: ..................................**

**TIẾT 74:**

**ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG**

*Truyện ngụ ngôn Việt Nam*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: nhân vật, sự kiện, cốt truyện.

- Ý nghĩa giáo huấn sâu sắc của truyện: Cần phải tự tin, có chính kiến khi làm bất cứ việc gì.

- Cách kể chuyện ý vị, tự nhiên, độc đáo.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động, tích cực chuẩn bị bài theo yêu cầu. Biết tìm nguồn tư liệu liên quan đến nội dung bài học để mở rộng kiến thức.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phản hồi, tích cực lắng nghe, trình bày suy nghĩ, ý tưởng, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung, nghệ thuật và bài học của truyện ngụ ngôn.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết giải quyết những vấn đề nảy sinh trong bài học.

**b. Năng lực riêng:**

- Đọc-hiểu văn bản truyện ngụ ngôn.

- Nêu được thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những ngụ ngôn Đẽo cày giữa đường và những ngụ ngôn khác.

- Liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.

- Kể lại được câu chuyện ngụ ngôn: đúng cốt truyện, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian để rèn luyện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với cách giải quyết vấn đề của nhân vật.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm học hỏi cái tốt; phê phán cái xấu, cái không phù hợp.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

GV tổ chức trò chơi Tiếp sức:

+ Chia lớp thành 2 nhóm

+ Yêu cầu: Kể tên các truyện ngụ ngôn mà em thích

+ Thời gian: 2 phút

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Đây là những câu chuyện ngụ ngôn quen thuộc gắn liền với kí ức tuổi thơ của mỗi chúng ta. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về thể loại này qua văn bản 1: Đẽo cày giữa đường.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng; chú ý lời đối thoại của các nhân vật.  - Gọng đọc hài hước, dí dỏm pha mỉa mai, châm biếm.  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HStìm hiểu các yếu tố của truyện ngụ ngôn: thể loại, xuất xứ, ngôi kể, PTBĐ, bố cục, tóm tắt  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  - Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng; chú ý lời đối thoại của các nhân vật.  - Gọng đọc hài hước, dí dỏm pha mỉa mai, châm biếm.  **b. Chú thích**  **-** Quan: đơn vị tiền tệ thời xưa  - Ngàn: rừng, vùng rừng  - Phá hoang: khai khẩn đất tự nhiên để cày, cấy, trồng trọt  - Tinh: toàn, hoàn toàn  **2. Tìm hiểu chung**  **- Thể loại:** Truyện ngụ ngôn  **- Xuất xứ:** Theo Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Truyện cổ nước Nam, tập 1, Thăng Long, 1958, tr101-102  **- Ngôi kể:** ngôi thứ 3  **- PTBĐ**: tự sự  **- Bố cục: 2 phần**  **+ Phần 1:** Từ đầu đến *“bày ra bán”*: Người thợ mộc cùng những lời khuyên của người qua đường.  **+ Phần 2:** Còn lại: Hậu quả của việc “đẽo cày giữa đường” của anh thợ mộc.  **- Tóm tắt**  + Một người thợ mộc bỏ ra 300 quan tiền mua gỗ về đẽo cày để bán.  + Mỗi lần có khách ghé vào coi và góp ý về việc đẽo cày anh ta đều làm theo.  + Cuối cùng, chẳng có ai đến mua cày, bao nhiêu vốn liếng đi sạch. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được nhân vật ngụ ngôn (anh thợ mộc), từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mà tác giả gửi gắm qua văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu học sinh chia làm 4 nhóm và hoàn thành phiếu học tập.  + Nhóm 1,2 thực hiện PHT số 1: Nhân vật anh thợ mộc  + Nhóm 3,4 thực hiện PHT số 2: Những lần góp ý và hành động của anh thợ mộc      **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nhân vật ngụ ngôn (anh thợ mộc)**  **a. Hoàn cảnh của anh thợ mộc**  **- Nghề nghiệp**: thợ mộc  **- Công việc:** Đẽo cày  **- Nơi làm việc:** cửa hàng ở bên đường  **- Hành động**: Bỏ ra “ba trăm quan tiền” mua gỗ về đẽo cày để bán.  -> Công việc chân tay, mang hết gia tài để đầu tư vào công việc của mình.  **b. Những lần góp ý và hành động của anh thợ mộc**  **\* Người thứ nhất:**  - “ Phải đẽo cày cho cao, cho to thì mới dễ cày”  - Anh thợ mộc: **Cho là phải**, đẽo cày vừa to vừa cao  **\* Người thứ hai:**  - “Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày”  - Anh thợ mộc: **Cho là phải**, lại đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp  **\* Người thứ ba:**  - Đẽo cày cho thất cao, thật to gấp đôi, gấp ba để voi cày được  - Anh thơ mộc: **Liền đẽo ngay** một lúc bao nhiêu cày to, gấp năm, gấp bảy thứ thường  **\* Kết quả**   - Chẳng ai đến mua, gỗ hỏng hết, vốn liếng đi sạch  **\* Nguyên nhân**  **- Nguyên nhân trực tiếp:**  + Do không có người mua.  + Không có ai nói voi đi cày ruộng.  **- Nguyên nhân gián tiếp:**  + Do bản tính anh nông dân hiền lành, dễ tin người, thiếu hiểu biết, không có chính kiến của riêng mình. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi gợi mở:  + Em hiểu gì về nhan đề “Đẽo cày giữa đường”?  + Từ truyện này, em rút ra được bài học gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Bài học rút ra**  - Phải luôn tin tưởng vào bản thân, học cách chủ động và có chính kiến của mình trong bất cứ công việc nào.  - Cần tránh việc để những lời nói bên ngoài ảnh hưởng tới công việc của mình. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nhân vật ngụ ngôn: Anh thợ mộc..  - Tình tiết truyện đơn giản  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, hóm hỉnh pha châm biếm.  **2. Nội dung**  Mượn câu chuyện về người thợ mộc để ám chỉ những người thiếu chủ kiến khi làm việc và không suy xét kĩ khi nghe người khác góp ý. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV tổ chức trò chơi* ***RUNG CHUÔNG VÀNG***

1. Truyện “Đẽo cày giữa đường” thuộc thể loại truyện dân gian nào?

- Ngụ ngôn

2. Truyện “Đẽo cày giữa đường” được kể theo ngôi thứ mấy?

- Ngôi thứ 3

3. Phương thức biểu đạt chính của truyện “Đẽo cày giữa đường” là gì?

- Tự sự

4. Trong truyện, có mấy người đã tham gia góp ý cho anh thợ mộc?

- 3 người

5. Người thứ hai đã góp ý cho anh thợ mộc như thế nào?

- Đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày

6. Kết quả của anh thợ mộc khi nghe theo những lời góp ý của người khác là gì?

- Chẳng ai đến mua, gỗ hỏng hết, vốn liếng đi sạch

7. Sau khi học xong truyện “Đẽo cày giữa đường”, em rút ra cho mình bài học gì?

- Phải có chứng kiến, chọn lọc ý kiến…

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV yêu cầu HS*: Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 câu) có sử dụng thành ngữ “Đẽo cày giữa đường”

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**---------------------------------------------------**

**Ngày dạy:................................**

**TIẾT 75:**

**ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

*Trang Tử*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nắm được nội dung bài học và những tri thức cơ bản về văn bản, tiếng Việt phục vụ bài học.

-  HS nêu được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề; nhận biết được thông điệp, bài học mà VB muốn gửi đến người đọc.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ếch ngồi đáy giếng.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Ếch ngồi đáy giếng.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

GV đọc câu đố dẫn vào bài:

Mắt lồi mồm rộng

Sấm động mưa rào

Tắm mát rủ nhau

Hát bài ộp ộp…

- Là con gì?

-> Con ếch

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Chắc hẳn chúng ta không ai xa lạ với hình ảnh con ếch, và câu nói “Ếch ngồi đáy giếng” cũng vậy. Không chỉ đơn thuần là một con vật gần gũi, mà qua nhân vật đó, tác giả đã gửi gắm những bài học vô cùng đắt giá và có giá trị đến bây giờ. Để tìm hiểu điều đó, chúng ta sẽ đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay “Ếch ngồi đáy giếng”*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Theo em, chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào? Cần chú ý điều gì khi chúng ta đọc bài?  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm “Ếch ngồi đáy giếng”  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  Đọc rõ ràng, rành mạch, thể hiện được sự ngông nghênh, kiêu ngạo của ếch, xen chút hài hước; chú ý chỉ dẫn đọc màu vàng bên phải mỗi phần.  **b. Chú thích**  **- Đi đời nhà ma**: chết , mất, mất hết  **- Biển đông:** biển ở phía đông  **- Vô:** vào  **- Lăng quăng:** con bọ gậy, ấu trùng của muỗi  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Trang Tử (369- 286 TCN)  - Là một triết gia nổi tiếng của Trung Quốc  - Thể loại sáng tác: thư kinh, sử kí…  - Sáng tác tiêu biểu: sách Trang Tử (Nam Hoa Kinh), Sử kí Tư Mã Thiên…  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Truyện ngụ ngôn  **- Xuất xứ:** - Trích trong *Thu Thủy ( thiên thứ 17) của sách Trang Tử*  **- Ngôi kể:** Thứ ba  **- PTBĐ: tự** sự  **- Bố cục:** 2 phần  **+ Phần 1:** Từ đầu đến *“coi cho biết”* : Cuộc sống của con ếch bên trong giếng sụp.  **+ Phần 2:** Còn lại: Con rùa cho ếch biết về cuộc sống của mình ngoài biển đông.  - Tóm tắt: Bài văn kể về một con ếch cảm thấy cuộc sống của mình bên trong cái giếng nhỏ là sung sướng, tự do nhất đời, mời con rùa biển đông vào giếng chơi cho biết. Con rùa không thể chui vừa cái giếng nhỏ, bèn nói cho ếch nghe về sự rộng lớn của biển đông. Con ếch nghe về biển bèn mới thu mình lại, hoảng hốt, bối rối. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được nhân vật ngụ ngôn (ếch, rùa), quá trình thay đổi của ếch, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mà tác giả gửi gắm qua văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi gợi dẫn:  + Câu chuyện có mấy nhân vật chính?  + Tìm hiểu về nhân vật ếch (không gian sống, không gian vận động, đối tượng tiếp xúc…)  + Tìm hiểu về nhân vật rùa (không gian sống, thời gian sống, trải nghiệm…?  + So sánh hai nhân vật ếch và rùa.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức:  + Nhân vật đại diện cho những người có vốn hiểu biết và vốn sống hạn hẹp nhưng lại tự cho rằng mình hiểu biết và tự mãn với những gì mình có.  + Nhân vật đại diện cho những người có vốn hiểu biết và vốn sống phong phú, đã đi nhiều, có nhiều trải nghiệm. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nhân vật ngụ ngôn**  (ếch và rùa **: con vật được nhân hóa)**  **a. Nhân vật ếch**  **- Không gian sống**: cái giếng sụp -> Chật hẹp  **- Không gian vận động**: Chỉ từ miệng giếng vào trong giếng -> Chật hẹp  **- Đối tượng tiếp xúc**: (lăng quăng, con cua, nòng nọc…) -> những con vật nhỏ bé  -> Sống trong không gian chật hẹp, Tự cảm thấy “sung sướng” với cái không gian bé nhỏ của mình đang sống.  -> Ếch chưa hề biết đến sự rộng lớn và bao điều mới lạ của thế giới bên ngoài.  **b. Nhân vật rùa**  **- Không gian sống**: biển -> rộng lớn  **- Thời gian sống**: sống lâu (lớn đến nỗi không vào được trong giếng).  **- Trải nghiệm**: đã đi đây đi đó, biết nhiều điều, chứng kiến nhiều điều  -> Rùa lùi lại, không quan tâm đến cái giếng bé nhỏ của ếch và kể cho ếch biết niềm “sung sướng” mà rùa được trải nghiệm “cái vui lớn của biển đông”  **-> Môi trường sống, không gian sống, đối tượng tiếp xúc có ảnh hưởng rất nhiều đến suy nghĩ, nhận thức và hành động của cả ếch và rùa** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV áp dụng kĩ thuật **khăn trải bàn:**  **- Hình thức: chia lớp làm 4 nhóm**  **+ Nhóm 1+3**: Những điều gì làm cho con ếch trong truyện “Ếch ngồi đáy giếng” cảm thấy sung sướng?  **+ Nhóm 2+4**: Sau khi nghe rùa biển kể, tại sao ếch lại “ngạc nhiên, thu mình lại, hoảng hốt, bối rối”?  **- Thời gian: 5 phút, cử đại diện nhóm lên báo cáo**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Quá trình thay đổi của ếch**  **a) Ban đầu: ếch tự tin, sung sướng**  **- Sung sướng vì có cuộc sống tự do, tự tại**  + Có thể nhảy ra khỏi giếng; nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô giếng…  + Ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng  + Bơi trong nước thì nước đỡ nách và nách; nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tôi tới mắt cá  **- Sung sướng vì thấy những con vật khác không bằng mình**  + Ngó lại phía sau, thấy những con loăng quăng, con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng tôi.  **- Sung sướng vì tự hào với địa vị “chúa tể” của mình ở trong giếng**  + Một mình chiếm một chỗ nước tụ  + Tự do bơi lội trong một cái giếng sụp  + Còn gì vui hơn nữa? Hỏi để khẳng định  **- Sung sướng đến nỗi khoe khoang với rùa về thế giới trong giếng của mình**  Ếch nói với rùa: “Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết?”  **b) Những thay đổi của ếch sau khi nghe rùa biển kể**  **- Ngạc nhiên:** Vì sự vĩ đại của biển nằm ngoài hiểu biết của ếch  -> Ếch hoàn toàn bất ngờ  **- Thu mình lại:** Niềm vui và niềm tự hào của ếch bị thay thế bởi cảm giác nhỏ bé trước sự vĩ đại của biển.  **- Hoảng hốt, bối rối:** Cảm giác của ếch khi mất niềm tin (bối rối) vào những điều ếch đã tin và tự hào trước đây, choáng ngợp (hoảng hốt) trước những điều mới mẻ, lớn lao, vĩ đại |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:** Qua câu chuyện của con ếch, em rút ra cho mình những bài học gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **3. Bài học rút ra**  - Câu chuyện ngầm phê phán những người có vốn hiểu biết hạn hẹp nhưng lại thường ra vẻ ta đây tài giỏi, tự cao.  - Khuyên con người nên khiêm tốn, luôn lắng nghe, học hỏi, tìm hiểu những điều thú vị xung quanh cuộc sống của mình.  - Khuyên con người nên thích nghi với mọi hoàn cảnh sống. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nhân vật ngụ ngôn: nhân vật con vật được nhân hóa  - Tình tiết truyện đơn giản  - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, hóm hỉnh pha châm biếm.  **2. Nội dung**  Câu chuyện kể cuộc đối thoại giữa rùa và biển. Từ đó gửi gắm bài học cách sống, về cách nhìn nhận cuộc sống của mỗi con người |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV yêu cầu HS*: Viết một đoạn văn (khoảng 6- 8 dòng) nêu lên bài học cho bản thân từ câu chuyện trên, trong đoạn văn có sử dụng thành ngữ “ếch ngồi đáy giếng”

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

***1. Trong cuộc sống, có nhiều câu chuyện tương tự như truyện “Ếch ngồi đáy giếng”. Em hãy nêu lên một câu chuyện như thế.***

***2. Tìm một số câu thành ngữ/ tục ngữ/ ca dao có nội dung liên quan đến câu truyện?***

*- Coi trời bằng vung*

*- Chủ quan khinh địch*

*- Thùng rỗng kêu to*

*- Con cóc nằm góc bờ ao*

*Lăm le lại muốn đớp sao trên trời.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*---------------------------------------------------*

**Ngày dạy:.................................**

**TIẾT 76:**

**CON MỐI VÀ CON KIẾN**

*Nam Hương*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- HS nắm được nội dung bài học và những tri thức cơ bản về văn bản, tiếng Việt phục vụ bài học.

-  HS nêu được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề; nhận biết được thông điệp, bài học mà VB muốn gửi đến người đọc.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Con mối và con kiến*

- Năng lực đọc hiểu, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con mối và con kiến.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

GV đọc câu đố dẫn vào bài:

**Câu đố 1.**

Con gì bé tí

Đi lại từng đàn

Kiếm được mồi ngon

Cùng tha về tổ

Là con gì?

***- Con kiến***

**Câu đố 2**

Con gì ăn gỗ cả ngày

Chuyên môn đục phá giường này tủ kia?

Là con gì?

***- Con mối***

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Câu đố của cô đã nhắc đến hai con vật nhỏ bé là con mối và con kiến. Trong thế giới ấy, có những con mối và con kiến hiện lên với hai trạng thái đối lập nhau. Muốn biết tại sao chúng lại trái ngược nhau thì chúng ta hãy cùng đi vào tìm hiểu văn bản ngày hôm nay****Con mối và con kiến.***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Theo em, chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào?  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả Nam Hương  - Hoàn thiện phiếu học tập cá nhân để tìm hiểu những nét chung về tác phẩm (xuất xứ, PTBĐ, bố cục…)    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  - Gọi 3 học sinh Đọc phân vai  - **Giọng đọc:** to, rõ ràng, biểu cảm được tính cách nhân vật  **b. Chú thích**  **- Ồ ề:** dáng mập và chậm chạp  **- Ghế chéo:**  ghế chân chéo, có lưng tựa  **- Vun thu:** vun vén, thu xếp, chăm lo  **- Xứ sở:** nơi ở, quê hương, đất nước  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - **Nam Hương (1899- 1960)**  **- Quê:** Hà Nội  - Sáng tác nhiều **thơ ngụ ngôn và thơ thiếu nhi**  **- Các tác phẩm chính:** *Ngụ ngôn mới, Gương thế sự, Tập thơ ngụ ngôn...*  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Truyện ngụ ngôn  **- Xuất xứ:** trích trong *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập III do Nguyễn Cừ - Phan Trọng Thương biên soạn và tuyển chọn. Xuất bản tại NXB Giáo dục năm 1999, tr. 805.  **- PTBĐ:** tự sự kết hợp biểu cảm  **- Bố cục:** 2 phần  - Tóm tắt: Văn bản thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Trong khi mối không muốn lao động, chỉ biết hưởng thụ trước mắt, nghĩ đến bản thân, thì kiến không ngại vất vả, chăm chỉ lao động, biết lo xa, sống có trách nhiệm với cộng đồng. Qua đó, câu chuyện khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được quan niệm sống của kiến và mối, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mà tác giả gửi gắm qua văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV áp dụng kĩ thuật: THINK- PAIR-SHARE  **- Hình thức:** tạo nhóm cặp đôi theo bàn  **- Yêu cầu:** trình bày quan niệm sống của mối và kiến theo bảng gợi ý sau  **- Thời gian:** 5 phút    **+ GV hỏi mở rộng :** theo em, thiện cảm của tác giả dành cho mối hay kiến ? Vì sao ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức:  Như vậy, tác giả đã xây dựng hai nhân vật với những nét đối lập nhau. Chúng ta có thể nhận thấy rõ rằng con kiến được xây dựng với tính cách chăm chỉ, cần cù. Ngược lại, con mối lại có tính cách lười nhác, lười biếng. Liệu có ẩn ý sâu xa gì nữa không qua hai hình tượng nhân vật đó. Phải chăng là sự đối lập của 2 bộ phận con người trong XH. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Quan niệm sống của mối và kiến**  a. Quan niệm sống của mối  **- Không muốn lao động, sợ vất vả**  + Ngồi trong nhà nhìn ra ngoài  + Ngồi tựa lưng trên chiếc ghế chéo, bên bàn tròn  + Lười vận động nên cơ thể béo mập và chậm chạp  + Nói với kiến: Kiến ơi các chú/ Tội tình gì lao khổ lắm thay! -> NT nhân hóa  **- Chỉ biết hưởng thụ trước mắt, chỉ biết nghĩ đến bản thân:**  + Ăn no béo trục, béo tròn  + Chỉ biết an hưởng nhà cao cửa rộng,tủ hòm  + Không nhận ra đó chỉ là cuộc sống đó là tạm bợ -: không được dài lâu  **- Hậu quả: nhà đổ xuống -> “Đi đời các anh” : NT nhân hóa**  **b. Quan niệm sống của kiến**  **- Không ngại vất vả, chăm chỉ lao động**  + Sẵn sàng ra ngoài làm việc, dù vất vả, khiến cơ thể gầy gò  + Ý thức: Hễ có làm thì mới có ăn  **- Biết lo xa, sống có trách nhiệm vì cộng đồng**  + *“Sinh tồn là cuộc khó khăn”* -> chủ động, chuẩn bị kĩ cho tương lai  + Quan tâm đến mọi người *“địa cầu muôn loại”*  + Ý thức: *“Vì đàn vì tổ, vun thu xứ sở”*  **- Kết quả: Cuộc sống no đủ, hạnh phúc** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:** Qua văn bản “Con mối và con kiến”, em rút ra cho mình những bài học gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Bài học rút ra**  - Sống ích kỉ, chỉ biết nghĩ cho bản thân, chỉ biết hưởng thụ mà không lao động thì cuộc sống tốt đẹp trước mắt sẽ không được bền lâu  - Trách nhiệm của mọi người đối với cộng đồng, dân tộc, đất nước. Phải biết yêu thương, biết “vì đàn vì tổ, vun thu xứ sở” |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Cách nói bằng ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, độc đáo, đặc sắc.  - Sử dụng nhân hóa.  - Lời thơ ngắn gọn nhưng thâm thúy.  - Mượn chuyện loài vật để nói bóng gió, kín đáo chuyện loài người.  **2. Nội dung**  Câu chuyện thông qua cuộc hội thoại giữa hai con vật là kiến và mối để nói lên sự đối lập giữa lối sống của hai bộ phận con người trong xã hội hiện nay. Từ đó khẳng định rằng chỉ có chăm chỉ cần cù làm lụng cuộc sống mới có thể ấm êm, bền vững. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV tổ chức trò chơi* ***“BÍ MẬT TRONG HỘP QUÀ”***

***1. Văn bản Con mối và con kiến thuộc thể loại truyện gì?***

*- Truyện ngụ ngôn*

***2. Tác giả đã sử dụng BPNT gì trong hai câu thơ:***

*“Mối gọi bảo: Kiến ơi các chú”*

*“Nhà kia đổ xuống đi đời các anh”*

*- BPNT Nhân hóa*

*3. “Chúng ta đây chẳng hề khó nhọc*

*Mà ồ ề béo trục béo tròn”*

***Là câu thơ miêu tả con mối hay con kiến?***

*- Con mối*

***4. Quan niệm sống của kiến trong bài thơ là gì?***

***-*** *Có làm thì mới có ăn, vì cộng đồng*

***5. Đọc thuộc lòng bài thơ.***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

***GV yêu cầu hs:*** *Viết một đoạn văn ngắn từ 5-7 câu nêu suy nghĩ của em về bài học rút ra từ văn bản “Con mối và con kiến”.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến th*

*-----------------------------------------------*

**Ngày dạy:............................................**

**TIẾT 76:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nắm được đặc điểm của thành ngữ (về cấu trúc và ngữ nghĩa), từ đó nhận diện được thành ngữ trong câu.

- Học sinh nêu được chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và sử dụng thanh ngữ trong hoàn cảnh phù hợp.

**3. Phẩm chất**

- Yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của ngôn ngữ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***ĐOÁN Ý ĐỒNG ĐỘI***

***Luật chơi:***

+ GV chia lớp thành 2 nhóm

+ Mỗi nhóm cử 1 đại diện lên để bốc phiếu trong hộp, mỗi phiếu là 1 thành ngữ (Ba chìm bảy nổi, Bình an vô sự, Cha nào con nấy. Con dại cái mang, Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, Con sâu làm rầu nồi canh, Khỏe như voi, Tứ cố vô thân…)

+ Đại diện nhóm diễn tả hành động để các thành viên trong nhóm mình đoán và giải thích thành ngữ. Trả lời đúng được 1 điểm, sai được 0 điểm

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:***Thành ngữ của chúng ta vô cùng phong phú và đa dạng. Vậy làm thế nào để nhận diện thành ngữ, biết những đặc điểm và nắm được chức năng cụ thể của nó. Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** nắm được đặc điểm của thành ngữ, từ đó nhận diện được thành ngữ trong câu. Hiểu được chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Khái niệm thành ngữ**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Dựa vào phần tri thức ngữ văn chúng ta đã học, hãy trình bày lại khái niệm thành ngữ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 2: Đặc điểm và chức năng của thành ngữ**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:**  **+** Đọc 2 ví dụ (1), (2) trong sgk và chú ý các cụm từ in đậm.  + Các từ in đậm trên thuộc từ loại nào? + Qua ví dụ trên, em hãy nêu đặc điểm của thành ngữ.  + Nhận xét từ in đậm trong 4 ví dụ (3,4,5,6). Theo em, cách diễn đạt nào hay hơn, vì sao?  (gợi ý: câu 5,6 là cách nói thẳng, nói trực tiếp vào vấn đề 🡪 không được mượt mà, không gợi nhiều liên tưởng…)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Thao tác 3: Ghi nhớ**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi:** Vậy theo em, chúng ta cần ghi nhớ những thông tin gì về thành ngữ?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Thành ngữ**  **1. Khái niệm thành ngữ**  - Thành ngữ là một cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.  **2. Nhận biết đặc điểm và chức năng của thành ngữ**  **a. Đặc điểm của thành ngữ**  **Ví dụ**  **(1)** *Kẻ hầu người hạ* ra vào tới tấp, bưng lên cho khách toàn *sơn hào hải vị*, mùi thơm nức mũi (Vua chích chòe)  **(2)** Mọi người trong làng luôn đoàn kết, sẵn sàng *chia ngọt sẻ bùi* cho nhau.  **-> Là những tổ hợp chặt chẽ**  **-> Nghĩa của mỗi cụm từ đều hàm súc, có tính hình tượng**  **b. Chức năng của thành ngữ**  **Ví dụ**  (3) Cô đem lòng yêu, có *của ngon vật lạ* đều giấu đem lên cho (Sọ Dừa)  (4) Lần này hai đội gặp lại nhau, chưa biết *mèo nào cắn mỉu nào*  (5) Cô đem lòng yêu, có *đồ ăn ngon* đều giấu đem lên cho (Sọ Dừa)  (6) Lần này hai đội gặp lại nhau, chưa biết *đội nào sẽ thắng đội nào*  **-> Giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng**  **3. Ghi nhớ**  **- Khái niệm:** là một cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.  **- Đặc điểm:** là những tổ hợp có cấu tạo chặt chẽ. Nghĩa của mỗi cụm từ đều hàm súc, có tính hình tượng.  **- Chức năng:** giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức Hoạt động nhóm  Nhóm 1: bài 1  Nhóm 2: bài 2  Nhóm 3: bài 3  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Luyện tập:**  **Bài tập 1**  **a.** Ba chân bốn cẳng → (đi/chạy) hết sức nhanh và vội vã, cuống hết lên  **b.** Chuyển núi dời sông → chỉ việc làm lớn lao, phi thường  **Bài tập 2**  **a.** Từ ngữ có ý nghĩa tương đương với thành ngữ (in đậm): đều mất, đi đời, không còn gì, đi tong, chẳng còn gì …  **b.** Từ ngữ có ý nghĩa tương đương với thành ngữ (in đậm): (việc) nặng hay nhẹ có đủ cả, sang đến hèn, sang trọng đến tầm thương....  **Nhận xét**: Sử dụng thành ngữ sẽ giúp việc diễn đạt nghĩa trong câu trở nên súc tích, biểu đạt nghĩa mạnh hơn, gợi nhiều liên tưởng và gây ấn tượng hơn.  **Bài tập 3**  **a.** Nội dung của câu trước với câu sau thiếu lôgic (không hợp lí), gây khó hiểu.  **b**. Nội dung ở câu sau liên quan chặt chẽ với nội dung của câu đứng trước, biểu đạt được điều muốn nói một cách súc tích, gây ấn tượng.  **Nhận xét:** Muốn sử dụng thành ngữ có hiệu quả, biểu đạt được điều muốn nói một cách bóng bẩy, ngắn gọn, … thì người dùng cần hiểu đúng nghĩa của thành ngữ đó. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV tổ chức trò chơi* ***THỬ TÀI ĐẶT CÂU***

**Hình thức:** gv gọi ngẫu nhiên 1 học sinh trong lớp, học sinh đó có quyền chọn 1 ví dụ để đặt câu, nếu đúng được chỉ 1 bạn trong lớp để thực hiện tiếp trò chơi.

+ Học một biết mười

→ Lan là một cô bé thông minh, “***học một biết mười”.***

+ Học hay, cày biết

→ Nam là người “***học hay, cày biết”*** thật đáng ngưỡng mộ.

+ Mở mày, mở mặt

→ Tôi cố gắng thi đậu đại học để cha mẹ được “***mở mày mở mặt”*** với người ta.

+ Mở cờ trong bụng

***→*** *Tôi vui như* ***“mở cờ trong bụng”*** *khi nhìn thấy tên mình đứng đầu trong kì thi học sinh giỏi cấp thành phố.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**---------------------------------------------------**

**Ngày dạy:..................................**

**TIẾT 77,78:**

**MỘT SỐ CÂU TỤC NGỮ VIỆT NAM**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nắm được:

   + Về hình thức, tục ngữ thường ngắn gọn, cô đúc; phần lớn có vần điệu, nhịp nhàng, cân đối; hoàn chỉnh về ngữ pháp.

   + Về nội dung, tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống.

- HS nêu được, mặc dù có quy mô nhỏ, nhưng tục ngữ vẫn tồn tại với tư cách là một loại sáng tác ngôn từ dân gian, thấy được tương quan giữa tục ngữ với các loại sáng tác ngôn từ dân gian khác như ca dao, vè… Từ đó, các em có khả năng đọc hiểu những câu tục ngữ lưu truyền trong đời sống, biết vận dụng trong một số tình huống giao tiếp.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác..

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Một số câu tục ngữ Việt Nam*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Một số câu tục ngữ Việt Nam*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng những nét đẹp của văn học dân gian Việt Nam.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

GV tổ chức trò chơi *ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ*

**Quan sát các hình ảnh sau và cho biết các câu tục ngữ tương ứng.**

- *Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*

*Ngày tháng mười chưa cười đã tối.*

- *Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa*

*- Ráng mỡ gà có nhà thì giữ*

*- Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt*

**-** *Tấc đất tấc vàng*

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Tục ngữ là một kho tàng những câu nói dân gian phong phú và đa dạng. Người ta vẫn thường sử dụng tục ngữ để thể hiện kinh nghiệm về một vấn đề nào đó của đời sống đã được đúc kết, mang tính chính xác cao. Vốn dĩ tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, có kết cấu ổn định và dễ thuộc, dễ nhớ, nên không chỉ sử dụng trong văn học, mà tục ngữ còn dùng trong tình huống giao tiếp thường ngày. Trong bài học hôm nay –****Một số câu tục ngữ Việt Nam****, chúng ta sẽ cùng đi khám phá thêm thật nhiều những câu tục ngữ dân gian dể nâng cao hiểu biết và tri thức văn học của mình nhé.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Theo em, chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào?  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoàn thiện PHT về thể loại tục ngữ    **-** Tìm hiểu vềvăn bản Một số câu tục ngữ Việt Nam (xuất xứ, bố cục)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  - Đọc tách bạch từng câu, ở mỗi câu nhịp điệu rành mạch, âm lượng vừa phải, dễ nghe  - Sử dụng các chiến lược đọc, suy diễn  **b. Chú thích**  **- Cần:** siêng năng, chăm chỉ  **- Tày:** bằng  **- Nề:** ngại (nghĩa trong văn bản)  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Thể loại tục ngữ**   |  |  | | --- | --- | | Tục ngữ là một thể loại văn học dân gian | **Tác giả**: dân gian | | **Hình thức**: Câu nói ngắn gọn | | **Nội dung**: Kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động sản xuất; con người, xã hội. | | **Nghệ thuật:**  + Những câu nói hoàn chỉnh, ngắn gọn  + Giàu hình ảnh, sử dụng so sánh, ẩn dụ  + Gieo vần, cấu trúc cân đối. | | **Phạm vi sử dụng:** Đời sống, suy nghĩ, lời ăn tiếng nói hàng ngày. |   **b. Văn bản “Một số câu tục ngữ Việt Nam”**  **- Xuất xứ:** trích “Kho tàng tục ngữ Việt Nam” – Nguyễn Xuân Kính chủ biên  **- Bố cục:** 2 phần  + Phần 1: câu 1-> 5: *Kinh nghiệm về thời tiết*  + Câu 6 -> 8: *Kinh nghiệm về lao động sản xuất*  + Câu 9 -> 15: *Kinh nghiệm về đời sống xã hội* |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được hình thức và nội dung của 15 câu tục ngữ trong bài

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu học sinh hoàn thiện PHT  ***- Hình thức***: GV chia lớp thành 4 nhóm hoàn thiện phiếu học tập theo mẫu.  ***- Thời gian:*** 5 phút    **+ GV hỏi mở rộng :** Câu tục ngữ nào trong bài này có hình thức của một thể thơ quen thuộc, được dùng trong ca dao của người Việt? Nêu thêm câu tục ngữ có hình thức tương tự.  🡪 Một cây làm chẳng nên non  Ba cây chụm lại nên hòn núi cao  🡪 Lục bát  🡪 Cười người chớ vội cười lâu  Cười người hôm trước, hôm sau người cười  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức: | **II. Khám phá văn bản**  **1. Hình thức của những câu tục ngữ**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **Số câu/ tiếng** | **Gieo vần** | **Ngắt nhịp** | **Nhận xét** | | 1 | 1 câu, 8 tiếng | May- bay | 3/3/2 | -Dung lượng ngắn (1 đến hai câu)  - Cấu trúc cân đối nhịp nhàng.  - Có hoặc không gieo vần (vần lưng/ vần chân; vần liền/ vần cách)  \* Dễ nhớ, dễ thuộc | | 2 | 2 câu, mỗi câu 6 tiếng | Ra-sa | 2/2/2  2/2/2 | | 3 | 2 câu, mỗi câu 8 tiếng | Chang- ngàn | 4/4  4/4 | | 4 | 2 câu, mỗi câu 7 tiếng | Năm- nằm  Mươi- cười | 3/2/2  3/2/2 | | 5 | 1 câu, 6 tiếng | Trưa- mưa | 3/3 | | 6 | 1 câu, 8 tiếng | Phân- cần | 2/2/2/2 | | 7 | 1 câu, 6 tiếng | Dưa- mưa | 3/3 | | 8 | 1 câu, 10 tiếng | Năm- tằm | 4/2/4 | | 9 | 1 câu, 5 tiếng | Sống- đống | 2/3 | | 10 | 1 câu, 6 tiếng | Sạch- rách | 3/3 | | 11 | 1 câu, 6 tiếng | Thầy- mày | 2/2/2 | | 12 | 1 câu, 6 tiếng | Thầy- tày | 2/2/2 | | 13 | 1 câu, 7 tiếng | Nghề- nề | 3/4 | | 14 | 1 câu, 6 tiếng |  | 2/2/2 | | 15 | 1 cặp lục bát | Non- hòn | 2/2/2  4/4 | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV áp dụng kĩ thuật: TRÌNH BÀY MỘT PHÚT**  - GV đọc lần lượt các câu tục ngữ  - HS trình bày ý hiểu của em về câu tục ngữ đó trong 1 phút  (Gợi ý mô hình phân tích tục ngữ)  + Nội dung câu tục ngữ  + Nghệ thuật sử dụng trong câu tục ngữ  + Bài học kinh nghiệm từ câu tục ngữ  - Sau khi tìm hiểu câu 11,12. GV tổ chức trò chơi: HÙNG BIỆN HỌC ĐƯỜNG.  **VẤN ĐỀ BÀN LUẬN:** Ý NGHĨA CỦA CÂU TỤC NGỮ 11 VÀ 12 MÂU THUẪN, LOẠI TRỪ NHAU  **- Hình thức:** chia làm 2 nhóm (bênh >< chống)  **- Thời gian:** 5 phút  -> *Câu 11 và 12 trong bài đặt cạnh nhau cũng là một cặp có vẻ mâu thuẫn, loại trừ nhau: Nếu câu này đúng thì câu kia sai, và ngược lại. Tuy nhiên, thực tế, hai câu này vẫn được dân gian sử dụng và chúng vẫn song song tồn tại. Sở dĩ như vậy là vì các câu tục ngữ luôn gắn với những hoàn cảnh sống khác nhau. Nhờ đó, mỗi câu mới thể hiện những bài học riêng và được vận dụng có hiệu quả trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể*  - Sau khi tìm hiểu xong 15 câu tục ngữ, GV hỏi mở rộng: Vì sao nhiều câu tục ngữ về đời sống xã hội ra đời từ thuở xưa, nhưng vẫn còn giá trị đối với con người ngày nay?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Nội dung câu tục ngữ**  **Câu 1.**  - Nghệ thuật:  + Hai vế câu đối nhau  + Kết cấu: nhân – quả  -> Cách thể hiện nghĩa trực tiếp  - Nội dung:  + Kinh nghiệm dự báo thời tiết  + Khi trời nổi gió heo may và chuồn chuồn bay ra nhiều thì sắp có bão.  - Tình huống vận dụng: Giúp con người phòng tránh trước hiện tượng bão lụt vàsắp xếp thời gian một cách hơp lí.  **Câu 2.**  - Nghệ thuật:  + Hai vế câu đối nhau  + Sử dụng thành ngữ «bão táp mưa sa»  -> Thể hiện nghĩa trực tiếp  - Nội dung:  + Kinh nghiệm dự báo thời tiết  + Kiến cánh bay ra nhiều, dọn tổ lên chỗ cao báo hiệu sắp có mưa hoặc bão lụt.  - Tình huống vận dụng: Giúp con người phòng tránh trước hiện tượng bão lụt và sắp xếp thời gian một cách hơp lí.  **Câu 3**  - Nghệ thuật:  + Hai vế câu đối nhau  + Điệp ngữ: “Mây kéo”  + Kết cấu: nhân – quả  -> Cách thể hiện nghĩa trực tiếp  - Nội dung: mây ùn ùn kéo về phía biển thì trời nắng, mây kéo từ phía biển vào lên mạn ngược, có hơi nước thì mưa to  - Tình huống vận dụng: Giúp con người phòng tránh trước hiện tượng mưa nắng và sắp xếp thời gian một cách hơp lí.  **Câu 4**  - Nghệ thuật: nói quá, phóng đại, sử dụng phép đối  -> Cách nói ẩn dụ  - Nội dung: Phản ánh hiện tượng trong tự nhiên: tháng năm ngày dài, đêm ngắn còn tháng mười ngày ngắn, đêm dài  - Tình huống vận dụng: Câu tục ngữ giúp người dân lao động chủ động sắp xếp công việc cày cấy, sản xuất phù hợp với thời gian từng mùa  **Câu 5.**  - Nghệ thuật: Phép đối, vần lưng  -> Cách thể hiện trực tiếp  - Nội dung: Ngày nắng thì cảm thấy buổi trưa đến sớm hơn vì thời tiết nóng bức, ngột ngạt. Ngày mưa trời âm u nên tối sớm.  - Tình huống vận dụng: Giúp con người phòng tránh trước hiện tượng mưa nắng và sắp xếp thời gian một cách hơp lí.  **Câu 6**  - Nghệ thuật:  + Dùng từ Hán Việt: nhất, nhì, tam, tứ  + Liệt kê  -> Cách thể hiện trực tiếp  - Nội dung: Chỉ ra 4 yếu tố quan trọng trong lao động sản xuất cần đảm bảo để mùa màng bội thu  - Tình huống vận dụng: Vận dụng trong sản xuất nông nghiệp sắp xếp thứ tự ưu tiên các yếu tố.  **Câu 7**  - Nghệ thuật: Phép đối  -> Cách thể hiện trực tiếp  - Nội dung: Kinh nghiệm lao động và sản xuất: Kinh nghiệm về thời tiết liên quan đến cây trồng đặc thù. Khí hậu nào thích hợp giống cây đó như mùa nắng trồng dưa mùa mưa trồng lúa  - Tình huống vận dụng: Vận dụng trong sản xuất nông nghiệp để sắp xếp mùa vụ và cây trồng hợp lí, đạt năng suất  **Câu 8**  - Nghệ thuật:  + Phép đối : ba năm , một lứa  + So sánh hơn: không bằng  -> Cách thể hiện nghĩa trực tiếp  - Nội dung: Kinh nghiệm lao động và sản xuất: Chăn tằm thu hoạch có lời hơn làm ruộng rất nhiều.  - Tình huống vận dụng: Kinh nghiệm lao động sản xuất khuyên con người nên lựa chọn chăn nuôi sẽ đem lại hiệu quả kinh tế nhanh hơn và cao hơn.  **Câu 9**  - Nghệ thuật: so sánh hơn  -> Cách nói ẩn dụ  - Nội dung: Kinh nghiệm về con người, xã hội, khẳng định giá trị và tôn vinh giá trị của con người  - Tình huống vận dụng: Khuyên con người trong mọi tình huống điều quý giá nhất là sự sống. Ngầm so sánh giá trị con người hơn hẳn tiền bạc vật chất.  **Câu 10**  - Nghệ thuật: tiểu đối ngắn gọn, ẩn dụ  - Nội dung:  + Nghĩa đen: Dù đói, rách vẫn phải ăn uống, ăn mặc sạch sẽ, giữ gìn thơm tho  + Nghĩa bóng: Dù nghèo khổ, thiếu thốn vẫn phải sống trong sạch  - Tình huống vận dụng: - Câu tục ngữ khuyên con người dù khó khăn, vất vả, thiếu thốn vẫn phải sống cho thanh sạch, cao đẹp, vẫn luôn phải giữ gìn phẩm chất cao đẹp của mình.  ⇒ Giáo dục con người có lòng tự trọng  **Câu 11**  - Nghệ thuật: nói quá  - Nội dung: khẳng định vai trò, công lao to lớn của người thầy đối với mỗi người  - Tình huống vận dụng: Khuyên nhủ mỗi người cần phải biết kính trọng, biết ơn thầy và tìm đến thầy để họchỏi thêm nhiều điều hay, lẽ phải  **Câu 12**  - Nghệ thuật: so sánh, điệp. Câu tục ngữ với hai vế câu so sánh. Hai vế câu bổ sung ý nghĩa cho nhau – vừa nhấn mạnh việc học thầy, vừa nhấn mạnh việc học bạn  - Nội dung: Câu tục ngữ đề cao việc học hỏi bạn bè của mỗi người  - Tình huống vận dụng: Khuyên nhủ con người cần biết học tập từ bạn bè, cuộc sống  **Câu 13**  - Nghệ thuật: cấu trúc cân đối  - Nội dung: Khẳng định việc học cần phải dấn thân, chăm chỉ, chịu khó, không ngại học hỏi.  -> Kinh nghiệm về xã hội  - Tình huống vận dụng: Khuyên nhủ con người cần học hỏi, chăm chỉ chịu khó, không ngại khó, ngại khổ và luôn cần chủ động trong công việc.  **Câu 14**  - Nghệ thuật: ẩn dụ  - Nội dung:  + Nghĩa đen: Khi thưởng thức quả ngọt, cần nhớ đến người trồng cây, chăm sóc để tạo ra chúng.  + Nghĩa bóng: Nhắc nhở con người phải có lòng biết ơn, có nhớ đến người đã giúp đỡ ta trong lúc khó khăn hoạn nạn.  - Tình huống vận dụng: Thể hiện tình cảm biết ơn với ông bà, cha mẹ, thầy cô, những người giúp mình, hi sinh vì mình…  **Câu 15**  - Nghệ thuật: ẩn dụ  - Nội dung:  + Nghĩa đen: một cái cây nhỏ bé thì sẽ không làm nên khu rừng rộng lớn.  + Nghĩa bóng: vai trò của sự đoàn kết trong cuộc sống  - Tình huống vận dụng: Chỉ có đoàn kết mới đem lại sức mạnh to lớn để hoàn thành những việc lớn lao, trọng đại |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn, cô đúc.  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ.  - Tạo vần, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng.  **2. Nội dung**  Tục ngữ thường đúc kết kinh nghiệm về tự nhiên, về lao động sản xuất, về ứng xử trong cuộc sống. Tục ngữ thực sự là kho tàng trí tuệ của nhân dân, được sử dụng nhiều trong ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*GV tổ chức trò chơi* ***“SÂU CHUỖI TỤC NGỮ”***

***- Hình thức:*** *hoạt động cá nhân*

***- Yêu cầu:*** *sâu chuỗi, sắp xếp lại thứ tự những gợi ý để được câu tục ngữ đúng*

***- Thời gian:*** *10 giây/ câu*

***Câu 1****. Tháng bảy kiến bò chỉ lo lại lụt*

***Câu 2.*** *Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền*

***Câu 3****. Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa*

***Câu 4****. Trăng quầng đại hạn, trăng tán thì mưa*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

***GV chia lớp thành 2 nhóm và bốc thăm lựa chọn nhiệm vụ***

***- Team xây dựng hội thoại****: Hãy ghi lại một cuộc đối thoại (giả định) giữa hai người (khoảng 5-7 câu), trong đó, một người có dùng câu tục ngữ: Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi.*

***Anh A****: Dạo này làm ăn thế nào?*

***Anh B****: Ôi! Chán lắm anh ạ! Chả có ma nào vào mua.*

***Anh A****: Anh đã kiểm tra khâu sản phẩm chưa?*

***Anh B****: Hàng hoá thì tôi nhập hết ấy mà, có tự làm cái nào đâu. Nhập cho nhanh anh ạ!*

***Anh A****: Ối! Anh nên tìm tòi mà học hỏi họ cách làm đi chứ, “muốn lành nghề chớ nề học hỏi mà”*

***- Team phân tích tục ngữ:*** *Chọn 1 câu tục ngữ mà em thích nhất, viết đoạn văn (10-12 câu) phân tích câu tục ngữ đó và nêu bài học em rút ra.*

*-> Trong kho tàng ca dao tục ngữ Việt Nam, có biết bao nhiêu câu tục ngữ hay, ý nghĩa. Nhưng em tâm đắc nhất với câu “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Trong câu tục ngữ, tác giả dân gian đã nhắc nhở chúng ta về bài học đạo lý làm người: khi được nhận những điều tốt đẹp, sự giúp đỡ của người khác, khi được “ăn quả” thì chúng ta phải “nhớ”- biết ơn những người giúp đỡ chúng ta- “kẻ trồng cây”. Qua việc sử dụng biện pháp ẩn dụ “ăn quả” chúng ta ý thức sâu sắc hơn về những điều chúng ta đang có. Đó có thể là gia đình cho ta một mái ấm, là nhà trường nơi dạy ta những lẽ phải, điều hay, là một cốc nước mát lành trong cơn khát…Tất cả những điều tốt đẹp đó không bỗng dưng chúng ta có được mà đều cần nhờ tới những người “trồng cây”. Họ chính là cha mẹ, là thầy cô, là những người giúp đỡ chúng ta, cho ta những điều tốt đẹp. Vì vậy, chúng ta hãy luôn ghi nhớ công ơn đó. Câu tục ngữ “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây” luôn là lời nhắc nhở có giá trị trong cuộc sống hôm nay.*

*-----------------------------------------------------*

**Ngày dạy: ......................................**

**TIẾT 79:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Học sinh hiểu, nắm được đặc điểm của biện pháp tu từ nói quá, những tên gọi khác nhau của biện pháp tu từ này (phóng đại, cường điệu, thậm xưng, ngoa dụ…), các cách thức thể hiện biện pháp tu từ nói quá, mục đích của việc sử dụng nói quá trong ngôn ngữ sinh hoạt và ngôn ngữ văn học.

- Học sinh nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp nói quá một cách phù hợp.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những trường hợp cụ thể, biết vận dụng biện pháp nói quá một cách phù hợp.

**3. Phẩm chất**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của ngôn ngữ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ***

*+ Đen như cột nhà cháy*

*+ Nhanh như chớp*

*+ Chậm như rùa*

*+ Gầy như que củi*

*+ Ăn như mèo*

*+ Ném tiền qua cửa sổ*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Chắc hẳn trong cuộc sống, các em đã từng nghe đến những câu nói như vậy!* *Có thể thấy, không chỉ trong quá trình giao tiếp, mà cả trong văn thơ, ca nhạc, điện ảnh,… chúng ta có sử dụng cách nói phóng đại sự thật. Vậy cách nói này là gì và có tác dụng ra sao? Bài học thực hành tiếng việt****Biện pháp tu từ nói quá****ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về vấn đề này nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:** nắm được kiến thức về định nghĩa, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Khái niệm nói quá**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đưa ra ví dụ và đặt câu hỏi**: Hãy chú ý vào các từ in đậm và nhận xét chúng. Có thể thay từ in đậm bằng từ khác được không? Vì sao?  🡪 Nói quá sự thật  🡪 Có thể thay thế:  (1) Đêm tháng năm rất ngắn  Ngày tháng mười rất ngắn  (2) Mồ hôi đổ rất nhiều  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 2: Đặc điểm của BPTT nói quá**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu học sinh thực hiện yêu cầu: nối cột A với cột B để tìm hiểu về đặc điểm của BPTT nói quá    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 3: Tìm hiểu chức năng của BPTT nói quá**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành phiếu so sánh ví dụ (1,2) ở mục 1 với 2 ví dụ sau:**  ***(3)-*** *Đêm tháng năm* ***ngắn***  *Ngày tháng mười* ***ngắn.***  *(4)- Cày đồng đang buổi ban trưa,*  ***Mồ hôi rơi nhiều và liên tục.***  ***🡪 VD (1,2) hay, gây nhiều ấn tượng***  ***VD (3,4) Bình thường, không gây ấn tượng***  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Khái niệm nói quá:**  **Xét ví dụ:**  *(1)- Đêm tháng năm* ***chưa nằm đã sáng****.*  *Ngày tháng mười* ***chưa cười đã tối.***  *(Tục ngữ)*  *(2)- Cày đồng đang buổi ban trưa*  *Mồ hôi thánh thót* ***như mưa ruộng cày****.*  *Ai ơi bưng bát cơm đầy*  *Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần*  *(Ca dao)*  - Nói quá sự thật  **- Khái niệm:** Là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, mức độ, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.  **2. Đặc điểm của BPTT nói quá**  - *Phóng đại quy mô*  - *Phóng đại tính chất*  - *Phóng đại mức độ*  **3. Chức năng của BPTT nói quá**  - Nhấn mạnh ý  - Gây ấn tượng  - Tăng sức biểu cảm cho lời văn  **\* Lưu ý**  *- Nói quá còn có tên gọi khác là khoa trương, ngoa dụ, thậm xưng, phóng đại, cường điệu.*  *- Để nhận ra biện pháp nói quá cần đối chiếu nội dung lời nói với thực tế. Phải nắm được cái ý nghĩa hàm ẩn của lời nói (tức là hiểu theo nghĩa bóng chứ không hiểu theo nghĩa đen).* |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh hoàn thành bài tập 1,2  - Bài tập 3: GV tổ chức trò chơi “ĐẶT CÂU KHÔNG HỀ KHÓ”  ***a. Buồn nẫu ruột***  ***b. Rụng rời chân tay***  ***c. Cười vỡ bụng***  ***d. Mệt đứt hơi***  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, làm bài  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ví dụ | Biểu hiện của nói quá | Tác dụng của nói quá | | b. | Cái ngắn của thời gian như hiện hình, một ngày có thể lấy gang tay để đo, nghĩa là chỉ còn một mẩu. | Khi vui cảm thấy thời gian chóng qua, có cảm giác ngày giờ ngắn hơn bình thường.  -> Để tạo ấn tượng. | | c. | Tát bể đông cũng cạn | Cách nói phóng đại đến mức phi lí bởi không ai có thể “tát cạn bể đông”  -> Làm nổi bật tầm quan trọng của sự hòa thuận vợ chồng |   **Bài tập 2**  a. Nói quá  b. Nói khoác  c. Nói quá  d. Nói khoác  **-> So sánh nói quá và nói khoác**  - **Giống nhau**: Đều phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả.  - **Khác nhau:**  + Nói quá: Chỉ là phóng đại tính chất quy mô,…của đối tượng nhằm nhấn mạnh, gây cười  + Nói khoác: Bịa đặt, dựng chuyện “từ không thành có”, cố làm cho người khác tin.  **Bài tập 3**  a. Đừng trêu tớ nữa, bài kiểm tra toán vừa rồi tớ được có 4 điểm, tớ đang buồn nẫu ruột đây.  b. Nghe tin bà mất, tôi rụng rời chân tay.  c. Ngồi nghe thầy kể chuyện, chúng tôi được một trận cười vỡ bụng.  d. Mới chạy được một đoạn đường ngắn mà tôi thấy mệt đứt hơi. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV tổ chức trò chơi* ***AI NHANH HƠN NÀO?***

***Sửa các câu dưới đây thành câu sử dụng biện pháp tu từ nói quá***

*(1), Anh ấy chạy rất nhanh.*

*(2), Trăng đêm nay thật sáng.*

*(3), Trời nóng quá, khiến người khác cảm thấy thật khó chịu.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*-----------------------------------------------------------*

**Ngày dạy:.....................................**

**TIẾT 80:**

**CON HỔ CÓ NGHĨA**

*Vũ Trinh*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nắm được nội dung bài học và những tri thức cơ bản về văn bản, tiếng Việt phục vụ bài học.

-  Định hướng cho HS những giá trị nhân văn được tác giả khẳng định trong VB.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Con hổ có nghĩa.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Con hổ có nghĩa.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

GV dẫn 2 cầu tục ngữ

1. Uống nước nhớ nguồn
2. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

**Hai câu tục ngữ trên có điểm chung gì về chủ đề?**

- **Chủ đề:** sự biết ơn, sống có tình, có nghĩa…

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Như chúng ta đã biết dân tộc Việt Nam chúng tatừ xưa đến nay luôn có những phẩm chất, truyền thống quý báu: sống trọn tình, trọn nghĩa, luôn yêu thương, giúp đỡ nhau và đặc biệt là những người gặp hoạn nạn…. Chính vì vậy, bên cạnh văn học dân gian, văn học viết cũng luôn khai thác vấn đề này. Và trong đó có văn bản “Con hổ có nghĩa” là tiêu biểu nhất. Trong buổi học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu văn bản này.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  + Theo em, chúng ta nên đọc văn bản với giọng như thế nào?  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả Vũ Trinh  - Hoàn thiện phiếu học tập.  - Học sinh thảo luận theo bàn và hoàn thiện phiếu học tập  - Thời gian: 5 phút  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  - Gọi 2 học sinh (mỗi học sinh đọc 1 câu chuyện)  - **Giọng đọc:** to, rõ ràng, dứt khoát, tách bạch từng câu  **b. Chú thích**  **- Bà đỡ:** người phụ nữ làm nghề đỡ đẻ  **- Lạng:** đơn vị đo khối lượng thời xưa, xấp xỉ bằng 37,8 g  **- Tiều phu:** người làm nghề đốn củi  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Vũ Trinh (1759 - 1828)  - Quê: Bắc Ninh  - Xuất thân trong một gia đình khoa bảng, từ nhỏ nổi tiếng là thần đồng sách  - Sáng tác cả thơ và văn xuôi  - Sáng tác tiêu biểu: Cung oán thi tập, Sử Yên thi tập, Lan Trì kiến văn lục…  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Truyện truyền kì  **- Xuất xứ:** Là truyện thứ 8 trong 45 truyện ngắn viết bằng chữ Hán trong Lan trì kiến văn lục  **- Nhân vật trung tâm:** Con hổ, bà đỡ Tần, bác tiều phu  **- Bố cục:** 2 phần  **- Tóm tắt:**  + Câu chuyện thứ nhất: Hổ cái đau đẻ, hổ đực đi tìm bà đỡ Trần ở huyện Đông Triều. Bà đỡ đã cho hổ cái uống thuốc, xoa bóp bụng và giúp hổ đẻ được. Hổ đực mừng rỡ và đền ơn bà một cục bạc.  Câu chuyện thứ hai: Bác tiều phu ở huyện Lạng Giang đang bổ củi ở sườn núi thấy một con hổ bị hóc xương bèn giúp hổ lấy xương ra. Để tạ ơn, hổ đền ơn bác cả khi sống và khi chết. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được, hiểu được những câu chuyện của bác tiều phu và bà đỡ Trần khi giúp đỡ con hổ gặp nạn, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm mà tác giả gửi

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: *Tìm hiểu văn bản***  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 2 nhóm  + Nhóm 1: PHT số 2 (câu chuyện Bà đỡ Trần giúp hổ sinh con)  + Nhóm 2 :PHT số 3 (câu chuyện bác tiều phu giúp hổ mắc xương)  - Yêu cầu: hoàn thiện phiếu học tập và cử đại diện 1 bạn báo cáo, thuyết trình trước lớp  - Thời gian: thảo luận nhóm 10 phút, báo cáo 3 phút  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, mở rộng kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Câu chuyện bà đỡ Trần giúp hổ sinh con**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Con hổ** | **Bà đỡ Trần** | | **Hoàn cảnh** | - Con hổ cái đang trong cơn đau đẻ -> đi tìm người đỡ đẻ  - Tình huống khẩn cấp và nguy hiểm | - Bà đỡ Trần là bà đỡ duy nhất ở huyện Đông Triều.  - Nghe tiếng gõ cửa -> mở cửa -> bị con hổ chồm tới cõng bà đi  - Hoàn cảnh nguy hiểm, tình huống bất ngờ.  - Bà vô cùng sợ hãi, sợ hổ ăn thịt mình. | | **Hành động** | - Chỉ dẫn bà nhìn hổ cái và chảy nướcmắt  - Đùa giỡn với con  - Đến bên, quỳ xuống, nhìn bà và đưa ra một khối bạc.  - Ra hiệu đưa bà trở về  - Quỳ xuống, cúi đầu quẫy đuôi tiễn biệt và gầm lớn một tiếng | - Thấy gì đó động đậy trong bụng -> đoán sắp đẻ  -> lấy thuốc kích đẻ hòa vào nước suối cho hổ uống  - Xoa bóp bụng cho hổ cái  - Nhận bạc và buộc vào thắt lưng  - “Xin chúa sơn lâm hãy quay về” | | **Kết quả** | - Hổ cái sinh con thành công | - Đỡ đẻ thành công cho hổ cái  - Được trả ơn bằng một khối bạc -> cứu sống bà (mất mùa) | | **Ý nghĩa** | - Là con vật có tình với người thân, có nghĩa với ân nhân | - Dũng cảm, biết vượt qua nỗi sợ để giúp đỡ người khác  - Có kinh nghiệm làm việc và tình thương với con vật. | | **Nghệ thuật** | - Nhân hóa (con vật có hành động, tính cách, suy nghĩ như con người)  - Hình ảnh con vật rõ nét, sinh động | - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật  - Nhân vật sinh động, có hồn, thể hiện rõ tính cách, phẩm chất của nhân vật |   **2. Câu chuyện bác tiều phu giúp hổ mắc xương**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Con hổ** | **Bác tiều phu** | | **Hoàn cảnh** | **-** Bị hóc xương, đau đớn, vật vã, nhảy lên vật xuống, máu chảy lênh láng, nhớt dãi trào ra vì lấy chân móc họng.  - Tính mạng đang gặp nguy hiểm | **-** Đang kiếm củi ở chân núi -> thấy ngọn núi lay động không ngớt -> vác búa đến xem -> thấy con hổ đang cào đất…. | | **Hành động** | - Cào đất, nhảy lên nhảy xuống, lấy chân móc họng…  - Nằm phục xuống, há miệng cầu cứu  - Hổ liếm mép, nhìn rõ khuôn mặt bác tiều rồi bỏ đi | - Nhận ra sự việc: Uống rượu để lấy can đảm.  - Nói to “Đừng cắn ta…”  - Trèo xuống, lấy khúc xương ra khỏi cổ con hổ  - Hô lớn: “Có miếng ngon thì nhớ nhau nhé” | | **Kết quả** | - Con hổ được cứu  - Trả ơn bác tiều bằng một con hươu  - Lúc bác tiều mất: hổ xuất hiện trước mộ, năm nào đến ngày giỗ cũng đem hươu, lợn đến. | - Cứu được con hổ thoát khỏi cái chết  - Được hổ trả ơn từ lúc còn sống -> mất | | **Ý nghĩa** | - Tình cảm vững bền, khắc cốt ghi tâm ơn nghĩa của ân nhân với mình.. | - Bác tiều phu dũng cảm, có lòng thương loài vật. Sẵn sàng cứu giúp hổ dù biết sự nguy hiểm. | | **Nghệ thuật** | - Nhân hóa, con hổ biết lắng nghe, có tình cảm như con người | - Đối thoại với con hổ  - Miêu tả tâm lí nhân vật  - Tên gọi “bác tiều phu” -> người hiền lành, hay giúp đỡ người hoạn nạn | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV đặt câu hỏi:**  + Nêu nhận xét về cách đền ơn của hai con hổ ?  + Hoàn thành cây cảm xúc, bài học rút ra sau khi học xong văn bản.  (GV cho học sinh ghi ra giấy, rồi dán vào cây)    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.  GV hỏi mở rộng bài học qua trò chơi CÙNG LÍ GIẢI.  1. Hãy nhận xét về tiếng gầm của hai con hổ ở phần cuối mỗi câu chuyện.  - Điểm chung: đều là ngôn ngữ, âm thanh của con hổ  - Điểm khác biệt:  + Con hổ thứ nhất: “gầm lớn” -> lời chào ân nhân đang ở khoảng cách xa.  + Con hổ thứ hai: “gầm gừ, gào lớn” -> gầm gừ như tâm sự, gào lớn khi biết ân nhân đã ra đi  2. Việc tác giả ghép hai câu chuyện vào nhau trong cùng một văn bản có ý nghĩa gì? Theo em, nếu bớt đi một câu chuyện, ý nghĩa của văn bản có thể bị ảnh hưởng như thế nào?  -> Vì hai câu chuyện có nhiều điểm tương đồng: con hổ gặp nạn – con người giúp – con hổ trả ơn  - Nếu bớt đi 1 câu chuyện sẽ giảm đi sức thuyết phục, khó truyền tải đạo lí, bài học | **2. Bài học rút ra**  - Con hổ thứ nhất : đền ơn một lần  - Con hổ thứ hai : đền ơn mãi mãi  **-> BÀI HỌC VỀ CÁCH “NHẬN” VÀ “TRẢ” ƠN KHI ĐƯỢC GIÚP ĐỠ**  **+** Phải biết tri ân, đền đáp những người giúp đỡ mình, làm những điều tốt đẹp cho mình với sự chân thành sâu sắc  + Hãy luôn dũng cảm, vượt qua nỗi sợ hãi để sẵn sàng cứu giúp người khác trong những hoàn cảnh khó khăn, nguy cấp.  + Tình yêu thương muôn loài chính là tình cảm to lớn, bền vững, giúp thế giới trở nên tốt đẹp hơn. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể loại truyện trung đại với cốt truyện đơn giản  - Mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người.  - Sử dụng biện pháp nghệ thuật: nhân hóa, miêu tả tâm lí nhân vật…  **2. Nội dung**  Mượn câu chuyện “con hổ có nghĩa”, tác giả muốn mang đến bài học, khuyên con người đề cao chữ “nghĩa” và biết tôn trọng ân nghĩa. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV chiếu một hình ảnh liên quan đến bài học và đặt câu hỏi:*

**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

***GV yêu cầu hs:*** *Viết một đoạn văn ngắn từ 10-12 câu nêu bài học em rút ra sau khi học xong văn bản “Con hổ có nghĩa”*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**-------------------------------------------------**

**Ngày dạy:.............................................**

**Tiết 81, 82, 83:**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**TRONG ĐỜI SỐNG (TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết, đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

- HS chọn dược vấn đề đời sống có những quan niệm khác nhau, thể hiện rõ ràng, dứt khoát ý kiến tàn thành của bản thân trước một quan niệm rất đáng được bàn luận.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

***- GV tổ chức trò chơi: “XÂY DỰNG NÔNG TRẠI”***

1. Tìm câu thành ngữ nói về hành động của 2 con hổ sau khi được giúp đỡ trong văn bản “Con hổ có nghĩa”

**🡪 Đền ơn đáp nghĩa**

2. Tên gọi kiểu văn bản thể hiện ý kiến, nhận xét, đánh giá về các sự việc trong đời sống?

**🡪 Nghị luận (về một sự việc, hiện tượng trong đời sống)**

3. Khi ý kiến của người khác trùng với suy nghĩ của em, em thể hiện thái độ gì?

**🡪 Tán thành**

4. Khi muốn bảo vệ một ý kiến, quan điểm của người khác em cần làm gì?

**🡪 Đưa ra lý lẽ, dẫn chứng để chứng minh ý kiến đó là đúng, thể hiện sự đồng tình**

5. Có mấy bước để làm một bài văn? Đó là những bước nào?

**🡪 Có 3 bước**

Bước 1: Trước khi viết

Bước 2: Viết bài

Bước 3: Chỉnh sửa bài

6. Đối với những việc làm sai trái em nên thể hiện thái độ gì?

**🡪 Phản đối, không đồng tình**

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trong chương trình Ngữ văn lớp 6, em đã được tìm hiểu và thực hành cách viết bái văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề). Trong phần Viết của bài học này, em sẽ tiếp tục được học cách viết một bài văn như thế, nhưng sẽ là trình bày ý kiến tán thành.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**

**a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Theo em, để viết được một bài văn **nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**, cần đảm bảo những yêu cầu gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)**  - Nêu được vấn đề và ý nghĩa bàn luận  - Trình bày được sự tán thành đối với những ý kiến được bàn luận  - Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành đó là có căn cứ |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo “Nêu ý kiến về vai trò của gđ và nhà trường đối với sự trưởng thành của mỗi người”.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động CẶP ĐÔI CHIA SẺ  **+ YÊU CẦU: hoàn thiện phiếu học tập theo cặp đôi**  + **THỜI GIAN: 5 phút**   |  |  | | --- | --- | | 1. Vấn đề cô giáo đưa ra để nghị luận là gì? |  | | 2. Người viết đồng tình với ý kiến nào, của ai? |  | | 3. Người viết đã đưa ra những lý lẽ gì để bảo vệ, thể hiện sự đồng tình với ý kiến đó? |  | | 4. Người viết đã đưa ra những dẫn chứng gì để chứng minh cho ý kiến mình tán thành? |  | | 5. Người viết kết thúc vấn đề như thế nào? |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**   |  |  | | --- | --- | | 1. | “Nêu ý kiến về vai trò của gđ và nhà trường đối với sự trưởng thành của mỗi người” | | 2. | Đồng ý với ý kiến của bạn Hồng Minh: “Gia đình cũng là trường học” | | 3. | Cha mẹ, ông bà không chỉ nuôi nấng, mà còn dạy bảo …tự nhiên mà thấm thía.  -> Vai trò của thành viên trong gia đình | | 4. | -> Câu chuyện của bản thân: Tôi nhớ, lần tôi mới vào lớp 4… tôi vẫn thấy xấu hổ | | 5. | Khẳng định lại sự tán thành của mình. | |

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

- Biết cách đưa ra lý lẽ, dẫn chứng.

- Sử dụng ngôi thứ nhất.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, để viết tốt 1 bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (bày tỏ ý kiến tán thành), gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức  GV chiếu mẫu dàn ý cho đề bài: Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí? để học sinh tham khảo.  **Mở bài:** Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí?  **Thân bài:** Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề  Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:  + Ý 1: Khẳng định vai trò của người thầy trong học tập, rèn luyện (thầy cô giáo là người “lái đò”, mở cánh cửa tri thức…)  + Ý 2: Khẳng định bên cạnh việc học từ thầy cô còn cần học từ bạn bè (làm phong phú hiểu biết, dễ chia sẻ, đồng cảm hơn…).  + ý 3: Khẳng định hai câu tục ngữ nghe qua thì thấy mâu thuẫn, đối ngược nhau, nhưng thực chất lại bổ sung, làm phong phú cho nhau…  +……  **Kết bài:** Khẳng định vai trò quan trọng của người thầy trong việc học. Song việc học cần có sự chủ động, vừa học tập từ thầy cô vừa học hỏi từ bạn bè. | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  ***Gợi ý một số đề tài***  *1) Thành công và thất bại, mặt nào mới là trải nghiệm bổ ích giúp con người tiến bộ?*  *2) “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy chẳng tày học bạn”, câu nào là chân lí?*  *3) Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?*  *4) Đồ dùng bằng nhựa, tiện tích và tác hại.*  **b. Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | Vấn đề được đưa ra bàn luận là gì? |  | | Vấn đề đó gợi ra những cách hiểu nào?  (Có những cách hiểu nào về vấn đề này?) |  | | Ý kiến nào là đáng quan tâm nhất?  (Em đồng tình với ý kiến nào?) |  | | Vì sao em bày tỏ thái độ tán thành? |  | | Em sẽ đưa ra những lý lẽ nào để bảo vệ cho ý kiến đó? |  | | Em sẽ đưa ra những dẫn chứng gì để chứng minh sự đúng đắn của ý kiến em tán thành |  | | Em sẽ kết thúc bài viết như thế nào? |  |   **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài:** nếu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.  **- Thân bài:**  + Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận:  + Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:   * Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) * Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) * Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng).   **- Kết bài:** khẳng định tính chính xác của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.  **2. Viết bài**  - Nhất quán về ngôi kể/ đại từ xưng hô.  - Triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý.  - Nắm vững cách viết của từng phần.  **- Mở bài:** nếu vấn đề đời sống cần bàn theo cách trực tiếp hay kể lại một câu chuyện để dẫn đến một vấn đề. Mở bài cần ngắn gọn, hấp dẫn  **- Thân bài:**  + Làm rõ khía cạnh cơ bản của vấn đề  + Khẳng định rõ ràng, dứt khoát thái độ tán thành ý kiến  + Tuần tự kiểm tra từng ý, sử dụng lí lẽ và huy động bằng chứng để sự tán thành ý kiến có sức thuyết phục. Mỗi ý cần viết thành đoạn văn hoàn chỉnh, giữa các đoạn có liên kết chặt chẽ với nhau.  **- Kết bài:** khẳng định lại sự tán thành ý kiến đó, nêu tác dụng của ý kiến đó đối với cuộc sống. Phần kết bài nên viết trọn vẹn trong 1 đoạn văn.  **3. Chỉnh sửa bản tường trình**  Đọc, rà soát các phần, các đoạn của bài viết để chỉnh sửa theo yêu cầu của bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) theo bảng hướng dẫn sau: |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **:** Nêu vấn đề đời sống cần bàn luận: “Không thầy đố mày làm nên” và “Học thầy không tày học bạn”, câu nào là chân lí?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bài tham khảo**

Trong dân gian, thường tồn tại những câu tục ngữ nghe qua thì có vẻ đối ngược nhau, nhưng thực ra là đang bổ sung cho nhau để hoàn thiện hơn về nội dung. Hai câu tục ngữ Không thầy đố mày làm nên và Học thầy không tày học bạn là trường hợp như vậy.

Câu tục ngữ thứ nhất khẳng định tầm quan trọng của người thầy với sự thành công của mỗi con người. Từ “đố” đã góp phần khiến hình ảnh người thầy thêm cao lớn, trọng vọng. Bởi nếu thiếu đi thầy cô thì khó mà chúng ta công dành danh toại được. Ngược lại, câu tục ngữ thứ hai lại đề cao việc học từ bạn bè hơn cả thầy cô. Từ so sánh “không tày” đã đặt nặng cán cân về phía bạn học. Và vô tình có phần “xem nhẹ” việc học từ thầy cô. Tuy nhiên, cả hai câu tục ngữ này đều không sai. Mỗi câu đều đúng ở trong chính khía cạnh của mình. Khi đứng cạnh nhau, chúng bổ sung những điều còn thiếu cho nhau và từ đó giúp chúng ta hoàn thiện hơn trên con đường học tập.

Trong cuộc sống chính là vậy. Người thầy người cô dạy dỗ chúng ta tận tụy những kiến thức bổ ích ở lớp. Giải đáp cho ta những thắc mắc, nghi hoặc, gỡ rối và chỉ đường cho ta khi gặp những phân vân. Nhưng thầy cô không thể lúc nào cũng ở bên cạnh ta được, và cũng có những điều mà chúng ta thật khó để dãi bày cùng họ. Lúc này, chúng ta cần đến những người bạn. Việc có người bạn cùng lứa tuổi và thân thiết, có cùng cách hiểu, cách trình bày sẽ giúp chúng ta dễ đưa ra câu hỏi hơn. Việc nhờ bạn chỉ bài trong những lúc cấp thiết đôi khi sẽ tiện hơn là chúng ta chờ đến lớp để hỏi thầy. Đồng thời, có những điều mà chúng ta chỉ có thể học từ bạn, chứ không thể từ thầy cô. Tựa như cách chơi một môn thể thao, cách gấp hạc giấy, các đi xe đạp… Những lúc ấy, bạn bè chính là người thầy tuyệt vời nhất của ta.

Từ đó, chúng ta hiểu được rằng, trên con đường học tập kia, việc học từ thầy cô là quan trọng, nhưng việc học từ bạn bè cũng quan trọng không kém. Chúng ta cần phải biết cân bằng và phối hợp giữa hai cách học này để đem lại những hiệu quả tốt nhất

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

---------------------------------------------

**Ngày dạy:...........................................**

**TIẾT 84:**

**NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

-  Với tư cách là người nói, HS chọn được truyện ngụ ngôn chứa đựng bài học về cuộc sống, kể lại được một cách sinh động, khiến người nghe cảm thấy câu chuyện có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thấm thía.

-  Với tư cách là người nghe, HS hiểu được bài học về đạo lí và kinh nghiệm sống từ câu chuyện và có sự tương tác linh hoạt với người kể.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập trao đổi về một vấn đề đời sống gợi ra từ tác phẩm văn học đã học.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

-   HS tham gia tích cực vào nội dung bài học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi* ***“NHÌN HÌNH ĐOÁN TRUYỆN”***

*+ Ếch ngồi đáy giếng*

*+ Ôm cây đợi thỏ*

*+ Thầy bói xem voi*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *Ở những tiết học đầu tiên của chủ đề, chúng ta đã được học, được đọc rất nhiều truyện ngụ ngôn khác nhau. Hẳn là nhiều tuyện đã đưa lại cho các em nhiều ấn tượng sâu sắc vì bài học rút ra từ đó rất gần gũi, thiết thực. Trong buổi học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi* ***Kể lại một truyện ngụ ngôn***, *nêu ý nghĩa của câu chuyện và chia sẻ cảm xúc của mình nhé.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:**  HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Để thực hiện tốt bài kể về một truyện ngụ ngôn, em cần chuẩn bị những gì cho bước trước khi nói?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị**  - Chọn được truyện ngụ ngôn mà mình yêu thích.  - Nắm được cốt truyện, tóm lược nội dung truyện theo một trật tự đơn giản, dễ hiểu.  - Lưu ý những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ diễn đạt đặc sắc, giàu ý nghĩa.  - Có thể sáng tạo thêm những cách diễn đạt thú vị để tăng sức hấp dẫn nhưng không làm sai lệnh những yếu tố cơ bản của cốt truyện gốc.  ***Ví dụ: “Thầy bói xem voi”***  - Chuyện kể về năm ông thầy bói cùng nhau xem voi, nhưng mỗi người chỉ sờ được một bộ phận của voi rồi cùng nhau tranh cãi.  - Người bảo voi như con đỉa, người bảo voi như cái đòn càn, người bảo voi như cái quạt thóc, người bảo voi như cột đình, người bảo voi như cái chổi sể…  - Không ai chịu ai, các thầy xông vào đánh nhau chảy máu.  - Từ câu chuyện này mà trong dân gian xuất hiện câu thành ngữ: “Thầy bói xem voi” để phê phán những người nhận thức phiến diện thiếu tổng thể.  **2. Luyện tập**  - Kể lại truyện trước các bạn trong nhóm, Chú ý bài học được thể hiện qua câu chuyện.  - Luyện kể bằng ngữ điệu truyền cảm.  - Tập kết hợp lời kể với ngôn ngữ cơ thể. |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: ***“*** ***Kể lại một truyện ngụ ngôn mà em yêu thích”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  - Lời chào, nụ cười thiện cảm  - Tạo không khí thoải mái, thu hút sự chú ý của người nghe trước khi kể  - Dẫn vào câu chuyện một cách đơn giản, linh hoạt  ***Ví dụ:*** Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường. ........ Hôm nay, tôi sẽ chia sẻ với các bạn và cô giáo về một câu chuyện ngụ ngôn mà tôi rất tâm đắc. Tôi nghĩ là qua câu chuyện, chúng ta có thể học hỏi được nhiều điều hay và nhiều bài học bổ ích. Đó là câu chuyện “Thầy bói xem voi”. Các bạn và cô giáo cùng lắng nghe nhé!  **2. Triển khai**  - Kể nội dung câu chuyện bằng lời kể sinh động  - Luôn tương tác với người nghe một cách tự nhiên (bằng lời nói, ánh mắt, cử chỉ,…)  - Có thể sáng tạo trong khi kể (không phải đọc thuộc lòng) để tạo sự lôi cuốn, nhưng không được làm sai lệch nội dung cơ bản của câu chuyện.  **3. Kết luận:**  - Nêu tóm lược câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện  **-** Lời cảm ơn  **Ví dụ: Kể lại truyện ngụ ngôn “Thầy bói xem voi”**  Câu chuyện ấy vừa tạo nên tiếng cười giải trí, lại giúp chúng ta rút ra bài học ý nghĩa cho bản thân. Rằng phải biết nhìn nhận mọi chuyện một cách toàn diện và đa chiều. Rằng không được bảo thủ, phải biết lắng nghe những đóng góp, ý kiến từ xung quanh mình...….Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm. |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như:  + Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày.  + Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi.  + Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.  **Người nói**  Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ.  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**- GV tổ chức hoạt động *CÙNG THỂ HIỆN TÀI NĂNG*** “***Kể lại một truyện ngụ ngôn mà em yêu thích”***

- Hình thức: chia làm 4 nhóm, mỗi nhóm chọn 1 câu chuyện ngụ ngôn và thảo luận, hoàn thiện, cử đại diện 1 bạn trong nhóm nên trình bày trước lớp.

- Thời gian: thảo luận (5 phút), trình bày (3 phút)

- Lưu ý: không chọn trùng câu chuyện với các nhóm

**Bài nói tham khảo**

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường. ........ Hôm nay, tôi sẽ chia sẻ với các bạn và cô giáo về một câu chuyện ngụ ngôn mà tôi rất tâm đắc. Tôi nghĩ là qua câu chuyện, chúng ta có thể học hỏi được nhiều điều hay và nhiều bài học bổ ích. Đó là câu chuyện “Thầy bói xem voi”. Các bạn và cô giáo cùng lắng nghe nhé! Ngày xửa ngày xưa, tại một làng nọ, có tới năm ông thầy bói cùng hành nghề. Thầy thì đông, người xem thì ít nên thầy chẳng mấy khi bận rộn.

       Một hôm nhân buổi hàng họ ế ẩm, các thầy rủ nhau về sớm. Đi đường thầy nào cũng phàn nàn, từ lúc cha sinh mẹ đẻ đến giờ chưa biết hình thù con voi nó thế nào. Về tới gốc đa đầu làng, đang ngồi tán gẫu, bỗng các thầy nghe người đi chợ về kháo nhau có con voi đi qua. Băn khoăn một lúc, các thầy bàn nhau góp tiền chi viên quản tượng để được một lần xem con voi nó thế nào.

       Khi voi đứng lại, năm thầy đều tiến lại gần. Thầy thì sờ vòi, thầy thì sờ ngà, thầy lại sờ chân, thầy lại sờ đuôi. Được một lúc, năm thầy ngồi lại bàn tán với nhau.

       Thầy sờ vòi nhanh nhảu nói trước :

- Ôi giời ! Tưởng con voi nó thế nào, hóa ra nó sun sun như con đỉa.

- Thầy nói sai bét rồi, thầy sờ ngà lên tiếng.

- Nó chần chẫn như cái đòn càn

Thầy sờ tai đứng ngay cạnh vội tiếp lời.

- Các thầy nói thế nào ấy chứ, tôi thấy nó bè bè như cái quạt thóc.

- Các thầy nói đều không đúng cả! - Thầy sờ chân đứng chống gậy vuốt râu.

- Tôi thấy nó sùng sững như cái cột đình.

- Thôi các thầy đừng cãi nhau nữa! - Thầy sờ đuôi vội can.

- Thực tế nó tun tủn như cái chổi sể cùn.

       Mỗi thầy một ý chẳng thầy nào dám vác mặt ra ngoài chợ, đi đâu các thầy cũng bị ngưởi ta chế giễu : Đến đánh giá một con vật còn không đúng thì bói toán ai dám tin. Thế là từ đó dân gian mới có thành ngữ "thầy bói xem voi" để chỉ những kẻ xem xét sự vật hiện tượng nhưng chỉ nhìn từ một phía mà thôi.

Câu chuyện ấy vừa tạo nên tiếng cười giải trí, lại giúp chúng ta rút ra bài học ý nghĩa cho bản thân. Rằng phải biết nhìn nhận mọi chuyện một cách toàn diện và đa chiều. Rằng không được bảo thủ, phải biết lắng nghe những đóng góp, ý kiến từ xung quanh mình...….Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

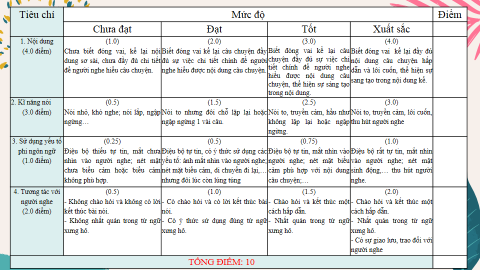
**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV áp dụng “****kĩ thuật 3 lần 3****” giúp HS đánh giá, nhận xét bài nói của nhóm bạn* ***(3 điểm tốt, 3 điểm chưa tốt, 3 đề nghị cải tiến)*** *và chấm điểm theo bảng đánh giá bài nói theo mẫu sau:*

**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

KÍ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

Ngày … tháng….năm

TTCM

NGUYỄN DUY TUYẾN

**Ngày soạn:.................................**

**BÀI 7: THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG**

**Ngày dạy:.................................**

**TIẾT 85:**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

- Nêu một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian, tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nêu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

- Thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến trước khi thảo luận.

- Khát vọng và ước mơ, có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

**b. Năng lực riêng:**

- Đọc-hiểu văn bản thuộc thể loại văn học khoa học viễn tưởng.

- Nhận diện thể loại, những yếu tố của thể loại: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian, tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**2. Phẩm chất:**

- Hình thành và phát triển ở HS: khả năng khám phá, tìm hiểu những điều mới lạ về ngành công nghệ

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

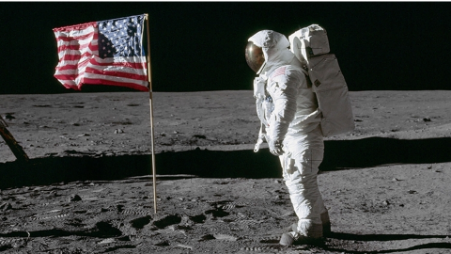
**b. Tổ chức thực hiện: a**

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra hình ảnh và đặt câu hỏi dẫn vào bài: ***Hãy quan sát những bức hình sau và cho biết những bức hình đó nhắc đến một lĩnh vực khoa học nào hiện nay***



- HS thực hiện nhiệm vụ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *……*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi:  + Chủ đề của bài học là gì?  + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?  + Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: Thế giới viễn tưởng  -> Thế giới viễn tưởng thể hiện trí tưởng tượng phong phú, không có giới hạn của con người. Những câu chuyện khoa học viễn tưởng chính là cầu nối giữa hai bờ hiện thực và tưởng tượng.  - **Thể loại chính**: Truyện khoa học viễn tưởng, văn bản thông tin |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm, đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Tìm hiểu khái niệm truyện khoa học viễn tưởng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức trò chơi GIẢI MẬT THƯ (trò chơi cá nhân)  **Từ khóa**  **(1)** Thế giới tương lai  **(2)** Cách viết logic  **(3)** Công nghệ tương lai  **(4)** Tính chất li kì  **(5)** Khoa học dự đoán  **(6)** Trở thành sự thật  Truyện khoa học viễn tưởng là loại tác phẩm viết về ……………dựa trên dự phát triển của………………….., thường có…………… Truyện khoa học viễn tưởng sử dụng…………nhằm triển khai những ý tưởng về viễn cảnh hay …………… Vì có nền tảng là các nguyên lí khoa học mới của thời hiện đại nên có những giả tưởng trong truyện khoa học viễn tưởng có thể…………….  + Thời gian**: 5 phút**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận, tham gia trò chơi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức.  **Thao tác 2: Tìm hiểu một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn học sinh tìm hiểu về các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng  + Theo em, truyện khoa học viễn tưởng có nguồn gốc ở đâu?  + Truyện khoa học viễn tưởng thường viết về những đề tài gì?  + Nhận xét về không gian, thời gian trong truyện khoa học viễn tưởng.  + Cốt truyện của thể loại truyện khoa học viễn tưởng thường có những yếu tố gì?  + Nhân vật của truyện khoa học viễn tưởng là người như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận, suy nghĩ câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Khái niệm truyện khoa học viễn tưởng**  Truyện khoa học viễn tưởng là loại tác phẩm viết về thế giới tương lai dựa trên dự phát triển của khoa học dự đoán, thường có tính chất li kì. Truyện khoa học viễn tưởng sử dụng cách viết loogic nhằm triển khai những ý tưởng về viễn cảnh hay công nghệ tương lai. Vì có nền tảng là các nguyên lí khoa học mới của thời hiện đại nên có những giả tưởng trong truyện khoa học viễn tưởng có thể trở thành sự thật.  - Ví dụ về một số truyện khoa học viễn tưởng nổi tiếng:  1. Ubik – Tác giả Philip K. Dick  2. Dune – Tác giả Frank Herbert  3. Labyrinths – Tác giả Jorge Luis Borges  4. Fahrenheit 451 – Tác giả Ray Bradbury  5. Neuromancer-Tác giả William Gibson  **2. Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng.**  **a) Nguồn gốc xuất xứ**  - Truyện xuất hiện đầu tiên **ở Pháp vào khoảng nửa sau thế kỉ XIX**, sau đó nhanh chóng lan rộng ra các nước như Mỹ, Anh, Canada, Nga và phổ biến trên toàn thế giới.  - **Ở Việt Nam** những người đặt nền móng đầu tiên: Phan Hồn Nhiên, Hà Thủy Nguyên, Nam Thanh…  **b) Đề tài**  - Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường là những cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian, những cuộc kết nối với sự sống ngoài Trái Đất…  **-** Tất cả những hoạt động được thực hiện dựa trên cơ sở những phát triển khoa học đặc biệt trong tương lai, liên quan đến bước tiến nhảy vọt của:  + Công nghệ thông tin  + Công nghệ sinh học  + Khoa học vũ trụ  **c) Không gian, thời gian**  **- Không gian:** Là không gian Trái Đất hoặc ngoài Trái Đất.  + Không gian Trái Đất: mặt đất, tâm địa cầu, dưới đại dương…  + Không gian ngoài Trái Đất: hành tinh hệ mặt trời, thiên hà…  - **Thời gian** diễn ra câu chuyện viễn tưởng thường là thời gian trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm.  **d) Cốt truyện**  - Cốt truyện trong truyện khoa học viễn tưởng là **một chuỗi tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng**, dựa trên những giả thuyết, dự báo và quan niệm khoa học.  **VD: Hai vạn dặm dưới đáy biển**  Câu chuyện kể về cuộc phiêu lưu của thuyền trưởng Nê- mô trên tàu Nau-ti-Lux. Con tàu đã đưa thuyền trưởng cùng giáo sư A-rô-rắc, anh thợ việc Công- xây và Nét- len…đi vòng quanh các đại Dương, chứng kiến bao điều mới lạ, kì thú…  **e) Nhân vật**  - Nhân vật chính thường có sức mạnh thể chất phi thường do những tác động của các nhân tố khoa học nào đó, có cấu tạo hoặc khả năng kì lạ, có trí thông minh kiệt xuất để tạo ra những phát minh. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV giao nhiệm vụ: so sánh truyện kì ảo và truyện khoa học viễn tưởng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***So sánh*** | ***Truyện kì ảo*** | ***Truyện khoa học viễn tưởng*** |
| ***Giống nhau*** | *Đều là những truyện tưởng tưởng, hư cấu* | |
| ***Khác nhau*** | *- Là loại hư cấu bậc cao*  *- Các sự kiện trong truyện kì ảo không thể thực sự xảy ra, mà dường như là do phép thuật.* | *- Được xây dựng trên nền tảng khoa học.*  *- Dù thế giới trong truyện có kì ảo đến đâu vẫn luôn có sự nối kết với thế giới thực.*  *-> Truyện giải thích các sự kiện một cách khoa học* |

***- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.***

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV giao nhiệm vụ: Hãy sưu tầm những văn bản thuộc chủ đề truyện khoa học viễn tưởng.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**Ngày dạy:...............................................**

**TIẾT 86:**

**CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG**

*- Giuyn Véc-nơ -*

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- HS nêu được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện ngôi thứ nhất là một nhà khoa học. Điều này khiến những điều người kể chuyện trình bày vừa hấp dẫn vừa đáng tin cậy.

- Nêu được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài (phát triển khoa học trong tương lai), tình huống (li kì, gay cấn), không gian (đại dương và đáy đại dương).

- HS nắm được lối viết lô-gic mang tính đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng. Đặc điểm này được thể hiện thông qua cách trình bày và dẫn dắt các sự kiện của người kể chuyện.

- HS hiểu được rằng ý tưởng phát minh dù kì lạ, thậm chí đôi khi “không tưởng”, vẫn luôn được nảy sinh trên cơ sở hiện thực.

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*Cuộc chạm trán trên đại dương*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cuộc chạm trán trên đại dương.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**2. Phẩm chất:**

-  HS biết khát vọng và ước mơ, có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

GV đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài: ***Nếu là nhà khoa học, em sẽ chế tạo....?***

* ******

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Đó đều là những thành tựu của ngành khoa học.**Có bao giờ các em nhắm mắt tưởng tượng về một thế giới khác xa so với Trái đất – nơi chúng ta sinh sống chưa? Đó chắc chắn là những thế giới hấp dẫn với muôn vàn những điều lí thú và kì lạ. Đến với bài học đầu tiên của chủ đề****Thế giới viễn tưởng****ngày hôm nay, cô cùng các em sẽ cùng đi tìm hiểu và chiêm ngưỡng một thế giới vô cùng thú vị trong văn bản****Cuộc chạm trán trên đại dương****.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HStìm hiểu các yếu tố:  + Tác giả **Giuyn Véc-nơ (**năm sinh, quê quán, thể loại sáng tác, một số tác phẩm tiêu biểu…)  + Tác phẩm, đoạn trích “**CUỘC CHẠM TRÁN TRÊN ĐẠI DƯƠNG” (**thể loại, đề tài, xuất xứ, ngôi kể, PTBĐ, nhân vật, bố cục, tóm tắt…)    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  - 3 học sinh đọc thay phiên nhau  - Đọc lưu loát, rành mạch, ngắt nghỉ đúng.  - Giọng đọc li kỳ, gay cấn, chú ý lời đối thoại giữa các nhân vật.  **b. Chú thích**  **- Hải lí:** đơn vị do độ dài trên mặt biển, một hải lí = 1,852km  **- Cá thiết kình:** còn gọi là cá một sừng, dài tới 18m, có một sừng lớn  **- Chân vịt:** bộ phận máy của tàu, thuyền, có cánh quạt quay dưới nước để tạo sức đẩy  **- Sải:** khoảng cách từ đầu bàn tay này đến đầu bàn tay kia khi dang thằng cánh tay.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **- Giuyn Véc-nơ (1828 – 1905)**  - **Quê**: sinh ra tại thành phố Nantes, Pháp  - Ông sáng tác nhiều thể loại: kịch, thơ văn và được coi là “cha đẻ” của thể loại truyện khoa học viễn tưởng.  - **Một số tác phẩm tiêu biểu**: *Hành trình vào tâm Trái Đất, Hai vạn dặm dưới biển, Hòn đảo bí mật, Thuyền trưởng tuổi mười lăm…*  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Truyện khoa học viễn tưởng  **- Đề tài:** Viết về phát kiến khoa học công nghệ trong tương lai  **- Xuất xứ:** Trích tác phẩm Hai vạn dặm dưới biển (1986)  **- Ngôi kể:** ngôi thứ nhất  **- PTBĐ**: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  **- Nhân vật:**  + Pi-e A-rôn-nác: vị giáo sư- nhà sinh học biển  + Công-xây: anh thợ việc trung thành của giáo sư  + Nét Len: thợ săn cá voi của Canada  **- Bố cục: 3 phần**  **- Phần 1**: Từ đầu… nhưng nó vẫn phớt lờ.  -> Cuộc rượt đuổi con cá của chiếc tàu chiến.  **- Phần 2:** Tiếp theo …rơi xuống nước  -> Cuộc đọ sức giữa tàu chiến và con cá  **- Phần 3:** Đoạn còn lại  -> Phát hiện sự thật về con cá  **- Tóm tắt**  Đoàn thám hiểm khởi hành từ Brooklyn trên tàu Hải quân Hoa Kỳ Abraham Lincoln, đi vòng quanh Cape Horn và đi về phía nam đến Thái Bình Dương. Con tàu đụng độ con quái vật sau một thời gian dài tìm kiếm và tấn công nó. Ned ném một ngọn giáo vào con cá. Con quái vật quay lại và tấn công tàu Lincoln, làm hỏng bánh lái. Aronas rơi xuống biển, Conseil đã chủ động nhảy cùng chủ của mình. Cả hai nổi trên mặt nước, ngày hôm sau họ gặp Ned trên lưng một con cá. Bộ ba phát hiện ra rằng "con cá quái vật" là một chiếc tàu ngầm khác xa so với thời của nó. Họ nhanh chóng bị bắt và đưa vào bên trong con tàu, nơi họ gặp thuyền trưởng Nemo, người sáng tạo và chỉ huy bí ẩn. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được hình ảnh con cá thiết

- Phân tích được cuộc đọ sức giữa tàu chiến và con cá

- Phân tích được sự thật về con cá thiết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi tìm hiểu về sự xuất hiện của con cá thiết.**  + Con cá thiết xuất hiện trong hoàn cảnh nào?  + Ai là người đầu tiên phát hiện ra con cá thiết?  **GV chia nhóm hoàn thành PHT tìm hiểu về hình ảnh con cá thiết**  **Yêu cầu:** hoàn thiện phiếu học tập theo bàn  **Thời gian**: 10 phút    - GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS  + Qua lời của của vị giáo sư, hình ảnh của con cá thiết được thể hiện qua những từ ngữ, chi tiết nào?  + Qua đó, em có nhận xét gì về con cá thiết?  + Việc tác giả sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hoá khi miêu tả con cá thiết có tác dụng gì?  + Con cá thiết kình này có gì khác thường?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Hình ảnh con cá thiết**  **a. Sự xuất hiện**  **- Đoàn thuyền phát hiện con cá**  **- Thời gian:** xuất hiện 8 giờ sáng  **- Không gian:**  *+ Dải sương mù dày đặc*  *+ Chân trời mở rộng và sáng rõ*  + *Cách chiếc tàu hai hải lý*  **b. Hình ảnh con cá thiết**   |  |  | | --- | --- | | **Con cá thiết** | | | **Hình dáng** | - Không dài quá tám mươi mét.  - Chiều ngang hơi khó xác định  - Thân: rắn như đá, không mềm như cá voi.  - Lưng: Đen bóng, nhẵn thín, phẳng lì, không có vảy; được ghép lại bằng thép lá, gõ kêu bong bong.  - Cách thở: hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới 40m  - Tốc độ di chuyển: mười tám phẩy năm hải lý một giờ | | **Hành động** | - Quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt  - Lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. | | **Nhận xét** | - Nghệ thuật: so sánh, nhân hoá.  -> Miêu tả hình dáng đặc biệt của con cá.  -> Con cá này rất to lớn, lạ và khó xác định, có thể phát ra ánh điện | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV chia lớp thành 2 nhóm** hoàn thiện phiếu học tập  + Nhóm 1: cuộc rượt đuổi  + Nhóm 2: cuộc đọ sức  **Thời gian:** 10 phút    GV đặt câu hỏi gợi dẫn HS  + Hành trình rượt đuổi con cá của tàu chiến diễn ra trong thời gian và không gian như thế nào?  + Tìm những chi tiết miêu tả hành động của tàu chiến và cá thiết? Qua đó, em có nhận xét gì?  + Cuộc đọ sức giữa tàu chiến và con cá được thể hiện qua những chi tiết nào?  + Kết quả của cuộc đọ sức ra sao?  + Em có nhận xét như thế nào về trình tự miêu tả đó?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia nhóm hoàn thành PHT  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Cuộc đọ sức giữa tàu chiến và con cá**  **\* Cuộc rượt đuổi “con cá” của chiếc tàu chiến**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Tàu chiến** | **Con cá thiết** | | **Thời gian** | - Rạng đông. | | | **Không gian** | - Trên mặt biển, trên con tàu. | | | **Hành động** | - Lưới đánh cá xếp sẵn.  - Chuẩn bị súng. | - Không lộ rõ, khó xác định.  - Không có động tĩnh gì. | | **Nhận xét** | - Quyết đoán không do dự, dũng cảm | - Điềm tĩnh không sợ hãi |   **\* Cuộc đọ sức giữa tàu chiến và “con cá”**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Tàu chiến** | **Con cá thiết** | | **Thời gian** | - Trong suốt một giờ đồng hồ. | | | **Không gian** | - Mặt biển đêm bao la, rộng lớn. | | | **Diễn biến** | - Bắt đầu tiến về phía con cá nhưng chậm chạp.  - Net lên vị trí chiến đấu.  - Mũi lao chạm vào người con cá phát ra tiếng kêu khác thường. | - Con cá nằm yên. | | **Kết quả** | - Mọi người bị hất xuống biển. | - Con cá vẫn bơi như chưa hề có chuyện gì xảy ra. | | **Nhận xét** | - **Nghệ thuật:** miêu tả thành công hành động của nhân vật.  -> Phù hợp tâm lí thích khám phá và chinh phục thử thách của con người. | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV đặt câu hỏi:**  **+** Hình dáng bên ngoài của con cá như thế nào?  **+** Quá trình tư duy của giáo sư được thể hiện như thế nào?  **+** Qua đó, em nhận thấy được thái độ của vị giáo sư như thế nào?  **+** Theo em, tác giả đã sử dụng những nghệ thuật nào để nói về bí mật của con cá thiết?  + Chiếc tàu ngầm mang ý nghĩa gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.  **Câu 1.** Theo em, nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực nào?  🡪 Nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực:  - Tác phẩm Hai vạn dặm dưới đáy biển của Véc-nơ ra đời năm 1870.  - Khi đó, tàu ngầm đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai.  **Câu 2.** Nhan đề Hai vạn dặm dưới biển đã thể hiện ước mơ gì của Giuyn Véc-nơ và những người cùng thời với ông? Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hóa như thế nào?  - Nhan đề “Hai vạn dặm dưới biển” đã thể hiện ước mơ khám phá tận sâu dưới đáy biển - nơi còn nhiều bí ẩn của Giuyn Véc-nơ và những người cùng thời với ông.  - Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hóa: con người có thể lặn sâu xuống dưới biển, đã có những tàu ngầm, con người đã có nhiều hiểu biết về đại dương.  \* **KĨ NĂNG SỐNG:** Theo em, để vừa chinh phục đại dương vừa không làm ảnh hưởng đến môi trường biển, con người cần có ý thức bảo vệ môi trường biển, không xả các chất xả thải chưa qua xử lí xuống biển, đánh bắt các động vật một cách hợp lí. | **3. Sự thật về con cá thiết**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Sự thật về con cá thiết** | | | |  | **Thực nghiệm** | **Thu thập và xử lí thông tin** | | **Hình dáng bên ngoài** | Thon dài, cân đối, vỏ bằng thép. | | | **Quá trình tư duy** | - Khi nghe Net nói về việc mũi lao không đâm thủng da con cá.  -> Trèo trên lưng cá và gõ lên lưng cá. | - Dữ liệu quan sát: vật đó có cái lưng đen bóng, “nhẵn thín, phẳng lì” và “không có vảy”.  - Lắng nghe âm thanh và nhìn thấy mảnh thiết ghép. | | **Suy luận** | - Chưa dám khẳng định đó là vật gì, băn khoăn. | - Điều nghi ngại được loại bỏ ngay.  - Khẳng định đây không phải là con quái vật. | | **Nhận xét** | - Nghệ thuật: tình huống bất ngờ, li kì và miêu tả tâm lí nhân vật.  -> “Con cá” chính là chiếc tàu ngầm.  -> Hiện tượng kì diệu hơn, do bàn tay con người tạo ra. Ước mơ chinh phục đáy biển sâu của Giuyn Véc-nơ và những người đương thời. | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nhân hoá, so sánh sinh động, giàu hình ảnh.  - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  - Miêu tả tâm lí nhân vật.  **2. Nội dung**  - Kể về cuộc phiêu lưu đầy lí thú và hấp dẫn của các thuỷ thủ và vị giáo sư.  - Qua đó ca ngợi những chuyến phiêu lưu để chinh phục và khám phá những điều bí ẩn của con người. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi* ***GIẢI CỨU ĐẠI DƯƠNG***

***1. Ai là tác giả của tiểu thuyết “Hai vạn dặm dưới đáy biển”?***

*A. En-đi Uya*

*B. Bret-bơ-ry*

*C. An-đéc-xen*

***D. Giuyn véc-nơ***

***2. Đoạn trích “Cuộc chạm trán trên đại dương” được kể theo ngôi thứ mấy?***

*A. Ngôi thứ ba*

***B. Ngôi thứ nhất***

*C. Ngôi thứ hai*

*D. Kết hợp cả 3 ngôi kể*

***3. Cuộc đọ sức giữa tàu chiến và con cá diễn ra trong bao nhiêu giờ?***

*A. Cả một ngày*

*B. nửa ngày*

***C. một giờ đồng hồ***

***4. Cuối đoạn trích, tác giả nhận định con cá thiết chính là……***

*A. Con quái vật*

***B. Chiếc tàu ngầm***

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS*: *Viết đoạn văn (khoảng 10- 12 câu) kể tiếp (theo tưởng tượng của em) về sự kiện diễn ra sau tình huống nhân vật "tôi", Công-xây và Nét Len bị kéo vào bên trong con tàu ngầm.*

***Đoạn văn tham khảo***

*Cuộc bắt cóc diễn ra trong nháy mắt. Chúng tôi chưa kịp hoàn hồn. Tôi không biết Công-xây và Nét Len cảm thấy thế nào, nhưng tôi thì sởn gai ốc trong cái nhà tù này. Tôi suy nghĩ, không biết những kẻ trong tàu này là ai? Bọn chúng có phải đám phỉ kiểu mới, tung hoành ngoài biển mới nổi gần đây hay không. Đang đắm chìm trong dòng suy nghĩ, thì có tiếng then cửa lách cách, cánh cửa mở ra, hai người bước vào. Một người lực lưỡng, vai rộng, đầu to với bộ tóc đen rối bù, còn một người trông có vẻ lanh lợi với cặp ria mép và đôi mắt sắc sảo. Chúng tiến lại gần chúng tôi, và nói một thứ ngôn ngữ kỳ lạ mà tôi không hề biết.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

------------------------------------------------------------

**Ngày dạy:......................................**

**TIẾT 87:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nêu được đặc điểm của mạch lạc và liên kết, hiểu được chức năng của chúng trong VB.

- HS chỉ ra được các phương diệ ngôn ngữ được dùng để tạo liên kết cho VB.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định mạch lạc và liên kết trong văn bản.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài: Nhận xét về sự kết nối giữa các bức tranh hội họa?*

******

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Nói đến bố cục là nói đến sự sắp đặt, sự phân chia. Trong văn học cũng vậy, văn bản sẽ không hay khi không có sự liên kết. Vậy làm thế nào để các phần, các đoạn của một văn bản được phân cắt rành mạch mà lại không mất đi sự liên kết chặt chẽ với nhau? Đó chính là vấn đề mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học Thực hành tiếng Việt hôm nay –****Mạch lạc và liên kết của văn bản.***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**  Nhận biết được mạch lạc và liên kết trong VB; hiểu được tầm quan trọng của việc bảo đảm tính mạch lạc và liên kết của VB khi viết và nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Nhận biết mạch lạc và liên kết của đoạn văn**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**   * - GV tổ chức hoạt động nhóm theo bàn, thời gian 5 phút. * **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**   - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS hoạt động nhóm theo bàn  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 2: Kết luận**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:**  **+ Rút ra khái niệm mạch lạc và liên kết.**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Mạch lạc và liên kết đoạn văn.**  **1. Nhận biết mạch lạc và liên kết của đoạn văn**  a. Nội dung chính của đoạn văn nói về bức tranh của Kiều Phương.  b. Đoạn văn có 5 câu.  c. Điều đã làm cho các câu tạo thành một đoạn văn:  + Các câu được sắp xếp theo một trình tự hợp lí: miêu tả sự vật dựa trên nguyên tắc từ xa (những bức tranh trong phòng triển lãm) đến gần (bức tranh của Kiều Phương).  + Sự thống nhất về đề tài được nói đến (bức tranh)  + Đoạn văn cũng bảo đảm tính liên kết về mặt hình thức giữa các câu thể hiện qua việc dùng từ ngữ đồng nghĩa và từ ngữ lặp lại *(bức tranh, bức tranh, tranh, chú bé, chú).*  d. Không thể đảo trật tự các câu. Vì đảo thì đoạn văn sẽ lủng củng, thiếu mạch lạc, thiếu lôgic, người đọc không hiểu được nội dung.  **2. Kết luận**  **\* Khái niệm Mạch lạc:**  - Là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản; chủ yếu dựa trên sự thống nhất về đề tài và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.  **- Các câu, các đoạn, các phần:**  + Đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề xuyên suốt  + Được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lý trước sau hô ứng -> chủ đề liền mạch và gợi nhiều hứng thú cho người đọc (người nghe)  **\* Khái niệm Liên kết:**  - Là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản.  - Thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như:  + từ ngữ nối  + từ ngữ lặp lại  + từ ngữ thay thế (từ đồng nghĩa, đại từ)….  **- Tác dụng:**  + Làm cho văn bản thống nhất ý nghĩa, dễ hiểu.  + Làm cho nội dung các câu, các đoạn thống nhất và gắn bó chặt chẽ với nhau.  + Phải biết kết nối các câu, các đoạn bằng những phương tiện ngôn ngữ (từ, câu…) thích hợp. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức làm bài tập  + Bài tập 1: hoàn thiện PHT    + Bài tập 2  + Bài tập 3  + Bài tập 4  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  - Kể về sự việc những người trên tàu chiến quan sát để tiếp cận **“con cá thiết kình”**  - Sự việc đó diễn ra trong thời gian: 1 tiếng đồng hồ  - Sự việc sắp xếp theo trật tự tuyến tính: **6 giờ** đến **7 giờ sáng**  - Nếu đảo vị trí giữa các câu thì đoạn văn **thiếu mạch lạc và khó hiểu**  **Bài tập 2**  - Từ ngữ thay thế (nó trong câu văn thứ hai thay cho “vật dài màu đen” trong câu thứ nhất.“Nó” trong câu văn thứ bảy và thứ chin thay cho “con cá” trong câu văn thứ sáu và thứ tám.  - Từ ngữ đồng nghĩa trong ngữ cảnh “chiếc tàu” trong câu văn thứ năm thay cho “tàu chiến” trong câu văn thứ nhất.  - Từ ngữ lặp lại “con cá” được lặp lại ba lần trong các câu thứ tư, thứ sáu, thứ tám.  *-> Các phương tiện liên kết này đảm bảo sự kết nối về hình thức giữa các câu trong đoạn văn. Sự liên kết đó cùng với sự mạch lạc về nội dung làm cho các câu tạo thành một chỉnh thể thống nhất chứ không phải là những câu rời rạc được sắp xếp cạnh nhau một cách cơ học.*  **Bài tập 3**  - Không thể đảo vị trí các câu. Bởi nếu đảo vị trí thì các câu trong đoạn văn sẽ mất đi tính mạch lạc - Người đọc không hiểu được nội dung của nó.  **Bài tập 4**  Chúng tôi đã nhìn thấy con cá kình. Nó bơi nhanh ngoài sức tưởng tượng của tất cả những người trên tàu cộng lại. Trong vòng một giờ, tàu chiến của chúng tôi không tiến gần vào nó được lấy một sải! Thật là nhục nhã cho chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ. Chúng tôi còn có thể làm gì hơn ngoài chuyện bực tức? Chúng tôi có thể làm gì hơn ngoài đợi nó đi ngủ và tóm cổ nó?!  **- Mạch lạc và liên kết của đoạn văn:**  + Các câu văn được sắp xếp theo mạch đuổi bắt cá kình và tâm trạng, suy nghĩ của những người đuổi bắt cá kình.  + Hình thức: Sử dụng phép thế: "nó" thay cho "con cá kình"; "chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ" thay cho "tàu chiến của chúng tôi". |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho học sinh làm* ***bài tập nhanh: Sắp xếp những câu văn dưới đây theo một thứ tự hợp lý để tạo thành một đoạn văn có tính liên kết chặt chẽ.***

*(1) Một quan chức của thành phố đã kết thúc buổi lễ phát thưởng như sau:*

*(2) Và ông đưa tay chỉ về phía các thầy giáo, cô giáo ngồi trên các hành lang.*

*(3) Các thầy, các cô đều đứng dậy vẫy mũ, vẫy khăn đáp lại, tất cả đều xúc động về sự biểu lộ lòng mến yêu ấy của học sinh.*

*(4) “Ra khỏi đây, các con ạ, các con không được quên gửi lời chào và lòng biết ơn đến những người đã vì các con mà không quản bao mệt nhọc, những người đã hiến cả trí thông minh và lòng dũng cảm cho các con, những người sống và chết vì các con, và họ đây này!”.*

*(5) Nghe lời kêu gọi cảm động, đáp ứng đúng những tình cảm của mình, tất cả học sinh đều đứng dậy, dang tay về phía các thầy, các cô.*

**- 1 -> 4 -> 2 -> 5 -> 3**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Ngày dạy:.................................**

**TIẾT 88, 89:**

**ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM VŨ TRỤ**

*- Hà Thủy Nguyên -*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nêu được các yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: cốt truyện hoàn toàn tưởng tượng (dựa trên giả thuyết về công nghệ gen); các sự việc li kì diễn ra ở không gian ngoài Trái Đất (Tâm Vũ Trụ), trong thời gian dịch chuyển giữa hiện tại và thời cổ đại; nhân vât có trí thông minh tuyệt vời và ưa phiêu lưu, khám phá (cô bé và cậu bé Thần Đồng); nhân vật kì ảo (con ngựa có cảnh Thần Thoại và nhiều nhân vật phụ khác trong khu rừng ở Tâm Vũ Trụ).

- HS tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn.

- HS hiểu được nội dung của VB, phát huy khả năng tưởng tượng để có thể hòa mình vào thế giới khoa học viễn tưởng, nơi các em có thể phiêu lưu và khám phá những điều kì diệu.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ.*

- Năng lực đọc hiểu, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS biết khát vọng và ước mơ, có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

- Các phương tiện kỹ thuật.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

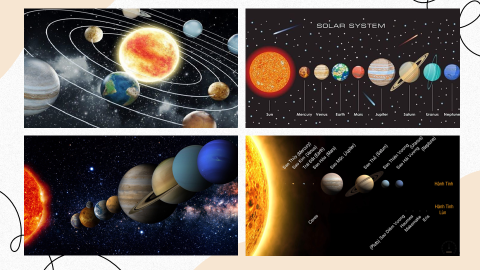
**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

GV tổ chức trò chơi: ***NHÀ DU HÀNH VŨ TRỤ***

***Hãy kể tên các hành tinh xoay quanh hệ Mặt Trời?***

🡪 Theo Live Science, Hệ Mặt trời bao gồm 8 hành tinh: Sao Thủy, sao Kim, Trái đất, sao Hỏa, sao Mộc, sao Thổ, sao Thiên Vương và sao Hải Vương.

******

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Ở văn bản trước, chúng ta đã được khám phá thế giới đại dương bao la trong Cuộc chạm trán trên đại dương với muôn vàn điều kì thú. Trong tiết học ngày hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục đi chinh phục một thế giới mới lạ khác nữa, chắc chắn sẽ mang đến cho các em những trải nghiệm thú vị. Chúng ta cùng bước vài bài học ngày hôm nay –****Đường vào trung tâm vũ trụ****.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HStìm hiểu về tác giả **Hà Thủy Nguyên**  - GV tổ chức hoạt động ***CẶP ĐÔI CHIA SẺ*** tìm hiểu về tác phẩm  ***Yêu cầu:*** *Trình bày những nét khái quát về đoạn trích* ***“Đường vào trung tâm vũ trụ”***    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  - Gv gọi đọc phân vai  - Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng; chú ý lời đối thoại của các nhân vật.  **b. Chú thích**  **- Thần thoại:** tên con ngựa do Thần Đồng tạo ra bằng cách lấy các số gen của Thiên nga cấy ghéo vào phôi ngựa.  **- Nhân sư:** nhân vật đầu người, mình sư tử trong thần thoại Hy Lạp.  **- Hòn đá Ôm-phe-lốt:** trong câu chuyện, đây là hòn đá thiêng, “Chìa khóa” để dẫn lối vào vũ trụ.  **- Thần Dớt:** vị thần tối cao, chúa tể của các vị thần trên đình Ô-lim-pơ  **- Thần A-pô-lô:** thần ánh sáng, chân lí và nghệ thuật, con trai của thần Dớt.  **- Ác-tê-mít**: thần săn bắn, con gái của thần Dớt.  **- Đa-di-năng:** có nhiều chức năng khác nhau.  **- Huyền bí:** bí ẩn và có vẻ màu nhiêm, khó hiểu, khó khám phá.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - **Hà Thủy Nguyên** tên thật là Nguyễn Thị Phương Thảo, sinh năm 1986 tại Hà Nội.  - Nhà văn bắt đầu viết từ khá sớm: “Tôi bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên vào năm 14 tuổi.”  - **Một số tác phẩm đã xuất bản**: *Điệu nhạc trần gian (2004); Bên kia cánh cửa (2005); Thiên Mã (2010)*  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại:** Truyện khoa học viễn tưởng  **- Xuất xứ:** Trích chương 2 cuốn tiểu thuyết “Thiên mã”  **- Ngôi kể:** ngôi thứ nhất  **- PTBĐ**: Tự sự, kết hợp miêu tả, biểu cảm  **- Không gian diễn ra câu chuyện:** Không gian thánh địa Hy Lạp - nơi có đền thờ các vị thẩn trong thần thoại Hy Lạp; không gian tầm vũ Trụ - nơi có những loài thực vật và động vật khổng lổ, kì dị.  **- Bố cục: 3 phần**  **- Phần 1**: Từ đầu- như chốn không người chứ  -> Tìm đường vào trung tâm vũ trụ.  **- Phần 2**: Từ “chưa đầy nửa tiếng sau” đến “một chiều không gian thứ tư”  -> Khái quát không gian ở trung tâm vũ trụ.  **- Phần 3:** Đoạn còn lại  -> Khám phá không gian trung tâm vũ trụ  **- Sơ đồ tóm tắt cốt truyện**  + Hai nhân vật bay đến thánh địa Hy Lạp trên con ngựa Thần Thoại  + Khám phá thánh địa và phát hiện “cái rốn vũ trụ”  |+ Thần Đồng quay trở về bảo tàng “mượn chìa khóa”  + Ba nhân vật vào được trung tâm vũ trụ |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được hình ảnh con cá thiết

- Phân tích được cuộc đọ sức giữa tàu chiến và con cá

- Phân tích được sự thật về con cá thiết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Yêu cầu:** Hoàn thành phiếu học tập theo bàn  **Thời gian:** 10 phút    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HShoàn thành phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Tìm đường vào trung tâm vũ trụ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tìm đường vào trung tâm vũ trụ** | | | | - Các nhân vật chính tham gia vào hành trình tìm đường vào trung tâm vũ trụ | + Nhân vật “tôi”: người kể chuyện- cô bé mới lớn  +Thần Đồng: cậu bé người bạn của “tôi”  + Thần Thoại: chú ngựa đặc biệt | **Nhận xét:**  + Nghệ thuật: ngôn ngữ đối thoại, nhân hóa  + Bằng sự suy luận thông minh -> tìm ra đường vào trung tâm | | - Nhân vật phát hiện đường vào trung tâm vũ trụ | + Cậu bé Thần Đồng | | - Hành trình tìm đường vào trung tâm vũ trụ | + Hai nhân vật bay đến thánh địa Hy Lạp trên con ngựa Thần Thoại.  + Khám phá thánh địa và phát hiện “rốn vũ trụ”.  + Thần Đổng quay trở về bảo tàng “mượn chìa khoá”. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi:  + Đọc đoạn văn: Từ *Chưa đầy nửa tiếng sau* … *một chiều không gian thứ tư….*Tìm những chi tiết miêu tả khái quát về trung tâm vũ trụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Khái quát không gian trung tâm vũ trụ**  **- Hình ảnh không gian vũ trụ bao la, rộng lớn**  + Một thung lũng thỏm dưới những núi đá cao vời vợi  + Cao xanh không có mây , không có mặt trời, chẳng trăng sao, không có gì cả , ngoài một tầng cao hoăm hoắm  + Thắp sáng bằng bột lân tinh  **- NT miêu tả tỉ mỉ -> Cảnh sắc kì lạ, không gian kì bí, huyền ảo, hấp dẫn của thế giới** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV tổ chức hoạt động nhóm:**  **Nhóm 1:** Theo lời người kể chuyện, nhà văn Giuyn Véc-nơ đã miêu tả không gian Tâm Trái Đất như thế nào? Giữa Tâm Trái Đát với Tâm Vũ Trụ có mối liên hệ gì?  **Nhóm 2:** “Bước nhảy không gian” kì diệu đã đưa các nhân vật chính trở lại với khoảng thời gian nào?  **Nhóm 3:** Không gian rừng cổ sinh được miêu tả với những chi tiết nào? Những nhân vật được chứng kiến cảnh gì ở đó?  **- Thời gian: 10 phút**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức.  + Em hãy hình dung không gian thảo nguyên ở cuối văn bản, tiếp tục tưởng tượng thêm những loài sinh vât kì lạ sống ở đó.  + Em có thích ý tưởng về công nghệ gen được đề cập đến trong văn bản hay không? Em suy nghĩ gì nếu công nghệ gen đó trở thành hiện thực? | **3. Khám phá không gian trung tâm vũ trụ**  **a. Mối liên hệ giữa tâm Trái đất và tâm Vũ trụ**  **- Theo nhà văn Giuyn Véc-nơ:** Tâm Trái Đất là “một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất” như: “những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm, ...”.  **- Theo nhân vật Thần Đồng:**  + Tâm Trái Đất chỉ có khoáng chất, không có sinh vật sống  + Tâm Vũ Trụ là nơi có sự sống của các loài động vật, thực vật kì lạ.  -> Tâm Trái Đất đó chính là Tâm Vũ Trụ.  **- Truyện khoa học viễn tưởng không chỉ dẫn người đọc vào những cuộc phiêu lưu kì thú mà còn thôi thúc niềm đam mê khám phá để người đọc tự mình trải nghiệm những điều kì diệu của cuộc sống.**  **b. Thuật ngữ “Bước nhảy không gian”**  - “Bước nhảy không gian” đã đưa ba nhân vật chính trở lại thời cổ đại, cách thời điểm câu chuyện được kể khoảng một trăm sáu mươi triệu năm.  **c. Không gian rừng cổ sinh**  - Không gian rừng cổ sinh hiện ra với những con vật kì lạ  + Con khổng long Spi-nô-sô-rớt Ê-gíp-ti-cớt  + Voi ma mút  - Tiếp đến là chốn thần tiên  + Một dòng suối hiền hòa, bảy sắc cồng vồng rực rỡ  + Con người xuất hiện hệt như nhân vật trong truyện cổ tích của An-đéc-xen.  **- NT liệt kê -> Không gian kì bí, huyền ảo, hấp dẫn của thế giới viễn tưởng.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lời văn phong phú, có nhiều hình ảnh sáng tạo mới lạ.  - Lối miêu tả chi tiết, sinh động, mới lạ, cuốn hút người đọc.  - Sử dụng triệt để biện pháp nhân hóa để xây dựng nhân vật hấp dẫn.  **2. Nội dung**  Văn bản “Đường vào trung tâm vũ trụ” kể về hành trình khám phá trung tâm vũ trụ của 3 nhân vật. Qua đó thể hiện ước mơ chinh phục và khám phá thiên nhiên của con người |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

***- GV yêu cầu HS*:** *Hãy tưởng tượng em sở hữu phát minh “bước nhảy không gian”. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) kể về không gian em định tới (không gian vũ trụ, Tâm Trái Đất hoặc các hành tinh khác).*

***Đoạn văn tham khảo***

*“Ai trong chúng ta cũng khao khát chinh phục những thử thách, trải nghiệm mới. Trải nghiệm được đến những không gian ngoài Trái Đất chính là niềm mong ước từ nhỏ đến lớn của tôi. Tôi đã say mê nghiên cứu khoa học, nỗ lực không ngừng suốt 20 năm để phát minh ra “bước nhảy không gian”. Hôm nay tôi sẽ sử dụng nó để đưa các bạn đi cùng tôi đến sao hỏa- một hành tinh mà con người luôn khao khát chinh phục và đặt chân đến. Sau một cú hích rất mạnh, tôi vụt bay lên và đáp xuống sao hỏa. Tôi choáng váng vì nơi đây quá rộng và nhiệt độ cực cao khiến cơ thể tôi nóng ran dù đã được bảo vệ bằng bộ đồ bảo hộ. Trước mắt tôi là một sa mạc nhiều hố sâu, một màu cam đỏ bao trùm, hun hút tầm nhìn. Tôi có cảm giác xung quanh có những sinh vật nào đó đang tồn tại và chúng đang quan sát tôi nhưng tôi lại không thể nhìn rõ chúng. Bất chợt tôi rơi xuống một cái hố sâu hoăm hoắm, tôi rơi tự do cho đến khi phát hiện mình đang ở trong một không gian có sự sống. Trời ơi! Tôi há hốc miệng và chỉ kịp ghi lại hình ảnh của một loài sinh vật khổng lồ có chân, có tay nhưng lại biết bay đang tiến gần đến tôi. Sau khi ngất đi và tỉnh lại, bước nhảy không gian đã đưa tôi về phòng thí nghiệm của mình từ lúc nào…!”*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

***- GV chiếu những câu nói liên quan đến bài học để giáo dục học sinh***

**

****

**Ngày dạy:..................................**

**TIẾT 90:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết được công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.

- HS biết vận dụng hiểu biết về dấu chấm lửng để thực hành viết đoạn văn có sử dụng dấu câu này.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực dùng dấu câu và tác dụng của chúng.

- Năng lực nhận biết và sử dụng dấu chấm lửng trong viết câu, đoạn văn.

**3. Phẩm chất**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đưa ra một câu chuyện và đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài: Dấu chấm lửng trong câu thể hiện điều gì? Tại sao anh con trai lại lao vào hút thuốc, đánh bạc.*

***Một ông bố lúc sắp mất đã để lại cho con trai một lá thư, một phần nội dung của lá thư như sau:***

***- Đừng uống trà…uống rượu con nhé!***

***- Đừng đánh cờ… đánh bạc con nhé !***

***Anh con trai vốn là người con có hiếu, luôn nghe lời bố. sau khi bố qua đời, anh đã lao  vào uống rượu, đánh bạc đến nỗi bán cả sản nghiệp do bố để lại.***

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời: sử dụng sai dấu câu 🡪 nghĩa của câu thay đổi....*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Ông bố trong câu chuyện đã sử dụng dấu chấm lửng chưa hợp lí đúng không nào? Vậy dấu chấm lửng được sử dụng như thế nào, có công dụng ra sao, đó chính là vấn đề mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học Thực hành tiếng Việt hôm nay –* ***Dấu chấm lửng.***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**  Nhận biết được khái niệm, công dụng và cách sử dụng dấu chấm lửng hiệu quả.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: Nhận biết công dụng của dấu chấm lửng**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh đọc ví dụ trong sgk và cho biết công dụng của dấu chấm lửng?  **a)** Sau khi có vẻ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra ba bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục,… đều do nó tự chế.  **b)** Hay là bây giờ em nghĩ thế này… Song anh có cho phép nói em mới dám nói…  **c)** Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: "Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là… không ai giống ai cả".  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **Thao tác 2: Kết luận**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS:**  **+ Theo em, dấu chấm lửng là gì và có công dụng như thế nào?**  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Nhận biết công dụng của dấu chấm lửng**  - Dấu chấm lửng phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.  - Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng.  - Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện cùa một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.  **2. Kết luận**  - Dấu chấm lửng là một dấu câu cơ bản trong tiếng Việt. Dấu chấm lửng thường được dùng để:  + Báo hiệu còn nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết.  + Thể hiện lời nói bỏ dở (chưa nói hết) hay ngập ngừng, ngắt quãng.  + Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.  **\*Lưu ý:** Tùy từng trường hợp cụ thể, dấu chấm lửng giúp người đọc **hiểu được ý định, cảm xúc của người viết**: ngạc nhiên, lúng túng, mệt mỏi, hoảng hốt, vui mừng, hài hước… |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

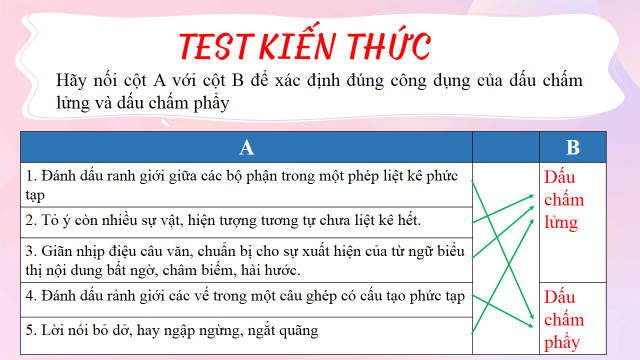
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động nhóm  + Nhóm 1: Bài tập 2  + Nhóm 2: Bài tập 3  + Nhóm 3: Bài tập 1  - Gv hướng dẫn HS làm bài tập 4  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  **a.** Lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng.  **b.** Giãn nhịp điệu câu văn và chuẩn bị cho sự xuất hiện của từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ.  **c.** - Dấu chấm lửng 1: Dấu chấm lửng cho biết còn nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết.  - Dấu chấm lửng 2: Dấu chấm lửng để thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng  - Dấu chấm lửng 3: Dấu chấm lửng để thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng  **Bài tập 2**  Dấu chấm lửng có công dụng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước trong VB “Đường vào trung tâm vũ trụ”: ***“Chẳng qua chỉ là cái…. ổ voi thôi mà! Ai bảo có người “mắt toét”! - Tôi khích”***  **Bài tập 3**  **a.** Đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt, nhằm nhấn mạnh vị trí trung tâm của vũ trụ.  **b.** Đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt, nhằm nhấn mạnh ý nghĩa của từ và giúp người đọc hình dung Tâm Vũ Trụ như một “viện bảo tàng” khổng lồ và sống động.  **Bài tập 4**  Qua văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ,*tôi có thể hình dung ra được nhiều điều diệu kì và thú vị. Phải kể đến chi tiết khi quay trở lại bảo tàng để "mượn" hòn đá Ôm-phe-lốt, tôi đã tự hỏi Thần Đồng đã xử trí như thế nào để có thể "qua mặt” được sự canh gác cẩn mật của bảo vệ bảo tàng? Có lẽ với sự thông minh nhạy bén của mình, Thần Đồng đã lẻn vào mà không ai hay biết, cũng có thể đã thả dây từ trên cao xuống để lấy được viên đá, mà không loại trừ khả năng Thần Thoại đã bay vút lên mà đem theo viên đá… Dù là bằng cách nào, thì ý kiến này của Thần Đồng cũng vô cùng nhanh nhạy, thông minh. |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho học sinh làm* ***bài tập TEST KIẾN THỨC: Hãy nối cột A với cột B để xác định đúng công dụng của dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy***

**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**Ngày dạy:......................................**

**TIẾT 91:**

**DẤU ẤN HỒ KHANH**

*- Nhật Văn -*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS củng cố được những điều đã học về VB thông tin: nhan đề, nội dung cơ bản, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện nội dung đó.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Dấu ấn Hồ Khanh.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Dấu ấn Hồ Khanh.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS biết khát vọng và ước mơ, có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

GV đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài: ***Hang động nào lớn nhất thế giới?***

*🡪 Hang Sơn Đoòng . Được khám phá lần đầu bởi một người dân địa phương vào khoảng những năm 1990 và được chính thức phát hiện và khám phá trở lại vào năm 2009; Hang Sơn Đoòng – hiện đang giữ danh hiệu hang động lớn nhất hành tinh, đã gây chấn động thế giới với kích thước khổng lồ đến khó tin với những kiến tạo hang động độc đáo mang tầm kỳ quan thế giới.*

***🡪 Cho học sinh xem video giới thiệu Hang Sơn Đoòng***

***- Link video (***[***https://youtu.be/wJeByJDYOgk***](https://youtu.be/wJeByJDYOgk)***)***

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Kể từ khi được phát hiện, hang Sơn Đoòng đã khiến các chuyên gia, những người yêu hang động và đam mê du lịch khám phá ngỡ ngàng, choáng váng vì vẻ đẹp lộng lẫy của nó. Không chỉ rất lớn về quy mô, Sơn Đoòng còn sở hữu những điều kỳ bí, độc đáo và vẻ đẹp có một không hai. Người đã góp phần khám phá ra Sơn Đoòng chính là Hồ Khanh- một người dân địa phương với đam mê đi rừng, khám phá ra những hang động mới. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về quá trình tìm ra hang động lớn nhất thế giới của người đàn ông ấy qua văn bản “Dấu ấn Hồ Khanh”.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HStìm hiểu về tác giả, tác phẩm  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  - GV gọi 1 bạn đọc trước lớp  - Đọc diễn cảm, lưu loát, ngắt nghỉ đúng  **b. Chú thích**  **- Thợ sơn tràng:** người làn nghề khai thác sản vật rừng theo lối thủ công  **- Địa mạo**: hình thái, địa hình bề mặt Trái đất.  **- Thủy văn:** các hiện tượng biến hóa và vận động của nước trong tự nhiên nói chung.  **2. Tìm hiểu chung**  **- Tác giả:** Nhật Văn  **- Xuất xứ:** báo điện tử Quảng Bình, ngày 21/7/2014  **- Thể loại:** văn bản thông tin  **- Phương thức biểu đạt:** thuyết minh  **- Nhan đề:** những dấu ấn mà Hồ Khanh tạo nên.  **- Bố cục:**  **+ P1**: Từ đầu … “phát hiện ra những hang động đẹp.”  🡪 Giới thiệu chung về Hồ Khanh.  **+ P2**: tiếp theo…“hang Sơn Đoòng…” 🡪 Dấu ấn Hồ Khanh trong công việc khám phá hang động.  **+ P3**: còn lại 🡪 Đam mê phiêu lưu, khám phá của Hồ Khanh.  **- Tóm tắt**: Văn bản tường thuật lại câu chuyện khám phá thiên nhiên, phát hiện ra hang Sơn Đoòng của Hồ Khanh. Hồ Khanh là người tình cờ phát hiện ra hang Sơn Đoòng. Sự phát hiện làm thay đổi cả cuộc đời của một người thợ sơn tràng. Dần dần, cái tên Hồ Khanh nổi tiếng và quen thuộc với giới nghiên cứu. Nhờ tài năng của mình, anh trở thành bạn đồng hành đáng tin cậy cho các nhà khoa học trên toàn thế giới. Qua đó tác phẩm cho ta hiểu thêm về cuộc sống và con đường cống hiến của những người có công trong việc thay đổi cuộc sống của chúng ta. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được nhân vật Hồ Khanh

- Phân tích được cuộc hành trình khám phá hang động của Hồ Khanh

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Yêu cầu:** GV chia 2 nhóm và hoàn thành phiếu học tập  **- Thời gian:** 5 phút    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS hoàn thành phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nhân vật Hồ Khanh**  **- Quê quán:** thôn Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.  **- Nghề nghiệp:** thợ sơn tràng chuyên nghiệp.  **- Tính cách:** thích tò mò, khám phá.  **- Thành tích:** phát hiện ra hang Sơn Đoòng  và nhiều hang động khác  **🡪 NT: thông tin cơ bản, cụ thể, chính xác** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi:  **a. Hành trình khám phá hang động**  *+* Thời điểm và sự kiện quan trọng nào đã làm thay đổi cuộc đời Hồ Khanh?  + Hồ Khanh có vai trò như thế nào trong quá trình khám phá ra Sơn Đoòng?  + Em có nhận xét gì về trình tự thời gian khi giới thiệu quá trình khám Sơn Đoòng của Hồ Khanh?  **b. Vẻ đẹp hang Sơn Đoòng.**  + Hang **Sơn Đoòng** được khám phá trong hoàn cảnh nào?  + Hang **Sơn Đoòng** hiện lên với những vẻ đẹp gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Hành trình khám phá hang động của Hồ Khanh**  **a. Hành trình khám phá hang động**  - Năm 1989 phát hiện ra một hang (đã đánh dấu bước ngoặc cuộc đời ông), sau được đặt là Sơn Đoòng.  - Năm 1999-2004 dẫn đoàn cán bộ khoa học Việt-Đan Mạch, Đoàn cán bộ vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng…đến khám phá hang động thuộc vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng  - Hồ Khanh được mời dẫn đường cho đoàn thám hiểm Hạ Đoòng, Hung Thùng thuộc vườn Quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng  - Năm 2009 ông dẫn đoàn thám hiểm Hoàng Gia Anh khám phá hang động Sơn Đoòng  - Dẫn các đoàn làm phim, nhiếp ảnh nổi tiếng đến, phục vụ chuyến thử nghiệm hang Sơn Đoòng.  🡪 Ông là người dẫn đường cho nhiều đoàn thám hiểm tìm ra các hang động lớn, nhỏ  🡪 Người bạn đồng hành của các nhà khoa học trên hành trình khám phá  **- NT:** sự kiện được liệt kê, được kể theo trình tự thời gian  **b. Vẻ đẹp hang Sơn Đoòng.**  - Được khám phá khi đi rừng gặp mưa, Hồ Khanh vào hang tạm trú  **- Vẻ đẹp của hang:**  + Không khí mát mẻ lạ thường, có thể nghe tiếng gió rít qua vách đá.  + Càng đi sâu vào hang, vẻ đẹp kì vĩ càng cuốn hút.  + Phía trên là ánh sáng mặt trời, phía dưới hang là con sông ngầm sâu hun hút.  + Không khí mát lạnh, nước chảy cuồn cuộn, trong vắt giữa những rặng thạch nhũ điệp trùng.  **🡪 NT**: miêu tả chi tiết, tỉ mỉ  🡪 Trở thành hang động lớn nhất thế giới. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lời văn ngắn gọn, cô đọng, hàm súc  - Kể sự việc theo trình tự thời gian, kết hợp miêu tả chi tiết, cụ thể.  - Lối viết phong phú, mềm mại, cuốn hút người đọc  **2. Nội dung**  Văn bản tường thuật lại câu chuyện khám phá thiên nhiên, phát hiện ra hang Sơn Đoòng của Hồ Khanh. Qua đó tác phẩm cho ta hiểu thêm về cuộc sống và con đường cống hiến của những người có công trong việc thay đổi cuộc sống của chúng ta |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***- GV hỏi HS*:** *Theo em, phẩm chất quan trọng nhất để trở thành một nhà thám hiểm là gì?*

*🡪 Một nhà thám hiểm tài ba phải là sự kết hợp của rất nhiều phẩm chất và tính cách khác nhau. Thế những phẩm chất được xem là quan trọng nhất đối với một nhà thám hiểm đó chính là sự hiểu biết và say mê khám phá thế giới tự nhiên. Khi bạn say sưa tìm tòi, khám phá thì bạn sẽ luôn thấy được những điều mới lạ trong thế giới này*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

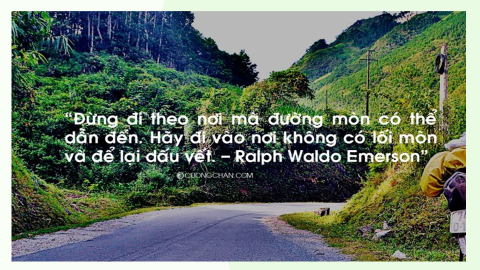
**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

***- GV tổ chức hoạt động “LẮNG NGHE SỰ CHIA SẺ”:*** *Nhân vật Hồ Khanh đã thực hiện được khát vọng và đam mê khám phá hang động của mình. Còn em, em có ước mơ gì? Em nghĩ mình sẽ phải trau dồi bản thân như thế nào để thực hiện ước mơ?*

****



**Ngày dạy:..............................**

**TIẾT 92, 93,94:**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN MỘT NHÂN VẬT LỊCH SỬ**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Năng lực tiếp thu các yêu cầu khi viết bài văn, đoạn văn.

**2. Phẩm chất:**

- Hiểu và trân trọng ngôn ngữ tiếng Việt.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV cho học sinh xem video tư liệu về anh hùng Kim Đồng và đặt câu hỏi:**

**+** Trong video, ai là nhân vật chính?

+ Video nói về sự kiện gì?

+ Nêu nhận xét của em về nhân vật chính?...

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *…..*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài vănkê lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Theo em, để viết được một **bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử** cần đảm bảo những yêu cầu gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**  - Giới thiệu được nhân vật và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.  - Kể lại được sự việc theo một trình tự hợp lí, có sử dụng các yếu tố miêu tả trong khi kể.  - Nêu được ý nghĩa của sự việc.  - Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể. |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo *“****Thô-mát Ê-đi-xơn (Thomas Edison) và màn “trình diễn’' ánh sáng”***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động CẶP ĐÔI CHIA SẺ  **+ YÊU CẦU: hoàn thiện phiếu học tập theo cặp đôi**  + **THỜI GIAN: 5 phút**   |  |  | | --- | --- | | Bài viết kể về sự việc gì? |  | | Sự việc đó có thật không và liên quan đến nhân vật nào? |  | | Diễn biến của sự việc như thế nào? |  | | Sự việc có ý nghĩa ra sao? |  | | Người viết bày tỏ suy nghĩ gì về sự việc được kể? |  | | Bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả không? |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  - Bài viết kể về màn trình diễn ánh sáng  - Sự việc đó có thật và liên quan đến nhà khoa học nổi tiếng Thô-mát Ê-đi-xơn  - Thô-mát Ê-đi-xơn đã cho treo hàng trăm bóng đèn điện quanh phòng phí nghiệm, quanh nhà và dọc đường nơi ông sinh sống.  - Màn “trình diễn” ánh sáng của Thô-mát Ê-đi-xơn mở đầu cho việc đưa ánh sáng đèn điện đến với cuộc sống con người.  - Màn “trình diễn” đó đã mở ra một kỉ nguyên ánh sáng mới, làm thay đổi thế giới.  - Những chiếc bóng đèn có vỏ ngoài được làm bằng thủy tịnh cách nhiệt, bên trong có chứa dây đốt, tỏa ánh sáng liên tục và dìu dịu. |

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, để viết tốt 1 bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến sự việc lịch sử, gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài.** Chọn một nhân vật lịch sử  - Nhà quân sự, nhà chính trị, nhà khoa học, nhà phát minh hoặc nhà văn hóa…có những đóng góp to lớn giúp ích cho đất nước, nhân loại.  - Người có tài năng xuất chúng, sáng tạo ra những sản phẩm có ích cho cộng đồng mà em biết và từng tiếp xúc.  - Chọn một sự việc liên quan đến cuộc sống hay thành tựu, chiến công của nhân vật mà em thấy thú vị.  Ví dụ: Kim Đồng- người anh hùng nhỏ tuổi  **b. Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý** | | | - Nhân vật lịch sử mà em lựa chọn định kể là ai?  Sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó mà em định kể là sự việc gì? |  | | - Sự việc diễn ra ở đâu, khi nào? Sự việc đó diễn ra như thế nào?  + Thời gian?  + Địa điểm?  + Diễn biến chính? |  | | - Sự việc đó có ý nghĩa như thế nào?  + Với riêng nhân vật lịch sử?  + Với cộng đồng, nhân loại?  Em có suy nghĩ gì về sự việc được kể? |  |   **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài:**  + Giới thiệu đôi nét về nhân vật  + Giới thiệu sự việc liên quan đến nhân vật.  **- Thân bài:**  + Kể diễn biến của sự việc. Lưu ý sử dụng yếu tố miêu tả.  + Nêu ý nghĩa/ tầm ảnh hưởng của sự việc.  +……  **- Kết bài:** Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.  **2. Viết bài**  - Bám sát dàn ý đã lập  - Lựa chọn các từ ngữ phù hợp (nếu viết về câu chuyện khoa học thì có thể tra cứu từ điển để hiểu những thuật ngữ chuyên môn khó)  - Lưu ý đến tính xác thực của các chi tiết có liên quan đến sự việc được kể.  - Các câu, các ý phải đảm bảo tính liên kết về hình thức và mạch lạc về nội dung.  **3. Chỉnh sửa bản tường trình**  Rà soát bài viết và chỉnh sửa theo phiếu sau: |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **: Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bài tham khảo**

Dân tộc Việt Nam trong quá khứ và hiện tại luôn rất anh hùng, dũng cảm, kiên trung xây dựng và bảo vệ đất nước. Có rất nhiều những tấm gương người anh hùng đã không tiếc máu xương để bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc. Anh Kim Đồng là một người như vậy.

Kim Đồng là một người dân tộc Tày. Cha mất sớm, anh sống cùng mẹ - một người phụ nữ đảm đang nhưng ốm yếu. Từ nhỏ, Kim Đồng đã dũng cảm, quyết đoán, mạnh mẽ, có tinh thần yêu nước, căm thù giặc.Tuy tuổi còn nhỏ nhưng anh rất hăng hái làm nhiệm vụ giao liên, đưa đón Việt Minh và chuyển thư từ.

Anh được bầu làm đại đội trưởng đầu tiên của Đội Nhi đồng cứu quốc. Anh không ngại khó khăn, thử thách, nguy hiểm trên đường làm nhiệm vụ. Trong một lần làm nhiệm vụ, anh bị giặc Pháp bắn và hi sinh. Khi ấy, anh mới chỉ 14 tuổi. Đã có rất nhiều bài thơ, bài hát được sáng tác để ghi nhớ công ơn của anh.

Hình ảnh anh Kim Đồng sẽ luôn sáng mãi, là tấm gương cho thanh thiếu niên Việt Nam về tinh thần yêu nước sâu sắc, sự thông minh, gan dạ.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

**-----------------------------------------------**

**Ngày dạy: .................................**

**TIẾT 95:**

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

-  HS nhận biết được vi trò của công nghệ đối với đời sống cảu cong người, trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực

- HS biết cách thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, biết đưa ra ý kiến của mình, biết cách xác định những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến, đồng thời biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến của người khác trên tinh thần tôn trọng.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập trao đổi về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

-   HS tham gia tích cực vào nội dung bài học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu hình ảnh và đưa ra câu hỏi khởi động: chia sẻ hiểu biết của em về vai trò của ngành công nghệ đối với đời sống con người.*

**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *Trong nhứng thập niên gần đây, công nghệ đã có nhiều bước tiến vượt bậc. Thành tựu của công nghệ đã giúp con người có niềm tin và động lực quyết biến ước mơ thành hiện thực. Nhưng, phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển? Trong buổi học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau****Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người****.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:**  HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Để thực hiện tốt bài thảo luận về vai trò của ngành công nghệ đối với đời sống con người, em cần chuẩn bị những gì cho bước trước khi nói?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Thảo luận về vấn đề chung như vai trò của công nghệ đối với đời sống con người.  - Có thể lựa chọn một số khía cạnh của vấn đề như:  + Phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nói.  + Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển?  - Tìm kiếm thông tin liên quan từ các phương tiện như sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn.  - Tìm ý bằng cách cách tự đặt câu hỏi và trả lời.  - Sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý theo trật tự: nêu vấn đề 🡪 hai mặt tích cực, tiêu cực của vấn đề 🡪 nếu quan điểm cá nhân  **2. Luyện tập**  - Luyện nói 1 mình: trước gương hoặc máy quay.  - Luyện nói với nhóm: trước gia đình hoặc nhóm bạn bè.  - **Chú ý**: điều chỉnh thời gian sao cho phù hợp với quy định để không ảnh hưởng đến thời gian chung của cuộc thảo luận |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: ***“*** ***Thảo luận về vai trò của ngành công nghệ đối với đời sống của con người”***  *- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý (mở đầu, triển khai, kết luận)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  - Lời chào, nụ cười thiện cảm  - Tạo không khí thoải mái, thu hút sự chú ý của người nghe trước khi kể  - Dẫn dắt vào vấn đề :*Vai trò của công nghệ đối với đời sống con người*  Ví dụ: Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường......... Hiện nay, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, trẻ em được tiếp cận với các sản phẩm công nghệ từ rất sớm như: Ipad, Smartphone, tivi, máy tính, ...  Trên thực tế, chúng ta rất dễ dàng bắt gặp những trẻ nhỏ đã sử dụng thành thạo iphone, ipad, ... ngoan ngoãn ngồi chơi hàng tiếng đồng hồ không làm phiền bố mẹ. Nhiều câu hỏi được đặt ra đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều bậc phụ huynh: Công nghệ là gì?  Phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển?  Hãy cùng trao đổi với tôi để tìm hiểu và giải đáp thắc mắc trên nhé!  **2. Triển khai**  - Nêu được bản chất của vấn đề (công nghệ sẽ ngày càng phát triển và những tác động của nó đến đời sống….)  - Trình bày được sự ảnh hưởng hai mặt của công nghệ đối với cuộc sống con người và cách sử dụng công nghệ hiệu quả nhất.  - Khái quát lại nội dung vừa trình bày, nhấn mạnh ý nghĩa cá nhân.  **3. Kết luận:**  - Chốt lại vấn đề vừa trao đổi  - Lời cảm ơn  Cuối cùng, thông qua bài trao đổi này hy vọng các bậc phụ huynh cũng như tất cả mọi người sẽ có cái nhìn tổng quát hơn trong việc cho con sử dụng các sản phẩm công nghệ để từ đó đưa ra lựa chọn phù hợp trong quá trình giáo dục, phát triển thể chất, trí tuệ, tâm hồn của trẻ.  Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm. |

**2.3. Sau khi nói**

**a,Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  + Nhận xét về ý kiến trình bày: nội dung, cách thức trình bày. Khi nhận xét về nội dung, cần hướng vào ý kiến trình bày, không sa đà vào những vấn đề không liên quan.  + Tranh luận để bày tỏ sự đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến của người nói  + Bổ sung những thông tin em biết về vấn đề được nói tới.  **Người nói**  + Tiếp thu nếu thấy những ý kiến đó là xác đáng.  + Trao đổi lại với những ý kiến thống nhất cũng như ý kiến khác biệt với mình.  + Tranh luận, dùng những lí lẽ thuyết phục để bảo vệ những điểm hợp lí trong ý kiến trình bày của em.  + Tự rút kinh nghiệm sau quá trình thảo luận. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a,Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức hoạt động *CÙNG THỂ HIỆN TÀI “Thảo luận về vai trò của ngành công nghệ đối với đời sống của con người”***

- Hình thức: chia làm 4 nhóm, sau khi thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện 1 bạn trong nhóm nên trình bày trước lớp.

- Thời gian: thảo luận (5 phút), trình bày (3 phút)

**Bài nói tham khảo**

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường......... Hiện nay, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, trẻ em được tiếp cận với các sản phẩm công nghệ từ rất sớm như: Ipad, Smartphone, tivi, máy tính, ...  Trên thực tế, chúng ta rất dễ dàng bắt gặp những trẻ nhỏ đã sử dụng thành thạo iphone, ipad, ... ngoan ngoãn ngồi chơi hàng tiếng đồng hồ không làm phiền bố mẹ. Nhiều câu hỏi được đặt ra đã thu hút sự quan tâm của rất nhiều bậc phụ huynh: Công nghệ là gì?  Phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển?  Hãy cùng trao đổi với tôi để tìm hiểu và giải đáp thắc mắc trên nhé!

**Thứ nhất, chúng ta hãy cùng trả lời: Công nghệ là gì?**

Công nghệ là sự phát minh, sự thay đổi, việc sử dụng kiến thức về các công cụ, máy móc, kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, hệ thống, và phương pháp tổ chức, nhằm giải quyết một vấn đề, cải tiến một giải pháp đã tồn tại, đạt một mục đích, hay thực hiện một chức năng cụ thể đòi hỏi hàm lượng chất xám cao.

……………………………………….

→ Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ trong tương lai sẽ đưa con người phát triển lên một tầm cao mới, con người sẽ sống một cuộc sống hiện đại hơn, tiện ích hơn. Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực mà công nghệ đem đến thì nó cũng còn tồn đọng rất nhiều mặt tiêu cực. Chính vì vậy, con người cần phải biết cân đối và kìm hãm công nghệ đồng thời bản thân cũng phải cần nỗ lực và rèn luyện không ngừng để mọi thứ được cân bằng.

Cuối cùng, thông qua bài trao đổi này hy vọng các bậc phụ huynh cũng như tất cả mọi người sẽ có cái nhìn tổng quát hơn trong việc cho con sử dụng các sản phẩm công nghệ để từ đó đưa ra lựa chọn phù hợp trong quá trình giáo dục, phát triển thể chất, trí tuệ, tâm hồn của trẻ.

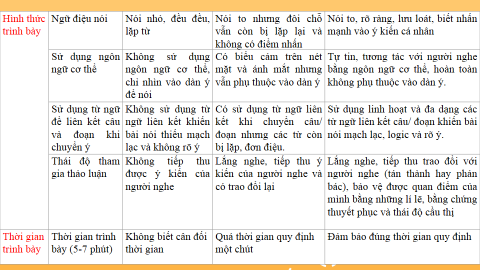
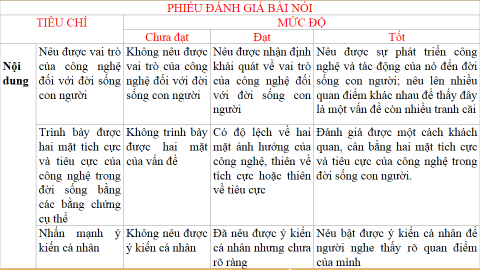
Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV áp dụng “****kĩ thuật 3 lần 3****” giúp HS đánh giá, nhận xét bài nói của nhóm bạn* ***(3 điểm tốt, 3 điểm chưa tốt, 3 đề nghị cải tiến)*** *và chấm điểm theo bảng đánh giá bài nói theo mẫu sau:*

**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*----------------------------------------------------*

**Ngày dạy: ......................................**

**TIẾT 96:**

**CỦNG CỐ MỞ RỘNG, THỰC HÀNH ĐỌC**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh hệ thống hóa tri thức về thể loại truyện khoa học viễn tưởng.

- giúp học sinh phát huy năng lực tưởng tượng, phỏng đoán sự việc dựa trên cơ sở hiện thực.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

**b. Năng lực riêng:**

- Đọc-hiểu văn bản truyện khoa học viễn tưởng

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành và phát triển ở HS: tự tin vào bản thân mình, có ý chí biến khát vọng thành hiện thực.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra câu hỏi: hãy kể tên các văn bản em đã học trong bài 7: THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG

- HS thực hiện nhiệm vụ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Củng cố- mở rộng**

**a,Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu học sinh làm bài tập 1,2  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. CỦNG CỐ- MỞ RỘNG**  **Bài tập 1**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản** | **Dấu hiệu của truyện khoa học viễn tưởng** | | **Cuộc chạm trán trên đại dương** | - Đề tài: phát triển khoa học tương lai  - Tình huống: li kì, gay cấn  - Không gian: đại dương và đáy đại dương | | **Đường vào trung tâm vũ trụ** | - Cốt truyện: tưởng tượng, dựa trên giả thuyết về công nghệ gen  - Sự việc: li kì  - Không gian: ngoài Trái Đất (tâm Vũ Trụ)  - Thời gian: dịch chuyển giữa hiện tại và cổ đại  - Nhân vật: có trí thông minh, ưa phiêu lưu, mạo hiểm; nhân vật kì ảo (con ngựa có cánh,...) |   **Bài tập 2**  - Cốt truyện li kì, hấp dẫn, gay cấn.  - Sự kiện diễn ra trong không gian và thời gian kì lạ, được lí giải dựa trên những giả thuyết và dự báo khoa học. |

**Hoạt động 2: Thực hành đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kĩ năng đọc qua văn bản 1,2,3 để thực hành đọc hiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV gọi 1 bạn đọc to văn bản trước lớp  - GV chia lớp thành 3 nhóm tìm hiểu về (đề tài, không gian, nhân vật chinh, thông điệp của văn bản “Chiếc đũa thần”)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. THỰC HÀNH ĐỌC VĂN BẢN “CHIẾC ĐŨA THẦN”**  1. Đề tài du hành vũ trụ  2. Không gian ngoài vũ trụ  3. Nhân vật chính là một nhà khoa học  4. Thông điệp về khát vọng làm chủ vũ trụ của các nhà khoa học. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a,Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

***- GV giao nhiệm vụ:*** *Tìm hiểu thêm về hệ sinh quyển trên Trái Đất, từ đó liên hệ để dự đoán có hành tinh nào có sự sống nữa hay không. Viết đoạn văn (5-7 câu) về dự đoán của em.*

***Đoạn văn tham khảo***

*Khi tìm hiểu về hệ sinh quyển trên Trái Đất ta có thể nhận thấy những đặc điểm tương tự. Một trong số những hành tinh mà chúng ta có thể kể đến như Kepler-442b. Hành tinh lớn hơn Trái Đất 33% này là một trong những ứng cử viên hiếm hoi được giới khoa học khẳng định là “đủ ánh sáng để duy trì một sinh quyển lớn”. Trên hành tinh này có thể có sự quang hợp của sự sống diễn ra, phục vụ cho sự phát triển của xã hội.*

***- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.***

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**a,Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***- GV giao nhiệm vụ:*** *“Mỗi người sinh ra đều là thiên tài” (An-be Anh- xtanh). Em hiểu câu nói này như thế nào? Hãy trình bày cách hiểu của mình cho các bạn cùng nghe.*

KÍ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

*Ngày … tháng….năm*

TTCM

NGUYỄN DUY TUYẾN

**-------------------------------------------**

**Ngày soạn:.............................**

**BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành*, học sinh (HS) có thể:

***1.Kiến thức***

- Xác định được mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Nhận biết được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

***2.Về năng lực***

***\*Năng lực chung*** (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

***\* Năng lực đặc thù*** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản (VB) và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm VB.

- Nhận biết được đặc điểm của VB nghị luận về một vấn để đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn VB.

- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong VB; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận vê' một vấn đề trong đời sống.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đế đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

***3. Về phẩm chất***

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**-** Có trách nhiệm với bản thân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời minh.

- Ham tìm hiểu văn học, tìm hiểu đời sống để nâng cao hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Ngày dạy:......................................**

**TIẾT 97, 98:**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC, KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**VĂN BẢN 1: BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

**a. Mục tiêu**:

- HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

- Khắc sâu được những kiến thức cơ bản về định nghĩa, đặc điểm của văn nghị luận.

- HS thấy sự khác nhau giữa VB nghị luận và VB văn học

**b. Nội dung**:

HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học và các tri thức công cụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

**d.Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò**  **1. Tìm hiểu: *Giới thiệu bài học***  **B1.Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc phần *Giới thiệu bài học*, nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài.  **B2.Thực hiện nhiệm vụ:**  HS dựa vào kết quả chuẩn bị bài ở nhà và đọc lại phần *Giới thiệu bài học* ở lớp để nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học.  **B3.Báo cáo nhiệm vụ:**  HS chia sẻ kết quả trước lớp.  **B4.** **Đánh giá nhiệm vụ:**  GV đánh giá, nhận xét chung, nhấn mạnh chủ đề và thể loại chính trong bài học. | **Dự kiến sản phẩm**  **I. Giới thiệu bài học:**  **- Chủ đề**: Trải nghiệm để trưởng thành.  - **Thể loại đọc chính:** nghị luận |
| **2. Khám phá *Tri thức ngữ văn***  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Nêu các vấn đề trong văn bản nghị luận?*  *+ Mối liên hệ giữa các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận?*  *+ Biện pháp liên kết, thuật ngữ là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **II.Tri thức ngữ văn:**  **1. Văn nghị luận:**  - Văn bản nghị luận là loại văn bản chú yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.  - Để văn bản thực sự có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.  - Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của minh.  - Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực té đới sống hoặc †ử các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.  **2.**[**Các vấn để dược bàn trong văn bản ngh**](https://blogtailieu.com/)**ị luận**  Mọi vấn dé của dời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học, đều có thể được nêu ra để bàn trong văn bản nghị luận. Trước một vấn đề, có thể có nhiều ý kiến khác nhau.  **3. Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận**  Văn bản nghị luận bao giờ cũng thể hiện ỷ kién của người viết. Sức thuyết phục của ý kiến phụ thuộc vào việc dùng lí lẽ và bằng chứng. Mỗi ý kiễn thường được làm rô bằng một số lí lẽ, mỏi li lẽ dược cùng cố bởi một số bảng chứng. Ý kiển cấn mới mẻ, li lẻ cán sắc bén, bằng chửng cán xác thực, tiêu biểu, và tất cả những yếu tố đó phải có mối liên hệ với nhau, tạo thành một hộ thống chật chẻ.  **3.Biện pháp liên kết**  Sự gắn két giữa các câu trong đoạn vàn hoặc giữa các đoạn trong vãn bản dược thể hiện bằng nhiều biện pháp (phép) liên két, gắn vái những phương tiện (từ ngữ) liẻn kết cụ thể, chẳng hạn: *phép nối* (từ ngữ nối), *phép thế* (đại từ. từ ngữ đồng nghĩa), *phép lặp* (lặp lại từ ngữ đã có trong câu trước, đoạn trước),...  **4.Thuật ngữ**  Thuật ngữ là từ ngữ dùng để nêu các khái niệm cùa một số lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học.  Nghĩa của thuật ngữ là nghĩa quy ước trong phạm vi hẹp của lĩnh vực chuyên mốn hoặc khoa học chuyên ngành. |

**VĂN BẢN 1: BẢN ĐỒ DẪN ĐƯỜNG**

**(Đa – ni en Gót – li - ép)**

**1. Hoạt động 1. Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1.Giao nhiệm vụ:**  GV nêu nhiệm vụ:    Các em quan sát bản đồ vàvai trò của nó đối với du khách lẩn đầu tiên đến một nơi xa lạ (thành phố).  Vỉ *sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?*  *Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một “con đường' hay đã có “con đường" do ai đó vạch sẵn?*  **B2.Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  – Lưu ý, có thể nhắc lại trải nghiệm mới nhất mà các em vừa trải qua.  **B3.Báo cáo nhiệm vụ:**  Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Khi lần đầu tiên có mặt ở một miến đất lạ, tấm bản đổ có tác dụng chỉ đường, giúp ta đến được nơi cần đến.  Liên hệ thêm: Hiện nay, nhờ ứng dụng công nghệ, chúng ta có thể tìm đường đi trên Google map - một ững dụng tìm địa chỉ trên điện thoại thông minh.  Con đường được nói đến ở đầy không còn mang nghĩa gốc, mà là nghĩa bóng, nghĩa chuyển.  GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tuỳ theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân). |

**2. Hoạt động 2** **Hình thành kiến thức mới:**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được rằng: Trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định..

- Học sinh hiểu được đặc điểm của một văn bản nghị luận, các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. Mối quan hệ giữa các yếu tố này.

- HS nắm được cách tổ chức một văn bản nghị luận;.

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | | |
| **a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Bản đồ dẫn đường* ”.  **b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: PTBĐ, vấn đề, bố cục…  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.  **d.Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **NV1: Tìm hiểu về tác giả**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về TG Đa – ni -en Gót – li -ép. (HS đã chuẩn bị ở nhà).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-**HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  **B3. Báo cáo nhiệm vụ**  -Học sinh trình bày  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục tiếp theo.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Trải nghiệm cùng văn bản  **Nhiệm vụ 2: Tác phẩm**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *? Bài viết là lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể*  *? GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận theo kĩ tuật khăn trải bàn và trả lời từng câu hỏi  Kĩ thuật "Khăn trải bàn"  Dự kiến sản phẩm: Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.  - Thể loại: bức thư  - PTBĐ: nghị luận  **Bước 3:. Báo cáo nhiệm vụ**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV nhấn mạnh: Văn bản kể lại câu chuyện mà tác giả là người trong cuộc. Như vậy, câu chuyện trở nên chân thực, thể hiện những trải nghiệm của tác giả khi nhìn nhận và rút ra bài học cho mình. | | **I. Đọc, tìn hiểu chung:**  **1. Đọc**  **2. Tìm hiểu chung:**  **a) Tác giả:**  - Đa – ni en Gót – li – ép sinh năm 1946. Người Mĩ.  - Nhà tâm lí học thực hành, Bác sĩ điều trị tâm lí đồng thời là chuyên gia sức khỏe tâm thần.  - Một số TP tiêu biểu: Tiếng nói của xung đột (2001), Những bức thư gửi cháu Sam (2008), Học từ trái tim (2008)  **b). Tác phẩm.**  -Văn bản trích Bản đồ dẫn đường trích từ cuốn sách “Những bức thư gửi cháu Sam”.  - Thể loại: bức thư  - PTBĐ: nghị luận  **Bố cục:** 3 phần  **\*Phần 1: Giới thiệu vấn đề** *"Chúng ta cần phải bước vào bóng tối")*  => Nêu vấn đề nghị luận( kể lại một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn).  **\*Phần 2: Giải quyết vấn đề:**  (Tiếp … đến “*chính kinh nghiệm của mình”*):  **=>** Chính tấm bản đồ quyết định cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống với mọi người và chính bản thân mình. Nó cũng mang ý nghĩa quyết định đối với thành bại của chúng ta trong cuộc sống .  **\*Phần 3: Kết thúc vấn đề:** Đoạn còn lại **=>** Nhắc lại thông điệp mỗi người cần có riêng cho mình một “tấm bản đồ”.  **\* Vấn đề:** bàn luận về trong cuộc sống, mỗi người lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định. | |
| **II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VĂN BẢN** | | | |
| **a.Mục tiêu:**  - HS nhận biết được vấn đề nghị luận và cách nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn  - Nhận thức được trong cuộc sống, mỗi người tự lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.  - Hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.  b.**Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.  **c.Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thành ở nhà.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **NV1 Tìm hiểu phần giới thiệu vấn đề.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc thầm VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 01,02** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1. Vấn đề được bàn trong Bản đồ dẫn đường là gì?*  *2.* [*Nêu tác dụng của cách mở đầu vă*](https://blogtailieu.com/)*n bản bằng việc kể lại câu chuyện có tính chất ngụ ngôn.*  *3. Mục đích kể chuyện của người viết?*  *Hành động tìm chìa khóa của người đàn ông kì khôi như thế nào?*  *Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta?*  *4. Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  **-** HS trình bày cá nhân.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Các HS khác nhận xét.  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **1.Giới thiệu vấn đề**  \*Bàn luận về trong cuộc sống, mỗi người lựa chọn con đường của mình nhằm đạt mục đích đã xác định.  **-** Dẫn dắt vấn đề bằng câu chuyện ngụ ngôn  => Cách giới thiệu vấn đề như vậy khiến người đọc chú ý hơn.   * Nếu cái “bản đồ” (tức là quan niệm, cách thức hành động mà người ta vạch ra trong đầu) không phù hợp với thực tế đời sống thì sẽ thất bại. | | |
| **NV2 Tìm hiểu phần giải quyết vấn đề.**  **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết hệ thống lí lẽ, dẫn chứng mà tác giả dùng để lập luận làm nổi bật ý nghĩa phong phú của hình ảnh “bản đồ”  - Rút ra được bài học về cách dùng dẫn chứng trong văn nghị luận  - Hiểu được tình cảm của tác giả trước vấn đề được bàn bạc, trao đổi.  **b.** **Nội dung hoạt động**: HS hoạt động nhôm.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 03** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *Tìm và ghi lại các câu văn nêu ý kiến chính trong văn bản?*  *Nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ và* bằng *chứng?*  *“Cháu biết không, tấm bản đó của ông lúc ấyy thật sự bế tắc -* “ông" đã tâm sự với “cháu" như vậy. Theo em, vì sao “ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đổ của [riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông"](https://blogtailieu.com/) có thể giúp “cháu" rút ra được bài học gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  **-** HS trình bày cá nhân.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Các HS khác nhận xét.  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **2.Giải quyết vấn đề**  **\*Các ý kiến:**  **-Tấm bản đồ là cách nhìn về cuộc đời, con người:**  **+ Lí lẽ:**   * Cách nhìn nhận cuộc đời và con người tất yếu sẽ hình thành ở mỗi chúng ta, được truyền từ bố mẹ, được điều chỉnh theo hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay kinh nghiệm bản thân. * Nếu có hai cách nhìn cuộc đời và con người không giống nhau.   **+ Bằng chứng:** Câu chuyện về sự khác nhau trong cách nhìn đời của mẹ “ông” và bản thân “ông” dẫn đến hai quan điểm sống khác nhau.  -**Tấm bản đồ là cách nhìn nhận về bản thân.**  **- Lí lẽ:**  **+** Đoạn văn đặt ra hàng loạt câu hỏi để triển khai ý “ nhìn nhận về bản thân”: *Tôi có phải là loại người đáng yêu?Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương? Khi gặp khó khan tôi sẽ ngã gục hay chiến đấu một cách ngoan cường?*  **+** *Người viết lí giải:* Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình.  **+ Bằng chứng:** Câu chuyện về chính cuộc đời ông. Sau vụ tai nạn, ông có thay đổi đáng kể từ đó hiểu mình là ai, ý nghĩa cuộc sống là gì?  **-** *> Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.*  **\* Bài học:**  - Mình có thể nhận được từ người thân những tình cảm cao quí, sự quan tâm, nhưng tấm bản đồ của riêng mình thì không nên lệ thuộc.  - Sự tự nhận thức về cuộc đời, quan điểm, tình cảm của mình đối với người khác và đối với bản thân – đó mới là yếu tố quyết định. | | |
| **NV3. Thảo luận:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thảo luận.  - HS trao đổi theo nhóm **Phiếu học tập số 4. Chia lớp thành 4 nhóm.**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nội dung câu hỏi, đại diện nhóm lên trình bày  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  **-** Đại diệnHS lên trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **\***Cuộc sống dù không hiếm những buồn khổ, lo âu, nhưng vô cùng đáng quý. Hai mặt này không loại trừ nhau. | | | |
| **NV4 Tìm hiểu phần kết thúc vấn đề.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi các nhân.  *Trong lời khuyên“ông“ muốn“ cháu“ phải làm những điều gì?*  *Những việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?*  *Chúng ta có cần phải thực hiện những điều“ông“ muốn Sam làm không?Vì sao?*  *Nhận xét gì về phần kết thúc vấn đề?*  *Qua văn bản này, em học được điều gì về cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, nhất là dạng bài trình bày ý kiên sphanr đối?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nội dung câu hỏi, các nhân lên trình bày  - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  **-** HS lên trình bày.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Các HS khác nhận xét  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **3.Kết thúc vấn đề.**   * Trong lời khuyên của “ông“ muốn “ cháu“ làm hai điều:   + Thứ nhất: phải kiếm tìm bản đồ cho chính mình.  + Thứ hai: tấm bản đồ đó“cháu“ phải tự vẽ ra bằng chính kinh nghiệm của mình.   * Việc làm của cháu sẽ giúp cháu biết tự chủ, tự chịu trách nhiệm về chính cuộc đời mình. * *Kết thúc vấn đề ngắn gọn, súc tích.* | | |
| **III. TỔNG KẾT** | | | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  *Theo em chúng ta cần những điều kiện nào để tìm ra bản đồ cho chính mình?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **B3: Báo cáo nhiệm vụ**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  HS khác bổ sung.  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | | | **1.Nghệ thuật**:  - Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ, lí lẽ xác đáng thuyết phục và bằng chứng chọn lọc, tiêu biểu …  - Cách đan xen phương thức tự sự, biểu cảm trong văn nghị luận rất tài tình để làm tăng sức thuyết phục.  **2. Nội dung, ý nghĩa:**  - Chúng ta cần phải tìm kiếm cho mình tấm bản đồ. Mỗi người có hành trình riêng, bài học chỉ được rút ra từ trải nghiệm của bản thân, không thể vay mượn hay bắt chước bất kì ai. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập :**

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**Câu 1:** Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:

**Câu 2:** *Trên “con dường" đi tới tưong lai của bản thân, “tấm bản đó’ có vai trò như thế nào?* Hãy trả lời câu hỏi trên đây bằng một đoạn văn (khoảng 5-7 câu).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**B 3: Báo cáo nhiệm vụ**

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.

**B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**Câu 1:** Những yếu tố quan trọng của một văn bản nghị luận:  
  
- ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.

- ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*

- **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.

**Câu 2: Đoạn văn cần đáp ứng những yêu cầu sau:**

**-Về nội dung:**

**+** Làm rõ được trên hành trình đến với tương lai, mỗi người cần có riêng cho mình một “Tấm bản đồ”.

+ “Tấm bản đồ” giúp con người chủ động, tự tin vào hướng mình lựa chọn: nó có thể giúp con người vượt qua những khó khan thử thách trên từng bước đường đời….

* **Về hình thức:**

+ Số câu cần đúng với quy định, đoạn văn không ngắn quá hoặc dài quá, có phần Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn rõ ràng.

+ các câu trong đoạn phải đúng ngữ pháp, tập trung vào chủ đề, liên kết với nhau bằng các phương tiện phù hợp.

+ Hạn chế lỗi về chính tả và diễn đạt.

**4. Hoạt động 4: Vận dụng:**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  Câu 1:Từ việc đọc hiểu văn bản "Bản đồ dẫn đường ", em hãy rút ra mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng trong một bài văn nghị luận.  Câu 2: Tưởng tượng mình là Sam, em hãy viết bức thư ngắn(khoảng 10 câu) để hồi đáp những lời nhắn nhủ, dặn dò của ông ngoại, trong thư trả lười câu hỏi của ông “ Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào?” **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhanh câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ**  - HS bày tỏ quan điểm .  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa (nếu cần). | **\*Mối quan hệ giữa lí lẽ và bằng chứng:**  - ***Ý kiến*** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.  - ***Lí lẽ*** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: *Vì sao?, Do đâu?*  - **Bằng chứng** (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ.  => Ý kiến – lí lẽ - bằng chứng chặt chẽ, văn bản trở nên rành mạch, chặt chẽ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | |
| Hình ảnh | Ý nghĩa |
| *Tấm bản đồ dẫn dường* | …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… |
| Nơi sáng sủa | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| Bóng tối | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| Con đường | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | |
| 1. Vấn đề được bàn trong Bản đồ dẫn đường là gì? | …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… |
| 2. Mục đích kể chuyện của người viết?  Hành động tìm chìa khóa của người đàn ông kì khôi như thế nào?  Sự kì khôi thể hiện như thế nào trong lập luận của ông ta? | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| 3 Mối liên hệ giữa câu chuyện và vấn đề đưa ra để bàn bạc là ở đâu? | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1.Tấm bản đồ** | **Cách nhìn về cuộc đời,**  **con người** | Lí lẽ:…………………………………  ……………………………………………………………………………… |
| Bằng chứng:…………………………  ……………………………………….  ………………………………………. |
| **Cách nhìn nhận về bản thân** | Lí lẽ:…………………………………  ……………………………………………………………………………… |
| Bằng chứng:…………………………  ……………………………………….  ………………………………………. |
| Nhận xét gì về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng? | | ……………………………………….  ………………………………………. |
| *2.“Cháu biết không, tấm bản đó của ông lúc áy thật sự bế tắc -* “ông" đã tâm sự với “cháu" như vậy. Theo em, vì sao “ông" bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đổ của [riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông"](https://blogtailieu.com/) có thể giúp “cháu" rút ra được bài học gì? | | ……………………………………….   1. ……………………………………. 2. ………………………………………………………………………………………………………………………………………………….. |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4** | |
| 1. Có phải cuộc sống chỉ toàn lo âu, đau khổ? | …………………………………………………  ………………………………………………… |
| 2. Có phải cuộc sống thực sự là một món quà quý? | ………………………………………………  ………………………………………………  ……………………………………………… |
| 3. Hai cách nhìn đó khác nhau như thế nào? Có loại trừ nhau không? | ………………………………………………  ………………………………………………  ………………………………………………. |
| 4. Điều gì dẫn đến sự khác biệt ở hai cách nhìn cuộc sống như vậy?  -Liệu có thể có một cách nhìn trung gian giữa hai cách nhìn kia? | ………………………………………………  ………………………………………………  ……………………………………………… |

**------------------------------------------**

***Ngày dạy:......................................***

**TIẾT 99, 100:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT**

**(BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Củng cố lại kiến thức về mạch lạc và liên kết

- Nắm được các biện pháp liên kết và phương tiện liên kết trong văn bản

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Năng lực hợp tác, thảo luận nhóm

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề

- Năng lực sáng tạo

***\* Năng lực đặc thù***

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt

***3. Về phẩm chất***

- Có ý thức sử dụng các phương tiện liên kết trong bài viết

- Yêu thích môn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy.

- Máy tính, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu**:

- Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

- Cùng cố hai khái niệm liên kết và mạch lạc, các biện pháp và phwuong tiện kết thông dụng, liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong văn bản.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò Dự kiến sản phẩm** | |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Nhắc lại thế nào là mạch lạc? Phân tích tính mạch lạc trong đoạn văn sau:  *Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng - những màu vàng rất khác nhau. Màu lúa chín dưới đồng vàng xuộm lại. Nắng nhạt ngả màu vàng hoe. Trong vườn, lắc lư những chùm quả xoan vàng lịm không trông thấy cuống, như những chuỗi tràng hạt bồ đề treo lơ lửng. Từng chiếc lá mít vàng sẫm. Tàu đu đủ, chiếc lá sắn héo lại mở năm cánh vàng tươi. Dưới sân, rơm và thóc vàng giòn. Quanh đóm con gà, con chó cũng vàng mượt. Tất cả nhuộm một màu vàng trù phú, đầm ấm lạ lùng.*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  ***Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  ***Bước 4:* Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS khác nhận xét,bổ sung  GV chốt và dẫn vào bài: Để văn bản có tính mạch lạc cần sử dụng các biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết như thế nào? Chúng ta cùng vào bài học ngày hôm nay. | - Là sự liền mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản, thể hiện qua:  + Thống nhất về đề tài  + Tiếp nối trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn, giữa các đoạn trong văn bản  - Đề tài: Vẽ lên một bức tranh quang cảnh ngày mùa trù phú, đầm ấm, tươi sáng => Quang cảnh ngày mùa tươi sáng  - Trình tự: không gian: cao -> thấp, gần -> xa |

**2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được rằng: + Phép nối sử dụng từu ngữ nối.

+ Phép thế sử dụng từ ngữ ở câu sau thay thế cho từ ngữ ở câu trước.

+ Phép lặp được tạo nên bằng cách để câu sau lặp lại một số từ ngữ ở câu trước.

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **I.NỘI DUNG** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Nhắc lại thế nào liên kết? Mối liên hệ giữa liên kết và mạch lạc?  - Khi liên kết thường sử dụng phương tiện gì?  - Có mấy biện pháp (phép) liên kết, đó là những biện pháp nào?  - Nhận diện các phép liên kết và phương tiện liên kết qua các ngữ liệu sau:  a) *Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. Nhưng không phải vậy đâu Sam à.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  b) *Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. Bà vẫn hay nói với ông rằng, để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  c) *Cháu biết không, tấm bản đồ đó của ông lúc ấy thật sự bế tắc. Ông không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. […] Ông cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và ông bền vững.*  (Đa-ni-en Gốt-li-ep, *Bản đồ dẫn đường*)  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ.  ***Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  ***Bước 4: Đánh giá nhi*ệm vụ**   * HS khác nhận xét, bổ sung   GV chốt và mở rộng kiến thức. | **I.Nhận biết một số biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết**   1. **Ví dụ** 2. **Nhận xét**   - Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn hoặc giữa các đoạn trong văn bản.  - Phương tiện liên kết: Từ ngữ  - Các phép liên kết:   * Phép nối (đoạn a – “Nhưng” * Phép thế (đoạn b – “mẹ ông” -> “Bà”) * Phép lặp (đoạn c – “ông”) |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập.**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết vận dụng kiến thức giải quyết các bài tập Tiếng Việt giải quyết các bài tập Tiếng Việt về các phép liên kết và từ liên kết

**b. Nội dung:** HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Yêu cầu SGK, tr.59.60  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ.  ***Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  ***Bước 4: Đánh giá nhi*ệm vụ**  HS khác nhận xét, bổ sung  GV chốt và mở rộng kiến thức  ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Chỉ ra phép liên kết, từ liên kết trong các ngữ liệu sau:  a)  Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, … Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến.  Muốn như thế thì thầy giáo, học trò, cán bộ phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa.  b)  Từ đó, dân ta càng khổ cực, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói.  c)  Lan đã học hành chăm chỉ. Vì vậy, bạn ấy đã đạt thành tích cao trong kì thi cuối cấp.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, chia sẻ  ***Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  ***Bước 4: Đánh giá nhi*ệm vụ**  HS khác nhận xét, bổ sung  GV nhận xét , chốt kiến thức | **Bài 1 (59)**  **Câu 1:**  + Đoạn 1: Ông nhớ lại cách nhìn cuộc đời của mẹ ông và bố  + Đoạn 2: Ông luôn tin tưởng vào mọi người, ngược lại mẹ ông luôn hoài nghi  + Các câu đều tập trung thể hiện chủ đề, giữa các câu có sự liên kết về hình thức.  **Câu 2:**  + Đoạn 1:  Câu 2-1: Lặp từ ngữ: *bản đồ dẫn đường của cháu – tấm bản đồ của ông*  Câu 3-2: Lặp từ: “ông”  Câu 4-3: Đại từ thay thế: *mẹ ông – Bà*  Lặp từ: “ông”  Câu 5-4: Từ ngữ thay thế: *quan điểm đó*...  Lặp từ: “ông”  + Đoạn 2: Lặp từ: “ông”  **Câu 3:**  - Phương tiện liên kết đoạn:  Câu 1 (đoạn 2)– từ liên kết: “Nhưng”  Lặp từ “quan điểm”  **Câu 4:**  Tập hợp 1: 2,4,1,5,3 -> không còn phương tiện liên kết, không có mối quan hệ về nội dung  Tập hợp 2: 7,3,4,6,1,5,2 -> phương tiện liên kết vẫn tồn tại, không có sự liên hệ về nội dung  => Hỗn độn, không toát ra chủ đề  **Câu 5:**  - Không thay đổi nội dung, ý nghĩa ở mỗi đoạn  - Không có quan hệ logic, không phù hợp với thực tế giao tiếp (Câu chuyện về sự trái ngược trong cách nhìn người – ông sẽ kể câu chuyện)  **Bài 2**  a) Câu 1, 2: lặp “trường học” -> Phép lặp  Đoạn 1, 2: thay thế: “trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân và phong kiến” -> “như thế” -> Phép thế  b) Câu 1, 2 liên kết bằng “Kết quả” -> Phép nối  c) Phép nối: “Vì vậy” |

**4. Hoạt động 4. Vận dụng.**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối nhân vật với cảm xúc của HS.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm.** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Viết một đoạn văn ngắn (10 – 12 câu) nêu suy nghĩ của em về tác hại của bạo lực học đường. Trong đoạn văn có sử dụng các phép liên kết  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, viết bài.  ***Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  ***Bước 4: Đánh giá nhi*ệm vụ**  HS khác nhận xét, bổ sung  GV nhận xét , đánh giá | - Hình thức: Viết nối tiếp 10 – 12 câu  - Nội dung: bày tỏ suy nghĩ về tác hại của bạo lực học đường  - Sử dụng ít nhất một phép liên kết |

***------------------------------------------------***

***Ngày dạy:.............................................***

**TIẾT 101 , 102:**

**VĂN BẢN 2: HÃY CẦM LẤY VÀ ĐỌC**

**(Huỳnh Như Phương)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

* HS nắm được chủ đề và quan điểm của người viết thể hiện qua VB nghị luận (nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc,...). Tất cả đều được trình bày thành những ý kiến có khả năng định hướng suy nghĩ cho người đọc.
* HS hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung:***

Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

***\* Năng lực đặc thù:***

*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết *); năng lực văn học.*

- **HS biết cách đọc hiểu** một văn bản nghị luận.

+ Nêu được ấn tượng về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.

+ Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, vấn đề, luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng trong 1 VB nghị luận.

- **HS hiểu được** ý nghĩa của việc dùng thuật ngữ trong văn bản.

***3. Về phẩm chất:***

- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a.Mục tiêu**:

Mục đích là để kết' nối những trải nghiệm về việc đọc sách của cá nhân với những nội dung được bàn luận trong VB, đồng thời tạo tâm thế thoải mái cho HS trước khi tiến hành các hoạt động của giờ học.

**b.Nội dung**:

Trao đổi, chia sẻ trong nhóm và trước lớp những suy nghĩ, nhận thức của bản thân.

**c.Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d.Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

1. *Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc về việc đọc sách mà em cho là có ý nghĩa.?*

*2. Em thich đọc loại sách nào? Em đã từng thu được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lắng nghe, suy nghĩ, viết câu trả lời.

**B3: *Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**

HS báo cáo kết quả

- HS chia sẻ cá nhân.

**B4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**

GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (…’)**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ**  **VĂN BẢN** | |
| **a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản “*Hãy cầm lấy và đọc* ”.  **b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: PTBĐ, vấn đề, bố cục…  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.  **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:** | |
| **Hoạt động của GV và HS**  **NV1: Tìm hiểu về tác giả Huỳnh Như Phương.**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả (tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: *Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  - HS trả lời nhanh.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. | **Dự kiến sản phẩm.**  **I. Đọc, tìm hiểu chung:**  **1. Đọc:**  **2. Tìm hiểu chung:**  **a) Tác giả:**   * Huỳnh Như Phươngng sinh năm 1955, quê ở Quảng Ngãi * à giảng viên đai hoc. nhà nghiên cứu phê binh văn hoc. * Tác phẩm chính: *Din vào tác phẩm văn chuông* (1986); *Trường phài Hmh thúc Nga* (2007); *Những nguồn cảm hứng trong văn hoc* (2008);  *Hãy cầm lấy và đọc* (2016); *Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn* (2019);.. |
| **NV2: Tìm hiểu chung về VB “ Hãy cầm lấy và đọc”**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  \*GV yêu cầu HS nêu hoàn cảnh ra đời:  \*GV hướng dẫn cách đọc văn bản: Đọc to, rõ ràng; chú ý phân biệt lời người kể chuyện và lời nói của nhân vật.  **\*GV yêu cầu Hs trả lời các câu hỏi:**  1. Chỉ ra PTBĐ chính của VB?Văn bản tập trung bàn về vấn đề gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?  2.Tóm lược một số ý kiến được tác giả lần lượt trình bày trong văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  1. HS đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát và nhận xét;  2. HS suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.  **Bước 3: *Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  **Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản | **2. Tác phẩm.**  **\* PTBĐ: Nghị luận.**  **\* Vấn đề:** bàn luận về việc đọc sách.   Điều này thể hiện trước hết ở:   * ***Nhan đề:*** Hãy cầm lấy và đọc. * ***Bố cục:***   + Mở bài: Câu chuyện về động lực đọc sách của Thánh Au-gu-xtinh.  + Thân bài: Tất cả các đoạn triển khai phần Thần bài đều nói về việc đọc sách.  + Kết bài: Nhắc lại thông điệp về đọc sách.  **\*Các sự việc chính:**  - Câu chuyện về việc lĩnh hội sứ mệnh đọc sách, nghiên cứu của Thánh Au-gu-xtinh.  - Vai trò của việc đọc sách đối với đời sống tinh thần của con người.  - Sự khuyến khích đọc sách đến từ những người có trách nhiệm với ta.  - Sự kì diệu của sách và tác dụng to lớn của việc đọc sách.  - Đọc sách trong điều kiện thay đổi hình thức sách.  - Giải pháp cho tình trạng xuống cấp của văn hoá đọc.  - Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách. |
| **II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VB.** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết được nhu cầu và tầm quan trọng của việc đọc sách đối với đời sống con người, cách chọn sách, cách đọc, biện pháp khắc phục sự xuống cấp của văn hoá đọc.  - Hiểu được cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng, nghệ thuật diễn đạt, cách chuyển và liên kết để hướng tới một chủ đề chung của VB nghị luận.  **b.** **Nội dung**: GV sử dụng PP thảo luận nhóm, KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân, nhóm để tìm hiểu nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật của nhà văn.  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của nhóm.  **d. Tổ chức thực hiện:**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP** | | | 1. Phần mở đầu kết nối với vấn đề đăt ra trong VB ntn? | …………………………………………………  ………………………………………………… | | 2. Những lí lẽ, bằng chứng nói về:  - Vai trò, ý nghĩa của sách trong đời sống.  - Tình trạng văn hóa đọc: | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………… | | 3. Phương pháp khắc phục: | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. | | 4. Có thể xem đọc sách là 1 trải nghiệm được không? Vì sao? | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc VBtrong SGK.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 01** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1. Phần mở đầu kết nối với vấn đề đăt ra trong VB ntn?*  *3. Những lí lẽ, bằng chứng nói về vai trò, ý nghĩa của sách trong đời sống?*  *4.Em hiểu thế nào là tình trạng sa sút của văn hoá đọc? Theo em, do đâu có tình trạng này? Muốn giải quyết tình trạng đó, tác giả nêu ra những điều kiện nào?*  *5. Có thể xem đọc sách là 1 trải nghiệm được không? Vì sao?*  *6. NX về cách kết thúc vấn đề ở cuối VB?*  **Bước 2: : Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: *Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức. | **II. KHÁM PHÁ CHI TIẾT VB:**  **1. Giới thiệu vấn đề:**  Câu chuyện huyền bí về động lực đọc sách của thánh Au-gu-xtinh trở thành một thông điệp ***: hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào.***  **2. Giải quyết vấn đề:**  **\* Vai trò của sách trong đời sống:**  ***- Lí lẽ***: Đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người.  ***- Bằng chứng***: Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước. Chữ kích thích trí tưởng tượng của người đọc, không bị cố định hóa trong một khuôn khổ, hình thể nào.  **-** *> Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu thuyết phục.*  ***\*Để* khắc phục sự sa sút của văn hóa đọc**.  "cần tính đến cả hai phương diện: chủ thể đọc và đối tượng đọc, nghĩa là phải có người ham đọc và có sách hay để đọc".  *-> Phân tích tỉ mỉ, chi tiết.*  **\* Có thể xem đọc sách là một kiểu trải nghiệm vì**:  - Trải nghiệm về cách đọc sách. Người đọc sẽ tìm ra một cách đọc phù hợp với bản thân mình.  - Trải nghiệm cùng nội dung của cuốn sách. Người đọc sẽ có thêm những hiểu biết mới dựa vào nội dung của sách, đó chính là một sự trải nghiệm.  *-> Liên hệ thực tiễn.*  **3.  Kết thúc vấn đề:**  *-*Nhắc lại thông điệp về việc đọc sách.  *-> Suy luận độc đáo.* |
| **III. TỔNG KẾT.** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa của văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: *Bước 3:* Báo cáo nhiệm vụ**  HS báo cáo kết quả  - HS trình bày các nội dung tổng kết.  **Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  HS khác nh ận xét ,bổ sung  GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **III. TỔNG KẾT.**  **1.Nghệ thuật**:  Lối dẫn dắt độc đáo, lập luận chặt chẽ bằng cách đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục…  **2. Nội dung:**  Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về cách nhìn nhận của mình về tầm quan trọng của việc đọc sách và tính cấp thiết của việc khắc phụ sự sa sút băn hóa đọc. Bên cạnh đó, bài viết còn truyền cảm hứng, kêu gọi mọi người yêu sách hơn, đọc sách để giữ vững văn hóa, mở mang tri thức. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập :**

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

- Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về thuật ngữ để thực hiện bài tập.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

- HS thảo luận nhóm để nhận diện thuật ngữ trong ngữ cảnh.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Viết kết nối:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  [Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) với chủ](https://blogtailieu.com/) đề: *Sách là để đ* *ọc ,ko phải để trưng bày*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  - GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.  **-** Các HS khác lắng nghe,.  **Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  Các HS khác nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.  - GVnhận xét , cho điểm | **V. LUYỆN TẬP- :**  **a. Viết kết nối:** |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng :**

**a. Mục tiêu**:

- HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

- Củng cố kiến thức trong bài học, kiến thức về thuật ngữ để thực hiện bài tập.

**b. Nội dung**:

- HS viết được đoạn văn theo yêu cầu.

- HS thảo luận nhóm để nhận diện thuật ngữ trong ngữ cảnh.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và bài viết của HS.

***-------------------------------------------***

**Ngày dạy:..................................**

**TIẾT 103, 104:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THUẬT NGỮ**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- HS hiểu được thế nào là thuật ngữ; cách xác định nghĩa của thuật ngữ; biết được có những đơn vị khi được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường; biết dựa vào câu để xác định một đơn vị nào đó có phải là thuật ngữ hay không.

- HS vận dụng hiểu biết về thuật ngữ để tiếp nhận văn bản khoa học trong các bài học; biết sử dụng thuật ngữ trong việc tạo lập văn bản theo yêu cầu.

***2. Năng lực***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực tự chủ, tự học: Học sinh có ý thức tìm hiểu, sử dụng thuật ngữ trong nói, viết một cách có hiệu quả. Chủ động tiếp nhận, hoàn thành nhiệm vụ học tập một cách tích cực.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh, học tập tích cực chia sẻ, lắng nghe, phản hồi các ý kiến. Trình bày một cách tự tin ý kiến của mình.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS biết tiếp nhận thông tin và đánh giá, nhận xét nội dung bài học, suy nghĩ và đưa ra các ý kiến giải quyết yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực ngôn ngữ: HS sử dụng được thuật ngữ một cách có hiệu quả trong khi nói và viết (đặt câu, viết đoạn văn).

- Năng lực văn học: HS cảm nhận được cái hay về nội dung và nghệ thuật khi sử dụng thuật ngữ một cách chính xác và đúng mục đích.

***3. Phẩm chất:***

- Trách nhiệm: Học sinh có ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vận dụng kiến thức về thuật ngữ vào các văn bản được học và trong cuộc sống.

- Chăm chỉ: Học sinh chăm chỉ học tập, rèn luyện để sử dụng thuật ngữ phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Tìm hiểu, khám phá nghĩa của các từ (thuật ngữ) để mở rộng vốn hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy, máy chiếu, phiếu bài tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động 1: Xác định vấn đề - 5 phút**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, tạo cơ sở để HS tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “Hiểu ý đồng đội”. HS thực hiện hoạt động dưới sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV phổ biến luật chơi: Một bạn lên bảng, một bạn dưới lớp. Bạn trên bảng sẽ được GV đưa cho các từ khóa. Bạn trên bảng sẽ gợi ý để bạn kia đoán ra các từ khóa. Lưu ý: không được gợi ý có bất kỳ từ nào có trong từ khóa.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tiếp nhận và tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**

**-** GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**

* GV nhận xét ,cho điểm và chốt kt

(Từ khóa: Mặt trời, Chiến tranh,...

***- GV dẫn dắt:***

***Chúng ta vừa tham gia trò chơi Hiểu ý đồng đội, để đồng đội của mình hiểu được nghĩa của các từ này bạn còn lại đã dùng cách giải thích theo nghĩa thông thường. Tuy nhiên chúng ta còn có thể giải thích các từ khóa này bằng cách khác dựa vào tri thức khoa học. Lúc này các từ khóa đó sẽ được gọi là Thuật ngữ. Vậy thế nào là Thuật ngữ và đặc điểm của Thuật ngữ là gì? Chúng ta tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.***

|  |  |
| --- | --- |
| **2.Hoạt động 2: Hình thành kiến thức - 10 phút**  **a. Mục tiêu:**  - Hình thành cho HS kiến thức về khái niệm, đặc điểm và cách xác định thuật ngữ. **b. Nội dung:**  - GV tổ chức các hoạt động nhóm và hướng dẫn học sinh ôn tập lại những kiến thức về thuật ngữ.  **c. Sản phẩm:**  - Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
|  | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm thuật ngữ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Câu 1:**  Trong hai cách giải thích sau về nghiã của từ "nước", cách giải thích nào thông dụng ai cũng có thể hiểu đựơc? Cách giải thích nào không thể hiểu được nếu thiếu kiến thức về hoá học?  - Cách 1: Nước là chất lỏng không màu, không mùi, có trong sông, hồ, biển...  - Cách 2: Nước là hợp chất của các nguyên tố hi-đrô và ô-xi, có công thức là H2O  **Câu 2:**  Em hãy đọc các định nghĩa sau, cho biết các định nghĩa này ở những bộ môn nào? Các từ in đậm chủ yếu được dùng trong loại văn bản nào?  - **Thụ phấn** là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy.  - **So Sánh** là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **- Thủy triều** là hiện tượng dao động, thường xuyên có chu kỳ của các khối nước trong các biển và đại dương.  **? Từ việc tìm hiểu các ví dụ trên em hiểu thuật ngữ là gì?**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  **Bước 3: Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **-** GV nhận xét, bổ sung  ***Câu 1:***  ***- Cách 1****: Giải thích đặc điểm bên ngoài của sự vật (dạng lỏng hay rắn? Màu sắc, mùi vị thế nào? Từ đâu hay từ đâu mà có) hình thành trên cơ sở kinh nghiệm, có tính chất cảm tính, ai cũng có thể hiểu được.*  *-> Cách giải thích thông thường.*  ***- Cách 2:*** *Giải thích các đặc tính bên trong của sự vật, được cấu tạo từ yếu tố nào, mối quan hệ giữa các yếu tố đó ? -> Giải thích qua việc nghiên cứu bằng lí thuyết và phương pháp khoa học, qua việc tác động vào sự vật để sự vật bộc lộ những đặc tính của nó*  *->Người nghe muốn hiểu phải có kiến thức chuyên ngành hóa học.*  ***Câu 2:***  *- Các định nghĩa thuộc bộ môn: Sinh học, văn học, địa lý.*  *- Sử dụng trong các văn bản khoa học, công nghệ.*  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đặc điểm của thuật ngữ - cách xác định thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc thông tin trong hộp *Nhận biết đặc điểm và chức năng của thuật ngữ.*  **GV đưa ra ví dụ 1:**  a. **Muối** là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid.  b. Canh còn hơi nhạt, con thêm tí **muối** nữa đi.  **? Theo em trong 2 ví dụ trên, từ “muối” nào được dùng với tư cách là thuật ngữ, từ nào được dùng với tư cách là từ ngữ thông thường?**  **GV đưa ra ví dụ 2:**  a. Liệu con vi-rút này có biến thể nào khác hay không vẫn còn là một **ẩn số**.  b. **Ẩn số** của phương trình này là một số thập phân.  ? Theo em trong 2 ví dụ trên, từ “ẩn số” nào được dùng với tư cách là thuật ngữ, từ nào được dùng với tư cách là từ ngữ thông thường?  ? Từ hai ví dụ trên em hãy nêu chức năng của thuật ngữ?  ? Từ đó nêu cách xác định thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **-** GV nhận xét, bổ sung  **- Ví dụ 1:**  *+ Muối (a) là thuật ngữ, chỉ một loại hợp chất hóa học.*  *+ Muối (b) là một từ thông dụng, chỉ một loại gia vị trong thực phẩm.*  **- Ví dụ 2:**  *+ Ẩn số (a) là từ thông dụng, có nghĩa là “điều chưa ai biết rõ”.*  *+ Ẩn số (b) là một thuật ngữ toán học, có nghĩa là “số chưa biết”.*  **- Cách xác định thuật ngữ:** dựa vào ngữ cảnh  **- Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:**  + Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ. (cuối SGK Ngữ văn 7)  + Đọc các từ điển chuyên ngành.(Từ điển tiếng Việt - Hoàng Phê chủ biên) | **I. Thuật ngữ:**  **1. VD**  **2.Nhận xét**  **- Khái niệm:** Thuật ngữ là từ hoặc cụm từ cố định, được sử dụng theo quy ước của một lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học nhất định.  **- Chức năng:**  + Có những từ ngữ khi thì được dùng với tư cách là một thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường.  + Có những thuật ngữ đôi khi được dùng như từ ngữ thông thường.  **- Cách xác định thuật ngữ:** dựa vào ngữ cảnh  **- Cách xác định nghĩa của thuật ngữ:**  + Tìm trong Bảng tra cứu thuật ngữ.  + Đọc các từ điển chuyên ngành. |
| **3.Hoạt động 3. Luyện tập - 20 phút**  **a. Mục tiêu:**  - HS củng cố kiến thức về thuật ngữ: nhận diện được thuật ngữ, căn cứ để xác định thuật ngữ, tìm hiểu nghĩa của thuật ngữ.  **b. Nội dung:**  - GV tổ chức các hoạt động nhóm, làm việc cá nhân.  **c. Sản phẩm:**  - Kết quả bài làm nhóm, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập (SGK- 64)  **? Chỉ ra thuật ngữ trong các câu văn và cho biết dựa vào đâu em xác định được như vậy?**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **-** GV nhận xét, bổ sung  **\* GV Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 (SGK-64)  ? Hãy tra từ điển hoặc các loại tài liệu thích hợp để tìm hiểu nghĩa của các thuật ngữ đã tìm được ở bài tập 1.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.  **Bước 4: Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 (SGK-64,65)  - GV chia lớp làm 3 nhóm thảo luận (5 phút)  + Nhóm 1: cặp câu thứ nhất  + Nhóm 2: cặp câu thứ hai  + Nhóm 3: cặp câu thứ ba  ? Trong các từ ngữ in đậm ở những cặp câu trường hợp nào là thuật ngữ, trường hợp nào là từ ngữ thông thường? Cho biết căn cứ để xác định?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.  **Bước 3: Báo cáo nhiệm vụ:**  HS các nhóm tiếp nhận nhiệm vụ, trình bày kết quả.  **Bước 4: Bước 4: *Đánh giá nhi*ệm vụ**  - GV gọi các nhóm nhận xét, bổ sung.  , chốt kiến thức, tuyên dương nhóm tích cực hoạt động, có thể cho điểm. | **II. Luyện tập**  **Bài 1 (SGK-64)**  a. ngụ ngôn  b. triết học  c. văn hóa  d. in-tơ-nét  **- Căn cứ:** các từ trên đều thuộc về một lĩnh vực, một ngành cụ thể:  + Ngụ ngôn – thể loại văn học  + Triết học – ngành khoa học  + Văn hóa – giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra  + In-tơ-nét – một lĩnh vực của công nghệ thông tin.  **Bài 2 (SGK-64)**  - Ngụ ngôn: thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lý, kinh nghiệm sống.  - Triết học: khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất của thế giới và sự nhận thức thế giới.  - Văn hóa: tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra trong quá trình lịch sử.  - In-tơ-nét: hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điều kiện cho các dịch vụ truyền thông dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.  **Bài 3 (SGK-64,65)t** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Thuật ngữ** | **Từ ngữ thông thường** | | **a. Cặp câu thứ nhất** | - Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là điệp khúc. | - Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc. | | **b. Cặp câu thứ hai** | - Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn năng lượng | - Đọc sách là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần. | | **c. Cặp câu thứ ba** | - Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lý được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ. | - Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc. | | **Căn cứ xác định:** | - Dựa vào các câu có sử dụng các từ đó. Đó là những câu có tính chất định nghĩa, thuộc về một lĩnh vực nhất định. Các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ chỉ có một nghĩa, thuộc về chuyên môn. | - Các từ điệp khúc, năng lượng, bản đồ đề được dùng theo nghĩa chuyển.  + Điệp khúc: sự lặp đi lặp lại trong lời nói.  + Năng lượng: nguồn sống cho cơ thể  + Bản đồ: sự tìm kiếm hướng đi của cuộc đời. | | |

-------------------------------------------

***Ngày dạy:................................***

**TIẾT 105:**

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Củng cố kiến thức về các thể loại hoặc loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở giữa học kì II.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết các bài văn kể chuyện tưởng tượng, viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi, nói và nghe.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện, vận dụng kiến thức trong văn bản để đánh giá được các vấn đề trong cuộc sống.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *+* GV chơi trò chơi ***Ai nhanh hơn****Trong giữa học kì II, em đã học những VB nào, nêu tên văn bản và tên tác giả ?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận.  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Các nhóm bình chọn sản phẩm nào đẹp nhất.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá.  GV dẫn dắt: Bài học hôm nay chúng ta cùng ôn tập lại các thể loạ văn bản và các kiến thức tiếng Việt đã được học trong HK II. | - HS kể nhanh các thể loại, loại VB đã học: truyện nước ngoài, truyện cổ tích, VB nghị luận, VB thông tin. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ôn tập các thể loại văn bản đã học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm thể loại văn bản, tên các tác giả và tác phẩm đã học.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu về thể loại văn bản đã học bằng cách lập bảng thống kê.  *+ Văn bản đó thuộc thể loại gì?*  *+ Phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản là gì?*  ? Em hiểu thế nào là tiểu thuyết?  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Các thể loại VB**  **1.văn bản:**  **+VB** “Cuộc trạm trán trên đại dương”   * Tác giả: Giuyn- Vec- Nơ. * Thể loại: Tiểu thuyết. * PTBĐ:Tự sự kết hợp miêu tả.   **+VB**:Đường vào trung tâm vũ trụ.   * Tác giả :Hà Thuỷ Nguyên. * Thể loại: Tiểu thuyết. * PTBĐ: Nghị luận+ MT.   +VB: Dấu ấn Hồ Khanh.   * Tác giả:Hồ Khanh. * Thể loại:phóng sự, bút kí. * PTBĐ:MT+BC.   **2.Thể loại tiểu thuyết.**  **-** *Tiểu thuyết là một thể loại văn xuôi có hư cấu, thông qua nhân vật, hoàn cảnh, sự việc để phản ánh bức tranh xã hội rộng lớn và những vấn đề của cuộc sống con người, biểu hiện tính chất tương thuật, tính chất kể chuyện bằng ngôn ngữ văn xuôi theo những chủ đề xác đinh.*  *-* **Đặc điểm của tiểu thuyết:**  **+** Tiểu thuyết tái hiện con người và cuộc sống bằng cái nhìn giàu chất văn xuôi.  +Tiểu thuyết nhìn đời sống từ góc độ đời tư.  +Nhân vật trong tiểu thuyết là con người nếm trải.  +Tiểu thuyết xoá khoảng cách trần thuật và nội dung trần thuật.  + Tiểu thuyêt chứa nhiều yếu tố thừa. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Kiểu văn bản/Ví dụ một văn bản được học** | | **Đặc điểm cơ bản của kiểu văn bản, thể loại qua văn bản ví dụ** | **Điều em tâm đắc với các văn bản** |
| *? Điểm nổi bật của 3 văn bản:*  *-****cuộc trạm trán trên đại dương.***  ***-Đường vào trung tâm vũ trụ.***  ***?*** *Họ khám phá vũ trụ ở không gian nào.*  *?Truyện kể về nhân vật nào?*  *? Nội dung của truyện là gì?*  *? Nội dung đó có ý nghĩa gì với nhân loại.*  *-* ***Dấu ấn Hồ Khanh.***  ***Là gì?***  ? Nhận xét gì về tiêu đề của văn bản.  -?Qua VB, em biết được điều gì.  ? Tác giả muốn gửi gắm điều gì qua VB. | | -PTBĐ:TS+MT  -PTBĐ:NL+MT.  -PTBĐ:NL+TS. | \***Truyện có 3 nhân vật**:pie a-ron-nac, cong xây và Nét Len tham gia phiêu lưu trong không gian rộng lớn của biển từ đêm đến sáng. Đó là không gian quen thuộc với ho. Song điểm bất thường của ngày hôm đó là sương mù dày đặc, các nhân vật nhìn qua ống nhòm cũng không rõ.không gian không theo ý muốn của họ.  Việc khám phá dưới đáy đại dương rất khó khăn.  **Họước mơ chinh phục được những điều bíẩn dưới đáy đại dương.Hình ảnh chiếc tàu ngầm được nhà văn liên tưởng độc đáo bằng hình ảnh chú cá , tạo nên nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả.**  **-Tác giả kể câu chuyện về những nhà thám hiểm trái đất. Tâm trái đất và tâm vũ trụ đồng nhất nhưng tâm trái đất chỉ có khoáng chất, tâm vũ trụ có sinh vật sống, thực vật kì lạ. Câu chuyện diễn ra trong hai không gian:**  **+**Không gian thánh địa HyLap, nơi thờ các vị thần Hylap.  **+**Không gian tâm vũ trụ, nơi có sự sống**.**  **-**Truyện kể hai nhân vật chính: Cô bé ( người kể chuyện) và cậu bé thần đồng**.**  - Hai nhân vật bay đến thánh địa Hy lạp trên con ngựa Thần Thoại. Khám phá thánh địa và phát hiện rốn vũ trụ . Thần đồng quay trở về bảo tàng mượn chìa khoá. 3 nhân vật vào được tâm vũ trụ. Họ nghiên cứu và tìm ra công nghệ gen, thay thế nội tạng, có thể cứu sống hàng triệu người trên thế giới.  **-> Đây là một ý tưởng hay của người cổ đại, thể hiện sự phát minh sáng tạo và phát triển về công nghệ của nước ngoài từ rất sớm. Những phát minh này rất có ý nghĩa với nhân loại .**  **- Tiêu đề VB:**Thể hiện được sự khái quát nội dung và tư tưởng mà văn bản muốn truyền đạt: Đó là dấu ấn khó phai của Hồ Khanh khi phát hiện và làm được những điều chưa có.  **Nội Dung:**Cung cấp thông tin về tác giả Hồ Khanh, đó cũng là tác giả đã phát hiện ra hang Sơn Đoong, hang rất ấn tượng có chiều cao và rộng nhất thế giới, nằm trong quần thể hang động thuộc khu du lịch của tỉnh Quảng Bình.  -Phẩm chất cao quý nhất của một nhà thám hiểm là sự hiểu biết và say mê khám phá thế giới tự nhiên.  -> khi bạn say sưa tìm tòi, khám phá thì bạn sẽ luôn thấy được những điều mới lạ trong thế giới này. |
| **Hoạt động 2: Ôn tập kiến thức về tiếng việt.**  **a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm , đặc điểm của các kiến thức tiếng việt có liên quan đến các VB được học:Liên kết, thuật ngữ, từ ngữ Hán Việt và nghĩa của từ.  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | | |
| ? Em hiểu thế nào là dấu chấm lửng.  GV cho HS tìm các câu văn có dấu …, nêu tác dụng của dấu câu trong câu văn đó. | HS tìm các câu văn theo yêu cầu của GV. | | **II.THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.**  **1.Dấu chấm lửng:**  **\*khái niệm:**Dấu chấm lửng, còn gọi là dấu … là dấu câu ,được sử dụng rộng rãi trong các câu văn trên toàn thế giới. bày tỏ ý còn nhiều sự vật , hiện tượng chưa liệt kê hết. thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. |
| ? Em hiểu thế nào là mạch lạc.  ? Trong khi giao tiếp, có cần rõ ràng, mạch lạc không?  ? yếu tố nào giúp nội dung văn bản liền mạch và không tách rời nội dung đang diễn đạt.  ? Em hiểu thế nào là thuật ngữ.  ? Các em được học về những kiểu bài ( viết bài văn )nào.  ? Thế nào là nghĩa của từ, nghĩa của từ có cấu tạo như thế nào.  ? Muốn hiểu được nghĩa của một từ Hán Việt, chúng ta cần phải làm gì.  ? Nghĩa của yếu tố Hán Việt có liên quan đến nghĩa của từ HV không.  ? Em hiểu như thế nào về văn kể chuyện.  ? Đối với kiểu bài trên, cần những yêu cầu gì.  ? Nêu các bước của bài văn nghị luận.  *? Tại sao phải giới thiệu hoàn cảnh diễn ra vả đôi tượng tham gia trò chơi hay hoạt động?*  *? Nếu không trình bày tường minh về các quy tắc hoặc luật lệ cũng như bỏ qua việc nêu trình tự các bước cần thực hiện thì sự hình dung của người đọc về trò chơi hay hoạt động sẽ gặp những khó khăn gì?*  *? Tại sao phải nêu vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người?*  *? Khi tham gia một trò chơi hay hoạt động, việc tìm hiểu ý nghĩa của nó có tác dụng gì?* | HS nhìn sgk để có câu trả lời.  - Rất cần diễn đạt ND rõ ràng để người nghe hiểu và tiếp nhận chính xác thông tin.  - Liên kết bằng từ, ngữ, câu văn ngắn.  **Bài tập 1**  Đoạn văn viết về việc những người trên tàu chiến quan sát để tiếp cận “con cá thiết kình”. Sự việc diễn ra trong một giờ đồng hổ, được sắp xếp theo trật tự thời gian tuyến tính: từ sáu giờ đến bảy giờ sáng. Sự thống nhất về đề tài được nói đến và trình tự sắp xếp hợp lí các sự việc theo nguyên tắc nhân quả làm cho đoạn văn mạch lạc và người đọc có thể hiểu rõ nghĩa cua đoạn văn: diễn biến của sự việc quan sát và tiếp cận “con cá thiết kình”.  -Trong quá trình học tập, HS đã tiếp xúc với nhiếu thuật ngữ ở các môn học khác nhau. Tuy nhiên, đây là lần dẫu tiên các em được nắm bắt một cách bài bản những nội dung lí thuyết cốt lõi về thnật ngữ, được luyện tập ở mức tương đối đơn giản về cách nhận diện, giải thích nghĩa và sử dụng thuật ngữ.  - Muốn phân biệt chính xác, cẩn dựa vào câu và loại VB. Các khía cạnh trên đầy về thuật ngữ đã được làm sáng tỏ bằng những ví dụ cụ thể.  GV lấy vd cụ thể cm cho hs hiểu.  **Bài tập 1**  GV cho HS suy nghĩ và xác định thuật ngữ theo khả năng nhận biết của mình. HS trả lời, dù chính xác hay không, GV đều yêu cầu HS nêu căn cứ xác định. GV điều chỉnh, bổ sung.  Gợi ý:  Câu a: *ngụ ngôn-,* cần b: *triết học;* cầu c: *văn hoá;* câu d: *in-tơ-nét.*  Căn cứ: các đơn vị trên đều thuộc vẽ một lĩnh vực, một ngành cụ thể. *Ngụ ngôn* dùng để chỉ một thể loại văn học; *triết học:* chỉ một ngành khoa học; *văn hoá:* chỉ những giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra; *in-tơ-nét:* chỉ một lĩnh vực của công nghệ thông tin. Đó là cơ sở đáng tin cậy để ta xác định các đơn vị đó là thuật ngữ.  **Bài tập 2**  GV hướng dẫn HS cách tra cứu từ điển để tìm nghĩa của các mục từ. Đơn giản nhất, HS có thể tìm nghĩa của các thuật ngữ trên trong cuốn *Từ điển tiếng Việt* (Hoàng Phê (Chủ biên), bản in năm 2003 của NXB Đà Nằng và Trung tâm Từ điển học).   * *Ngụ ngôn:* thể loại văn học, dùng văn xuôi hoặc văn vần, thường mượn chuyện loài vật để nói về việc đời nhằm dẫn đến những kết luận về đạo lí, kinh nghiệm sống. * *Triết học:* khoa học nghiên cứu về những quy luật chung nhất cúa thế giới và sự nhận thức thế giới. * *Văn hoá:* tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người lạo ra trong quá trình lịch sử. * *In-tơ-nét:* hệ thống các mạng máy tính được nối với nhau trên phạm vi toàn thế giới, tạo điểu kiện cho các dịch vụ truyền thông dữ liệu, như tìm đọc thông tin từ xa, truyền các tệp tin, thư tín điện tử và các nhóm thông tin.   GV lấy VD và chỉ cho học sinh nhận diện ra 2 phần trong từ ( ND và HT)  Hướng dẫn thực hiện bài tập:  đòi hỏi HS phần biệt được các loại từ ngữ, nội dung cần có cước chú (tức là cẩn được giải thích). Chức năng của các loại cước chú đã ghi sẵn trong bảng, HS chỉ cần điền tên những từ ngữ, nội dung cụ thể vào cột phù hợp (tương thích với ví dụ đã nêu). Cụ thể, với cột *Từ ngữ được giải thích nghĩa,* cần ghi: *thái cực, đồng nhất, hải lưu, cực đoan-,* với cột *Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ,* cẩn ghi: Ảnh của Quốc Trung; *Thoai-lai Dôn,* (Thô-mát L. Phrít-man, *Nóng Phẳng Chật,* Nguyễn Hằng *dịch,* NXB Trẻ, Thành phố Hổ Chí Minh, 2016, trang 179 - 181); với cột *Sự vật, hiện tượng được miêu tả, giải thích,* cần ghi: *Min-ne-xô-ta, hiện tượng “nước trồi”.*  HS hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng.  -HS nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.  GV lấy VD và giải thích rõ cho HS hiểu  **Hoạt động 3: Ôn tập kiến thức TLV.**  **a. Mục tiêu:** Nắm được khái niệm , đặc điểm của các kiểu bài có liên quan đến các VB được học: Viết bài văn kể chuyện, viết bài văn nêu ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay 1 h/đ.  **b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và viết được bài văn đúng kiểu bài.  **d. Tổ chức thực hiện:**  HS viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. Bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả; sắp xếp các sự việc theo trật tự trước sau, quan hệ nhân quả.  HS đọc và phân tích bài tham khảo ( VB mẫu).  Sau khi HS thảo luận nhóm xong, GV yêu cầu đại diện các nhóm trả lời. GV tổng hợp ý kiến của HS và chốt lại vấn đề.  -HS luyện viết từng đoạn văn.  HS nhận biết được vai trò của công nghệ đối với đời sống của con người, trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực.   * HS biết cách thảo luận về một vấn đê' gây tranh cãi, biết đưa ra ý kiến của mình, biết cách xác định những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến, đồng thời biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến của người khác trên tinh thần tôn trọng.   HS khi tìm ý cần bám sát các cầu hỏi đã nêu (gợi ý) trong SHS. Các em có thể phác qua nội dung trả lòi cho từng câu hỏi trong giấy nháp và phân bố chúng vào từng phần hợp lí trước khi chính thức viết bài | | **2.liên kết mạch lạc trong văn bản.**  - Mạch lạc là tính hợp lí, thống nhất và không mâu thuẫn giữa các cầu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong VB. Các câu (trong đoạn), các đoạn (trong VB) phải hướng đến chủ đề chung và được sắp xếp theo trình tự hợp lí nhằm thể hiện rõ chủ đề của VB.  - Các bộ phận trong VB (cầu, đoạn) được gắn kết chặt chẽ với nhau qua các phương tiện ngôn ngữ thích hợp, được gọi là “phương tiện liên kết”. Các loại phương tiện liên kết VB thường được sử dụng là từ ngữ nối, từ ngữ thay thế (thay thế bằng đại từ, từ ngữ đồng nghĩa) hoặc từ ngữ được lặp lại,...  - Liên kết góp phẩn tạo nên tính mạch lạc cua VB.  **3.Thuật ngữ.**  - Về cấu tạo, thuật ngữ có thể là một từ hoặc một cụm từ.  - Về chức năng và phạm vi sử dụng, thuật ngữ được sử dụng trong các ngành khoa học hoặc các lĩnh vực chuyên môn.  - Về mối quan hệ giữa thuật ngữ và từ ngữ thông thường: có những đơn vị khi thì được dùng với tư cách là thuật ngữ, khi thì được dùng như từ ngữ thông thường.  **4.Nghĩa của từ.**  **-** Nghĩa của từ là phần nội dung mà từ biểu thị.  - Cấu tạo: 2 phần  + Phần hình thức: là từ ngữ mà ta đọc được, nhìn thấy bằng chữ viết.  + Phần nội dung: phần nghĩa ẩn sâu bên trong câu chữ.  VD:Kiên định: là đức tính tốt đẹp của con người,biểu thị sự luôn giữ vững lập trường tư tưởng, tinh thần và ý chí với quyết định mà mình đưa ra.   * Phần trước dấu : phần HT * Phần sau dấu : là phần ND, cũng là phần nghĩa của từ.   **5. TP cước chú:**  - Là một đoạn chú thích đặt ở cuối trang trong một trang sách hoặc VB, nhằm giải thích làm rõ đề tài mà người viết muốn diễn đạt.  VD  *-Thái cực:…..*  *-Đồng nhất:…..*  *-Hải lưu:….*  *Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ,* cẩn ghi: Ảnh của Quốc Trung.   * Các phần giải thích nằm trong ngoặc đơn, sau dấu hai chấm ở cuối mỗi trang, VB được gọi là phần cước chú.   **6. Nghĩa của yếu tố Hán Việt.**  + Bài tập 1  yêu cẩu HS trong khi giải quyết một yêu cẩu cụ thể liên quan đến từ *tín ngưỡng,* cần đọc thông tin trong khung bên phải để nắm được cách thực hành. Theo điểu được chỉ dẫn trong đó, cần tách từ *tín ngưỡng* thành 2 yếu tố là *tín* và *ngưỡng.*  + Với yếu tố *tín,* có thể nghĩ đến những từ mà ở đó yếu tố này hiện diện như: *uy tín, hất tín, thất tín, tín nhiệm, tín đồ, tín tầm, tín niệm, điện tín, thư tín, ấn tín,...*  + Với yếu tố *ngưỡng,* có thể nghĩ đến những từ như: *chiêm ngưỡng, ngưỡng vọng, kính ngưỡng, ngưỡng mộ,...* Dù yếu tố *tín* cũng như *ngưỡng* có nhiều nghĩa cụ thể *(tín:* 1. đức tính thật thà; 2. tin, tin tưởng; 3. thư từ; 4. bằng cứ và *ngưỡng:* 1. ngước lên; 2. kính mến), nhưng trong mối quan hệ ràng buộc với nhau, có thể xác định rằng trong từ *tín ngưỡng* thì *tín* có nghĩa là *tin, tin tưởngvằ ngưỡng* có nghĩa là *kính mến* (nghĩa chung của từ *tín ngưỡng:* tin theo một tôn giáo  **III. Tập làm văn.**  1.***Viết bài văn kể chuyện, kể lại sự việc có thật hoặc sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ.***  Bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử cần đáp ứng các yêu cầu sau:  -Nhân vật được lựa chọn phải có vai trò (dù ít hay nhiều) trong bối cảnh lịch sử đương thời.  -Sự việc được kể liên quan đến nhân vật đó phải có thật.  -Sự việc đó phải có ý nghĩa trong bối cảnh lịch sử nhất định.  -Kể được sự việc theo trình tự hợp lí.  -Bài viết nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết và có sử dụng yếu tố miêu tả.  2.***Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.***  ***a.việc xác định mục đích nói và đối tượng nghe***.  ***b.Chuẩn bị nội dung nói và tập luyện***  - Nêu được sự phát triển công nghệ và tác động của nó đến đời sống con người; nêu lên nhiều quan điểm khác nhau để thấy đây là một vấn để còn gầy tranh cãi.  -Đánh giá được một cách khách quan, cân bằng hai mặt tích cực và tiêu cực của công nghệ trong đời sống con người.  -Nêu bật được ý kiến cá nhân để người nghe thấy rõ quan điểm của mình.  - Sử dụng linh hoạt và đa dạng các từ ngữ liên kết câu/ đoạn khiến bài nói mạch lạc, lô-gíc và rõ ý  ***3. Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay 1 h/đ.***  *Kiểu VB này được sử dụng rộng rãi trong đời sống, phần lớn được HS tiếp xúc qua những trò chơi, hoạt động mà mình có tham gia (với tư cách là thành viên của đội chơi, nhóm hoạt động hay tư cách khán giả). Lúc đó, VB thường được tạo lập tại chỗ bởi người chủ trì, dẫn chương trình, vì vậy, không có một hình thức cố định, do cách tạo điểm nhấn khác nhau của người thực hiện, phù hợp với từng bối cảnh cụ thể. Do thực tế này, sự hình dung của HS sẽ gặp chút ít khó khăn khi viết đoạn mở đầu vốn đòi hỏi ngôn ngữ trung tính, khách quan.* |

**Hoạt động 4: Luyện tập ( tập trung thời gian cho HS viết đoạn văn).**

**a. Mục tiêu:** Nắm được mục đích, yêu cầu, các bước thực hiện bài viết đã học.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và thực hành viết đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập trong sgk.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS viết được đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **IV. Thực hành viết.**  **-** Viết bài văn kể lại một truyện cổ tích.  **-** Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm.  **-** Viếtý kiến một cuộc họp, cuộc thảo luận |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các kiểu bài viết** | **Mục đích** | **Yêu cầu** | **Các bước cơ bản thực hiện bài viết** | **Đề tài cụ thể** | **Những kinh nghiệm mà em tự rút ra được khi thực hiện viết từng kiểu bài** |
| Viết bài văn nhập vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích | Làm cho câu chuyện trở nên khác lạ, thú vị và tạo ra hiệu quả bất ngờ | Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện nhập vai một nhân vật trong truyện. Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; nội dung được kể không làm sai lạc nội dung vốn có của truyện. Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo. Có thể bỏ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật. | Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng. Chọn lời kể phù hợp. Ghi những nội dung chính của câu chuyện, lập dàn ý | Viết bài văn nhập vai nhân vật Tấm kể lại truyện Tấm Cám | Cần có sự nhất quán về ngôi kể. Kiểm tra sự nhất quán, hợp lý đối với các chi tiết được sáng tạo thêm. |
| Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà em quan tâm | Thể hiện được ý kiến, quan điểm riêng đối với một vấn đề đang được xã hội quan tâm | Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. Thể hiện được ý kiến của người viết. Dùng lý lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc | Lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý | Viết bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề xử lý rác thải nhựa | Những khía cạnh cần bàn luận phải thể hiện quan điểm cá nhân một cách rõ nét |
| Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận | Nắm bắt được đầy đủ, chính xác điều đã diện ra | Đúng với thể thức của một biên bản thông thường | Viết phần mở đầu, phần chính, viết chi tiết nội dung cuộc họp, thuật lại đầy đủ các ý kiến bàn luận, ghi kết luận nội dung của người chủ trì, thời gian kết thúc buổi họp, buổi thảo luận | Viết biên bản cuộc họp Đại hội chi đoàn của lớp em | Kiểm tra chính xác thể thức |

**Hoạt động 4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn “ Nêu suy nghĩ về mẹ”.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** ĐV của học sinh viết về mẹ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-*Có một tình yêu thương cao cả và vĩ đại nhất trên đời – không phai nhạt theo tháng năm – đó là tình yêu của người mẹ dành cho con. Không có thứ tình cảm nào thiêng liêng và mạnh mẽ bằng tình mẹ đối với con. Trái tim của người mẹ là vực sâu muôn trượng mà ở dưới đáy, bạn sẽ luôn tìm thấy sự tha thứ. Tình yêu của người mẹ mang đến cho mỗi chúng ta là miễn phí và sự yên bình tốt nhất mà không đâu có được. Nó không cần bạn phải đạt được, nó không cần bạn phải xứng đáng. Mẹ là người sinh thành và nuôi dưỡng chúng ta khôn lớn, trưởng thành. Mẹ hi sinh và dành tình yêu thương vô điều kiện với mỗi người con. Đừng phụ tình mẹ bởi mẹ là người mang nặng, đẻ đau, nuôi dưỡng chúng ta khôn lớn. Mẹ dạy ta học ăn, học nói, học những điều hay lẽ phải trong cuộc đời. Lớn lên, mỗi lần vấp ngã trong cuộc đời, mẹ dang tay che chở. Mẹ dõi theo từng bước đi trong cuộc đời “Con dù lớn vẫn là con của mẹ/Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con”. Bổn phận của mỗi đứa con là phải thấu hiểu sự hi sinh của mẹ, ghi nhớ công ơn của mẹ đến suốt cuộc đời. Biết chăm ngoan, học giỏi, nghe lời cha mẹ, sống hiểu thảo, yêu tương, phụng dưỡng cha mẹ khi về già. Tình thương yêu của người mẹ là nguồn năng lượng cho phép một người bình thường có thể làm những chuyện phi thường, là nơi để để mỗi chúng ta trở về nương tựa khi vấp ngã. Bởi thế, đừng ngỗ nghịch hay bất hiếu với mẹ bởi đó là hành vi trái với đạo đức làm người, là đánh mất lương tâm, đánh mất chính mình, phủ nhận nguồn gốc. Không có gì đáng chê trách và khinh bỉ bằng một đứa con bất hiếu.

*GV yêu cầu HS luyện nói với chủ đề được viết, đặt ra từ bài tập trên.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*---------------------------------------------------*

**Ngày dạy:...............................**

**Tiết 106, 107. KIỂM TRA GIỮA KÌ 2**

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** | |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | 3TN | | 5TN | | 2TL | |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. |  | |  | |  | | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | | **2 TL** | | **1 TL** | |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | | ***30*** | | ***10*** | |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | | **40** | | | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**RÙA VÀ THỎ**

Ở một khu rừng nọ, có một chú thỏ lúc nào cũng chỉ thích khoác lác về tài chạy nhanh như gió của mình. Gặp ai chú ta cũng phải khoe khoang:

- Tớ chạy rất nhanh. Tớ là nhanh nhất đấy!

Mệt mỏi khi ngày nào cũng phải nghe những lời khoe khoang của thỏ và chế nhạo mình chậm chạp, Rùa đưa ra lời thách thức thỏ chạy thi với mình. Tất cả các loài động vật trong rừng đều rất ngạc nhiên khi nghe tin này, và chúng tập trung rất đông để xem rùa và thỏ chạy thi.

Hai bạn thỏ và rùa đứng ở vạch xuất phát sẵn sàng cho cuộc đua. Tất cả động vật trong rừng đồng thanh hô to “1… 2… 3… bắt đầu!”. Thỏ chạy vụt đi rất nhanh, loáng một cái quay lại đã không thấy bóng dáng rùa đâu. Thỏ cười khẩy và quyết định dừng lại để nghỉ ngơi. Nó quay lại nhìn con rùa và mỉa mai:

- Đúng là chậm như rùa, làm sao mà thắng nổi thỏ ta chứ !

Nói đoạn thỏ vươn mình rồi nằm dài ra đường để ngủ.

- Còn lâu nó mới đuổi kịp mình, cứ ngủ một giấc cho sướng đã - Thỏ ta thầm nghĩ.

Trong lúc đó, rùa vẫn miệt mài chạy, chạy, chạy mãi không bao giờ dừng. Cho đến lúc rùa vượt qua chỗ thỏ đang nằm ngủ và gần chạm tới vạch kết thúc.

Động vật trong rừng hò hét cổ vũ rất lớn cho rùa, thỏ giật mình tỉnh giấc. Nó lại còn vươn người và ngáp một cách lười biếng rồi mới bắt đầu chạy trở lại, nhưng đã quá muộn. Rùa đã cán đích trước và chiến thắng cuộc đua bằng tinh thần chăm chỉ và nghiêm túc của mình. Thỏ vô cùng xấu hổ và lủi tít vào trong rừng sâu, chẳng còn mặt mũi nào để gặp mọi người.

**Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ ?**

A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

**Câu 2. Nhân vật chính truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ ?**

A. Rùa. B. Rùa và Thỏ. C. Thỏ. D. Động vật trong rừng

**Câu 3. Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ ?**

**A.**Rùa thích chạy thi với Thỏ

**B.**Thỏ thách Rùa chạy thi

**C.**Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.

**D.**Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

**Câu 4. Công dụng dấu chấm lửng trong câu: *Tất cả động vật trong rừng đồng thanh hô to “1… 2… 3… bắt đầu*!” ?**

A. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng

B. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm

C. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng

D. Tất cả đều đúng.

**Câu 5. Để thể hiện những hành động sai lầm của một nhân vật nào đó, tác giả truyện ngụ ngôn thường đặt nhân vật ấy trước một tình huống có nhiều nguy cơ phạm sai lầm. Tình** **huống đó trong văn bản Rùa và Thỏ là gì?**

A. Gặp ai chú ta cũng phải khoe khoang.

B. Rùa đưa ra lời thách thức thỏ chạy thi với mình.

C. Còn lâu nó mới đuổi kịp mình, cứ ngủ một giấc cho sướng đã - Thỏ ta thầm nghĩ.

D. Hai bạn thỏ và rùa đứng ở vạch xuất phát sẵn sàng cho cuộc đua.

**Câu 6. Thỏ thể hiện những đặc điểm gì của nhân vật trong truyện ngụ ngôn?**

A. tự cao, tự đại, ngạo nghễ . B. chủ quan, bảo thủ, phiến diện.

C. tự cao, tự đại, chủ quan . D. không lắng nghe ý kiến của người khác .

**Câu 7: Vì sao Thỏ thua Rùa**

**A.**Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.

**B.**Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.

**C.**Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.

**D.**Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

**Câu 8. Ghép cột A với cột B sao cho phù hợp với truyện ngụ ngôn ?**

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** |
| 1. Nhân vật | a) Suy nghĩ/ hành động/ lời nói… ẩn chứa những bài học sâu sắc. |
| 2. Hành động | b) Xoay quanh một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm,... có tính chất cường điệu, tạo một ấn tượng rõ rệt, hướng đến một bài học, một lời khuyên,... |
| 3. Cốt truyện | c) Hiểu và tự đúc rút được bài học để tránh những sai lầm trong cuộc sống. |
| 4. Bài học | d) Là loài vật, đồ vật, con người. |

1+ ... 2+... 3+... 4+...

**Câu 9. Nêu ý nghĩa truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ?**

**Câu 10. Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc câu chuyện trên?**

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hiện nay bạo lực học đường đang trở thành mối lo ngại cho tất cả mọi người, nhiều bạn trẻ bị bạo lực học đường dẫn đến những hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Em hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của em về bạo lực học đường ở học sinh hiện nay ?

------------------------- Hết -------------------------

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | 1+ ... d 2+... a 3+... b 4+...c | 0,5 |
| **9** | - Nêu được ý nghĩa truyện ngụ ngôn Rùa và Thỏ:  + Ca ngợi những con người có ý chí, kiên trì, bền bỉ, cần cù và chịu khó.  + Lên án những người lười biếng, khoe khoang, tự cao, kiêu ngạo, xem bản thân là giỏi nhất và xem thường người khác. | 1,0 |
| **10** | - HS nêu được 1 trong số bài học bài học sau.  + Chậm mà ổn định sẽ chiến thắng nhanh mà ẩu đoảng.  + Chỉ cần chúng ta kiên trì, chắc chắn sẽ thành công.  ***Lưu ý:*** *Chấp nhận nhiều cách diễn đạt khác nhau xong hợp lý.* | 1,0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | **Nhận biết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Bạo lực học đường | 0,25 |
| **Thông hiểu** | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2,5 |
| **Vận dụng** | - Mô tả hiện trạng bạo lực học đường; các hình thức bạo lực học đường; thể hiện thái độ phê phán hiện tượng này.  - Lí giải nguyên nhân và hậu quả của hiện tượng bạo lực học đường.  - Nêu giải pháp để ngăn chặn hiện tượng này.  - Mở rộng.  - Rút ra bài học cho bản thân |  |
| **Vận dụng cao** | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| Truyện viễn tưởng |
| Văn bản nghị luận |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn  Truyện khoa học viễn tưởng  Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Đề tài, thể loại, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.  **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện biễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản.  - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện hoặc lời của các nhân vật khác.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Thể hiện được thái độ đồng tình/không đồng tình/đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản.  **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| 2 | **Viết** | **Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.**  **Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử**. | **Nhận biết:**  **-** Kiểu bài nghị luận.  **Thông hiểu:**  **-** Hiểu được cách làm, cách triển khai luận điểm.  **Vận dụng:**  - Đặt câu, dựng đoạn, tạo lập văn bản nghị luận.  **Vận dụng cao:**  **-** Vận dụng kiến thức đời sống, lập luận có phản biện, tranh luận thể hiện quan điểm riêng, sáng tạo trong việc dùng từ, đặt câu, lập ý.  - Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và dẫn chứng hợp lí.  **Nhận biết:**  **-** Nhận biết kiểu bài, ngôi kể, sự việc cần kể.  **Thông hiểu:**  **-** Hiểu được cách làm, cách triển khai các sự việc.  **Vận dụng:**  **-** Đặt câu, dựng đoạn, tạo tập  **Vận dụng cao:**  - Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề)*

**MÃ ĐỀ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**KIẾN VÀ CHÂU CHẤU**

Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít. Bỗng chú bắt gặp bạn kiến đi ngang qua, bạn ấy đang còng lưng cõng một hạt ngô để tha về tổ. Châu chấu cất giọng rủ rê: “Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò truyện và đi chơi thoả thích cùng tớ đi!”. Kiến trả lời: “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên làm như vậy đi bạn châu chấu ạ”. “Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa”. Châu chấu mỉa mai. Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh, nó tiếp tục tha mồi về tổ một cách chăm chỉ và cần mẫn.

Thế rồi mùa đông lạnh lẽo cũng tới, thức ăn trở nên khan hiếm, châu chấu xanh vì mải chơi không chuẩn bị lương thực nên giờ sắp kiệt sức vì đói và rét. Còn bạn kiến của chúng ta thì có một mùa đông no đủ với một tổ đầy những ngô, lúa mì mà bạn ấy đã chăm chỉ tha về suốt cả mùa hè.

***(Truyện ngụ ngôn “Kiến và Châu chấu” - trang 3- NXB thông tin)***

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** ***Truyện “Kiến và châu chấu” thuộc thể loại nào?***

A. Truyện ngụ ngôn. B. Truyện đồng thoại. C. Truyền thuyết. D. Thần thoại.

**Câu 2**: ***Vào những ngày hè, châu chấu đã làm gì?***

A. Nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng ca hát ríu ra ríu rít.

B. Siêng năng làm bài tập về nhà cô giáo phát.

C. Cần cù thu thập đồ ăn dự trữ cho mùa đông.

D. Giúp châu chấu mẹ dọn dẹp nhà cửa.

**Câu 3: *Châu chấu đã rủ kiến làm gì cùng mình?***

A. Cùng nhau thu hoạch rau củ trên cánh đồng.

B. Trò chuyện và đi chơi thoả thích.

C. Cùng nhau về nhà châu chấu chơi.

D. Cùng nhau chuẩn bị lương thực cho mùa đông

**Câu 4:Trạng ngữ trong câu văn sau được dùng để làm gì?**

*“Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh tách trên cánh đồng, miệng chú ca hát ríu ra ríu rít.”*

A. Chỉ nguyên nhân. B. Chỉ thời gian.

C. Chỉ mục đích. D. Chỉ phương tiện.

**Câu 5: Vì sao kiến không đi chơi cùng châu chấu?**

A. Kiến không thích đi chơi.

B. Kiến không thích châu chấu.

C. Kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông.

D. Kiến không muốn lãng phí thời gian.

**Câu 6**: **Theo em, châu chấu đại diện cho những kiểu người nào trong cuộc sống?**

A. Những người vô lo, lười biếng. B. Những người chăm chỉ.

C. Những người biết lo xa . D. Những người chỉ biết hưởng thụ.

**Câu 7: Vì sao kiến lại có một mùa đông no đủ?**

A. Kiến còn dư thừa nhiều lương thực. B. Kiến chăm chỉ, biết lo xa.

C. Kiến được bố mẹ cho nhiều lương thực. D. Được mùa ngô và lúa mì.

**Câu 8: Từ “kiệt sức” có nghĩa là gì?**

A. Không còn sức để làm. B. Không có sức khỏe.

C. Yếu đuối. D. Yếu ớt.

**Trả lời các câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**: Nếu là châu chấu trong câu chuyện, em sẽ làm gì trước lời khuyên của kiến?

**Câu 10:** Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: “Bạo lực học đường là một vấn nạn lớn, làm đau đầu các nhà quản lí giáo dục và các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Gây bức xúc và gây tâm lý hoang mang cho phụ huynh, thầy cô và học sinh”. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

------------------------- Hết -------------------------

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
|  |  |  |  |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | - HS quan điểm của bản thân, có thể nêu :  + Em sẽ nghe theo lời kiến.  + Em sẽ chăm chỉ cùng kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông....... | 1,0 |
|  | **10** | - Bài học tâm đắc nhất mà em rút ra từ câu chuyện. Hs có thể nêu 1 trong các bài học sau:  + Phải luôn chăm chỉ trong học tập và làm việc, không được ham chơi, lười biếng.  + Hãy biết nhìn xa trông rộng.  ......... | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về bạo lực học đường. | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận *về một vấn đề trong đời sống.*  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  | - Nêu được vấn đề cần nghị luận: nêu khái quát về tình trạng bạo lực học đường hiện nay và biểu hiện của nó.  - Giải thích được khái niệm bạo lực học đường là gì?  + Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, thiếu đạo đức với bạn mình.  + Cách cư xử thiếu văn minh, không có giáo dục của thế hệ học sinh.  + Xúc phạm đến tinh thần và thể xác người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng.  - Hiện trạng của bạo lực học đường hiện nay  + Hình thức: Xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói.  - Đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.  + Thực tế chứng minh: Chỉ cần một thao tác rất nhanh trên Google ta có thể tìm thấy hàng loạt các clip bạo lực của nữ sinh: nữ sinh Hưng Yên bị bạo hành, thêm một vụ bạo lực học đường vừa xảy ra ở Quảng Ninh...  + Học sinh có thái độ không đúng mực với thầy cô giáo, dùng dao đâm bạn bè, thầy cô…  + Lập nên các nhóm hội hoạt động đánh nhau có tổ chức.  - Hậu quả của bạo lực học đường  + Với người bị bạo lực:Bị ảnh hưởng về tinh thần và thể chất. Làm cho gia đình họ bị đau thương.Làm cho xã hội nghị luận, tranh cãi.  + Với người gây ra bạo lực:Phát triển không toàn diện.Mọi người, xã hội chê trách.Ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống hiện tại và tương lai, sự nghiệp bị mất.  - Giải pháp khắc phục nạn bạo lực học đường  + Nhà trường cần nâng cao tầm quan trọng trong việc dạy bảo học sinh hiệu quả nhất, luôn quan sát, quan tâm về cả bên ngoài lẫn nhận thức của các em trong các vấn đề.  + Cha mẹ nên chăm lo và quan tâm đến con cái nhiều hơn.  + Tự bản thân có trách nhiệm xa lánh tình trạng này.  - Khẳng định lại vấn đề | 0,25  2.0  0,25 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

**Ngày dạy:.......................................**

**TIẾT 108:**

**NÓI VỚI CON**

**(Y Phương)**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung:**

**a) Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó, tìm hiểu bố cục của văn bản.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  *- Mục tiêu: Trang bị cho học sinh những kiến thức mới liên quan đến tình huống/*  *vấn đề nêu ra ở hoạt động khởi động*  *- Phương pháp: Diễn giảng, thảo luận nhóm, trò chơi, tình huống có vấn đề*  *- Kĩ thuật: Động não, làm việc nhóm, trình bày 1 phút* | | |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc-chú thích**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc to, diễn cảm văn bản chú ý chiến lược theo dõi và trả lời các hộp thoại và đặt câu hỏi:  *? Nêu nét tiêu biểu về tác giả*  ? Nêu hiểu biết cuả em về văn bản  ? Nêu thể thư, phương thức biểu đạt.Chia bố cục  + Thể thơ: Tự do  + PTBĐ: Biểu cảm kết hợp với tự sự và miêu tả.  **+ Đoạn 1:** Từ đầu -> trên trời. Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động êm đềm, nên thơ ở quê hương=> *Nói với con về tình cảm cội nguồn.*  **+ Đoạn 2:** Còn lại. Lòng tự hào về quê hương và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy*=> Nói với con về truyền thống quê hương.*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV nhấn mạnh: Văn bản kể lại câu chuyện mà tác giả là người trong cuộc. Như vậy, câu chuyện trở nên chân thực, thể hiện những trải nghiệm của tác giả khi nhìn nhận và rút ra bài học cho mình.  **\* Giáo viên:** Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra tình cảm quê hương. Từ những kỉ niệm gần gũi, tha thiết mà nâng lên lẽ sống. Cảm xúc chủ đề của bài thơ được bộc lộ, dẫn dắt 1 cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thía.  **\* Học sinh đọc đoạn 1**  *? Người cha đã nói với con về tình cảm cội nguồn, đó là những tình cảm nào ?*  + Tình cảm gia dình  *? Tình cảm yêu thương, đùm bọc của cha mẹ được thể hiện qua những hình ảnh nào?*  Chân phải...cha  Chân trái...mẹ  Một bước...nói  Hai bước...cười.  *? Nhận xét gì về các hình ảnh, cách diễn đạt ở 4 câu thơ đầu? Tác dụng  của các hình ảnh và cách diễn đạt đó?*  + Với các hình ảnh cụ thể, cách diễn đạt dường như vô lý song lại tạo ra sự độc đáo, đặc sắc trong tư duy và cách diễn đạt của người miền núi  => Tạo không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt.  ? 4 câu đầu thể hiện nội dung nào?  *( ? Những hình ảnh, chân phải, chân trái, 1 bước, 2 bước nói lên điều gì?)*  + Tả, kể đứa con ngây thơ, chập chững tập đi, tập nói trong tình yêu thương, chăm sóc, nâng đỡ, mong chờ của cả cha và mẹ  *? Vì sao lời đầu tiên người cha lại nói với con điều đó ?*  + Muốn nhắc con về tình cảm gia đình ruột thịt. Tình cảm gia đình là cội nguồn sinh dưỡng của mỗi tình cảm cao quý nhất, là nền tảng của mọi tình cảm-> Lời nhắc nhở giáo dục đầu tiên: gia đình là chiếc nôi, là tổ ấm nu ôi con lớn khôn và trưởng thành.  **\* Giáo viên:** Nhưng không chỉ dừng lại ở sự chăm sóc của gia đình, người con vẫn còn được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và còn nhận được sự đùm bọc che chở tình nghĩa của quê hương.  *? Em hiểu “người đồng mình” là gì ? Có thể thay thế từ ngữ “người đồng minh” bằng những hình ảnh nào khác ?*  + “Người đồng mình”: Những người cùng sống trong một môi trường,  quê hương tác giả  + “Người đồng mình” có thể thay thế bằng người bản (làng, buôn) quê mình  *? Tại sao tác giả không dùng những từ ngữ đó?*  + Cách nói riêng mộc mạc, mang tính địa phương của người dân tộc Tày.  *? Vì sao người cha nói với con người đồng minh đáng yêu lắm ?*  + Miêu tả cụ thể cuộc sống lao động cần cù, tươi vui, ngoài ra còn thể hiện sự gắn bó, quấn quýt trong lao động, làm ăn của đồng bào quê hương qua các động từ: cài, ken  \* Hãy theo dõi hai câu thơ “ Rừng cho hoa… con đường cho tấm lòng”  *? Em cảm nhận như thế nào về hình ảnh thơ " rừng cho hoa, con đường cho tấm lòng"?*  + Hoa vẻ đẹp của thiên nhiên  + Tấm lòng: vẻ đẹp của tình người  -> Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. Vẻ đẹp của thiên nhiên không chỉ là ở màu sắc, cái ta nhìn thấy mà còn là cả “tấm lòng”: đó là sự che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống.  *? Từ những hình ảnh trên, gợi cho ta cảm nhận gì về quê hương?*  **Nhóm bàn- 3 phút**  **\* Giáo viên:** Đề tài quê hương là đề tài quen thuộc được nhiều nhà văn, nhà thơ nhắc đến:  + Quê hương là chùm khế ngọt....  + Quê hương tôi có con sông xanh biếc...  Nhưng với Y phương, quê hương miền núi rất chân thực cũng rất nên thơ.  Để giáo dục con trên bước đường đời tiếp theo, người cha đã nói gì tiếp theo với con-> phần 2  *? Hai câu kết đoạn 1 có ý nghĩa gì ?*  + Để có con ngày hôm nay cha mẹ mãi mãi nhớ về ngày cưới, ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời và đó là khởi đầu hạnh phúc gia đình  *? Người cha mong muốn gì ở con qua cách nói như vậy ?*  **\* Học sinh đọc tiếp phần còn lại**  *?  Người cha đã nói với con về những đức tính của người đồng mình qua những từ ngữ nào ?*  + không chê đá gập ghềnh  + không chê thung nghèo khó  + không lo cực nhọc  hương”=>Thể hiện sự tự hào, kiêu hãnh  *? hình ảnh này gợi lên cuộc sống như thế nào Các*  + Vất vả, cực nhọc, gian nan trên những vùng đất cằn cỗi, hiểm trở =>  Những con người cần cù, nhẫn nại, bền bỉ, giàu ý chí,  *? Cách diễn đạt những hình ảnh, chi tiết thơ ấy có gì đặc biệt ?*  + Điệp từ: sống, không chê, người đồng mình.  ->  Nêu lên sự can trường, dũng cảm, ý chí kiên cường vượt lên mọi gian khó của “người đồng mình - quê  **\* Học sinh thảo luận nhóm 2 bàn- 3 phút**  *?  Tác giả đã chỉ ra các truyền thống của người đồng mình tiếp theo như thế nào ? Được thể hiện qua những từ ngữ hình ảnh thơ nào?*  **\* Học sinh** thảo luận và trình bày => nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh  *? Các hình ảnh " Cao đo nỗi buồn*  *Xa nuôi chí lớn*  *Sống như sông như suối*  *Gợi lên tinh thần gì của người đồng mình?*  + Ca ngợi con người quê hương dù cuộc sống vất vả, nhọc nhằn, nghèo đói nhưng sức sống mạnh mẽ, kiên cường, bền bỉ, gắn bó với quê hương.  *? Vì sao người cha lại nói với con điều đó ?*  + Mong con sống có tình nghĩa, thuỷ chung, biết chấp nhận, vượt qua những gian nan, thử thách, tự hào với truyền thống quê hương, tự tin vững bước vào đời.bằng niềm tin của mình.  *? Cách nói " Người đồng mình thô sơ da thịt" gợi lên cho em hình dung như thế nào về con người nơi đây ?*  + Chân chất, khoẻ mạnh, tự chủ trong cuộc sống vật chất và tinh thần.  *? Người cha còn nói với con về " Người đồng mình chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con, không bao giờ nhỏ bé được" nhằm diễn tả điều gì ?*  **- HS thảo luận theo nhóm bàn- 3 phút**  + Con người tuy nhỏ bé, nhưng có khí phách, giàu ý chí, niềm tin vươn lên trong cuộc sống gian khổ, không được đánh mất mình.  *? Từ hình ảnh " người đục đá kê cao quê hương, còn quê hương thì làm phong tục" em hiểu thêm những phẩm chất nào của con người nơi đây ?*  + Họ tự sáng tạo và phát triển phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.  *? Em hiểu sao về lời người cha nhắc con: “…tuy thô sơ da thịt  Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con” ?*  + Con người sống phải có khí phách, ý chí vươn lên mọi hoàn cảnh.  + Không được tầm thường, nhỏ bé.  + Cần phát huy và noi gương thế hệ đi trước và tự hào về những điều tốt đẹp.  **\* GV đặt câu hỏi:**  *? Nhận xét gì về giọng điệu cũng như cách xây dựng các hình ảnh thơ  trong khổ thơ thứ 2?*      *? Từ những đức tính quý báu này  “người đồng mình”, người cha mong ước ở con điều gì ?*    *? Qua những lời nói với con em hiểu thêm gì về người cha ?*  + Thương quê hương gian lao vất vả, tự hào về người quê mình, yêu quí bản sắc văn hoá dân tộc, hi vọng về tuổi trẻ nối tiếp..  *? Nhận xét gì về bố cục bài thơ ?*  + Bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên  \*Giáo viên giáo dục kĩ năng sống:  Qua bài thơ tác giả Y phương nói về tình cảm gia đình có ý nghĩa  rât quan trọng đối với mỗi con người  *? Là người con, em cần có thái độ và cách cư xử như thế nào đối với cha mẹ ?*  *? Là công dân học sinh, em cần có tình cảm, thái độ như thế nào đối với quê hương, đất nước?*  *? Qua bài thơ, em cảm nhận được tình cảm của người cha dành cho con ra sao ?  Điều lớn lao nhất mà cha muốn nói với con là gì ?*  *? Nêu ý nghĩa của văn bản ?*  *? Nétđặc sắc về nghệ thuật của bài thơ ?*  *? Đọc và phân tích một hình ảnh mà em thích nhất trong bài thơ ?*  *? Qua bài thơ, em hiểu thêm điều gì về cuộc sống, con người các dân tộc vùng cao?*               + Gian khổ nhưng tốt đẹp.               + Sức sống mạnh mẽ, bền bỉ.               + Tâm hồn gắn bó với quê hương, dân tộc. | **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Đọc:**  **2. Tìm hiểu chung:**  ***a. Tác giả:***  + Y Phương tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày. Sinh năm: 1948  + Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ, trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người dân miền núi    ***b. Văn bản:***  + Viết năm 1980  + In trong tập Thơ Việt Nam 1945 – 1985              **II. Tìm hiểu chi tiết VB:**  1. Người cha nói với con về tình cảm cội nguồn:                  + Hình ảnh cụ thể, độc đáo.                  +  Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, chăm sóc, sự nâng đỡ, mong chờ của cha mẹ.  -> Hạnh phúc gia đình thật ấm áp, giản dị.                                +  Cuộc sống của người đồng mình được miêu tả cụ thể: lao động cần cù, tươi vui, sự gắn bó, quấn quýt trong lao động làm ăn của đồng bào quê hương.                      *-> Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người (con được lớn lên trong sự nâng niu mong chờ của cha mẹ, trong  tình yêu thương của cha mẹ, trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương.*    => Khơi gợi trong con tình cảm cội nguồn, yêu quí và tự hào về gia đình, quê hương.  2. Lòng tự  hào về sức sống của  quê hương:                                                +  “Người đồng mình” giàu chí khí, niềm tin, không nhỏ bé về tâm hồn về ý chí và mong ước xây dựng quê hương.            + Chính họ đã làm nên quê hương với truyền thống, và những phong tục tập quán tốt đẹp.                + Giọng điệu tha thiết, trìu mến, hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa khái quát, mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ, nghệ thuật so sánh  => *Những đức tính cao đẹp mang tính truyền thống của “người đồng mình”với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy của người cha, dặn dò con cần tự tin mà vững bước trên đường đời*    ***4. Tổng kết:***  a Nội dung - Ý nghĩa:  \* Nội dung:  + Tình yêu thương con tha thiết và tin tưởng của người cha dành cho con  + Mong con có lòng tự hào về truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm tin vào cuộc sống.  \* Ý nghĩa văn bản: Bài thơ thể hiện tình yêu thương thắm thiết của cha mẹ dành cho con cái; tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước.  b Nghệ thuật:  + Có giọng điệu thủ thỉ, tâm tình tha thiết, trìu mến.  +  Xây dựng các hình ảnh thơ vừa cụ thể vừa mang tính khái quát, mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ.  + Có bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên. | |
| **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  *- Mục tiêu: Học sinh vận dụng những kiến thức mới đã học ở phần hình thành kiến thức vào các tình huống cụ thể thông qua hệ thống bài tập*  *- Phương pháp:*  *- Kĩ thuật: Trả lời nhanh, KT khăn phủ bàn*  *- Thời gian: (   )* | | |
| *- Tổ chức hs hoạt động cá nhân*  *- Gv nhận xét bổ sung, sửa chữa*  *- Hs làm ra vở bài tập, Đại diện hs trình bày*  *- Hs khác nhận xét, sửa chữa*  *- Hs lắng nghe gv nhận xét*  *- Chữa vào vở bài tập của mình* | | **III. Luyện tập:**  **1. Bài 1**: Đặt mình là nhân vật ng­ười con trong bài thơ viết một bài văn ngắn nói về cảm xúc của mình khi nghe lời ng­ười cha nói |
| **HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  *- Mục tiêu: Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề, nhiệm vụ trong thực tế*  *- Phương pháp: Vấn đáp, thảo luận nhóm*  *- Kĩ thuật: Trả lời nhanh, KT khăn trải bàn*  *- Thời gian: ( )* | | |
| ***?Sau khi học xong bài thơ, em hiểu gì về tình cảm gia đình, quê hương***  ***?Vẽ sơ đồ tư duy cho văn bản*** | | |

**-------------------------------------------**

**Ngày dạy:............................**

**TIẾT 109, 110, 111:**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a) Mục tiêu:Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS: Các truyện cổ tích vừa học được kể từ ngôi thứ mấy?  *- Gv đặt câu hỏi: Hãy kể tên một số vấn đề trong đời sống cần bàn luận*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS nghe và trả lời  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN THỂ HIỆN Ý KIẾN PHẢN ĐỐI MỘT QUAN NIỆM, CÁCH HIỂU KHÁC VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG | |
| Mục tiêu:HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.  Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi  Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS (những chia sẻ, hiểu biết của HS)  Tổ chức thực hiện | |
| *Hoạt động của GV và HS* | *Sản phẩm dự kiến* |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc và nêu yêu cầu với bài văn *nghị luận thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, cách hiểu khác về một vấn đề trong đời sống*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS trả lời câu hỏi  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - Dự kiến sản phẩm:  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.  - GV yêu cầu HS đọc phần in nền xanh SGK | *I. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, cách hiểu khác về một vấn đề trong đời sống*  *-Nêu được vấn đề, làm rõ thực chất vấn đề*  *- Trình bày rõ ràng ý kiến phản đối của người viết về một quan niệm, cách hiểu khác.*  *- Đưa ra lí lẽ và bằng chứng tỏ ý kiến phản đối là hoàn toàn có cơ sở* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO | | |
| Mục tiêu:Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn *nghị luận thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, cách hiểu khác về một vấn đề trong đời sống*  Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi  Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS  Tổ chức thực hiện: | | |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ   * GV yêu cầu 1HS đọc bài viết tham khảo * HS đọc, các HS khác theo dõi   - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm lớn (15 phút) hoàn thành phiếu học tập sau:   |  | | --- | | Phiếu học tập số 1 | | 1. Nêu vấn đề nghị luận | | 2. Bài viết thể hiện ý kiến gì? | | 3. Sử dụng lí lẽ, bằng chứng nào? | | 4. Nêu tác động không tốt về quan niệm | |  |   Dự kiến: - Bài viết đề cập đến quan điểm mà một HS nêu ra: chỉ làm việc lớn, không thích làm việc nhỏ, vì việc nhỏ là việc vô nghĩa. Từ đó nảy sinh ý kiến cần bàn luận. Quan điểm này được nêu ở phần Mở bài.  - Người viết bày tỏ ý kiến phản đối quan điểm nêu trên của một HS (Theo tôi, câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm thật khó chấp nhận).  - Những lí lẽ và bằng chứng nào được nêu ra để chứng tỏ sự phản đối là có căn cứ:  + Ai cũng phải làm những việc lớn của đời mình, cho nên không vì phải giải quyết việc lớn mà trốn tránh những việc nhỏ thuộc trách nhiệm của bản thân; nếu mình không làm thì đùn đẩy việc nhỏ cho ai?; việc nhỏ không đồng nghĩa với việc vô nghĩa, có những việc tuy nhỏ mà ý nghĩa rất lớn lao,...  + Bằng chứng cụ thể: Ông Ni-no-mi-gia, một doanh nhân người Nhật, đã đến Hồ Gươm nhặt rác vào mỗi sáng Chủ nhật. Việc làm đầy ý nghĩa của ông đã có sức lan toả rất lớn, tác động đến nhận thức của nhiều người | | *II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo* |
| TIẾT : THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG | | |
| Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn *nghị luận thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, cách hiểu khác về một vấn đề trong đời sống*  Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi \  Sản phẩm học tập: Bài viết của học sinh  Thực hiện nhiệm vụ: | | |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS xác định *mục đích viết bài là gì? người đọclà ai?*  - HS trả lời ( cá nhân)  Dự kiến sản phẩm:  - Phản đối quan niệm , cách hiểu không đúng về một vấn đề  - Người đọc: Thầy cô, bạn trong lớp, người thân hoặc những người quan tâm đến câu chuyện  - HS khác lắng nghe, nhận xét  - GV nhận xét, chốt  - GV hướng dẫn HS tìm ý.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm theo nhóm bàn (thời gian 7 phút) tìm ý cho bài viết theo   |  | | --- | | Nhiệm vụ: yêu cầu đối với *nghị luận thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, cách hiểu khác về một vấn đề trong đời sống* |   - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận  - HS trình bày sản phẩm  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức:  *\*Chuyển giao nhiệm vụ:*  *Trước khi hs viết bài GV cho HS đọc những lưu ý SGK:*  *-* GV *yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài văn theo các ý đã lập.  - HS:Tiếp nhận  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*  - HS thực hành viết bài *văn (Có thể trên lớp hoặc trên lớp một phần, còn lại viết ở nhà)*  *-* GV quan sát, hỗ trợ (nếu viết trên lớp)  *\* Báo cáo kết quả*  - HS trình bày cá nhân.  - GV nghe Hs trình bày.  *\*Đánh giá kết quả*  + HS tự đánh giá  + HS đánh giá lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét đánh giá.  -> GV chốt kiến thức và ghi bảng/ chiếu slide.  *HDHS*  *\*Chuyển giao nhiệm vụ:*  - GV yêu cầu HS:  + Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SGK  + Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu:  - HS:Tiếp nhận  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*  - HS tiến hành đổi bài cho bạn để đọc và sửa lỗi bằng cách ghi ra phiếu nhận xét và dùng bút chì gạch chân lỗi sai.  *-* GV quan sát, hỗ trợ.  *\* Báo cáo kết quả*  - HS trình bày cá nhân về phần sửa lỗi cho bạn.  - GV nghe Hs trình bày.  - Dự kiến sản phẩm:  *\* Đánh giá kết quả*  + HS tự đánh giá  + Hs đánh giá lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét đánh giá. | *III.Thực hành viết theo các bước*   1. Trước khi viết   **a. Lựa chọn đề tài**  - Một số đề tài tham khảo:  + Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.  + Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.  + Tắt thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ việc làm hình thức, không có tác dụng vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.  + Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.  **b. Tìm ý**  **Ví dụ: Chọn vấn đề Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.**  - Đánh giá chung vấn đề: bỏ qua một số môn, chỉ học những môn mình yêu thích là hiện tượng không tốt với người học.  - Biểu hiện.  - Tác hại.  - Nguyên nhân.  - Giải pháp.  **c. Lập dàn ý**  - Sắp xếp các ý theo một trật tự hợp lí:  Soạn bài Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, một cách hiểu khác về vấn đề) | Hay nhất Soạn văn 7 Kết nối tri thức  a. Mở bài:  – Giới thiệu về vấn đề học lệch của học sinh hiện nay bỏ qua một số môn, chỉ học những môn mình yêu thích.  – Đánh giá chung: là hiện tượng không tốt với người học.  b. Thân bài:  \* Giải thích:  – Đây là lối học không cân đối, không đều các môn, chú trọng quá một môn mà xao lãng môn khác  \* Biểu hiện:  – Thích học các môn tự nhiên vì không phải ghi chép nhiều  – Có bạn thích học môn xã hội vì không cần tính toán nhiều  – Có người chỉ chú trọng học ngoại ngữ mà không quan tâm đến các môn khác  \* Tác hại:  – Hổng kiến thức cơ bản  – Kết quả học tập thấp, gây chán nản, ảnh hưởng đến giáo dục toàn diện  – Kìm hãm vốn hiểu biết sâu rộng  \* Nguyên nhân  – Chủ quan  + Do sở thích của người học  + Do năng khiếu của mỗi người  + Do ngại học, ngại nghiên cứu  – Khách quan  + Do mục đích học tập là để thi đỗ Đại học  + Do cha mẹ định hướng  \* Giải pháp  – Tuyên truyền để ai cũng nắm bắt được hết hậu quả của việc học lệch  – Kiên quyết không học lệch  – Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế để thêm phần thú vị  c. Kết bài:  – Khẳng định lại vấn đề  – Liên hệ bản thân.  **2. Viết bài**  - Triển khai viết bài theo dàn ý đã có sẵn.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng sau:  Soạn bài Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, một cách hiểu khác về vấn đề) | Hay nhất Soạn văn 7 Kết nối tri thức | |

Tiết 111: Trả bài, chỉnh sửa bài viết

Hoạt động 1: HS tự kiểm tra, chỉnh sửa bài viết

a. Mục tiêu: Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV - HS | Nội dung |
| GV trả bài  NV1: Hướng dẫn học sinh sửa bài  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết;*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: thực hiện nhiệm vụ  - HS dựa vào bảng kiểm để soát bài  - Gv quan sát, hỗ trợ  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | 1. Chỉnh sửa bài viết của bản thân |

|  |  |
| --- | --- |
| HĐ của GV - HS | Nội dung |
| NV2: Hướng dẫn học sinh sửa bài  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hướng dẫn HS nhận xét bài của bạn*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - GV nhận xét chung bài làm của HS, tuyên dương những HS làm bài tốt | 2. Chỉnh sửa bài viết của bạn |

3. Hoàn thiện lại bài viết

C+D. LUYỆN TẬP + HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG : 3’

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức.

b. Nội dung: trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

*- GV yêu cầu HS:*Nêu cảm nghĩ của em khi đọc bài và góp ý bài làm của bạn

*- GV nhận xét, đánh giá, biểu dương*

\* về soạn: Nói, nghe

------------------------------------------

**Ngày dạy:.............................**

**TIẾT 112:**

**NÓI VÀ NGHE**

**Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống**

**1. Trước khi nói**

**a. Chuẩn bị nội dung nói**

- Tóm lược bài viết đã thực hiện ở phần Viết thành đề cương.

- Nắm vững vấn đề đời sống cần bàn luận và nội dung trình bày.

- Dự kiến các tình huống người nghe có thể phản bác để có phương án tiếp thu và bảo vệ ý kiến.

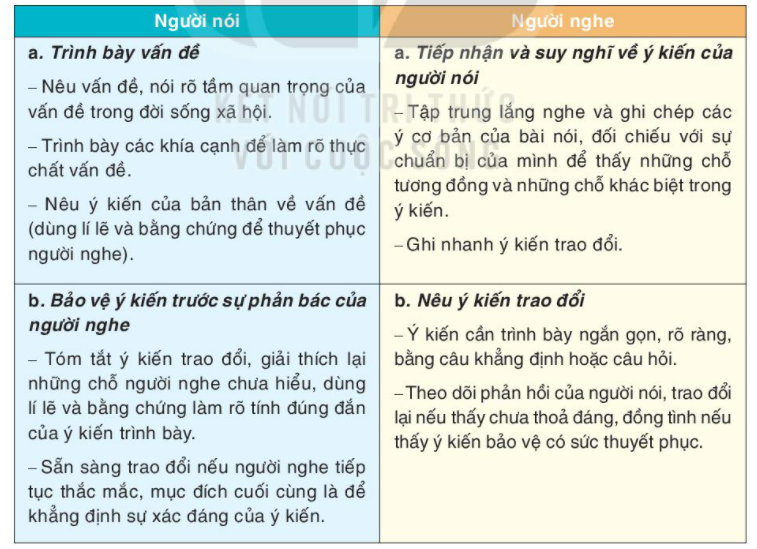
- Ghi nhanh 1 số lí lẽ, bằng chứng cần sử dụng.

**b. Tập luyện**

- Tập trình bày trước nhóm bạn hoặc người thân và lắng nghe các ý kiến nhận xét.

**2. Trình bày bài nói**

Khi trình bày bài nói, em cần lưu ý:



**3. Sau khi nói**

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Người nghe** | **Người nói** |
| Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như:  + Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày.  + Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi.  + Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng. | Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ.  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng |

* HĐ VẬN DỤNG:

**Chọn trong văn bản “Bản đồ dẫn đường” một câu làm đề tài cho bài nói. Lập dàn ý bài nói và luyện tập cách trình bày.**

**--------------------------------------------**

**Ngày dạy:..............................**

**TIẾT 108, 109:**

**NÓI VỚI CON**

*- Y Phương-*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS hiểu được rằng, chủ đề Trái nghiệm để trưởng thành được thể hiện ở những VB thuộc các thể loại khác nhau. Khác với hai VB Bản đồ dẫn đường và Hãy cầm lấy và đọc, Nói với con là một bài thơ. Đọc bài thơ, HS không những cần biết cảm thụ nội dung trữ tình, nghệ thuật biểu đạt, mà còn biết đối sánh để thấy các yếu tố của VB, phương thức thể hiện, cấu trúc, ngôn ngữ có sự khác biệt như thế nào so với các VB nghị luận đã học. Nhờ sự đối sánh đó, HS nhận thức được rõ hơn đặc điểm của VB nghị luận.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nói với con.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Nói với con.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS có trách nghiệm với bản thân và với cộng đồng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

GV cho học sinh nghe bài hát **Ba kể con nghe** đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài:

*+ Cảm xúc của em thế nào sau khi nghe bài hát?*

*+ Em có hình dung, nhớ lại điều gì không?*

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Tình cảm giữa người và người luôn là điều thiêng liêng và cao đẹp nhất trong cuộc sống.* *Lòng yêu thương con cái, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng, phát huy được truyền thống tổ tiên, quê hương là một thứ tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam ta suốt bao đời nay. Văn bản chúng ta sẽ học ngày hôm nay mang tên****Nói với con****của nhà thơ Y Phương cũng nằm trong mạch cảm hứng phổ biến ấy. Nhưng nhà thơ đã có cách nói rất riêng của mình tạo nên sựu độc đáo và nét cuốn hút riêng. Để hiểu rõ hơn nội dung bài thơ này, chúng ta cùng nhau đi tìm hiểu qua bài học nhé.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp và các bạn ngồi dưới đánh giá phần đọc của bạn theo gợi ý sau:    - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HStìm hiểu các yếu tố:  + Tác giả Y Phương **(**năm sinh, quê quán, thể loại sáng tác, một số tác phẩm tiêu biểu…)  + Tác phẩm, đoạn trích  **(**thể loại, xuất xứ, PTBĐ, bố cục, tóm tắt…)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  **a. Đọc**  - GV gọi 2 bạn học sinh đọc to trước lớp  - Giọng đọc: trìu mến, truyền cảm, ngắt nghỉ đúng  **b. Chú thích**  + **Người đồng mình**: người vùng mình, người quê mình  + **Lờ**: một loại dụng cụ được đan bằng nan tre vót tròn, dùng để bắt cá  + **Ken**: làm cho kín hết, không còn chỗ hở, chỗ trống.  + **Thung (thung lũng**): dải đất trũng và kéo dài nằm giữa hai sườn đồi, núi.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **- Y Phương** tên thật: Hứa Vĩnh Sước (1948- 2022), là nhà thơ của dân tộc, miền núi  **- Quê:** Trùng Khánh - Cao Bằng  **- Phong cách sáng tác:** Chân thật, mạnh mẽ, phóng khoáng, in đậm màu sắc văn hóa vùng quê…  - **Sáng tác tiêu biểu**: Nói với con, Người núi hoa, Tiếng hát tháng Giêng, Đàn then…  **b. Tác phẩm**  - **Xuất xứ**: Thơ Việt Nam 1945- 1985, NXB Giáo dục 1987)  - **Thể thơ**: tự do  - **PTBĐ**: biểu cảm  **- Bố cục:**  + **Phần 1**: 11 câu đầu -> Nói với con về cội nguồn sinh dưỡng  + **Phần 2:** 13 câu tiếp -> Nói với con về vẻ đẹp của người đồng mình  + **Phần 3**: 4 câu cuối -> Lời dặn dò của cha  - **Mạch cảm xúc**: Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mở rộng ra tình yêu quê hương, đất nước. Từ đó bộc lộ mong muốn của người cha muốn gửi gắm đến đứa con của mình về tương lai của đất nước. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được những điều cha muốn nói với con về cội nguồn sinh dưỡng

- Phân tích được những đức tinh tốt đẹp của người đồng mình.

- Phân tích được lời dặn dò của người cha dành cho con

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  + Em hãy khái quát nội dung mà người cha muốn nói với con về cội nguồn sinh dưỡng? Người cha nói với con về những cội nguồn sinh dưỡng nào, vì sao?  + Ở bốn câu thơ đầu tiên đã gợi ra khung cảnh gì, nghệ thuật nào đã được tác giả sử dụng trong bài?  + Em hiểu thế nào về câu thơ  *Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*  *Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời*  + Câu thơ  Rừng cho hoa  Con đường cho những tấm lòng  Có gì đặc biệt? Em hiểu như thế nào về hai câu thơ này?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nói với con về cội nguồn sinh dưỡng**  ***a, Cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng đầu tiên “Gia đình”***  *Chân phải bước tới cha*  *Chân trái bước tới mẹ*  *Một bước chạm tiếng nói*  *Hai bước tới tiếng cười*  *- Đoạn thơ gợi ra 1 khung cảnh gia đình đầm ấm, hạnh phúc, tràn đầy tiếng cười, tiếng nói*  *-> Gợi cho chúng ta liên tưởng đến những bước chân chập chững đầu tiên của một em bé trong sự vui mừng của cha mẹ.*  *-* ***Nghệ thuật****: Hoán dụ + Điệp ngữ + Điệp cấu trúc + Nhịp thơ 2/3 + Kết cấu sóng đôi nhịp nhàng + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác*  ***-> Hình ảnh mộc mạc, cách diễn dạt chất phác***  *Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*  *Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*  *-> Là nhớ về kỷ niệm cho sự khởi đầu của một gia đình. Nó là minh chứng cho tình yêu và con chính là kết tinh của tình yêu ấy. ( Là ngày cưới của cha mẹ/ Ngày con chào đời)*  -> Y Phương đã nói với con, gia đình chính là cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con. Vì thế, trên hành trình vạn dặm của cuộc đời, con không được phép quên.  ***b. Cội nguồn nuôi dưỡng “Quê hương”***  *Người đồng mình yêu lắm con ơi*  *Đan lờ cài nan hoa*  *Vách nhà ken câu hát*  *Rừng cho hoa*  *Con đường cho những tấm lòng*  **- Người đồng mình**  + Đoàn kết, gắn bó  + Cần cù, chăm chỉ  + Khéo léo, tài hoa  + Lạc quan, yêu đời  - BPNT liệt kê, động từ “cài, ken” , cách xưng hô “người đồng mình” -> Cuộc sống lao động tươi vui, ấm áp + Bản sắc văn hóa độc đáo  **- Thủ pháp nhân hóa:** “Rừng cho hoa”  *-> Tả thực vẻ đẹp của* ***những rừng hoa mà thiên nhiên****, quê hương ban tặng; gợi sự giàu có và* ***hào phóng của thiên nhiên, quê hương.***  ***“Con đường cho những tấm lòng”***  -> Tấm lòng bao dung, ân tình ân nghĩa của quê hương  -> Quê hương nuôi dưỡng con về tâm hồn và lẽ sống  -> Nếu như gia đình là cội nguồn sinh thành và dưỡng dục con, thì quê hương bằng văn hóa, lao động đã nuôi dưỡng và che chở cho con thêm khôn lớn, trưởng thành. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - **Hình thức**: Gv chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập  - **Thời gian**: 10 phút    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia nhóm và hoàn thành nhiệm vụ được phân công.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Những đức tính tốt đẹp của người đồng mình**  *Người đồng mình thương lắm con ơi*  *Cao đo nỗi buồn*  *Xa nuôi chí lớn*  **\* Nội dung**  - Cách gọi thân mật, yêu thương, cũng là cảm xúc chủ đạo của bài thơ  - Tâm hồn phóng khoáng, rộng mở  - Ý chí lớn lao  **\* Nghệ thuật**  - Điệp cấu trúc “Người đồng mình..”  - Tính từ  - Cách diễn đạt độc đáo, lấy không gian để đo tâm hồn  *Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*  *Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*  *Sống trong thung không chê thung nghèo đói*  *Sống như sông như suối*  *Lên thác xuống ghềnh*  *Không lo cực nhọc*  \* Nội dung  - Mong muốn của người cha:  + Tấm lòng thủy chung, gắn bó  + Dù cuộc sống khó khăn, vẫn phải vươn lên, vượt qua bằng nghị lực, niềm tin  \* Nghệ thuật  - Điệp ngữ, so sánh, từ phủ định  - Thành “lên thác xuống ghềnh”  - Giọng thơ rắn rỏi, ngôn ngữ giàu hình ảnh  *Người đồng mình thô sơ da thịt*  *Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*  \* Nội dung: Người đồng mình giản dị, mộc mạc, chất phát nhưng không nhỏ bé về ý chí, tinh thần  \* Nghệ thuật  - Điệp ngữ  - Hình ảnh tương phản:  Thô sơ da thịt > < chẳng nhỏ bé  *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương* *Còn quê hương thì làm phong tục*  \* Nội dung  - Lòng tự hào về quê hương  - Tự lực, tự cường xây dựng quê hương với phong tục và truyền thống tốt đẹp  \* Nghệ thuật  - Điệp ngữ  - Hình ảnh thơ nhiều sức gợi  ***-> Vẻ đẹp của người đồng mình***  Tâm hồn phóng khoáng, rộng mở, yêu quê hương  + Ý chí kiên cường, mạnh mẽ  + Lối sống mộc mạc, ân nghĩa, thủy chung  + Sức sống bền bỉ  + Tự lực, tự cường xây dựng quê hương  **-> Truyền cho con niềm tự hào về truyền thống và sức sống bền bỉ của quê hương. Mong con sống thủy chung, ân nghĩa với quê** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi: theo em, người cha muốn nói với con những điều gì? Điều đó có những ý nghĩa gì?  + Trong 4 câu thơ cuối, tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức. | **3. Lời dặn dò của cha**  **- Giọng điệu thiết tha, trìu mến, chất chứa tin yêu**  **- Kết cấu đối lập tương phản:**  *+ thô sơ da thịt >< Không bao giờ nhỏ bé được*  + Điều kiện hoàn cảnh >< Lẽ sống cao đẹp  **- Nội dung lời dặn dò:** Hãy sống tự lập, đường hoàng, bản lĩnh, tự tin  **- Ý nghĩa lời dặn dò:**  + Là lời nhà thơ nói với con, gửi tới con niềm yêu thương, tin tưởng, mong muốn con trưởng thành  + Là lời nhà thơ nói với chính mình: bộc bạch tình yêu với gia đình, quê hương, tự dặn lòng bền gan vững chí giữa lúc khó khăn  + Là lời chuyển giao thế hệ |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Giọng điệu tha thiết, trìu mến  - Ngôn ngữ cụ thể  - Hình ảnh mới lạ, độc đáo  - Sử dụng kết hợp nhiều biện pháp nghệ thuật  **2. Nội dung**  - Thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc  - Gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi:AI LÊN CAO HƠN*

**RABBIT TEAM**

1. Cách gọi “Người đồng mình” trong bài thơ Nói với con dùng để chỉ:

-> Những người sống cùng miền đất, quê hương

2. Câu thơ "Người đồng mình thương lắm con ơi" (Nói với con - Y Phương) có sử dụng thành phần biệt lập nào?

-> Thành phần gọi - đáp

 3. Bài thơ “Nói với con” của Y Phương đã giúp em hiểu về điều gì ?

-> Sức sống và vẻ đẹp tâm hồn người miền núi.

4. Bài thơ “Nói với con” của Y Phương , gợi nhắc chúng ta điều gì ?

-> Phải có tình cảm, gắn bó với truyền thống, quê hương, và ý chí vươn lên

5. Từ “nhỏ bé” trong câu thơ “Người đồng mình thô sơ da thịt- Chẳng có ai nhỏ bé đâu con” được dùng theo nghĩa nào?

-> Ẩn dụ

**TIGER TEAM**

1. Bài thơ Nói với con được làm theo thể thơ gì?

-> Tự do

 2. Cụm từ "lên thác xuống ghềnh" là:

-> Thành ngữ

3. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương, và ý chí vươn lên trong cuộc sống. Đúng hay sai?

-> đúng

4. Y Phương là nhà thơ dân tộc ít người nào?

-> Tày

5. Cảm xúc của Nói với con diễn ra theo trình tự nào?

-> Từ tình cảm gia đình mở rộng ra thành tình yêu quê hương

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức hoạt động:* ***GÓC CHIA SẺ****:* Em hãy chia sẻ những kỉ niệm về người cha của mình!

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**--------------------------------------------------**

**Ngày dạy:.................**

**Tiết 110, 111:**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (TRÌNH BÀY Ý KIẾN PHẢN ĐỐI)**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS trình bày được thực chất của vấn đề đời sống cần bàn luận trong bài viết

- HS thể hiện được ý kiến phản đối về vấn đề một cách thuyết phục với lí lẽ chắc chắn và bằng chứng cụ thể.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV cho học sinh xem ẢNH và đặt câu hỏi:** Cùng nhìn các hình ảnh sau và cho biết hình ảnh đó đề cập tới những vấn đề nào trong đời sống? Chia sẻ quan điểm của em về vấn đề này.

**+** Hình ảnh về ô nhiễm môi trường

+ Hình ảnh về bắt nạt học đường

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Từ việc phân tích đề bài vừa rồi, chúng ta có thể thấy việc đưa ra ý kiến phản đối về một hiện tượng xấu trong đời sống xã hội là rất phổ biến. Trong buổi học hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau đi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống qua việc trình bày ý kiến phản đối.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)**

**a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn dề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)* trong SHS, trang 45 và trả lời một số câu hỏi:  + Vấn đề của đời sống được nêu lên để bàn luận?  + Người viết thể hiện ý kiến như thế nào trước quan niệm, cách hiểu khác về vấn đề?  + Ý kiến phản đối có sức thuyết phục không?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)**  - Nêu được vấn đề, làm rõ thực chất của vấn đề  - Trình bày rõ ràng ý kiến phản đối của người viết về một quan niệm, cách hiểu khác  - Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ ý kiến phản đối là hoàn toàn có cơ sở |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo *“****Việc lớn, việc nhỏ”***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động CẶP ĐÔI CHIA SẺ  **+ YÊU CẦU: hoàn thiện phiếu học tập theo cặp đôi**  + **THỜI GIAN: 5 phút**   |  |  | | --- | --- | | Bài viết nêu vấn đề gì để bàn luận? |  | | Vấn đề được nêu nằm ở phần nào của bài? |  | | Người viết thể hiện thái độ gì đối với quan điểm về vấn đề đời sống được nêu? |  | | Những lí lẽ và bằng chứng nào được nêu ra để chứng tỏ sự phản đối là có căn cứ? |  | | Người viết KTVĐ như thế nào? |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  1. Phản đối quan điểm chỉ làm việc lớn, không làm việc nhỏ  2. Phần mở bài  3. Người viết bày tỏ ý kiến phản đối quan điểm của vấ đề (Theo tôi, câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm thật khó chấp nhận)  4. - Lí lẽ:  + Ai cũng phải làm việc lớn của đời mình, cho nên không vì phải giải quyết việc lớn mà trốn tránh việc nhỏ thuộc trách nhiệm của bản thân  + Nếu mình không làm thì đùn đẩy việc nhỏ cho ai?  + Việc nhỏ không đồng nghĩa với việc vô nghĩa, có những việc tuy nhỏ mà ý nghĩa rất lớn lao  - Bằng chứng: Ông Ni-nô-mi-gia, một doanh nhân người Nhật, đã đến Hồ Gươm nhặt rác vào mỗi sáng chủ nhật. Việc làm đầy ý nghĩa của ông đã có sức lan tỏa rất lớn, tác động đến nhận thức của nhiều người  5. Khẳng định lại sự tán thành của mình. |

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, để viết tốt 1 bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  ***Gợi ý một số đề tài***  ***1)*** *Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương*  ***2)*** *Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học môn mình yêu thích*  ***3)*** *Tắt thiết bị điện trong giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.*  ***4)*** *Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.*  **b. Tìm ý (**dựa vào bảng gợi ý sau)   |  |  | | --- | --- | | Quan niệm về vấnđề đời sống được đưa ra bàn luận |  | | Ý kiến phản đối của bản thân về quan niệm đó |  | | Những lí lẽ đưa ra để chứng tỏ sự phản đối là có cơ sở |  | | Những bằng chứng cần nêu để củng cố cho lí lẽ |  |   **c. Lập dàn ý**  **- Mở bài:** nếu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến phản đối về vấn đề đó.  **- Thân bài:**  + Ý 1: Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận.  + Ý 2: Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 3: Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, dẫn chứng)  **- Kết bài:** Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối  **2. Viết bài**  **Khi viết bài, em cần đặt dàn ý trước mặt để thường xuyên tự kiểm soát việc hết từng phần và triển khai từng ý.**  - **Mở bài**: Nêu được vấn đề cần nghị luận  - **Thân bài**: Các ý chính cần được trình bày rành mạch, mỗi ý được triển khai trong một đoạn văn riêng, rõ ràng, mạch lạc, bằng chứng cụ thể, thuyết phục. Khi viết, cần chú ý mạch văn trôi chảy, kết nối các câu trong đoạn và các đoạn trong bài chặt chẽ, hợp lí, tránh rườm rà.  - **Kết bài**: Khẳng định lại ý nghĩa của việc bàn luận, giúp người đọc suy nghĩ đúng vấn đề để có sự thay đổi tích cực trong nhận thức và hành động.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Đối chiếu bài viết với yêu cầu với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối) và dàn ý để tự đánh giá mức độ đáp ứng của bài viết, từ đó chỉnh sửa theo các gợi ý sau: |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* **: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bài tham khảo**

Học sinh là những cánh chim non, những chủ nhân tương lai của đất nước và trong tương lai sẽ đưa đất nước phát triển đi lên sánh vai với các cường quốc năm châu. Chính vì vậy mà ngay từ bây giờ việc học tập của học sinh đang được Đảng và Nhà nước quan tâm, chú trọng. Tuy nhiên, nhiều bạn vẫn chưa xác định đúng đắn được mục đích và động cơ học tập nên vẫn còn tình trạng học lệch diễn ra.

Học lệch là việc học không cân đối, không đều các môn, chú trọng môn này mà xao lãng môn khác, chỉ chú tâm đến môn mình sẽ thi đại học hay là đi theo sở thích cá nhân chứ không phải học để có kiến thức toàn diện.

Biểu hiện của việc học lệch rất rõ ràng nhận ra trong suốt quá trình học tập và qua những lần kiểm tra, thi cử. Có những bạn chỉ thích học các môn tự nhiên vì chúng không đòi hỏi phải học thuộc quá nhiều và cũng không cần ghi chép đến mức mỏi tay mà chỉ cần có một bộ não tư duy sắc bén. Hay có những bạn lại thích học các môn xã hội vì nó không khô khan như công thức toán lí hóa và chỉ cần chăm chỉ là có thể học tốt. Bên cạnh đó còn có xu hướng chuyên tâm học Ngoại ngữ mà quên đi các môn học còn lại. Vì sao vậy? Vì trong bối cảnh đất nước đang trên đà giao lưu, hội nhập có khả năng ngoại ngữ tốt là một hành trang vô cùng hữu ích cho những ai muốn nâng cao vị trí, tầm quan trọng của mình trong xã hội.

Có rất nhiều hậu quả của việc học lệch. Nhiều bạn mải học các môn tự nhiên mà không để ý đến các môn xã hội. Sau này các bạn trở thành những nhà khoa học giỏi nhưng lại thiếu kinh nghiệm sống, có những bạn tốt nghiệp bằng giỏi trường quản trị kinh doanh, nhưng do giao tiếp kém nên không xin được một công việc tốt. Hiện tượng học lệch cũng dẫn đến tư duy lệch. Các bạn học giỏi và thiên về các môn tự nhiên sẽ có ý xem thường các môn xã hội, cho đó chỉ là các môn phù phiếm, dẫn đến “thiếu cân bằng” về tư duy.

Học đều các môn là cách hiệu quả nhất để trở thành một con người toàn diện. Các bạn có thể chú trọng hơn về các môn tự nhiên, nhưng cần dành thời gian xứng đáng cho các môn xã hội. Những giá trị văn hoá, tinh thần, những vẻ đẹp của quê hương đất nước sẽ được khám phá qua việc học tập các môn xã hội. Một tâm hồn phong phú sẽ giúp bạn học tốt hơn, nạp kiến thức tốt hơn, và những kiến thức xã hội đến lượt mình sẽ giúp các bạn học tốt hơn các môn tự nhiên.

Trong trường học, các môn xã hội cần được giảng dạy một cách trực quan, sinh động để tạo hứng thú cho học sinh. Các bạn học sinh nên coi những giờ học tập môn xã hội chính là những giờ thư giãn, giúp bạn lấy lại tinh thần để học những môn tự nhiên. Có như vậy các bạn sẽ không thấy nhàm chán.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

**---------------------------------------------**

**Ngày dạy:...................**

**TIẾT 112: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

-  Trong tư cách người nói, HS nêu được vấn đề đời sống và trình bày ý kiến về vấn đề một cách có cơ sở (có lí lẽ và bằng chứng cụ thể), giải thích, bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

- Trong tư cách người nghe, HS thể hiện quan điểm của mình về vấn đề đời sống được bàn luận, biết đối thoại với ý kiến người trình bày, tán thành với ý kiến đó nếu thấy đủ sức thuyết phục.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

-   HS tham gia tích cực vào nội dung bài học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***TRÒ CHƠI TIẾP SỨC***

- **Hình thức**: Chia lớp thành 2 đội (2 nhóm lớn)

- **Yêu cầu:**

+ Mỗi nhóm tự chuẩn bị 5 bức ảnh liên quan đến một vấn đề trong đời sống. (tốt hoặc chưa tốt)

+ Lần lượt từng đội chiếu ảnh vấn đề để đội bạn gọi tên vấn đề đó và nêu quan điểm (tán thành hay đồng ý)

+ Đội nào trả lời được nhiều đáp án hơn sẽ chiến thắng

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *Trước ý kiến về một vấn đề đời sống được bàn luận, người nghe có thể tán thành hay phản bác. Thói quen trao đổi như thế là rất cần thiết. Được tán thành, người nói sẽ thấy tự tin hơn vì những điều mình trình bày có sức thuyết phục. Gặp sự phản bác, người nói cần kiểm tra lại ý kiến của mình, biết điều chỉnh nếu thấy chưa đúng và biết cách bảo vệ nếu thấy xác đáng. Trong buổi học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng thực hành****Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:**  HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Khi tiến trình bày ý kiến vè một vấn đề đời sống, chúng ta nhằm hướng tới điều gì?*  *+ Ai là người mà chúng ta muốn chia sẻ những điều này?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Tóm lược bài viết đã thực hiện ở phần Viết thành đề cương.  - Nắm vững vấn đề đời sống cần bàn luận và nội dung trình bày.  - Dự kiến các tình huống người nghe có thể phản bác để có phương án tiếp thu và bảo vệ ý kiến.  - Ghi nhanh 1 số lí lẽ, bằng chứng cần sử dụng.  **2. Luyện tập**  - Tập trình bày trước nhóm bạn hoặc người thân và lắng nghe các ý kiến nhận xét. |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu đề bài:  Ví dụ: ***“*** ***Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống”***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**   |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | **a. Trình bày vấn đề**  - Nêu vấn đề, nói rõ tầm quan trọng của vấn đề trong đời sống xã hội  - Trình bày các khía cạnh để làm rõ thực chất vấn đề  - Nêu ý kiến của bản thân về vấn đề (dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người nghe) | **a. Tiếp nhận và suy nghĩ về ý kiến của người nói**  - Tập trung lắng nghe và ghi chép các ý cơ bản của bài nói, đối chiếu với sự chuẩn bị của mình để thấy những chỗ tương đồng và những chỗ khác biệt trong ý kiến  - Ghi nhanh ý kiến trao đổi | | **b. Bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe**  - Tóm tắt ý kiến trao đổi, giải thích lại những chỗ người nghe chưa hiểu, dùng lí lẽ và bằng chứng làm rõ tính đúng đắn của ý kiến này  - Sẵn sàng trao đổi nếu người nghe tiếp tục thắc mắc | **b. Nêu ý kiến trao đổi**  - Ý kiến cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng bằng câu khẳng định hoặc câu nói  - Theo dõi phản hồi của người nói, trao đổi lại nếu thấy chưa thuyết phục | |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của bạn dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  + Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như:  + Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày.  + Đóng góp chính của người nói trên vấn đề đang trao đổi.  + Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.  **Người nói**  Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị:  + Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ.  + Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.  + Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức hoạt động *CÙNG THỂ HIỆN TÀI “*** ***Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống”***

- Hình thức: chia làm 4 nhóm, sau khi thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện 1 bạn trong nhóm nên trình bày trước lớp.

- Thời gian: thảo luận (5 phút), trình bày (3 phút)

**Bài nói tham khảo**

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là............học sinh.........trường......... Học sinh là những cánh chim non, những chủ nhân tương lai của đất nước và trong tương lai sẽ đưa đất nước phát triển đi lên sánh vai với các cường quốc năm châu. Chính vì vậy mà ngay từ bây giờ việc học tập của học sinh đang được Đảng và Nhà nước quan tâm, chú trọng. Tuy nhiên, nhiều bạn vẫn chưa xác định đúng đắn được mục đích và động cơ học tập nên vẫn còn tình trạng học lệch diễn ra.

Học lệch là việc học không cân đối, không đều các môn, chú trọng môn này mà xao lãng môn khác, chỉ chú tâm đến môn mình sẽ thi đại học hay là đi theo sở thích cá nhân chứ không phải học để có kiến thức toàn diện.

Biểu hiện của việc học lệch rất rõ ràng nhận ra trong suốt quá trình học tập và qua những lần kiểm tra, thi cử. Có những bạn chỉ thích học các môn tự nhiên vì chúng không đòi hỏi phải học thuộc quá nhiều và cũng không cần ghi chép đến mức mỏi tay mà chỉ cần có một bộ não tư duy sắc bén. Hay có những bạn lại thích học các môn xã hội vì nó không khô khan như công thức toán lí hóa và chỉ cần chăm chỉ là có thể học tốt. Bên cạnh đó còn có xu hướng chuyên tâm học Ngoại ngữ mà quên đi các môn học còn lại. Vì sao vậy? Vì trong bối cảnh đất nước đang trên đà giao lưu, hội nhập có khả năng ngoại ngữ tốt là một hành trang vô cùng hữu ích cho những ai muốn nâng cao vị trí, tầm quan trọng của mình trong xã hội.

Có rất nhiều hậu quả của việc học lệch. Nhiều bạn mải học các môn tự nhiên mà không để ý đến các môn xã hội. Sau này các bạn trở thành những nhà khoa học giỏi nhưng lại thiếu kinh nghiệm sống, có những bạn tốt nghiệp bằng giỏi trường quản trị kinh doanh, nhưng do giao tiếp kém nên không xin được một công việc tốt. Hiện tượng học lệch cũng dẫn đến tư duy lệch. Các bạn học giỏi và thiên về các môn tự nhiên sẽ có ý xem thường các môn xã hội, cho đó chỉ là các môn phù phiếm, dẫn đến “thiếu cân bằng” về tư duy.

Học đều các môn là cách hiệu quả nhất để trở thành một con người toàn diện. Các bạn có thể chú trọng hơn về các môn tự nhiên, nhưng cần dành thời gian xứng đáng cho các môn xã hội. Những giá trị văn hoá, tinh thần, những vẻ đẹp của quê hương đất nước sẽ được khám phá qua việc học tập các môn xã hội. Một tâm hồn phong phú sẽ giúp bạn học tốt hơn, nạp kiến thức tốt hơn, và những kiến thức xã hội đến lượt mình sẽ giúp các bạn học tốt hơn các môn tự nhiên.

Trong trường học, các môn xã hội cần được giảng dạy một cách trực quan, sinh động để tạo hứng thú cho học sinh. Các bạn học sinh nên coi những giờ học tập môn xã hội chính là những giờ thư giãn, giúp bạn lấy lại tinh thần để học những môn tự nhiên. Có như vậy các bạn sẽ không thấy nhàm chán.

Cuối cùng, thông qua bài trao đổi này hy vọng các bạn sẽ có cái nhìn tổng quát hơn trong việc học tập để có kết quả cao hơn.

Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn vấn đề khác mà mọi người quan tâm.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

*- GV áp dụng “****kĩ thuật 3 lần 3****” giúp HS đánh giá, nhận xét bài nói của nhóm bạn* ***(3 điểm tốt, 3 điểm chưa tốt, 3 đề nghị cải tiến)*** *và chấm điểm theo bảng đánh giá bài nói theo mẫu sau:*

**

*------------------------------------------------*

**Ngày dạy:.............................**

**TIẾT 113:**

**CỦNG CỐ MỞ RỘNG, THỰC HÀNH ĐỌC**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh hệ thống hóa tri thức về thể loại, hiểu rõ và nắm vững đặc trưng của văn bản nghị luận

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

**b. Năng lực riêng:**

- Đọc-hiểu văn bản thuộc thể loại nghị luận VH

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành và phát triển ở HS: tự tin vào bản thân mình, có ý chí biến khát vọng thành hiện thực.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra câu hỏi: hãy kể tên các văn bản em đã học trong bài 8: TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH

- HS thực hiện nhiệm vụ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Củng cố- mở rộng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu học sinh làm bài tập 1,2,3  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. CỦNG CỐ- MỞ RỘNG**  **Bài tập 1**  Những trải nghiệm có vai trò rất quan trọng trọng sự trưởng thành của mỗi con người. Chính những trải nghiệm như một tấm bản đồ dẫn đường cho con người vượt qua tất cả những điều mới mẻ của cuộc sống.  **Bài tập 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Bản đồ dẫn đường** | **Hãy cầm lấy và đọc** | | **GIỐNG NHAU** | Cả hai văn bản đều lấy và dẫn dắt một câu chuyện khác để làm đầu câu chuyện, làm phần mở đầu và dẫn chứng cho câu chuyện. | | | **KHÁC NHAU** | Tác giả đã lấy ví dụ và dùng lí lẽ trên cơ sở chính là câu chuyện của bản thân | Những lí lẽ của văn bản được đưa ra dưới dạng bình luận về vai trò, hiện trạng, cách khắc phục một vấn đề. |   **Bài tập 3**  Mỗi con người khi sinh ra muốn thành công đều là do quá trình rèn luyện, tu dưỡng mà nên. Một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự trưởng thành của con người chính là việc đọc sách. Sách là nơi lưu trữ những kiến thức từ lâu đời đến hiện tại ở nhiều lĩnh vực khác nhau giúp con người mở mang tầm hiểu biết và hoàn thiện bản thân. Đọc sách giúp con người tiếp thu nguồn tri thức, suy nghĩ đúng đắn hơn, trưởng thành, mở rộng tầm hiểu biết. Sách chính là người bạn dẫn dắt con người chúng ta đến những tri thức, những tình cảm trong cuộc đời. Sách còn giúp con người nuôi dưỡng tâm hồn, giúp con người tìm ra lí tưởng sống đúng đắn và hình thành những đức tính đẹp đẽ. Mỗi con người chỉ có quỹ thời gian một ngày như nhau, việc ta sống và làm việc thế nào là do chính ta lựa chọn, hãy sống và học tập thật chăm chỉ để trở thành một con người có ích. |

**Hoạt động 2: Thực hành đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kĩ năng đọc qua văn bản 1,2,3 để thực hành đọc hiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV gọi 1 bạn đọc to văn bản trước lớp  - GV chia lớp thành 3 nhóm tìm hiểu về  + Những ý nghĩa phong phú của hình ảnh “con đường” và vai trò của cá nhân trong việc lựa chọn con đường đi cho cuộc đời mình.  + Mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. THỰC HÀNH ĐỌC VĂN BẢN “CÂU CHUYỆN VỀ CON ĐƯỜNG”**  **1. Những ý nghĩa phong phú của hình ảnh “con đường” và vai trò của cá nhân trong việc lựa chọn con đường đi cho cuộc đời mình.**  Ý nghĩa phong phú của hình ảnh con đường là:  - Là con đường theo nghĩa gốc: đường bộ, đường thủy, đường ngầm trong lòng đất…  - Là biểu tượng cho sự trưởng thành của một quốc gia.  - Là con đường trí tuệ…  -> “Con đường” có vai trò quyết định và gắn chặt với số phận của mỗi người, chính vì vậy việc lựa chọn con đường đi cho cuộc đời mình là vô cùng quan trọng  **2. Mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.**  Các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận có mối quan hệ chặt chẽ, khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau và làm nổi bật vấn đề nghị luận. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***- GV giao nhiệm vụ:*** *HS hoàn thiện bài tập 4*

Câu nói được lựa chọn: “Không nhất thiết phải là tấm bản đồ cháu được trao sẵn, hay tấm bản đồ giống hệt bố mẹ mình, mà là tấm bản đồ cháu tự vẽ nên bằng chính kinh nghiệm của mình”.

**1. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận.

**2. Thân bài**

- Giải thích “tấm bản đồ”

-> Ý nghĩa của cả câu: Lời khuyên của người ông về việc người cháu hãy tự tìm cho mình một hướng đi riêng, tìm cho mình một suy nghĩ và chân lý riêng, nó không phải được trao sẵn từ ai đó mà là do sự tìm tòi và học hỏi của chính bản thân con người chúng ta.

- Đánh giá, bàn luận: Trải nghiệm, sự tự tìm tòi và trưởng thành có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cuộc sống của mỗi con người:

+ Đem lại hiểu biết và kinh nghiệm thực tế; giúp chúng ta mau chóng trưởng thành về cách nghĩ, cách sống giúp mỗi người khám phá chính mình để có những lựa chọn đúng đắn và sáng suốt cho tương lai giúp mỗi người biết cách vượt qua những trở ngại khó khăn, tôi luyện bản lĩnh, ý chí để thành công.

- Lấy dẫn chứng để chứng minh…

- Phản đề, mở rộng vấn đề: Có nhiều bạn trẻ thụ động, ỷ lại và lười nhát đi tìm kiếm chân lý của cuộc đời mình,...

- Bài học nhận thức và hành động: Cần nhận thức được vai trò quan trọng và cần thiết của việc tự mình tìm tòi, trải nghiệm để giúp bản thân trưởng thành, vững vàng và sống đẹp hơn

**3. Kết bài:** Tổng kết và liên hệ bản thân.

*thể có sự quang hợp của sự sống diễn ra, phục vụ cho sự phát triển của xã hội.*

***- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.***

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 5 Trang 73*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**--------------------------------------------**

**Ngày dạy:...........................**

**TIẾT 125:**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KỲ II**

**I. MỤC TIÊU**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực:**

- Học sinh biết được kiến thức mình đã làm được trong bài kiểm tra giữa học

kỳ 2.

+ Xác định được nội dung và yêu cầu cần đạt của đề bài

+ Liên hệ được trải nghiệm bản thân

+ Củng cố kiến thức và kỹ năng kiểu bài bàn về một vấn đề đời sống.

**2. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp:

- Yêu thích môn học, trân trọng những kiến thức của bản thân, trân trọng điểm số đạt được

- Có ý thức cố gắng phấn đấu khi làm bài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Đề bài, bài kiểm tra của học sinh đã được Gv chấm và nhận xét.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: Mở đầu (5 phút)**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV cho học sinh hát tập thể.

**HOẠT ĐỘNG 2: Trả bài kiểm tra (30 phút)**

**a. Mục tiêu:** Hs biết được lượng kiến thức đã làm trong bài, những tồn tại, hạn chế trong bài làm để khắc phục.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** Gv cho hs đọc lại yêu cầu của đề bài, xác định lại yêu cầu của đề bài

- Gv nhận xét chung về chất lượng làm bài của học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ về bài kiểm tra giữ kì2  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi. Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  - Gv nhận xét chung vế ý thức, chất lượng làm bài của hs, sửa lỗi sai, trả bài, thu bài. | **1. Đề bài và yêu cầu cần đạt**  - Gv chiếu lại đề bài cho hs quan sát và đọc lại đề.  - HS xác định yêu cầu cảu từng câu hỏi  - GV công khai đáp án  **2. Nhận xét:**  \* Ưu điểm:  - Phần lớn bài làm đạt yêu cầu đề ra.  + Trình bày sạch sẽ, rõ ràng, khoa học.  + Đa số HS trả lời đúng thể loại, ngôi kể, từ loại...  + Đa số HS giải nghĩa được, xác định được BPTT, tác dụng của phép BPTT.  - Nêu được ý nghĩa.  - Nhiều HS nêu được ý nghĩa, nội dung của câu chuyện.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về bạo lực học đường.  \* Hạn chế:   - Một số em chưa biết cách làm bài : - Kiến thức: + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm: chưa biết cách làm bài văn nghị luận, các ý lộn xộn.  + Nhiều em làm bài còn chung chung, chưa biểu cảm theo các ý.  + Bài văn nêu cảm nhận còn sơ sài.  - Diễn đạt: + Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác  + Lời văn : Một số em viết bài biểu cảm chưa đạt yêu cầu. + Chữ viết : Ẩu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học.  **3. Sửa lỗi:**  - Gv đọc một số lỗi sai của hs yêu cầu các em nhận xét và sửa lại cho đúng.  **4. Trả bài:**  - GV trả bài cho hs  - Hs nhận bài của mình, xem xét lại bài làm, sửa lỗi sai nếu có.  - Gv thu bài lưu điểm số và bài kiểm tra theo quy định. |

**Hoạt động 3+ 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**\*B1: -** GV cho HS trình bày ý kiến bằng cách trả lời các câu hỏi trong phiếu thăm dò

- GV cho HS làm đề vận dụng sau:

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới**:

*Năm tháng qua đi, bạn sẽ nhận ra rằng ước mơ không bao giờ biến mất. Kể cả những ước mơ rồ dại nhất trong lứa tuổi học trò – lứa tuổi bất ổn định nhất. Nếu bạn không theo đuổi nó, chắc chắn nó sẽ trở lại một lúc nào đó, day dứt trong bạn, thậm chí dằn vặt bạn mỗi ngày.*

*Nếu vậy, sao bạn không nghĩ đến điều này ngay từ bây giờ?*

*Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự tính được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng, thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không có thể nó sẽ là những màu mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải bạn.*

*Đừng để ai đánh cắp ước mơ của bạn. Hãy tìm ra ước mơ cháy bỏng nhất của mình, nó đang nằm ở nơi sâu thẳm trong tim bạn đó, như một ngọn núi lửa đợi chờ được đánh thức…*

***(Theo Phạm Lữ Ân, Nếu biết trăm năm là hữu hạn, NXB Hội Nhà văn, 2012)***

**Câu 1 ( 1.0 điểm)**. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

**Câu2 ( 1.5 điểm)**. Nêu nội dung chính của văn bản?

**Câu3 (1.5 điểm)**. Xác định và chỉ ra hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu “Sống một cuộc đời, cũng giống vẽ một bức tranh vậy”?

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Ý kiến của em*** |
| Theo em, đề kiểm tra có vừa sức với em không? |  |
| Em thấy câu hỏi nào dễ trả lời nhất? |  |
| Câu hỏi nào trong đề em thấy khó nhất? Vì sao? |  |
| Đề đã bao quát được các kiến thức đã học chưa? |  |
| Theo em, còn những đơn vị kiến thức nào đã học từ đầu năm nhưng chưa được đưa vào trong đề? |  |
| Nếu bây giờ em được làm lại đề kiểm tra trên trong thời gian tương tự, em nghĩ mình sẽ được mấy điểm? |  |
| Theo em, cô giáo chấm điểm có sát với điểm em đã tự chấm và điểm bạn chấm cho em không? |  |
| Những thiếu sót mà em đã mắc phải trong bài là gì? |  |
| Theo em, các bạn đã nghiêm túc và tích cực trong tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng chưa?  Em có sáng kiến gì để các tiết trả bài sau vui và hấp dẫn, hiệu quả hơn nữa không? |  |

**\*B2:** Hs nêu ý kiến. HS làm đề văn ( có thể làm ở nhà)

**\*B3:** GV ghi nhận

KÍ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

*Ngày … tháng….năm........*

TTCM

NGUYỄN DUY TUYẾN

**Ngày soạn:.............................**

**BÀI 9: HÒA ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN**

**Ngày dạy:...............................**

**TIẾT 114:**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ, nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết và hiểu được đặc điểm chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của các từ có yếu tố Hán Việt đó.

- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Giải thích được (dưới hình thức nói) quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

- Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

**-** Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

**b. Năng lực riêng:**

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của các phương tiện phi ngôn ngữ, nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết và hiểu được đặc điểm chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của các từ có yếu tố Hán Việt đó.

**3. Phẩm chất:**

- Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV cho học sinh xem video và đặt câu hỏi dẫn vào bài: https://www.youtube.com/watch?v=L7KxvjRCjUg

- GV đặt câu hỏi gợi mở huy động những hiểu biết, trải nghiệm của bản thân HS về thời tiết, về những biến đổi khác lạ của môi trường sống:

*+ Chia sẻ cảm nhận của em sau khi xem xong bản tin.*

*+ Con người chúng ta đang đứng trước thứ thách gì?*

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *……*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi:  + Chủ đề của bài học là gì?  + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?  + Phần Giới thiệu bài học còn cho biết ở chủ đề này các em làm quen với thể loại văn bản nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: Hòa điệu với tự nhiên  *-> Hiểu biết về tự nhiên, biết sống hài hòa với tự nhiên, nhận ra những điều sai lầm trong cách con người đối xử với thiên nhiên để có những thay đổi phù hợp”*  - **Thể loại chính**:  ***\* Văn bản thông tin***  *+ Thủy Tiên tháng Một*  *+ Lễ rửa làng của người Lô Lô*  ***\* Tản văn***  *+ Bản tin về hoa anh đào* |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin; nắm được nội dung văn bản giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Gv tổ chức hoạt động nhóm:**  - Chia lớp thành 4 nhóm  - Thời gian: 5 phút  - Yêu cầu:  + **Nhóm 1,2**: Tìm hiểu nội dung cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin.  + **Nhóm 3,4**: Tìm hiểu nội dung văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, trả lời câu hỏi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin**  - Theo trật tự thời gian  - Theo quan hệ nhân quả  - Theo mức độ quan trọng của từng vấn đề được nói tới  - Theo trình tự đi từ loại đối tượng này đến loại đối tượng khác  -> Việc lựa chọn cách triển khai nào luôn phục vụ các yếu tố chính sau đây: đặc điểm của đối tượng được nói tới, mục đích viết, hiệu quả tác động đến người đọc mà tác giả đã dự tính trước  **2. Văn bản giới thiệu quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.**  - Thể loại: kiểu văn bản thuyết minh  - Nội dung: trình bày chi tiết về cách chơi, cách tổ chức hoạt động (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, các điều kiện phải đảm bảo…) bằng những câu văn ngắn gọn, dễ hiểu, có thể kèm theo các hình vẽ, bức tranh…  - Tác dụng: giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi hay hoạt động ấy một cách thuận lợi. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:** Lựa chọn 1 văn bản thông tin em đã học, đã đọc và phân tích cách triển khai ý tưởng và thông tin của văn bản thông tin đó

***- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.***

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV giao nhiệm vụ của tiết sau: Tìm hiểu văn bản Thủy tiên tháng Một*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*-----------------------------------------*

**Ngày dạy:..........................**

**TIẾT 115:**

**THỦY TIÊN THÁNG MỘT**

*Thô-mát L.Phrit-man*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết và phân tích được cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, vừa theo các tầng bậc khác nhau của chuỗi vấn đề được nói tới

- HS nhận biết được ý nghĩa của các chi tiết, số liệu, cước chủ và độ tin cậy của các tài liệu có trích dẫn trong VB thông tin

- HS thấy được những tác động tai hại của hiện tượng biến đối khí hậu đối với sự sống trên Trái Đất.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*Thủy tiên tháng một*.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Thủy tiên tháng một.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV Đưa ra yêu cầu:

- Em hãy tìm những cụm từ đồng nghĩa với từ đã cho “BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU”

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** “*BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU” đang là một từ khóa, một ẩn số đang cần giải đáp trong thời điểm lúc này. Nó khiến cuộc sống của chúng ta dần đảo lộn với những biến đổi khó lường. Một sự thật chúng ta cần nhìn nhận, tại sao lại xuất hiện cụm từ “Biến đổi khí hậu”, do đâu, do ai, như thế nào? Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu một văn bản tên “Thủy tiên tháng Một” để nhìn nhận lại vấn đề đó.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động nhóm    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  a. Đọc  - GV gọi 2 bạn học sinh đọc to trước lớp  - Giọng đọc: to, rõ ràng, chú ý cách đọc với các từ mượn tiếng Anh  b. Chú thích  - **Min-ne-xô-ta**: một tiểu bang của Hoa Kì, có biệt danh là vùng đất của vạn hồ  - **Thoai-lai Dôn:** chương trình truyền hình viễn tưởng, kinh dị của Mỹ, do Rót- Xơ-linh sản xuất.  - **Thái cực**: điểm đầu mút của một phía trong sự đối lập với điểm đầu mút của phía kia.  - **Đồng nhất**: cùng một loại  - **Hải lưu**: dòng chảy tạo nên do sự chuyển dịch các phân tử nước từ nơi này đến nơi khác trên biển và đại dương.  - **Hiện tượng “nước trồi”:** nước ở tầng sâu và đáy, thường lạnh và giàu dinh dưỡng, được đẩy lên bề mặt đại dương.  - **Cực đoan**: tình trạng lệch hẳn về một phía gây nhiều lo ngại, đối lập với sự hài hòa thông thường.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  **- Tên**: Thô-mát L. Phrít-man  **- Năm sinh**: (1953),  **- Quê quán**: sinh ra tại St.Louis Park, một vùng ngoại ô của Minneapolis- Mỹ  **- Thành tựu**:  + Là nhà báo người Mỹ có uy tín  + Ba lần được trao giải Pu-lít-dơ (Pulitzer)  **- Các tác phẩm tiêu biểu**: *Chiếc Lếch-xớt (Lexus) và cây ô-liu* (1999); *Thế giới phẳng* (2005-2007); *Nóng, Phẳng, Chật* (2008);...  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** Thủy tiên tháng Một là một bài nằm trong mục 5 (Sự bất thường của Trái Đất) thuộc phần 2 (Tại sao chúng ta lại ở đây) của cuốn sách  - **Thể loại:** Văn bản thông tin  - **Bố cục:**  ***+ Phần 1****(Đoạn 1): Cần hiểu thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu*  ***+ Phần 2****(Đoạn 2-5”): Biến đổi khí hậu và những tác động liên hoàn*  ***+ Phần 3****(2 đoạn cuối): Những báo cáo và con số đầy ám ảnh*  **- Ý nghĩa nhan đề:**  *+* ***Thủy tiên****: tên loài hoa, thường nở vào tháng Ba*  *+* ***Tháng Một****: thời gian 1 tháng trong năm*  *-* ***Thủy tiên tháng Một****: loài hoa nở vào tháng một -> bất thường -> dự báo sắp có biến đổi khí hậu của Trái Đất -> kêu gọi ý thức bảo vệ thiên nhiên của con người*  ***- Ý nghĩa:***  *+ Là một chi tiết “đắt giá” trong văn bản*  *+ Gợi ấn tượng độc đáo, bởi nó là trải nghiệm, là những quan sát tinh tế của tác giả, thông qua đây người đọc sẽ thấy thú vị để tìm hiểu sâu hơn về văn bản* |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được nội dung Cần hiểu như thế nào về biến đổi khí hậu

- Phân tích được nội dung biến đổi khí hậu và tác động của nó

- Phân tích được nội dung những báo cáo và con số đầy ám ảnh

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - Hãy chọn trong đoạn 1 một cụm từ có thể  - Khái quát được nội dung chính của vấn đề mà tác giả muốn trao đổi?  - Những cách gọi khác nhau của vấn đề?  - Nhận xét về cách nêu vấn đề của tác giả?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Cần hiểu như thế nào về tình trạng biến đổi khí hậu**  **- Vấn đề:** biến đổi khí hậu  **- Những tên gọi khác:**  + sự nóng lên của Trái Đất  + sự bất thường của Trái Đất  + sự rối loạn khí hậu toàn cầu.  - **Nghệ thuật**: Cách nêu vấn đề trực tiếp, nhìn nhận từ các khía cạnh của vấn đề -> người đọc dễ hình dung và nắm bắt vấn đề chính của văn bản |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn     * **- Hình thức**: chia lớp thành 4 nhóm * **- Thời gian:** 15 phút   **- Yêu cầu:** tìm hiểu biến đổi khí hậu và tác động của nó (Nguyên nhân, tác động, nhận xét)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia nhóm hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Biến đổi khí hậu và tác động của nó**  **- Nguyên nhân của biến đổi khí hậu:**  + Nhiệt độ trung bình toàn Trái Đất tăng.  + Sự chênh lệch nhiệt độ hình thành, Trái Đất nóng hơn, tốc độ bay hơi.  **- Những tác động của nó.**  + Thời tiết thay đổi bất thường và diễn ra với tốc độ nhanh: đợt nóng, hạn hán, tuyết rơi dày, bão lớn, lũ lụt, mưa to, cháy rừng, loài sinh vật biến mất, hoa thủy tiên nở tháng 1.  + Thời tiết đồng thời tồn tại ở hai thái cực: nơi nắng hạn gay gắt; nơi mưa bão, lụt lội kinh hoàng.  - **Nhận xét**: Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng nghiêm trọng, nặng nề, tiêu cực đến hệ sinh thái và đời sống con người. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV đặt câu hỏi:**  + Hai đoạn cuối tác giả đã đưa vào rất nhiều số liệu, là những số liệu nào?  + Ý nghĩa của số liệu ấy?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức. | **3. Những báo cáo và con số đầy ám ảnh**  - Báo cáo “ Sự bất thường của Trái Đất năm 2007”:  + Bốn đợt gió mùa, lũ lụt nặng nề ở Ấn Độ, Pa-ki-xtan...  + Ở Xu-đăng, lú và mưa lớn đã làm sập 23.000 ngôi nhà, khiến ít nhất 62 người thiệt mạng…  + Vào tháng 5, sóng lớn cao 4,6 m tràn qua 68 đảo ở Man-đi-vơ...  + Vào tháng 7, nhiệt độ ở Ác-hen-ti-na giảm còn -22 độ C, Chi-lê giảm còn -18 độ C…  + Nam Phi trải qua đợt tuyết lớn nhất kể từ năm 1981 với độ dày 25cm trên mặt đất…  - Mùa hè 2008, hiện tượng thời tiết cực đoan vẫn diễn ra:  + Mưa lớn khiến trung tâm thành phố Xi-đa Ra-pit bị lụt.  + Mực nước sông cao hơn mặt nước biển 9,1 m (hơn kỉ lục cũ 1,8 m).  -> Những số liệu ấn tượng, đáng tin cậy, thuyết phục khiến người đọc ám ảnh và nhận thức được vấn đề biến đổi khí hậu vẫn còn tiếp tục diễn ra hết sức cực đoan. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật trình bày vấn đề theo quan hệ nhân quả giữa các phần trong văn bản.  - Đưa ra những số liệu chính xác, có căn cứ thuyết phục.  **2. Nội dung**  Văn bản đề cập đến vấn đề biến đổi khí hậu trên TĐ với những hiện tượng thời tiết cực đoan. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***GV nêu nhiệm vụ:*** *Nêu lên điều có ý nghĩa nhất mà em thu nhận được sau khi học xong văn bản “Thủy tiên tháng Một”.*

**Gợi ý:**

+ Nhận thức được sự rối loạn khí hậu toàn cầu, những vấn đề của biến đổi khí hậu

+ Yêu và trân trọng Trái Đất, có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường tốt hơn.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức* ***GÓC CHIA SẺ***: Là một học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường, em cần có những hành động gì để góp phần bảo vệ môi trường sống xung quanh.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**-----------------------------------------**

**Ngày dạy:..................................**

**TIẾT 116, 117:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

- HS nhận biết được đặc điểm, chức năng của cước chú và vị trí đặt cước chú.

- HS nhận biết được ý nghĩa, tác dụng của tài liệu tham khảo và cách sử dụng tài liệu tham khảo trong VB.

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định cước chú và tài liệu tham khảo.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**2. Phẩm chất**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV yêu cầu HS đọc lại bài Thủy tiên tháng Một, trao đổi với bạn bên cạnh:**

*+ Xác định kí hiệu và tên đối tượng được chú thích ở cuối chân trang*

*+ Cách trình bày đoạn trích dẫn lấy từ nguồn tài liệu nào trong văn bản?*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Trong một văn bản bất kì, việc sử dụng cước chú để đánh dấu cho những chú thích được đặt ở dưới chân trang là vô cùng cần thiết, bên cạnh việc giải thích và cung cấp thông tin về nghĩa của từ, cước chú còn miêu tả và giải thích sự vật, hiện tương rõ hơn. Một điều nữa, để giúp cho văn bản tăng sức thuyết phục và bằng chứng xác thực, chúng ta cũng cần tìm đến nguồn tài liệu tham khảo uy tín, chất lượng. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi vào tìm hiểu kĩ hơn về****Cước chú và tài liệu tham khảo.***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**  hs tìm hiểu kiến thức về cước chú và tài liệu tham khảo.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành phiếu học tập  - Thời gian: 7 phút    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Cước chú**  **- Khái niệm**: là một loại chú thích đặt ở chân trang hoặc cuối văn bản về một từ ngữ khó hiểu hay một nội dung chưa quen. Loại chú thích đó cho biết văn bản hay một số yếu tố của văn bản được lấy từ nguồn nào cũng được gọi là cước chú.  **- Phạm vi sử dụng:** xuất hiện nhiều trong các văn bản thông tin (nhất là văn bản khoa học), văn bản nghị luận, văn bản văn học cổ được đời sau in lại  **- Chức năng**: người đọc có thêm điều kiện để nắm bắt được một cách chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa văn bản.  **- Cách ghi cước chú:**  + Đánh dấu từ ngữ, nội dung cần cước chú bằng chữ số hoặc dấu hoa thị  + Ở chân trang hoặc ở cuối văn bản, lần lượt chú thích về từng từ ngữ hay nội dung đã được đánh dấu để tạo thành một cước chú hoàn chỉnh gồm: kí hiệu đánh dấu đối tượng, tên đối tượng, dấu hai chấm, nội dung giải thích  - **Ví dụ về cước chú**: “Thoai-lai Dôn (Twilight Zone)”- Thủy Tiên tháng Một  **2. Tài liệu tham khảo**  **- Khái niệm:** là những tài liệu mà người tạo lập văn bản tìm đọc và khai thác các thông tin cần thiết, có liên quan tới vấn đề được trình bày trong văn bản  - **Chức năng:** người đọc có thể có được những nhận định bước đầu về mức độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản  **- Thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo:**  + Đặt trong dấu ngoặc kép đoạn trích hoặc dẫn nguyên văn một ý kiến, nhận định nào đó.  + Nêu thông tin về họ, tên tác giả của ý kiến, nhận định được trích dẫn.  + Ghi đầy đủ tên tài liệu được trích dẫn cùng nơi xuất bản, thời gian xuất bản vào vị trí thích hợp.  - **Ví dụ:** 2. Cri-xtốp-phơ Ma-gơ (Christopher Maag) (13/6/2008), "Ở phía đông Ai-o-oa, thành phố "sẽ không bao giờ ngập lụt" nằm dưới độ sâu 12 feet“. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng được những tri thức đã biết để giải các bài tập về cước chú và tài liệu tham khảo

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức hoạt động nhóm, chia lớp thành 2 TEAM  + TEAM CƯỚC CHÚ: **DÃY 1**  YÊU CẦU: hoàn thành bài tập 1,2,3,4  + TEAM TÀI LIỆU THAM KHẢO: **DÃY 2**  YÊU CẦU: hoàn thành bài tập 5,6,7  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ được giải thích nghĩa** | **Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ** | **Sự vật, hiện tượng được miêu tả, giải thích** | | - Thái cực  - Đồng nhất  - Cực đoan | - Ảnh của Quốc Trung  - Thoai-lai Dôn (Twilight Zone) | - Min-nét-xô-ta  - Hiện tượng "nước trồi" |   **Bài tập 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các thành phần của cước chú** | **Vị trí đặt cước chú** | **Nội dung cước chú** | **Ngôn ngữ của cước chú** | | - Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích  - Tên đối tượng được chú thích  - Phần giải thích của tác giả hay người biên soạn sách | - Chân trang  - Cuối văn bản | - Giải thích nghĩa của từ ngữ  - Cung cấp thông tin về xuất xứ của đối tượng  - Giải thích sự vật, hiện tượng được nói tới | - Ngắn gọn  - Rõ ràng |   **Bài tập 3**  - Theo em, cần có thêm cước chú cho tên của những người được tác giả đề cập đến trong bài: Hân-tơ Lo-vin (Hunter Lovins), Giôn Hô-đơ-rơn (John Holdren).  - Vì không phải bất cứ người đọc nào cũng biết những người được nhắc đến đó là ai.  **Bài tập 4**  - Đánh số bên cạnh các từ chỉ tên người đã được nhắc đến ở câu 3.  - Ghi cước chú ở chân trang lần lượt như sau:  **+ Hunter Lovins**: nhà môi trường Mỹ, là chủ tịch và người sáng lập của tổ chức Những giải pháp chủ nghĩa tư bản tự nhiên (Natural Capitalism Solutions), là tác giả hàng đầu về phát triển bền vững.  + John Holdren: giáo sư người Mỹ nghiên cứu Khoa học Môi trường và Chính sách tại Trường Chính phủ Kennedy thuộc Đại học Harvad, từng là cố vấn cấp cao của Tổng thống Mỹ Barack Obama về các vấn đề khoa học và công nghệ.  **Bài tập 5**  - Đặt trong dấu ngoặc kép đoạn trích dẫn nguyên văn một ý kiến, nhận định nào đó  - Nêu thông tin về họ, tên tác giả của ý kiến, nhận định được trích dẫn (đặt trước đoạn trích dẫn)  - Ghi đầy đủ tên tài liệu được trích dẫn cùng nơi xuất bản, thời gian xuất bản vào vị trí thích hợp  **Bài tập 6**  - Sự khác biệt giữa hai cách ghi nguồn tài liệu tham khảo đã nêu:  + Một cách là ghi ngay ở các đoạn có thông tin được trích dẫn.  + Một cách là ghi ở một phần riêng cuối văn bản.  -> Cách thứ hai được sử dụng phổ biến hơn trên sách báo hiện nay.  **Bài tập 7**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | **Thông tin được viện dẫn và tài liệu tham khảo đã sử dụng** | **Tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo** | | 1 | Giải thích cụm từ “Sự bất thường của Trái đất” (Tài liệu tham khảo: Hân-tơ Lo-vin) | Tăng tính xác thực cho thông tin | | 2 | Thuật ngữ “Sự nóng lên của Trái đất” là một sự nhầm lẫn (Tài liệu tham khảo: Giôn Hô-đơ-rơn) | Tăng tính dễ hiểu, xác thực cho thông tin | | 3 | Nói về sự bất thường của Trái đất (Tài liệu tham khảo: trang CNN.com ngày 07/08/2007) | Tăng tính dễ hiểu, xác thực cho thông tin | |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu học sinh làm bài tập****:*** Viết một đoạn văn ngắn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em sau khi học xong văn bản “Thủy tiên tháng Một”, trong đó có sử dụng cước chú và tài liệu tham khảo.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

***-------------------------------------***

**Ngày dạy:.........................**

**TIẾT 118.119:**

**LỄ RỬA LÀNG CỦA NGƯỜI LÔ LÔ**

*Phạm Thùy Dung*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nhận biết được đặc điểm của VB giới thiệu về một lễ tục với nhiều hoạt động cụ thể được thực hiện theo những quy định chặt chẽ.

- HS nhận biết được tác dụng biểu đạt cảu một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong VB in.

- HS nêu được những thu hoạch bổ ích về lối sống tôn trọng tự nhiên, hòa điệu với tự nhiên.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lễ rửa làng của người Lô Lô.*

- Năng lực đọc hiểu, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Lễ rửa làng của người Lô Lô.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

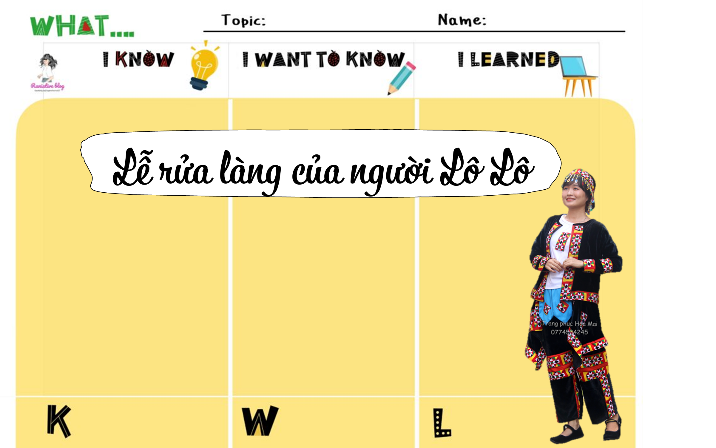
**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV áp dụng kỹ thuật KWL giúp học sinh tìm hiểu về Lễ rửa làng của người Lô Lô.

******

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *Chúng ta nên nhớ tên một số vị thần người Việt xưa thờ cúng, điều đó biểu thị sự tôn trọng, thậm chí kinh sợ đối với các lực lượng tự nhiên như thần Đất, thần Rừng, thần Sông, thần Biển, thần Cây,… Ngoài ra, chúng ta nên nhớ rằng một số lễ tục vẫn còn được duy trì đến ngày hôm nay, điều đó lại một lần nữa cho thấy cách ứng xử đầy nhân văn của tổ tiên xưa đối với những ân huệ mà tự nhiên ban tặng cho con người như lễ cúng cơm mới, lễ cầu mưa, lễ cầu ngư,… Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu một lễ tục vô cùng độc đáo trong văn bản Lễ rửa làng của người Lô Lô.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  a. Đọc  - GV gọi học sinh đọc từng phần văn bản  - **Giọng đọc**: rành rẽ, khúc chiết, thái độ thích thú, ngạc nhiên  b. Chú thích  - **Định kì:** khoảng một thời gian tương đối cố định dánh dấu sự lặp lại đều đặn của một hoạt động hoặc hiện tượng, sự kiện nào đó.  - **Linh nghiệm**: có hiệu quả, hiệu lực thấy rõ, như nhờ một tác động lạ lùng, bí ẩn nào đó.  - **Hình nhân**: hình người bằng giấy, dùng để cúng rồi đốt đi, theo tục lệ mê tín.  - **Phong quang:** quang đãng và sáng sủa  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả: Phạm Thùy Dung**  - Là một cây bút có bài viết xuất hiện đều đặn trên tạp chí Di sản (Heritage) của Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines).  - Các bài viết của chị đã đưa đến cho người đọc nhiều thông tin thú vị về cuộc sống muôn màu trên mọi miền Tổ quốc.  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:** Trích trong tạp chí “Di sản”, tháng 12/2019  - **Thể loại:** Văn bản thông tin  - **PTBĐ:** Thuyết minh  - **Bố cục:**  ***+ Phần 1:*** Từ đầu đến “độc đáo, thú vị”: Giới thiệu về dân tộc và lễ rửa làng của người Lô Lô.  ***+ Phần 2:*** Tiếp theo đến “làm mất thiêng”: Nét đặc sắc trong lễ rửa làng của người Lô Lô.  ***+ Phần 3:*** Còn lại: Ý nghĩa của phong tục |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được nội dung Giới thiệu về dân tộc và lễ rửa làng của người Lô Lô

- Phân tích được nội dung Nét đặc sắc trong lễ rửa làng của người Lô Lô

- Phân tích được nội dung Ý nghĩa của phong tục

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:**  - Dân tộc Lô Lô hiện lên như thế nào?  - Nhận xét về cách giới thiệu lễ rửa làng Lô Lô của tác giả.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Giới thiệu về dân tộc và lễ rửa làng của người Lô Lô**  **a. Giới thiệu về dân tộc Lô Lô**  - Là một trong những dân tộc thiểu số có số dân ít nhất Việt Nam  - Cư trú ở tỉnh Hà Giang và Cao Bằng  - Có lối sống tập trung và mang tính cộng đồng rõ nét và có nhiều lễ hội tiêu biểu  - Là dân tộc chăm chỉ, cần cù, vất vả  **-> Câu văn ngắn gọn, súc tích, nêu được đặc điểm cơ bản về dân tộc Lô Lô**  **b. Giới thiệu về lễ hội rửa làng của người Lô Lô**  Bên cạnh những ngày lễ tiêu biểu như lễ nhảy cây, lễ cầu mưa, lễ cầu thần đá, thì người Lô Lô còn có lễ Hội rửa làng rất độc đáo, thú vị  **- NT:** Cách dẫn trực tiếp, rất cụ thể, dễ hiểu, tự nhiên, giúp người đọc nắm được thông tin chính của văn bản |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kỹ thuật THINK- PAIR- SHARE    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS chia nhóm hoàn thành nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Nét đặc sắc trong lễ rửa làng của người Lô Lô**  - **Thời gian**: 3 năm một lần, ngày đẹp trời trong tháng 5 hoặc tháng 6 âm lịch  - **Thời điểm**: khi đã xong xuôi mùa vụ  - **Không gian**: núi đồi thênh thang  **a. Quá trình chuẩn bị:**  - Mọi người ngồi cùng nhau chọn ngày tổ chức  - Lễ xin tổ tiên đồng ý cho tổ chức lễ rửa làng:  + **Lễ vật:** thẻ hương, giấy trúc, thẻ nến, con gà trống  + Tối hôm trước, thầy cúng sẽ thắp hương rồi đặt giấy trúc và chén nước xuống góc nhà và khấn xin tổ tiên cho tổ chức buổi lễ -> nước trong chén không bị thấm hoặc đổ ra ngoài : **linh nghiệm**  **b. Quá trình diễn ra**  **\* Hoạt động phải thực hiện theo luật lệ**  **- Đoàn người thực hiện lễ**: một thầy cúng chính, một thầy cúng phụ, một số nam giới trong làng đi theo hỗ trợ.  **- Người tham dự lễ:** các gia đình trong làng bản  **- Đồ lễ:** 2 con dê, 1 con gà trống trắng, rượu ngô, hạt ngô, vải đỏ, sừng trâu, cây tre to….  **- Quá trình hành lễ:** đoàn người thực hiện lễ cúng sẽ đi quanh làng, sẽ có 2 người dắt 2 con dê, những người còn lại người vác tre giả hình ngựa, người quấy ngô, người xách gà trống trắng… theo sau thầy cúng đi vào từng nhà dân.  **\* Hoạt động nằm ngoài luật lệ**  - Các cô gái trong bản nhân dịp lễ rửa làng sẽ mặc những bộ váy áo đẹp, được thêu thùa cầu kì, trên đầu đội những chiếc khăn điệu đà làm dáng, nói cười vui vẻ  - Các chàng trai phấn khởi, lớn giọng chúc tụng nhau chén rượu thơm  - Mọi người hoan hỉ ăn tiệc, uống rượu  **c. Kết thúc buổi lễ**  **- Những quy định nghiêm ngặt về hoạt động sau ngày lễ:**  + Sau lễ cúng, 9 ngày sau người lạ mới được bước vào làng  + Nếu chẳng may có người lạ bước vào làng, người đó sẽ phải sửa soạn lễ vật cúng lại.  **- NT:** những câu văn ngắn gọn miêu tả chân thực, cụ thể, rõ nét những hoạt động của buổi lễ |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV đặt câu hỏi:** Nêu ý nghĩa của lễ rửa làng của người Lô Lô?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức. | **3. Ý nghĩa của phong tục**  **-**Dân làng cảm thấy tin tưởng vào tương lai phía trước  - Mang đậm bản sắc văn hóa cộng đồng  - Đây là tín ngưỡng dân gian,nét đẹp truyền thống làm giàu bản sắc dân tộc Việt Nam |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lời văn nhẹ nhàng, giàu hình ảnh  - Câu văn ngắn gọn, đơn giản, nhưng giàu sức gợi nên cuốn hút người đọc  **2. Nội dung**  Văn bản đã cung cấp cho người đọc thông tin đầy đủ, rõ ràng về phong tục rửa làng của người Lô Lô để thấy được nét đẹp về văn hóa và tinh thần của người dân nơi đây. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***GV tổ chức trò chơi “RUNG CHUÔNG VÀNG****”.*

**1. “Lễ rửa làng” còn có tên gọi khác là gì?**

Lễ mừng ngô mới

**2. Thời điểm diễn ra lễ rửa làng.**

Vào tháng 5 hoặc tháng 6 âm lịch

**3. Một ngày trước khi tổ chức “Lễ rửa làng”, người dân cần chuẩn bị những gì?**

Chuẩn bị lễ vật: thẻ hương, chén nước, giấy trúc, con gà trống

**4. Sau lễ cúng rửa làng, bao nhiêu ngày sau thì người lạ được bước vào làng?**

9 ngày

**5. Nêu ý nghĩa của “Lễ rửa làng” của người Lô Lô?**

**-**Dân làng cảm thấy tin tưởng vào tương lai phía trước

- Mang đậm bản sắc văn hóa cộng đồng

- Đây là tín ngưỡng dân gian,nét đẹp truyền thống làm giàu bản sắc dân tộc Việt Nam

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- **GV nêu nhiệm vụ:** Viết đoạn văn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em về những giá trị sống được bộc lộ qua văn bản “Lễ rửa làng của người Lô Lô”

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*-----------------------------------------------*

**Ngày dạy:........................**

**TIẾT 120:**

**BẢN TIN VỀ HOA ANH ĐÀO**

*- Nguyễn Vĩnh Nguyên-*

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS thấy được cách đặt vấn đề độc đáo của tác giả bài tàn văn về việc xây dựng nếp sống hài hòa và thiên nhiên cho con người thời hiện đại.

- HS củng cố được khái niệm tản văn đã học ở học kì I và thấy được những mối quan tâm chung được thể hiện trong ba VB đọc của bài học

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bản tin về hoa anh đào.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bả tin về hoa anh đào.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

-  HS biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**GV khởi động bằng hình thức đặt câu đố và chiếu những hình ảnh thiên nhiên Đà Lạt.**

Đường lên bát ngát thông reo.

Ở đâu thung lũng, tình yêu sương mờ.

-> ĐÀ LẠT

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** Chúng ta vừa ngắm nhìn Đà Lạt mộng mơ với vô vàn những không gian xinh đẹp. Trong đó có một địa điểm rất đáng để khám phá, làm nên nét thơ mộng của Đà Lạt, chính là những hình ảnh bông hoa anh đào đua mình khoe sắc thắm. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu kĩ hơn về hình ảnh hoa anh đào qua tản văn của tác giả Nguyễn Vĩnh Nguyên “Bản tin về hoa anh đào”

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh tìm hiểu những thông tin chính về tác giả, tác phẩm  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc- Tìm hiểu chung**  **1. Đọc- chú thích**  a. Đọc  - GV gọi 2 học sinh đọc văn bản  - **Giọng đọc**: rõ ràng, rành mạch, chú ý nhấn giọng, ngắt nghỉ khi gặp những câu dài, đầy tính biểu cảm  b. Chú thích  **- Kí giả**: người viết báo, nhà báo  **- Viễn mơ**: mơ mộng, xa thực tế  **- Thiết thân**: có mối quan hệ thân thiết về mặt lợi ích đối với bản thân đối tượng được nhắc tới  **- Sốc hoa**: ý nói bị bất ngờ lớn trước bản tin về hoa…  **- Anh bạn thiết**: anh bạn thân thiết  **- Cách thế**: cách  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Nguyễn Vĩnh Nguyên (1979), quê ở Ninh Thuận  - Ông là nhà thơ, nhà văn, nhà báo, tác giả của nhiều cuốn sách về Đà Lạt  - **Sáng tác tiêu biểu:** Với Đà Lạt ai cũng là lữ khách, Đà Lạt một thời hương xa, Thành phố những lục địa bay…  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ**: Trích ra từ cuốn sách Với Đà Lạt ai cũng là lữ khách. Đưa ra những cảm nhận, hoài niệm của tác giả về xứ sở sương mù Đà Lạt, những kiếp người lặng lẽ sống, nhưng vẫn có khát vọng mãnh liệt  **- Thể loại**: Tản văn  **- PTBĐ**: kết hợp tự sự, miêu tả, bình luận  **- Bố cục:**  + **Phần 1**: Câu mở đầu và 2 đoạn tiếp đó  -> Giới thiệu về người bạn kí giả với những bản tin về hoa anh đào  + **Phần 2**: Ba đoạn kế tiếp  -> Cảm nhận và hình dung về tình thế khó xử của người viết tin.  + **Phần 3**: còn lại  -> Suy ngẫm từ những bản tin về hoa |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được nội dung Giới thiệu về người bạn kí giả với những bản tin về hoa anh đào

- Phân tích được nội dung Cảm nhận và hình dung về tình thế khó xử của người viết tin.

- Phân tích được nội dung Suy ngẫm từ những bản tin về hoa

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức kỹ thuật “cặp đôi chia sẻ” và hoàn thành phiếu học tập**    **- Gv phát phiếu học tập cho học sinh**  **- Hình thức:** làm việc theo cặp đôi  **- Thời gian:** 7 phút  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Giới thiệu về người bạn kí giả với những bản tin về hoa anh đào**  **a. Giới thiệu về anh bạn kí giả**  - **Nghề nghiệp**: kí giả ở Đà Lạt  **- Tính cách**:  + Trách nhiệm và sự dấn thân 🡪 đóng góp nhiều điều cho những việc lớn của thành phố  + Có những phóng sự điều tra gay cấn, những kí sự đường xa đầy phiêu lưu.  + Những tiếng nói phản biện xã hội từ hiện trường đời sống.  + Bản tin về hoa anh đào xuất hiện đều đặn khi Đà Lạt giao mùa  **-> Xuất hiện gián tiếp qua lời giới thiệu của anh bạn thân**  **b. Những bản tin về hoa anh đào**  **- Thời gian**: xuất hiện trên tờ báo T, mỗi năm một lần, vào tháng Chạp.  **- Nội dung bản tin thay đổi theo từng năm:**  + Viết như bài thơ với niềm hứng khởi, hân hoan báo tin rằng hoa sẽ nở rộ vào tháng tới, trên những con dốc, ngọn đồi.  + Có năm bản tin dự báo hoa sẽ đến muộn và chóng tàn vì thời tiết bất lợi.  + Có năm chỉ nói về một vài gốc đào cổ thụ vừa bị người ta đốn hạ. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn: Những khó khăn đầu tiên của người bạn tác giả khi mới viết một bản tin lạ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Cảm nhận và hình dung về tình thế khó xử của người viết tin.**  - Những khó khăn đầu tiên của người bạn tác giả khi mới viết một bản tin lạ  + Người viết tin không biết nên bắt đầu từ đâu  + Anh vẫn đưa ra quyết định: *phải làm cho hoa anh đào bình đẳng với các bản tin khác trên đời.* |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV đặt câu hỏi:**  +Trình bày cảm nhận của em về suy nghĩ của tác giả về bản tin về hoa?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh, mở rộng kiến thức. | **3. Suy ngẫm từ những bản tin về hoa**  **- Suy nghĩ của tác giả về bản tin**  + Việc bản tin mỗi năm xuất hiện một lần theo tác giả vô cùng ý nghĩa  + Ý nghĩa tư duy trong nghề làm báo  + Bản tin mang đến sức lan tỏa lớn đến mọi người  + Tác giả muốn trong tương lai có nhiều bản tin về hoa tiếp theo  + Mong muốn những bản tin rối rắm của xã hội bằng các bản tin về các loài hoa  **- Tâm hồn của con người sẽ được thanh lọc, thoải mái hơn** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lời văn nhẹ nhàng, tinh tế, tình cảm, giàu hình ảnh.  - Câu văn giàu cảm xúc, lột tả được hết diễn biến tâm lí của tác giả.  - Dẫn chứng, liên hệ phong phú cuốn hút người đọc  **2. Nội dung**  - Tác phẩm đã cho người đọc thấy được tình yêu lớn lao của tác giả đối với hoa đào Đà Lạt.  - Qua bài viết, người đọc cảm nhận được vẻ đẹp, hồn cốt của hoa đào mà nâng niu, trân trọng sắc đẹp của tự nhiên hơn. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***GV nêu nhiệm vụ:*** *trình bày thông điệp mà tác giả gửi gắm qua văn bản?*

**Gợi ý:**

**- Qua hình ảnh hoa anh đào**

+ Biết nâng niu vẻ đẹp từ thiên nhiên

+ Biết điều chỉnh thái độ sống, cách sống để tìm được niềm hạnh phúc trong sự giao hòa với tạo vật.

- **Qua nghề nghiệp báo chí**: cần có những thay đổi tích cực trong cách chọn và đưa thông tin tới độc giả.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức* ***trò chơi NGẪU NHIÊN và trình chiếu những địa điểm ngắm hoa anh đào đẹp ở Đà Lạt***

* ***Nhóm 1****: sưu tầm những bài thơ về hoa anh đào*
* ***Nhóm 2****: sưu tầm những bài hát về hoa anh đào*
* ***Nhóm 3****: sưu tầm những đồ dùng, vật dụng được làm từ hoa anh đào*
* ***Nhóm 4:*** *viết đoạn văn (7-10) câu nêu cảm nhận của em sau khi học xong văn bản «Bản tin về hoa anh đào»*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**----------------------------------------------**

**Ngày dạy:......................................**

**TIẾT 121:**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng

- HS nắm được cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt thông dụng đó.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi cho HS:

*+ Từ “Nam quốc sơn hà” là từ thuần Việt hay từ mượn?*

*+ Nếu là từ mượn, thì mượn của nước nào?*

*+ Em hiểu từ Hán Việt là từ như thế nào?*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Từ Hán Việt nghe có vẻ khá lạ lẫm với các em, chắc chắn các em sẽ cảm thấy nó khá là khó vì bản thân các em không biết chữ Hán đúng không nào? Tuy nhiên, trong cuộc sống, các em cũng vô tình bắt gặp và sử dụng rất nhiều từ Hán Việt đấy. Trong bài học hôm nay, chúng ta cùng đến với bài thực hành tiếng Việt để đi tìm hiểu về****Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt****nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu:**  Hiểu rõ hơn nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt qua việc phân tích ngữ liệu thực tế trước khi hoàn thành các bài tập thực hành tiếng Việt

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi gợi dẫn  + Em hiểu “Thuyết minh” có ý nghĩa là gì?  + Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Hình thành kiến thức**  **1. Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**  Xét ví dụ: **Thuyết minh**  **- Thuyết**: thuyết phục, thuyết giảng, lí thuyết, diễn thuyết…  **- Minh:** minh bạch, minh mẫn, tường minh, thanh minh…  **Thuyết:** có liên quan đến hành động nói  **Minh**: có liên quan tới sự rõ ràng, sáng sủa  - **Thuyết minh**: nói rõ ràng ra (về một vấn đề nào đó)  **2. Kết luận**  - Tách từng từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét  - Tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau.  - Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** biết sử dụng kiến thức vừa học để giải quyết các bài tập

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh làm bài tập 1  - GV phát phiếu học tập, hs hoàn thành bài tập 2    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài tập 1**  Theo em hiểu tín: uy tín, chữ tín, lòng tin…; ngưỡng: ngưỡng vọng, ngưỡng mộ, kính ngưỡng… Hai yếu tố này hợp thành tín ngưỡng mang nghĩa chỉ niềm tin của con người được thể hiện thông qua những nghi lễ gắn liền với phong tục, tập quán để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân, cộng đồng.  - Theo em, khi chưa có từ điển trong tay ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách:  + Tách từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét. Ví dụ: tín ngưỡng tách thành tín và ngưỡng.  + Tiếp đó, dựa vào từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách trên vào các nhóm khác nhau. Ví dụ tín có: tín tâm, uy tín, tín nghĩa, chữ tín; ngưỡng có: kính ngưỡng, ngưỡng mộ…  + Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu.  **Bài tập 2**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Từ cần xác định nghĩa | | Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự | Nghĩa của từng yếu tố | Nghĩa chung của từ | | Bản sắc | Bản | bản chất, bản lĩnh | bản: cội, gốc | bản sắc: tính chất riêng tạo thành đặc điểm chính | | Sắc | sắc thái, sắc độ, | sắc: vẻ | | Ưu tư | Ưu | ưu điểm, ưu tú | ưu: tốt, giỏi, cái ở phía trên | ưu tư: lo nghĩ | | Tư | Tư duy, tâm tư | tư: suy nghĩ, ý niệm | | Truyền thông | Truyền | truyền đạt, truyền hình | truyền: di chuyển, lan rộng | Truyền thông: hoạt động trao đổi thông điệp trong một nhóm người hoặc một cộng đồng để tạo ra sự hiểu biết lẫn nhau hoặc hiểu biết về một sự kiện, sự việc | | thông | Thông tin, lưu thông | thông: bảo cho biết, không bị tắc nghẽn | |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b.Tổ chức thực hiện:**

***- GV yêu cầu học sinh:*** Viết đoạn văn ngắn (7-10 câu) trình bày cảm nhận của em sau khi học xong văn bản “Lễ rửa làng của người Lô Lô”, trong đó có sử dụng từ Hán Việt

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**-------------------------------------**

**Ngày dạy:...........................**

**Tiết 122,123,124:**

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH**

**VỀ QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

- HS viết được kiểu bài thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động quen thuộc với mình hoặc được bản thân tìm hiểu kĩ qua sách báo và phương tiện truyền thông.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc trong học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV cho HS đọc thầm lời dẫn dưới nhan đề *Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động*trong SHS và nêu một số câu hỏi như:

*+ Vì sao cần tập viết kiểu bài này? Hãy nêu hình dung của em về tính ứng dụng của kiểu bài?*

*+ Kiểu bài cho phép em thể hiện được hiểu biết và sự quan tâm về trò chơi hay hoạt động như thế nào?*

*+ Việc rèn luyện viết theo kiêu bài này có mối quan hệ như thế nào đối với vấn đề phục dựng những trò chơi hay hoạt động rất giàu ý nghĩa nhưng hiện nay đang dần mai một.*

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:*** *Bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động được sử dụng rộng rãi trong đời sống cảu chúng ta. Khi viết kiểu văn bản này, chúng ta cần gạt bỏ những cách diễn đạt mang tính chất pha trò, cường điệu để gây chú ý hay tạo không khí sôi động của cuộc chơi, hoạt động vì điều đó chỉ thích hợp khi VB được “trình diễn”, thể hiện bằng ngôn ngữ nói. Trong buổi học hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau đi thực hành viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nhé!*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.**

**a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần Yêu cầu đối với bài văn thuyết mình về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động trong SHS, trang 91 và trả lời một số câu hỏi:  + Tại sao phải giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia trò chơi hay hoạt động?  + Nếu không trình bày tường minh về các quy tắc hoặc luật lệ cũng như bỏ qua việc nêu trình tự các bước cần thực hiện thì sự hình dung của người đọc về trò chơi hay hoạt động sẽ gặp những khó khăn gì?  + Tại sao phải nêu vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người?  + Khi tham gia một trò chơi hay hoạt động, việc tìm hiểu ý nghĩa của nó có tác dụng gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe câu hỏi, dựa vào SHS để trình bày các yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.**  - Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (Hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia)  - Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động, nêu rõ trình tự các bước cần thực hiện trong trò chơi hay hoạt động đó.  - Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người  - Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động. |

**2.2 Phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Đọc và phân tích được Bài viết tham khảo *“****Chơi chuyền”***

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Hình ảnh trên gợi nhắc đến trò chơi dân gian nào?  + Em hãy chia sẻ hiểu biết của em về trò chơi đó. (luật chơi, số người, câu đồng dao…)  + Đọc bài viết tham khảo “Chơi chuyền” và đối chiếu với trò chơi diễn ra trong thực tế và cho nhận xét.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo**  **- Giới thiệu trò chơi**  “Trong các trò chơi dân gian Việt Nam, trò chơi chuyền được rất nhiều bạn gái yêu thích … đánh chuyền thoăn thoắt.”  **- Miêu tả cách chơi (quy tắc)**  “Tham gia trò chơi này thường có từ 2 đến 6 người, chơi theo cặp, cũng có khi chơi luân phiên từng người trong nhóm, hoặc hia đội. … Hết 10 bản và chuyền vòng tính là một ván.”  **- Miêu tả luật chơi**  “Khi đến lượt chơi chuyền, nếu bạn nào không bắt được quả hay bắt que chuyền không đúng sẽ mất lượt … Tính thắng thua bằng tỉ số hoàn thành các ván.”  **- Nêu tác dụng của trò chơi**  “Chơi chuyền luyện sự khéo léo, nhanh tay, nhanh mắt … đem đến cho các bạn sự vui vẻ, hoà đồng.”  **- Nêu ý nghĩa của trò chơi**  “với tư cách là trò chơi thể hiện đậm nét một vẻ đẹp của văn hoá dân gian người Việt, chơi chuyền vẫn là “trò” thường có mặt trong các lễ hội và trong các hoạt động phát triển thể chất hoặc hướng tới mục đích lưu giữ bản sắc truyền thống.” |

**2.3. Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết viết bài theo các bước.

- Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra câu hỏi gợi mở:  + Theo em, để viết tốt 1 bài văn **thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động** gồm có những bước nào? Trình bày những nội dung chính của các bước.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a, Lựa chọn đề tài**  Hãy tham khảo một vài trò chơi hay hoạt động như sau:  - Trò chơi ô ăn quan  - Trò chơi pháo đất  - Trò chơi cướp cờ  - Thi thả diều  - Thi thổi cơm  - Hát đối đáp  **b. Tìm ý (trả lời câu hỏi dựa theo mẫu sau)**   |  |  | | --- | --- | | - Trò chơi hay hoạt động đó thường diễn ra ở đâu? |  | | - Trò chơi hay hoạt động đó dành cho lứa tuổi nào? |  | | - Hiện nay người ta có còn chơi trò chơi đó hay duy trì hoạt động đó nữa không? |  | | - Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó là gì? |  | | - Trò chơi hay hoạt động đó có tác dụng như thế nào đối với con người? |  | | - Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó là gì? |  |   **c. Lập dàn ý**  Em hãy sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý  - **Mở bài:** Giới thiệu về trò chơi hay hoạt động (tên gọi, hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).  - **Thân bài**:  + Miêu tả quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.  + Nêu tác dụng của trò chơi hay hoạt động.  - **Kết bài**: Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đối với cuộc sống con người.  **2. Viết bài**  **Khi viết bài, em cần lưu ý:**  - Kết hợp các thông tin em tham khảo được về trò chơi hay hoạt động và những trải nghiệm của riêng em (nếu có).  - Miêu tả quy tắc hoặc luật kệ của trò chơi hay hoạt động một cách chi tiết, rõ ràng.  - Mỗi ý thuyết minh về trò chơi hay hoạt động trình bày thành một đoạn văn.  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS làm đề bài sau* **: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Bài tham khảo**

Trong các trò chơi dân gian Việt Nam, trò chơi ô ăn quan được rất nhiều người biết đến, đặc biệt là thế hệ của các bậc phụ huynh. Nếu ta để ý thì ta sẽ bắt gặp rất nhiều những nhóm trẻ nhỏ tụ tập ở một góc sân để cùng nhau rải những viên sỏi, đá theo thứ tự.

Tham gia trò chơi này thường có hai người chơi, mỗi người sẽ ngồi đối diễn người kia và ở giữa là bàn chơi ô ăn quan. Để chơi được trò chơi này, người chơi sẽ cần bàn chơi, quân chơi và hiểu được cách bố trí quân chơi. Bàn chơi thường được vẽ trên một mặt phẳng, trước đây được kẻ bằng gạch hoặc vẽ trên nền đất. Bàn chơi chứa 10 ô vuông bằng nhau, mỗi bên có 5 ô đối xứng, mỗi ô có 5 quân, đây cũng là hai phía của hai người chơi. Ở hai cạnh ngắn của hình chữ nhật được vẽ thêm hai hình bán nguyệt gắn liền với cạnh đó. Vậy một bàn chơi hoàn chỉnh sẽ có 10 ô vuông là ô dân, còn hai hình bán nguyệt bên ngoài được gọi là ô quan. Trò chơi bắt đầu khi hai người cùng oẳn tù xì để dành được lượt đi trước, người đi trước có quyền chọn bất cứ ô nào ở bên phía mình rải đều vào các ô, mỗi ô rải 1 quân. Khi rải đến quân cuối cùng thì tuỳ những tình huống khác nhau mà người chơi phải xử lí. Ví dụ nếu sau ô đó là một ô vuông có chứa quân thì tiếp tục dùng cả số quân của ô đó để rải. Còn nếu liền sau ô đó là ô trống, thì người chơi có quyền ăn được tất cả số quân ở sau ô trống đó (nếu ô sau ô trống có quân). Trong trường hợp ô quan có chứa quân hoặc có hai ô trống trở lên thì người chơi sẽ bị mất lượt và phải nhường quyền chơi cho đối phương. Về cơ bản sẽ có những trường hợp xảy ra như vậy. Cuộc chơi sẽ dừng lại khi toàn bộ dân và quan ở hai ô quan đã bị ăn hết.

Ô ăn quan là một trò chơi dân gian vô cùng hấp dẫn, nó mang đến cho người chơi tính kiên trì, thúc đẩy trí tuệ và sự nhanh nhạy của người chơi. Ngoài ra, trò chơi ô ăn quan còn giúp cho con người tránh xa khỏi những thiết bị điện tử như máy tính, điện thoại, tivi, … Gần đây, trẻ em càng ngày càng biết đến trò ô ăn quan nhiều hơn, ta từng thấy những bàn chơi ăn quan trên nhiều con phố lớn nhỏ của Hà Nội.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

**--------------------------------------------  
Ngày dạy:...............................**

**TIẾT 125:**

**NÓI VÀ NGHE**

**GIẢI THÍCH QUY TẮC HOẶC LUẬT LỆ TRONG MỘT TRÒ CHƠI HAY HOẠT ĐỘNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực**

-  HS ý thức được ý nghĩa của việc giải thích về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay họat động.

- HS biết giải thích rành mạch về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động nhằm giải đáp những thắc mắc của người tham gia hoặc muốn tìm hiểu về trò chơi hay hoạt động ấy.

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**2. Phẩm chất:**

-   HS tham gia tích cực vào nội dung bài học.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Tổ chức thực hiện:**

*- GV tổ chức trò chơi:* ***TRÒ CHƠI TIẾP SỨC ĐỒNG ĐỘI***

**- Hình thức**: GV chia lớp thành 2 nhóm, từng thành viên trong nhóm sẽ lân lượt viết lên bảng tên một trò chơi dân gian mà em biết.

**- Thời gian**: 3 phút

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *Để các đối tượng tham gia trò chơi hay hoạt động thống nhất trong cách thức hành động, cần có những quy tắc hoặc luật lệ chung mà tất cả đều hiểu và tuân thủ. Trong buổi học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng thực hành phần Nói và nghe, các em sẽ cùng tập trung****Giải thích quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động****mà các em yêu thích.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:**  HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Theo em, để thực hiện tốt bài nói, chúng ta cần chuẩn bị những gì?*  *+ Em sẽ tập luyện bài nói của mình theo hình thức nào?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. TRƯỚC KHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Đánh dấu đoạn giải thích quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài viết.  - Tóm lược những ý chính của đoạn văn đó.  - Chuẩn bị tranh ảnh, hình vẽ dạng sơ đồ, dụng cụ (nếu có) liên quan đến trò chơi hay hoạt động.  **Chú ý**: Em có thể chuẩn bị thuyết trình bằng hình thức trình chiếu để người nghe hiểu rõ hơn về trò chơi hay hoạt động.  **2. Tập luyện**  Em có thể tập luyện theo một số hình thức sau:  - Tập nói thành tiếng một tiếng một mình; vừa nói vừa giới thiệu tranh ảnh, hình vẽ, dụng cụ (nếu có).  - Nếu em chuẩn bị thuyết trình thì nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị. |

**2.2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Theo em, bài nói sẽ gồm có mấy phần, đó là những phần nào, nội dung nào?  + Em sẽ chia sẻ những thông tin gì ở những phần đó, vì sao?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  **1. Mở đầu**  Hãy thu hút người nghe bằng thái độ hào hứng của em đối với trò chơi hay hoạt động. Em có thể đặt câu hỏi cho người nghe như:  + Các bạn đã bảo giờ chơi trò … (tham gia hoạt động …) chưa?  + Hoặc miêu tả một chi tiết trong trò chơi hay hoạt động và hỏi: Các bạn có biết trò chơi (hoạt động) này không? Các bạn có muốn chơi (tham gia) không? …  **Ví dụ:** Xin chào tất cả các bạn! Mình tên là……học sinh lớp…..trường….. Hôm nay, mình rất vui khi được đứng ở đây và nói chuyện với các bạn. Các bạn đã bao giờ chơi trò chơi Ô ăn quan hay chưa? Mình đã từng chơi trò này với mẹ của mình và mình thấy đây là một trò chơi rất thú vị. Sẽ thú vị hơn khi mình được chia sẻ trò chơi này đến với các bạn…  **2. Triển khai**  - Trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị (hoặc nói kết hợp với việc sử dụng bản trình chiếu).  - Trong khi nói, em có thể dùng cử chỉ, điệu bộ để mô phỏng động tác của trò chơi hay hoạt động.  **3. Kết luận**  - Khẳng định sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; hẹn các bạn cùng tham gia trò chơi hay hoạt động vào một dịp phù hợp.  - Lời cảm ơn và xin ý kiến của mọi người.  **Ví dụ**: Mình thấy rằng để chơi được trò này, các bạn cần có những bước đi cẩn thận và thông minh, làm sao để có thể ăn hết các quân và đặc biệt là các quan. Hy vọng trong tương lai gần, mình sẽ có thể được chơi trò chơi này với các bạn trọng lớp mình. Sau cùng, mình xin cảm ơn cô giáo và các bạn trong lớp đã lắng nghe, mong cả lớp nhận xét để giúp mình tiến bộ hơn trong những bài nói sắp tới. |

**2.3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của bạn dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **III. SAU KHI NÓI**  **Người nghe**  - Chú ý theo dõi quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động trong bài nói để cảm nhận được sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; bày tỏ cảm nhận của mình.  - Nếu em có ý định chơi trò chơi (hoặc tham gia hoạt động) đó với các bạn thì ghi nhớ những quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động; nêu thắc mắc của mình (nếu có) để hiểu thấu đáo quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.  - Nhận xét về cách trình bày bài nói của bạn (giọng nói, tính mạch lạc của bài nói, …)  **Người nói**  - Lắng nghe chia sẻ của người nghe về bài nói.  - Giải đáp thắc mắc của người nghe (nếu có)  - Cảm ơn nhận xét của người nghe. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

**b.Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS đánh giá, nhận xét bài nói của nhóm bạn* *và chấm điểm theo bảng đánh giá bài nói theo mẫu sau:*

**Bài nói tham khảo**

Xin chào tất cả các bạn! Mình tên là……học sinh lớp…..trường….. Hôm nay, mình rất vui khi được đứng ở đây và nói chuyện với các bạn. Các bạn đã bao giờ chơi trò chơi Ô ăn quan hay chưa? Mình đã từng chơi trò này với mẹ của mình và mình thấy đây là một trò chơi rất thú vị. Sẽ thú vị hơn khi mình được chia sẻ trò chơi này đến với các bạn…

Để chơi được trò chơi này, người chơi sẽ cần bàn chơi, quân chơi và hiểu được cách bố trí quân chơi. Bàn chơi thường được vẽ trên một mặt phẳng, trước đây được kẻ bằng gạch hoặc vẽ trên nền đất. Bàn chơi chứa 10 ô vuông bằng nhau, mỗi bên có 5 ô đối xứng, mỗi ô có 5 quân, đây cũng là hai phía của hai người chơi. Ở hai cạnh ngắn của hình chữ nhật được vẽ thêm hai hình bán nguyệt gắn liền với cạnh đó. Vậy một bàn chơi hoàn chỉnh sẽ có 10 ô vuông là ô dân, còn hai hình bán nguyệt bên ngoài được gọi là ô quan. Trò chơi bắt đầu khi hai người cùng oẳn tù xì để dành được lượt đi trước, người đi trước có quyền chọn bất cứ ô nào ở bên phía mình rải đều vào các ô, mỗi ô rải 1 quân. Khi rải đến quân cuối cùng thì tuỳ những tình huống khác nhau mà người chơi phải xử lí. Ví dụ nếu sau ô đó là một ô vuông

có chứa quân thì tiếp tục dùng cả số quân của ô đó để rải. Còn nếu liền sau ô đó là ô trống, thì người chơi có quyền ăn được tất cả số quân ở sau ô trống đó (nếu ô sau ô trống có quân). Trong trường hợp ô quan có chứa quân hoặc có hai ô trống trở lên thì người chơi sẽ bị mất lượt và phải nhường quyền chơi cho đối phương. Về cơ bản sẽ có những trường hợp xảy ra như vậy. Cuộc chơi sẽ dừng lại khi toàn bộ dân và quan ở hai ô quan đã bị ăn hết.

Mình thấy rằng để chơi được trò này, các bạn cần có những bước đi cẩn thận và thông minh, làm sao để có thể ăn hết các quân và đặc biệt là các quan. Hy vọng trong tương lai gần, mình sẽ có thể được chơi trò chơi này với các bạn trọng lớp mình. Sau cùng, mình xin cảm ơn cô giáo và các bạn trong lớp đã lắng nghe, mong cả lớp nhận xét để giúp mình tiến bộ hơn trong những bài nói sắp tới.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b.Tổ chức thực hiện:**

*- GV phát phiếu học tập để lắng nghe ý kiến của học sinh*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**-----------------------------------------------**

**Ngày dạy:....................................**

**TIẾT 126, 127:**

**CỦNG CỐ MỞ RỘNG, THỰC HÀNH ĐỌC**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Giúp học sinh hệ thống hóa tri thức về thể loại, hiểu rõ và nắm vững đặc trưng của văn bản thông tin

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

**b. Năng lực riêng:**

- Đọc-hiểu văn bản thuộc thể loại văn bản thông tin

- Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Hình thành và phát triển ở HS: tự tin vào bản thân mình, có ý chí biến khát vọng thành hiện thực.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra câu hỏi: hãy kể tên các văn bản em đã học trong bài 9: HÒA ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN

- HS thực hiện nhiệm vụ.

***- GV dẫn dắt vào bài mới:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Củng cố- mở rộng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu học sinh làm bài tập 1,2,3  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. CỦNG CỐ- MỞ RỘNG**  **Bài tập 1**  **Những điều đang gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống trên Trái Đất hiện nay là:**  + Tăng dân số quá nhanh  + Tiêu thụ, khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên  + Xả rác bừa bãi gây ô nhiễm môi trường  - Một số việc mà em cho rằng con người cần phải làm để cải thiện tình hình là:  + Trồng thêm nhiều cây xanh  + Không xả rác thải bừa bãi để bảo vệ, giữ gìn môi trường sống  + Khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lí, tránh lãng phí  **Bài tập 2**  **\* Những điều em nắm được về đặc điểm văn bản thông tin qua bài học này:**  - **Mục đích viết:** Nhằm truyền đạt thông tin, kiến thức  - **Hình thức văn bản**: Thông báo, chỉ dẫn, hướng dẫn sử dụng sản phẩm, văn bản hành chính, bản tin, …  **- Cách triển khai nội dung:**  + Thông tin có thể được tổ chức theo một trong các cách cấu trúc như: nguyên nhân - kết quả; trật tự thời gian; so sánh và phân loại; vấn đề và giải pháp…  **- Tính xác thực của vấn đề được nói tới:**  + Loại văn bản này thường trình bày một cách khách quan, trung thực, không có yếu tố hư cấu, tưởng tượng.  **- Đặc điểm nguồn tài liệu:**  + Trong văn bản thông tin, người viết thường sử dụng những cách thức hoặc phương tiện để hỗ trợ người đọc tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả.  + Ví dụ: Một bảng chú thích, một dòng in đậm, in nghiêng, những nét gạch chân, những dấu sao, dấu hoa thị hoặc những hình ảnh minh họa đều có thể giúp người đọc dễ dàng hơn trong việc xác định vị trí và mối quan hệ của các thông tin để hiểu nội dung văn bản.  **Bài tập 3**  Em mong sự sống và môi trường Trái Đất khôi phục được nhịp điệu hài hòa và vẻ đẹp vốn có. Bảo vệ môi trường là một hành động rất quan trọng đối với tất cả mọi người. Nếu mọi người không cùng nhau bảo vệ môi trường thì thế giới ngày nay sẽ như thế nào? Hãy tự đặt câu hỏi đó với bản thân mình. Bây giờ đã có rất nhiều nơi bị ô nhiễm môi trường do những người muốn thế giới này bị ô nhiễm xảy ra. Vậy sao những người nhìn thấy như thế mà không bảo gì mà còn làm theo những hành động đó? Mọi người ơi những người làm ô nhiễm môi trường bây giờ còn nhiều hơn những người muốn bảo vệ môi trường. Các bạn có biết ô nhiễm môi trường nó làm hại chúng ta như thế nào không? Vì vậy các bạn hãy chung tay bảo vệ môi trường nhé! |

**Hoạt động 2: Thực hành đọc**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kĩ năng đọc qua văn bản 1,2,3 để thực hành đọc hiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV gọi 1 bạn đọc to văn bản trước lớp  - GV chia lớp thành 3 nhóm tìm hiểu về  1. Đặc điểm của loại văn bản  2. Vấn đề chính được nói tới trong văn bản  3. Ý nghĩa của việc dẫn các số liệu cụ thể trong văn bản  4.Suy nghĩ của em trước những thông tin do văn bản đưa lại  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. THỰC HÀNH ĐỌC VĂN BẢN “THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG”**  **1. Đặc điểm của loại văn bản**  đây là văn bản thông tin, cung cấp thông tin về một vấn đề, văn bản đưa ra được các số liệu xác thực, ví dụ thuyết phục.  **2. Vấn đề chính được nói tới trong văn bản**  Những tiêu chí xác định một vật liệu, sản phẩm, dịch vụ, địa điểm là thân thiện với môi trường.  **3. Ý nghĩa của việc dẫn các số liệu cụ thể trong văn bản**  Việc dẫn số liệu cụ thể trong văn bản khiến cho thông tin mà tác giả đưa ra trở nên xác thực và thuyết phục được sự tin tưởng của độc giả.  **4. Suy nghĩ của em trước những thông tin do văn bản đưa lại**  Những thông tin do văn bản đưa lại là những điều quả thật trước giờ em chưa từng nghĩ tới. Em luôn luôn mặc nhiên rằng “thân thiện với môi trường” có nghĩa là mình thay túi nhựa bằng túi được làm bằng các chất liệu thân thiện với môi trường, sản phẩm không được thử nghiệm trên động vật. Sau bài đọc này, em có cái nhìn đa chiều hơn về vấn đề này và có cách lí giải để biết được một vật thân thiện với môi trường hay không. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***- GV giao nhiệm vụ:*** *HS hoàn thiện bài tập 4*

Em tự chọn đóng vai người chủ trì một trò chơi trong lễ hội để giới thiệu về trò chơi đó cho những ai tham gia

**- Gợi ý**: Em có thể đóng vai người chủ trì một trò chơi trong lễ hội như trò đánh đu, kéo co, đấu vật, đập niêu đất, …

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 5 Trang 97*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

KÍ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

*Ngày … tháng….năm..........*

TTCM

NGUYỄN DUY TUYẾN

**Ngày soạn:.......................**

**BÀI 10: TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG**

**Ngày dạy:........................**

**TIẾT 128:**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Phát triển kĩ năng tự đọc: đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ đề đã học.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

- Phát triển kĩ năng viết: Viết về một nhân vật yêu thích.

- Phát triển kĩ năng nói- nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài liên quan.

- Yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ: Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

- Năng lực giao tiếp: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**b. Năng lực riêng:**

- Phát triển kĩ năng tự đọc: đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ đề đã học.

- Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

- Phát triển kĩ năng viết: Viết về một nhân vật yêu thích. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.

- Phát triển kĩ năng nói- nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài liên quan.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**GIAI ĐOẠN 1: KHỞI ĐỘNG DỰ ÁN**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức trò chơi **ĐOÁN Ý ĐỒNG ĐỘI**

**Luật chơi:** Có hai gói câu hỏi gồm các từ khóa liên quan đến các chủ đề đã học. Hai đội tham gia trò chơi, mỗi đội gồm hai thành viên, một thành viên gợi ý và một thành viên đoán các từ khóa. Trong quá trình gợi ý, không được phép sử dụng các từ có trong gói từ khóa. Mỗi đội có thời gian là 60 giây để vừa gợi ý vừa trả lời. Đội nào đoán được nhiều từ khóa hơn sẽ chiến thắng.

**Gói từ khóa 1**

Bầu trời tuổi thơ

Khúc nhạc tâm hồn

Cội nguồn yêu thương

Giai điệu đất nước

Màu sắc trăm miền

**Gói từ khóa 2**

Bài học cuộc sống

Thế giới viễn tưởng

Trải nghiệm để trưởng thành

Hòa điệu với tự nhiên

***- GV dẫn dắt vào bài mới:*** *……*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  - Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi:  + Chủ đề của bài học là gì?  + Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?  + Loại văn bản nào em sẽ được học ở bài học này  + Loại văn bản đó có tác dụng gì đối với chúng ta  + Những điều em đã đọc từ những cuốn sách sẽ có ý nghìa gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh | **I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**  **- Chủ đề bài học**: Trang sách và cuộc sống  -> Hiểu được mối liên hệ giữa trang sách và thực tế, giữa những gì được học và những gì cần suy nghĩ, lựa chọn, giải quyết trong cuộc sống được đặt ra trong những bài học về văn bản nghị luận, văn bản thông tin.  + Biết cách cảm nhận, suy ngẫm, bàn luận để tiếp tục chia sẻ và sáng tạo. Như vậy, việc học không chỉ tồn tại trong trang sách mà gắn chặt với cuộc sống.  - **Thể loại chính**: ***nghị luận về tác phẩm văn học***  + Tác dụng: giải quyết những suy nghĩ, bàn luận những vấn đề của cuộc sống gợi ra từ trang sách  + Ý nghĩa của những điều đọc từ trang sách: trở thành một phần của cuộc sống, là hành trang tri thức để chúng ta bước vào thế giới rộng lớn. |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; nắm được nội dung vấn đề mối quan hệ giữa con người có thực ngoài đời với nhân vật văn học; nắm được nội dung phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản và văn bản đa phương thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- Gv yêu cầu học sinh tự tìm hiểu nội dung 1. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** (thể loại, mục đích, nội dung và yêu cầu)  **- GV tổ chức trò chơi AI LÀ AI? Để tìm hiểu về nội dung 2. Từ con người có thực ngoài đời với nhân vật văn học**  + Lớp được chia thành 4 đội chơi, đội nào tìm được nhiều nhân vật, đồng thời dự đoán, suy luận, trình bày được một cách sinh động, phong phú nhất về mối quan hệ giữa nhân vật văn học và con người có thực ngoài đời qua việc trả lời câu hỏi *Ai là ai?* là đội thắng cuộc.  **VD:** Những người yếu đuối, thường không tự bảo vệ được mình, thường bị bắt nạt  🡪 Dế Choắt (Dế Mèn phiêu lưu ký)   |  |  | | --- | --- | | Chị Nhà Trò | Những người nhỏ bé, yếu đuối, bất hạnh | | Thạch Sanh, Thánh Gióng | Những người có sức mạnh, biết trân trọng và yêu quý bản thân | | Lý Thông (*Thạch Sanh*)  Con ếch (*Ếch ngồi đáy giếng*) | Những người kiêu căng, tự mãn, ích kỉ | | Dế Mèn | Kiểu người thời trẻ thường kiêu căng, tự mãn và ích kỉ, không biết cảm thông hay giúp đỡ người khác. Khi đã trải nghiệm và tự mình vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, đã biết sửa chữa tính xấu, tự hoàn thiện mình. | | Kiều Phương  (*Bức tranh của em gái tôi)* | Những người có lòng nhân hậu và bao dung |   **- Gv đặt câu hỏi gợi dẫn giúp học sinh tìm hiểu nội dung 3. Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản và văn bản đa phương thức.**  + Văn bản đa phương thức là văn bản như thế nào?  + Văn bản có sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (tranh ảnh, sơ đồ, đồ thị...) có được gọi là văn bản đa phương thức không? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS tiếp nhận  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, trả lời câu hỏi, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV chốt và mở rộng kiến thức. | **II. TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**  - Là loại văn bản nghị luận  - Người viết làm rõ và bàn luận về đặc điểm của một tác phẩm trên các phương diện nội dung, hình thức trong mối quan hệ với tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thời đại,...  - Khái quát giá trị chung của tác phẩm  **2. Từ con người có thực ngoài đời với nhân vật văn học**  - Những con người có thực ngoài đời  (niềm cảm hứng bất tận)  - Nhân vật văn học : là sản phẩm của sự sáng tạo, hư cấu  - Nhân vật văn học không đồng nhất với con người thực ngoài đời (mang định hướng giá trị mà nhà văn muốn thể hiện)  **3. Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản và văn bản đa phương thức.**  - **Các văn bản thông thường**: Chỉ sử dụng phương tiện ngôn ngữ  - **Văn bản sử dụng kết hợp cả phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ**: Ngôn ngữ kết hợp hình ảnh, sơ đồ, đồ thị  - **Văn bản đa phương thức:** Trọng tâm là hình ảnh, ngôn ngữ chỉ là phương tiện hỗ trợ thêm trong việc truyền đạt thông tin: ghi chú, dẫn giải |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức trò chơi CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1: Văn bản phân tích một tác phẩm văn học thuộc kiểu văn bản nào dưới đây?**

1. Văn bản nghị luận xã hội
2. **Văn bản nghị luận văn học**
3. Văn bản biểu cảm
4. Văn bản tự sự.

**Câu 2: Mục đích của văn bản phân tích một tác phẩm văn học là?**

1. **Thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến của người viết trước một tác phẩm cần bàn luận, có thể là về nhân vật, chi tiết, ngôn từ, đề tài...**
2. Thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến của người viết trước một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.
3. Thể hiện rõ ý kiến của người viết trước một tác phẩm cần bàn luận, có thể là về nhân vật, chi tiết, ngôn từ, đề tài
4. Thể hiện rõ ý kiến của người viết trước một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học

**Câu 3: Đâu không phải là đề nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?**

1. Phân tích những đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ *Mẹ và quả* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm
2. Phân tích những vẻ đẹp về nội dung và nghệ thuật trong tác phẩm *Dòng “Sông Đen”* của Giuyn Véc-nơ
3. **Trình bày ý kiến của em về hiện tượng nghiện game online đối với giới trẻ hiện nay**
4. Phân tích hình ảnh Dế Mèn trong *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài

**Câu 4: Dòng nào nói đúng về nhân vật trong văn học? (Chọn 2 đáp án)**

1. **Không đồng nhất với con người thực ngoài đời.**
2. Kết quả của những nghiên cứu, nhận xét từ các tác phẩm văn chương khác.
3. **Sản phẩm của sự sáng tạo, hư cấu, chứa đựng nhiều gợi ý của nhà văn về một cách nhìn nhận, đánh giá đầy tính thẩm mĩ đối với cuộc sống.**
4. Dựa trên những đánh giá khách quan, ý kiến góp ý của bạn đọc để tạo thành.

**Câu 5: Trong văn bản đa phương thức, ngôn ngữ được sử dụng với vai trò nào?**

1. Ngôn ngữ được sử dụng chủ yếu
2. Ngôn ngữ được sử dụng kết hợp hình ảnh, sơ đồ, đồ thị
3. **Ngôn ngữ chỉ là phương tiện hỗ trợ thêm trong việc truyền đạt thông tin**
4. Tất cả đáp án trên đều đúng

***- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.***

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***- GV giao nhiệm vụ****: Hãy vẽ về nhân vật mà em yêu thích theo sự tưởng tượng và giới thiệu về nhân vật vật đó cho các bạn.*

***- GV giao nhiệm vụ của tiết sau****: Giới thiệu trước nhóm/ lớp một cuốn sách hay đã hoặc sẽ đọc cho các bạn theo mẫu sau:*

------------------------------------------------

**Ngày dạy:.................................**

**TIẾT 129,130,131:**

**THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN**

**- CHINH PHỤC NHỮNG CUỐN SÁCH MỚI**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- HS lựa chọn được những cuốn sách mới phù hợp cho hoạt động đọc của cá nhân, nhóm, hoặc lớp trên cơ sở chủ đề đã xác định.

- HS xây dựng được mục tiêu đọc phù hợp với chủ đề, sách đã chọn và năng lực của cá nhân, nhóm, lớp.

- HS thực hiện hiệu quả việc đọc sách của cá nhân, chia sẻ thông tin về việc đọc sách trong nhóm, lớp để cùng xây dựng sản phẩm trong khi đọc và sau khi đọc phù hợp theo những hướng dẫn của SHS.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách: đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ để đã học.

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.

**3. Phẩm chất:**

-  HS yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: TRƯỚC KHI ĐỌC**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tri thức ngữ văn và giới thiệu được tên sách yêu thích, cùng thiết kế góc đọc sách

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CHUNG CẢ LỚP**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thao tác 1**: Sắp xếp, trang trí góc đọc sách và xây dựng danh mục sách cẩn đọc  - GV hướng dẫn học sinh làm mới góc đọc sách của lớp, nhóm; xây dựng danh mục sách bổ sung, cần đọc trong tuần này.  - GV phát phiếu học tập (PHT đã giao từ buổi trước để HS thực hiện tại nhà) theo nhóm để xây dựng các danh mục sách cần đọc cho mỗi chủ đề đã được lựa chọn: 4 nhóm báo cáo danh mục sách cần đọc    **Thao tác 2:** Xây dựng mục tiêu đọc sách  GV yêu cầu HS: Cùng thảo luận để xây dựng mục tiêu đọc sách của cá nhân và của nhóm. Trình bày mục tiêu đó và trao đổi để tìm hiểu cách đọc sách hiệu quả trong dự án đọc mới của em và các bạn.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**:  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**: GV nhận xét, đánh giá | **1. Sắp xếp, trang trí góc đọc sách và xây dựng danh mục sách cẩn đọc**  - Bổ sung những cuốn sách mới cho góc đọc sách, thư viện mở của lớp học  - Tự làm mới góc đọc sách theo cách mà em và các bạn cảm thấy hứng khởi và thú vị nhất  - Có thể mang đến lớp vài cuốn sách em yêu thích và muốn các bạn cùng đọc.  **2. Xây dựng mục tiêu đọc sách**  **- Mục tiêu đọc sách**  + Tăng thêm kiến thức, hiểu biết  + Rèn luyện tính nhẫn nại, kiên trì  + Củng cố tâm hồn, nhân cách  **- Cách đọc sách hiệu quả**   1. Xác định rõ mục đích **đọc sách**. 2. Lựa chọn **sách đọc** phù hợp. 3. Rèn luyện kỹ năng tập trung khi **đọc sách**. 4. Rèn luyện **kỹ thuật đọc sách**. 5. Chọn môi trường và thời gian **đọc hiệu quả** 6. Giữ tư duy tích cực khi **đọc**. 7. Dành thời gian suy nghĩ về những gì đã **đọc** được. |

**Hoạt động 2: CÙNG ĐỌC VÀ TRẢI NGHIỆM**

**2.1 Cuốn sách mới- chân trời mới**

**a. Mục tiêu**:

- Lựa chọn một số cuốn sách tập chng vào một số đề tài, chủ đề đã học trong chương trình lớp 7

- Giúp HS cùng nhau đọc, nắm bắt được những thông tin về các cuốn sách mà mình lựa chọn và chia sẻ, giới thiệu về nó

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thao tác 1**: **Chọn chủ đề cùng đọc**  GV yêu cầu học sinh chọn 1 hoặc 2 cuốn sách phù hợp với chủ đề, mục tiêu. Hãy giới thiệu với các bạn cuốn sách em tìm được về các chủ đề đó.  **Thao tác 2: Giới thiệu về cuốn sách hay**  **Bài tập**: Chọn đọc một cuốn sách văn học, sách khoa học, hoặc sách bàn luận về cuộc sống theo các chủ đề đã học và hoàn thành PHT sau.    **GV chia 4 nhóm:**  **+** Nhóm 1,3 tìm đọc tác phẩm Quê nội (Võ Quảng)  + Nhóm 2,4 tìm đọc tác phẩm Đất rừng phương Nam (Đoàn Giỏi)  **Và hoàn thành Phiếu đánh giá tiêu chí giới thiệu về sách**    **Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.**  + Tổ chức cho HS suy nghĩ, trao đổi nhóm trước, đưa ra suy nghĩ của mình, rồi thống nhất ý kiến với các thành viên trong nhóm.  + GV quan sát, khích lệ HS.  - HS trình bày sản phẩm trước lớp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của Hs, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế  GV tổ chức hoạt động thu hoạch sách thông qua **trò chơi**  **Câu 1**: Ai là tác giả của tác phẩm “Quê nội”?  🡪 Võ Quảng  **Câu 2:** Tác phẩm “Quê nội” thuộc thể loại nào?  🡪 Truyện dài  **Câu 3**: Em hãy nêu bối cảnh của tác phẩm “Quê nội”  🡪 Ở quê hương của tác giả - làng Hòa Phước tỉnh Quảng Nam – sau cách mạng tháng Tám  **Câu 4**: Những nhân vật nào xuất hiện trong tác phẩm “Quê nội”?  🡪 Ông Bảy Hóa, Cục, Cù Lao, bà Hiến, chú Hai Quân  **Câu 5**: Tác phẩm “Quê nội” được kết cấu thành mấy phần?  🡪 2 phần (*Quê nội*, *Tảng sáng)*  **Câu 6**: Tác phẩm “Quê nội” sử dụng ngôi kể thứ mấy ?  🡪 Ngôi kể thứ nhất  **Câu 7:** Theo em, thông điệp mà tác phẩm “Quê nội” để lại là gì?  🡪 Truyện là những kí ức đẹp đẽ về thời thơ ấu, bồi đắp thêm cho ta tình yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam  GV giao nhiệm vụ về nhà:  **Giới thiệu cuốn sách “Quê nội” theo nhiều hình thức khác nhau**  - Làm poster  - Thiết kế bìa sách  - Vẽ tranh chuyển thể  - Trò chuyện cùng tác giả | **1. Chọn chủ đề cùng đọc**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Chủ đề** | **Tên sách (gợi ý)** | | 1 | **Bầu trời tuổi**  **thơ** |  | | 2 | **Khúc nhạc tâm**  **hồn** |  | | 3 | **Cội nguồn yêu**  **thương** | - Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ  - Người thầy đầu tiên. | | 4 | **Giai điệu đất**  **nước** |  | | 5 | **Màu sắc trăm**  **miền** |  | | 6 | **Bài học cuộc**  **sống** |  | | 7 | **Thế giới viễn**  **tưởng** |  | | 8 | **Trải nghiệm để**  **Trưởng thành** |  | | 9 | **Hoà điệu với**  **tự nhiên** |  |   **2. Giới thiệu về cuốn sách hay**  Gợi ý: Có thể đọc trọn vẹn một cuốn sách có các đoạn trích đã học trong SGK như *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi); *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* (Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô); *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần); *Người thầy đầu tiên* (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp); *Những bức thư gửi cháu Sam* (Đa-ni-en Gốt-li-ép); *Nóng, Phẳng, Chật* (Thô-mát L.Phrít-man); *Quê nội* (Võ Quảng) |

**2.2 Đọc cùng nhà phê bình**

**Vẻ đẹp giản dị và chân thật của *Quê nội* (Võ Quảng)**

**Trích *Võ Quảng*, Trần Thanh Địch**

**a. Mục tiêu:**

- Thông qua việc đọc văn bản V*ẻ đẹp giản dị và chân thật của “Quê nội” (Võ Quảng)* của Trần Thanh Địch, giúp HS nhận biết và phân tích được những đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

- Nắm vững được đặc điểm hình thức và nội dung của một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học cụ thể, đổng thời cũng nhận diện được cách tổ chức một VB nghị luận phần tích một tác phẩm văn học nói chung và bước đầu vận dụng vào hoạt động viết.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 2.2.1 Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Theo em, phê bình văn học là gì? Nhà phê bình văn học cần có những phẩm chất nào?

**Phê bình văn học** là sự phán đoán, bình phẩm, đánh giá và giải thích tác phẩm văn học, đồng thời kèm theo việc phán đoán, bình luận, giải thích, đánh giá những hiện tượng đời sống mà tác phẩm nói tới. Nhà phê bình chuyên nghiệp vừa có phẩm chất của một nhà khoa học, vừa có phẩm chất của một nghệ sĩ. Sự mẫn cảm, tinh nhạy trong việc phát hiện ra các giá trị sâu xa gửi gắm trong văn chương nghệ thuật, hoặc giải mã được các cấu trúc thẩm mỹ định hình từ văn bản là điểm khác biệt làm nên giá trị của nhà phê bình. Không chỉ như thế, từ sự quan sát, thẩm định của mình, các thao tác khoa học được triển khai, nhằm diễn giải một cách logic, sáng rõ kinh nghiệm nội tại trong tinh thần và trí tưởng của nhà phê bình, đưa đến cho công chúng những tiêu điểm để có thể nhận diện, đánh giá hay lựa chọn giá trị văn chương phù hợp.

**Hoạt động 2.2.2 Hình thành kiến thức**

**2.2.2.1 Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  - HS đọc diễn cảm nối tiếp văn bản *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của Quê nội* (Võ Quảng)  - Các HS khác lắng nghe, theo dõi và nhận xét kĩ năng đọc diễn cảm của bạn  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**:  **Trần Thanh Địch**  - Quê ở Thừa Thiên Huế,  - Là nhà văn, nhà báo và nhà phê bình  - Có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi được yêu mến và đánh giá cao.  **Võ Quảng**  - Là nhà thơ, nhà văn có nhiều sáng tác hấp dẫn, cảm động về quê hương, tuổi thơ và cách mạng.  - Tác phẩm tiêu biểu: Quê nội, Tảng sáng, Chỗ cây đa làng, Nắng sớm,...  **b. Tác phẩm**  **- Thể loại**: Nghị luận văn học  **- Vấn đề bàn luận**: Bàn về đặc điểm nghệ thuật và nội dung của tác phẩm ***Quê nội*** của nhà văn Võ Quảng.  **- Nhan đề**: Cho thấy nội dung chính của văn bản  **- Mục đích**: Bằnghệ thống ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng tác giả đem đến cho bạn đọc hiểu biết sâu sắc về vẻ đẹp giản dị và chân thật của con người trong tác phẩm và sức hấp dẫn của tác phẩm *Quê nội* của Võ Quảng.  **- Bố cục**: 4 phần  + Bàn về hoàn cảnh, đời sống trong tác phẩm: từ đầu đến “*sau cách mạng tháng tám thành công”*  + Bàn về thế giới nhân vật trong tác phẩm: tiếp theo đến “*sợ sệt, hay an phận thủ thường”*  + Bàn về người kể chuyện trong tác phẩm: tiếp đến “*các nhân vật trực diện khác”*  + Nhận xét chung về sức hấp dẫn của tác phẩm: còn lại |

**Hoạt động 2.2.2.2 Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được nội dung Ý kiến (lí lẽ và bằng chứng) về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm

- Phân tích được nội dung Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV đặt câu hỏi gợi dẫn:** Để bàn về vấn đề, người viết đã nêu những ý kiến gì về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm? Em căn cứ vào đâu để xác định như vậy?  **GV tổ chức hoạt động nhóm :**  - Chia lớp thành 4 nhóm  - Yêu cầu: Hãy tìm những lí lẽ, bằng chứng được người viết sử dụng nhằm làm sáng tỏ ý kiến về các đặc điểm của tác phẩm *Quê nội.* Cách trình bày bằng chứng của người viết có điều gì đáng chú ý?  - Thời gian: 5 phút    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Ý kiến (lí lẽ và bằng chứng) về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm**  **Mạch nội dung chính của tác phẩm**  - **Vấn đề**: Bàn về đặc điểm nghệ thuật và nội dung của tác phẩm ***Quê nội*** của nhà văn Võ Quảng.  + Ý kiến của người viết về hoàn cảnh đời sống trong tác phẩm (lí lẽ và bằng chứng)  + Ý kiến của người viết về thế giới nhân vật trong tác phẩm (lí lẽ và bằng chứng)  + Ý kiến của người viết về người kể chuyện trong tác phẩm (lí lẽ và bằng chứng)  + Nhận xét chung về sức hấp dẫn của tác phẩm (lí lẽ và bằng chứng)  **a. Bàn luận của tác giả về đặc điểm nội dung của tác phẩm**  \* Ý kiến của người viết về **hoàn cảnh đời** sống trong tác phẩm (lí lẽ và bằng chứng)  **- Lí lẽ:** Nội dung câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương.  **- Bằng chứng:** Một nông thôn miền Trung, tại thôn Hòa Phước, bên con sông Thu Bồn vào những ngày rất mới mẻ - như một buổi tảng sáng – sau Cách mạng tháng Tám thành công.  \* Ý kiến của người viết về **thế giới nhân vật** trong tác phẩm (lí lẽ và bằng chứng)  - Các nhân vật là những người nông dân bình thường, mấy cô bác …vừa tự xây chính quyền cách mạng địa phương vừa chuẩn bị công tác chống giặc giữ làng.  **- Lí lẽ:**  + Đây là một sự chuyển mình toàn bộ, thay đổi toàn diện của chế độ xã hội mới…  + Nó làm thay đổi hẳn nếp sống thường ngày từ trước.  + Họ làm việc hơi quá sức mình một chút. Suốt ngày họ lo đến công việc xã hội hơn là công việc nhà mình.  + Nông thôn sôi động như một gia đình vừa thức giấc.  **- Bằng chứng:**  + Trong Tảng sáng đó là những Cục, những Cục, Cù Lao, bà Kiến, ông Hai Dĩ, thầy Lê Tảo,... là những con người thật đáng yêu..  + Một tuyến nhân vật thứ hai nữa có mặt ít hơn, nhưng vẫn xuất sắc và lí thú không kém các nhân vật trên: chị ba, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoành, ông Tư Đàm, cô tuyết Hạnh, …  + Rồi một tuyến nhân vật thứ ba: anh Tư Lĩnh, những chú chó, …  **b. Bàn luận của tác giả về đặc điểm nghệ thuật của tác phẩm**  \* Ý kiến của người viết về **người kể chuyện** trong tác phẩm (lí lẽ và bằng chứng)  - Quê nội được viết theo lối tự sự vai “tôi”  **- Lí lẽ:**  + Vai “tôi” trong tiểu thuyết thường có những thế mạnh, tương như bộc tuệch gửi gắm cả “tấm lòng” của tác giả.  + Có điều kiện để dẫn dắt bạn đọc đi vào những suy nghĩ thầm kín của nhân vật…  + Vai “tôi” cũng có khá nhiều nhược điểm…không nhìn xa được, không nói được nội dung, suy nghĩ của các nhân vật trực diện khác.  **\* Nhận xét chung** về sức hấp dẫn của tác phẩm (lí lẽ và bằng chứng)  - Đó là sự hấp dẫn của những trang văn tả cảnh sinh hoạt của người dân, quang cảnh làng quê qua từng chương và cả tác phẩm.  **- Lí lẽ:** tâm hồn bạn đọc cũng lớn như trẻ em  **- Bằng chứng:**  + trang tả cảnh đồng bào gọi nhau í ới đi học ban đêm những ngọn đèn bồng bềnh từ nhà này sang nhà khác;  + trang đặc tả một đốm lửa xoẹt lên từ mẩu que diêm lúc ban đầu còn ốm yếu, do dự;  + trang tả về bà Kiến học đánh vần mà cứ thêm vào từng câu ca dao ứng khẩu tài tình;  + trang viết về bọn chó nổi xung dượt đuổi ông Hai Dĩ;  + trang chấm phá hình dáng những thân sung nhìn qua buổi chiều vàng;  + trang tả cảnh sông nước bập bềnh;  **\* Nhận xét**  ***-* Lí lẽ**: rõ ràng, mạch lạc, là những nhận định, suy ngẫm đúng đắn giúp người đọc hiểu hơn về vẻ đẹp giản dị, chân chất của *Quê nội*  **- Bằng chứng:** cụ thể, được chọn lọc, trích dẫn gián tiếp thông qua việc tóm tắt các sự việc chính của tác phẩm của Võ Quảng làm cơ sở cho lí lẽ.  **- Tác dụng:**  + Làm cho người đọc đắm chìm trong không khí rạo rực của tác phẩm, vừa cảm nhận được vẻ đẹp giản dị, chân thật của con người, thiên nhiên trong tác phẩm đồng thời đem đến ngạc nhiên, xúc động cho người đọc.  + Chứng tỏ tác giả rất yêu thích, hiểu rõ về tác phẩm. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - **GV đặt câu hỏi gợi dẫn**: Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học được thể hiện như thế nào trong bài viết này?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức. | **2. Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học**  - Mục đích của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là bàn luận về đặc điểm nghệ thuật và nội dung của văn bản, đồng thời đánh giá chung được về giá trị của tác phẩm.  - Trong bài viết *Vẻ đẹp giản dị và chân thật của “Quê nội” (Võ Quảng)*, những đặc điểm nghệ thuật và nội dung của tác phẩm đã được thể hiện trong việc người viết nêu ý kiến về hoàn cảnh đời sống, về thế giới nhân vật, về người kể chuyện (sử dụng lí lẽ rõ ràng và bằng chứng cụ thể). Đồng thời, người viết cũng đã nhận xét chung về sức hấp dẫn cúa văn bản (phần cuối).  **-> Mục tiêu của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học được thể hiện nhất quán trong toàn bộ bài viết.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và rút ra cách đọc văn bản nghị luận  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lập luận chặt chẽ, logic, rành mạch.  - Lối viết cuốn hút, thể hiện rõ quan điểm cá nhân.  - Cách so sánh hấp dẫn  **2. Nội dung**  Bài văn là tấm lòng yêu mến, trân trọng và xúc động của tác giả khi bình về vẻ đẹp giản dị và chân thật của tác phẩm *Quê nội* (Võ Quảng).  **3. Cách đọc văn bản nghị luận**  - Xác định được vấn đề nghị luận, mục đích viết của văn bản.  - Nhận diện ý kiến của người viết về tác phẩm. Xác định được hệ thống lí lẽ, dẫn chứng và mối quan hệ của lí lẽ, dẫn chứng được tác giả đưa vào bài viết .  - Cách triển khai vấn đề nghị luận.  - Ý nghĩa vấn đề nghị luận. |

**Hoạt động 2.2.2.3 Viết kết nối với đọc**

**a. Mục tiêu**:HS vận dụng kiến thức bài học đặc điểm chung của VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, lựa chọn một VB văn học yêu thích và trình bày ý kiến của mình

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện dựa theo mẫu phiếu học tập sau.



- GV nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | - Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 6- 8 câu. |  |  |
| **2** | - Đoạn văn đúng chủ đề: nêu ý kiến của em về một tác phẩm văn học về đề tài tuổi thơ hoặc quê hương, đất nước mà em đã đọc |  |  |
| **3** | -Lí lẽ dẫn chứng thuyết phục. |  |  |
| **4** | -Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **5** | -Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

**2.3 Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Hiểu biết về mối quan hệ giữa nhân vật văn học và con người có thực ngoài đời, HS vận dụng các chiến lược đọc một cách tự nhiên: *tưởng tượng, hình dung, suy luận, dự đoán,...* để có thể cảm nhận sâu sắc hơn về nhân vật trong cuốn sách đã đọc.

- Phát huy năng lực thẩm mỹ và sáng tạo của HS

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức hoạt động: ĐỐI THOẠI CÙNG NHÂN VẬT (trò chuyện cùng nhân vật yêu thích)  - GV chia lớp thành 4 nhóm  - Mỗi nhóm thống nhất lựa chọn một nhân vật yêu thích và thảo luận về nhân vật.  - Hình thức: đóng hoạt cảnh gặp gỡ nhân vật để tìm hiểu và chia sẻ (phỏng vấn, tọa đàm, tranh biện...)  - Thời gian chuẩn bị: 10 phút  - Thời gian báo cáo: 5 phút    **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  GV tổ chức GÓC SÁNG TẠO  Em hãy thiết kế poster, vẽ tranh minh họa hoặc sử dụng vật liệu thủ công (giấy, vải, len, sợi, chỉ màu...) tái hiện lại một nhân vật mà em yêu thích trong những cuốn sách đã đọc | |  |  | | --- | --- | | **Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật** | | | Bạn đến từ đâu? |  | | Vì sao và bằng cách nào bạn trở thành nhân vật trong tác phẩm này? |  | | Bạn có sở thích, tính cách hay đặc điểm gì nổi bật? |  | | Để kể về cuộc đời mình, bạn muốn nói gì nhất? |  | | Ai hay điều gì khiến bạn quan tâm nhất? |  | | Nếu được sống tiếp cuộc đời không chỉ trong trang sách, điều bạn muốn làm nhất sẽ là gì? |  | |

**2.4 Đọc và trò chuyện cùng tác giả**

**“*Mon và Mên đang ở đâu?”***

**a. Mục tiêu:** Giúp HS huy động cảm xúc và trí tưởng tượng để các em hình dung về mối quan hệ giữa nhà văn và nhân vật một cách sinh động, thú vị, trong cả đời sống thực tế và trong thế giới của tác phẩm.

**b. Tổ chức hoạt động**

**Hoạt động 2.4.1 Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV tổ chức trò chơi CHÂN DUNG NGƯỜI NỔI TIẾNG**

+ Giuyn Véc-nơ

+ Hà Thủy Nguyên

+ Đa-ni-en Gốt-li-ép

+ Thô-mát L. Phrít-man

+ Tô Hoài

***- GV dẫn dắt vào bài học mới: ................***

**Hoạt động 2.4.2 Hình thành kiến thức**

**2.4.2.1 Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Thao tác 1: đọc- chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc văn bản trước lớp  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS theo dõi sgk  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá  **Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  - HS đọc diễn cảm nối tiếp văn bản *Mon và Mên đang ở đâu?*  - Các HS khác lắng nghe, theo dõi và nhận xét kĩ năng đọc diễn cảm của bạn  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**: **Nguyễn Quang Thiều**  **b. Tác phẩm**  **- Xuất xứ**: Trích *Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số 9/2021*  **- Phương thức biểu đạt**: Tự sự  **- Đề tài**: Mối quan hệ giữa nhà văn và nhân vật trong cả đời sống thực tế và trong thế giới tác phẩm |

**Hoạt động 2.4.2.2 Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được nội dung Cọn người ở đời thực trong “Bầy chim chìa vôi”

- Phân tích được nội dung Con người trong thế giới tác phẩm “Bầy chim chìa vôi”

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động nhóm :**  - Chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập (yêu cầu số 1,2)  - Thời gian: 3 phút    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **1. Con người ở đời thực trong “Bầy chim chìa vôi”**  - Nhân vật Mon và Mên là bạn cùng lứa tuổi với nhà văn Nguyễn Quang Thiều  - Họ đều là những đứa trẻ sinh ra và lớn lên ở một ngôi làng ven bờ sông Đáy.  Nhà văn khẳng định “tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non” vì lũ chim là điều bọn trẻ quan tâm nhất. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức hoạt động nhóm :**  - Chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập (yêu cầu số 3,4,5)  - Thời gian: 3 phút    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo sản phẩm nhóm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **2. Con người trong thế giới tác phẩm “Bầy chim chìa vôi”**  Cậu bé – người “phỏng vấn” tác giả ngạc nhiên vì tác giả biết được trong đêm mưa, Mon và Mên đã lo nghĩ cho bầy chìa vôi.  Ngoài Mon và Mên, lũ trẻ trong làng (bao gồm cả tác giả lúc đó) là người có những kỉ niệm sâu sắc về đêm mưa, bãi sông và bầy chim chìa vôi.  Mon và Mên đang ở trong kí ức của nhà văn và độc giả  Bầy chim chìa vôi đã bay đến một nơi rất xa – nơi mà thiên nhiên không bị tàn phá, nơi mà chúng có thể sinh sống...  🡪 **Bạn đọc có thể kể tiếp câu chuyện với sự sáng tạo của mình**  **-> Con người trong tác phẩm tuy được lấy từ chất liệu cuộc đời thực nhưng là sản phẩm hư cấu, tưởng tượng của nhà văn. Qua nhân vật, nhà văn gửi gắm tư tưởng, tình cảm, cách đánh giá của nhà văn về cuộc sống.** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  GV tổ chức mở rộng kiến thức với hoạt động **EM LÀM PHÓNG VIÊN**  **Yêu cầu:** HS chọn một cuốn sách đang gây sự tò mò, chú ý đối với em (có thể đọc một truyện, một bài thơ, một chương, phần,…nếu cuốn sách có nhiều nội dung). Tượng tưởng em được gặp tác giả của cuốn sách đó và đặt những câu hỏi để làm rõ hơn điều em muốn biết (cách tác giả tạo nên nhân vật hoặc những chi tiết tiêu biểu, hoàn cảnh ra đời của tác phẩn, thông điệp tác giả muốn gửi gắm trong cuốn sách...) | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Lối trần thuật giản dị, giọng văn cởi mở, chân thành, giàu cảm xúc  **2. Nội dung**  Câu chuyện của tác giả với bạn nhỏ về hai nhân vật Mon và Mên đã giúp cho người đọc nhận thức đến mối quan hệ giữa trang sách, tác phẩm và cuộc sống. |

**----------------------------------------**

**Ngày dạy:..........................**

**TIẾT 132,133,134:**

**VIẾT: THÁCH THỨC THỨ HAI**

**- Từ ý tưởng đến sản phẩm**

**- Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- HS phát huy năng lực, sở trường của bản thân trong việc lựa chọn 1 trong 3 họat  động đã được gợi ý trong SHS và hoàn thành:

+ Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh

+ Kể lại câu chuyện đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc thơ năm chữ.

+ Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học em yêu thích trong cuốn sách đã đọc.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành 1 trong 3 đề bài.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng tóm tắt câu chuyện, kể lại câu chuyện và viết bài văn phân tích nhân vật.

**3. Phẩm chất:**

- HS yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV nêu yêu cầu:** Viết tên các nhân vật hoặc tên cuốn sách em đã lựa chọn đọc và muốn giới thiệu cho các bạn.

***- GV dẫn dắt vào bài học mới:***

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**2.1. Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh**

**a. Mục tiêu:** Hài hòa cho HS giữa yêu cầu phát triển năng lực sáng tạo, thẩm mĩ và các mục tiêu giáo dục khác.

**b. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu sản phẩm truyện tranh chuyển thể minh họa trong SHS trang 110-111 (tóm tắt truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi* của nhà văn Nguyễn Quang Thiều): cách sắp xếp các nội dung và cách vẽ tranh minh họa cho từng nội dung. GV nhắc HS chú ý sự phù hợp giữa hình ảnh và ngôn ngữ (ở dạng đối thoại)  - GV hướng dẫn HS tổ chức hoạt động viết và vẽ minh họa. GV hướng dẫn HS viết VB tóm tắt câu chuyện.  - GV chú ý nhắc HS cần tham khảo các truyện tranh phù hợp với lứa tuổi và sản phẩm trong SHS để có thể tự xây dựng truyện tranh đơn giản, thú vị gắn với những chủ đề và các tác phẩm đã học, đã đọc.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tìm hiểu sản phẩm truyện tranh chuyển thể minh họa trong SHS.  - HS làm việc cá nhân để tóm tắt VB  - HS làm việc theo nhóm để xây dựng sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa nội dung cần tóm tắt bằng lời và hình thức cần thể hiện trong tranh.  - HS làm việc theo nhóm để vẽ tranh và sử dụng lời dẫn, lời thoại phù hợp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày sản phẩm trước nhóm, sau đó cả nhóm chọn một vài sản phẩm tiêu biểu nhất lên trình bày trước lớp, các HS còn lại lắng nghe, nhận xét và đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi HS có ý thức hoàn thành sản phẩm tốt. | **A. Tóm tắt một câu chuyện theo hình thức truyện tranh**  **Quy trình thực hiện**  1. Tóm tắt câu chuyện  2. Xây dựng sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa nội dung cần tóm tắt bằng lời và hình thức cần thể hiện trong tranh.  3. Vẽ tranh và sử dụng lời dẫn, lời thoại phù hợp.  Chú ý: cố gắng sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (hình vẽ hoặc các kí hiệu chỉ dẫn) để có thể hỗ trợ cho việc thể hiện nội dung một cách sinh động, hiệu quả. |

* 1. **Kể lại một câu chuyện theo hình thức thơ năm chữ**

**a. Mục tiêu:** HS phát huy sở trường, năng khiếu nghệ thuật của bản thân chuyển thể phần tóm tắt thành bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu sản phẩm sáng tạo của các bạn HS được đưa vào minh họa cho phần này (bài tóm tắt truyện *Gió lạnh đầu mùa* bằng thơ năm chữ): tìm hiểu cả phần lời và phần minh họa hình ảnh.  - GV hướng dẫn HS tổ chức hoạt động viết: GV hướng dẫn để HS tóm tắt câu chuyện một cách súc tích bằng lời văn. Sau đó, HS phát huy sở trường, năng khiếu để chuyển thể phần tóm tắt thành bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.  - GV hướng dẫn HS dành thời gian chuẩn bị sản phẩm này ở nhà (do đặc thù của việc sáng tạo: làm thơ, vẽ tranh minh họa).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn và yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS trình bày sản phẩm của mình trước lớp nếu HS đã hoàn thành và chuẩn bị trước, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá và tuyên dương những sản phẩm sánh tạo.  - GV yêu cầu học sinh hoàn thành PHT | **B. Kể lại một câu chuyện theo hình thức thơ năm chữ**  **Quy trình thực hiện**  1. Tóm tắt câu chuyện một cách súc tích bằng lời văn  2. Chuyển thể phần tóm tắt thành bài thơ bốn chữ hoặc thơ năm chữ.  **Chú ý**: Đảm bảo đúng hình thức của thơ 4 hoặc 5 chữ, có ngôn từ trong sáng, dễ hiểu; có cách gieo vần, ngắt nhịp hài hòa, có sức cuốn hút |

**2.3 Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc**

**I. Yêu cầu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc**

**a. Mục tiêu:** HS phát huy được năng lực viết, phân tích một nhân vật văn học yêu thích và trình bày một cách sáng tạo.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích để chuẩn bị cho việc giới thiệu, trình bày về nhân vật yêu thích trong hoạt động nói và nghe ở phần báo cáo kết quả dự án.  - GV lưu ý HS về yêu cầu với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã học.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Yêu cầu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc**  - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học: lai lịch, hoàn cảnh, tình huống xuất hiện và những ấn tượng đặc biệt ban đầu (nếu có).  - Chỉ ra được đặc điểm, tính cách nhân vật qua bằng chứng cụ thể về ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm trạng của nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.  - Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: biện pháp nghệ thuật, cách sử dụng hoặc nhấn mạnh những chi tiết làm rõ đặc điểm nhân vật.  - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả. |

**II. Phân tích bài viết tham khảo: Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương.**

**a. Mục tiêu:** HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

**b. Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức SGK,HS thảo luận nhóm kĩ thuật mảnh ghép.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** chia lớp thanh 4 nhóm và hoàn thành Phiếu học tập  Thời gian: 10 phút    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Phân tích bài viết tham khảo: Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương.**  **\* Giới thiệu nhân vật**  Hoàng tử bé là nhân vật của nhà văn Ăng-toan đơ Xanh-tư Ê-xu-pe-ri trong tác phẩm cùng tên. Tác phẩm trở thành người bạn của rất nhiều bạn nhỏ.  **\* Nghệ thuật miêu tả nhân vật**  - Hoàng tử bé được miêu tả bằng một bức vẽ minh họa trong tác phẩm: “một cậu bé thật khác thường”  - Theo tác giả, bức vẽ không bằng một nửa sự quyến rũ của người mẫu  - Hoàng tử bé xuất hiện bất ngờ, tự nhiên bằng giọng nói nhỏ nhẹ, kì lạ  **\* Đặc điểm nhân vật**  - Ngoại hình: Một cậu bé khác thường  - Hành động: giọng nói nhỏ nhẹ kì lạ nhưng luôn cố gắng trò chuyện với tất cả, không ngừng hành trình tìm kiếm các cuộc trò chuyện; dành lời nói bao dung, an ủi tới mọi người cậu gặp…  - Tính cách: Kiên nhẫn, nhân hậu, giàu tình yêu thương.  **\* Ý nghĩa của hình tượng nhân vật**  Hoàng tử bé chính là biểu tượng cho tình yêu thương, lòng vị tha và khát khao được sẻ chia, thấu hiểu  **\* Bố cục: 3 phần**  **- Mở bài:** Giới thiệu về nhân vật, cảm nhận chung về nhân vật.  **- Thân bài:**  + Phân tích đặc điểm của nhân vật (ngoại hình, tính cách...)  + Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật: qua lời nói, hành động, cách ứng xử  **- Kết bài:** Khẳng định lại những đánh giá, nhận xét về nhân vật. |

**Hoạt động 3: III Thực hành viết theo các bước (Tiết 133)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được mục đích viết, dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS thực hành viết theo các bước hướng dẫn:  + Lựa chọn đề tài:  Quan tâm đến những đặc điểm nổi bật, sự độc đáo hoặc những phẩm chất tích cực của nhân vật vì cách chọn nhân vật để phân tích phản ánh quan niệm, suy nghĩ của người viết.  + Tìm ý: đặt ra và trả lời các câu hỏi:  *Nhân vật xuất hiện trong cuốn sách, tác phẩm nào? Vì sao em yêu thích nhân vật? Điều gì khiến em quyết định lựa chọn phân tích nhân vật này? Nhân vật có những đặc điểm nào nổi bật (ngoại hình, hoạt động, ngôn ngữ, suy nghĩ,…)? Những đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất, giá trị của nhân vật? Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn có gì đặc sắc? Nhân vật gợi cho em liên tưởng, suy nghĩ và rút ra bài học gì?*  + Lập dàn ý: Sắp xếp các ý theo bố cục bài viết.  - GV gợi ý cho HS sử dụng các tư liệu trong phần *Cùng đọc và trải nghiệm*, đặc biệt là hoạt động *Trải nghiệm cùng nhân vật* để viết bài phân tích một nhân vât văn học.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để viết bài văn hoàn chỉnh.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS xung phong đọc bài văn của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhân xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chọn ra những bài viết hay và chất lượng nhất để khen ngợi, đồng thời, phê bình những bài viết còn mắc nhiều lỗi để các em chỉnh sửa. | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn đề tài**  Phân tích nhân vật yêu thích để làm rõ những đặc điểm đáng chú ý, cuốn hút của nhân vật.  b. Tìm ý  - Nhân vật xuất hiện trong cuốn sách, tác phẩm nào?  - Vì sao em yêu thích nhân vật? Điều gì khiến em quyết định lựa chọn phân tích nhân vật này?  - Nhân vật có những đặc điểm nào nổi bật (ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ...)? Những đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất, giá trị của nhân vật?  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn có gì đặc sắc?  - Nhân vật gợi cho em liên tưởng, suy nghĩ và rút ra bài học gì?  c. Lập dàn ý  **Mở bài:** Giới thiệu nhâ nvật và nêu ngắn gọn ấn tượng ban đầu về nhân vật  **Thân bài:**  + Bối cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân vật  + Những đặc điểm nổi bật của nhân vật thể hiện qua các bằng chứng trong tác phẩm (chi tiết về ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ,...của nhân vật)  + Nghệ thuật xây dựng nhân vật: cách sử dụng chi tiết, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật,...  + Ý nghĩa của hình tượng nhân vật.  **Kết bài:** Nêu những bài học, suy nghĩ, ấn tượng sâu sắc mà nhân vật để lại trong tâm trí em.  **2. Viết bài**  - Cần chú ý vai trò của các phần: Mở bài, thân bài và kết bài.  - Có thể tách phần thân bài thành các đoạn theo các ý chính đã dự kiến.  - Sử dụng các chi tiết, bằng chứng làm rõ đặc điểm nhân vật theo hai cách: tóm tắt hoặc trích nguyên văn.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Đọc lại bài viết để tự kiểm tra gợi trên những gợi ý sau:  - Tên nhân vật, tên sách, tác giả và các chi tiết liên quan có chính xác không?  - Bằng chứng cho các đặc điểm của nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện đã đủ và phù hợp chưa?  - Có lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tổ chức đoạn văn hay không? |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố lại các các yêu cầu của bài viết, rèn kĩ năng viết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Yêu cầu:**

- Chia lớp thành 4 nhóm

- Mỗi nhóm lựa chọn một nhân vật và lập dàn ý cho bài văn phân tích nhân vật trong tác phẩm văn học

- Thời gian lập dàn ý: 15 phút

- Thời gian trình bày: 3 phút/nhóm

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố lại các các yêu cầu của bài viết, rèn kĩ năng viết

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV giao nhiệm vụ:

1. Viết hoàn chỉnh một đoạn văn triển khai một ý đã xây dựng trong dàn ý.

2. HS lựa chọn làm 1 sản phẩm sáng tạo để thể hiện những ý kiến, cảm nhận của mình về nhân vật yêu thích: truyện tranh/poster /thơ 4 chữ/thơ 5 chữ…

**-------------------------------------------------**

**Ngày dạy:............................**

**TIẾT 135:**

**NÓI VÀ NGHE**

**VỀ ĐÍCH “NGÀY HỘI VỚI SÁCH”**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

-  Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan.

- Dựa trên các sản phẩm được chuẩn bị và xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thành ở giai đoạn 1 và 2 là tư liệu để HS báo cáo kết quả dự án một cách chủ động.

- Việc triển lãm, trưng bày tại ngày hội phát huy tính chủ động và gợi hứng thú cho HS.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các hoạt động.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

-   HS yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Tổ chức thực hiện:**

- Theo em, làm thế nào để mỗi người có thể hình thành thói quen đọc sách mỗi ngày?

- Hãy ghi câu trả lời của em vào tờ giấy nhỏ và dán chúng lên cây tri thức này nhé!

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*-* ***GV dẫn vào bài học:*** *Việc thực hiện dự án đi đến hồi kết. Vậy tiết học hôm nay, cô trò cùng công khai, chia sẻ kết quả thực hiện dự án của mình các em nhé. Đừng ngại ngần vì phần chuẩn bị của mình chưa tốt. Hãy cùng nhau chia sẻ, lắng nghe cùng tranh luận nhé.*

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

**I. Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách**

**a. Mục tiêu:**  HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói – nghe. HS trưng bày sản phẩm về cuốn sách muốn minh họa:

- Giới thiệu tranh vẽ, truyện tranh

- Pô-xtơ giới thiệu nhân vật

- Các hình thức tóm tắt

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh hoàn thành Phiếu học tập    **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS Trình bày sản phẩm minh họa sách trước nhóm, các em khác nghe, góp ý và hoàn thành phiếu học tập  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS báo cáo kết quả thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách**  - Giới thiệu tranh vẽ, truyện tranh  - Pô-xtơ giới thiệu nhân vật  - Các hình thức tóm tắt tác phẩm |

**II. Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách**

**1. Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** HS có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  GV cho 1 học sinh đọc các yêu cầu phần chuẩn bị nói  Sau đó, HS rà soát lại nội dung chuẩn bị ở nhà của mình đã được chưa; cần bổ sung thêm không?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS chuẩn bị nội dung nói theo hướng dẫn  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + GV nhận xét.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **1. TRƯỚC KHI NÓI**  **a. Chuẩn bị nội dung và phương tiện để trình bày**  - Xác định mục đích nói: Chọn một trong hai mục đích nói sau đây để chuẩn bị bài nói:  + Giới thiệu để làm rõ ý nghĩa những sản phẩm sáng tạo từ sách  + Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách  - Lựa chọn và xác định nội dung cần trình bày  + Xem lại sản phẩm sáng tạo từ sách và chọn sản phẩm độc đáo, thú vị mà em muốn giới thiệu  + Lập dàn ý bài nói trước khi trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách, đánh dấu những nội dung cần nhấn mạnh, cần làm rõ và thuyết phục người nghe  - Xác định các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp cần sử dụng để hỗ trợ cho bài nói về sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách: hình ảnh, sơ đồ, tranh vẽ hoặc bản nhạc không lời (nếu cần).  **b. Tập luyện**  - Tập luyện một mình để ghi nhớ nội dung và chọn cách diễn đạt phù hợp  - Trình bày trước các bạn trong nhóm học tập, cùng các bạn trao đổi để có thể lắng nghe góp ý nhằm điều chỉnh nội dung trình bày và diễn đạt sao cho rõ ràng, mạch lạc, có sức hút |

**2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  - HS trình bày bài nói  - Có thể kết hợp một số động tác tay, nét mặt, ánh mắt để bày tỏ quan điểm và cảm xúc  - HS khác lắng nghe, quan sát.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * HS trao đổi về bài nói   **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **2. Trình bày bài nói**  - Trình bày một cách rõ ràng các nội dung đã chuẩn bị  - Nhấn mạnh những đặc điểm nổi bật của sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc làm rõ quan điểm của em về việc đọc sách qua lí lẽ xác đáng và bằng chứng cụ thể  - Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp để phần trình bày hấp dẫn hơn |

**3. Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:**  HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  HS nghe, phản hồi ý kiến, bày tỏ quan điểm  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **GV** yêu cầu học sinh hoàn thành PHT sau | **3. Sau khi nói**  **Trao đổi, đánh giá.**  \* **Bảng tự kiểm tra kĩ năng nói- nghe:**   |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | * Nghe và ghi vắn tắt những đặc điểm nổi bật của sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc quan điểm về việc đọc sách để có thể trao đổi, nêu câu hỏi sau khi người nói trình bày. * Nêu ý kiến về nội dung bài nói và cách trình bày | * Nghe góp ý và phản hồi những ý kiến của người nghe về nội dung bài nói một cách phù hợp, rõ ràng, có thể bổ sung những điểm cần làm rõ thêm * Trao đổi lại với người nghe về cách trình bày để có thể rút kinh nghiệm và điều chỉnh một cách hiệu quả | |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV chia lớp thành 2 nhóm:

+ Nhóm giới thiệu sản phẩm

+ Nhóm trình bày ý kiến

- HS chuẩn bị trong 15 phút, đại diện các nhóm lên trình bày bài nói trong thời gian 3 phút

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**- GV đưa ra yêu cầu:**

HS làm 1 video ngắn về chủ đề**: VAI TRÒ CỦA ĐỌC SÁCH VÀ CÁCH LỰA CHỌN SÁCH PHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI**

**----------------------------------------------**

**Ngày dạy:..................................**

**TIẾT 136, 137:**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 2**

**(Thời lượng: 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực đặc thù**

- Nêu được kiến thức về các loại, thể loại VB đọc, kiến thức tiếng Việt và kiến thức về các kiểu bài viết, bài nói đã được học, thực hành theo *Ngữ văn 7,* tập hai.

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã được học, rèn luyện trong cả năm học vào giải quyết những bài tập tổng hợp.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực đọc và tổng hợp thông tin.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề,...

**3. Phẩm chất**

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kế bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và dự kiến các đội chơi.

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: gói câu hỏi, bảng chọn đáp án.

**2. Học sinh.**

- Tìm hiểu các câu hỏi phần Nội dung ôn tập.

**III. TỖ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP**

**Vũ Mai Nhung**

**0915556229**

**Trường THCS Lê Hồng Phong -TP Ninh Bình**

1. **Mục tiêu:** Học sinh tổng hợp kiến thức đã khám phá được qua tất cả các bài học trong học kì 2.
2. **Nội dung:** HS tham gia cuộc thi giải ô chữ để tự tổng hợp kiến thức theo gợi ý và giúp đỡ của GV.
3. **Sản phẩm:** Đáp án đúng của từng ô chữ.
4. **Tổ chức thực hiện:**

**THI GIẢI Ô CHỮ**

**GV lần lượt:**

**I. Chia lớp làm 2 đội,** mỗi đội cử một bạn làm đội trưởng,thành viên các đội thảo luận, tìm đáp án cho câu hỏi gợi ý.

**II. Người dẫn chương trình kiêm thư kí: giáo viên**

(hoặc GV có thể cử một học sinh trong lớp làm thư kí, ghi kết quả giúp)

**III. Tiến trình cuộc thi**

**Bước 1.** GV phổ biến thể lệ cuộc thi như sau:

1. Có 6 ô chữ hành ngang và 1 ô chữ hàng dọc. Mỗi ô chữ hàng ngang gồm nhiều chữ cái khác nhau. Ô chữ hàng dọc gồm 6 chữ cái.

2. Người chơi sẽ giải mã ô chữ HÀNG DỌC bằng cách giải mã từng ô chữ hàng ngang.

3. Mỗi ô chữ hàng ngang sẽ có 1 chữ cái liên quan đến ô chữ HÀNG DỌC.

4. Đội nào có tín hiệu trước sẽ giành quyền trả lời trước. Nếu trả lời sai, đội còn lại sẽ được quyền trả lời.

5. Trả lời đúng câu hỏi hàng ngang được 10đ; đúng câu hỏi hàng dọc được 40đ.

6. Trong khi trả lời câu hỏi hàng ngang, các đội vẫn có quyền trả lời câu hỏi hàng dọc.

7. Thời gian giải mã mỗi ô chữ hàng ngang là 30 giây.

**Bước 2.** GV lần lượt cho HS bấm chọn câu hỏi, sau đó GV đọc/chiếu ngẫu nhiên gợi ý câu hỏi ô chữ hàng dọc cho các đội HS trả lời.

**1.** **Gợi ý câu hỏi hàng ngang như sau:**

\*Ô hàng ngang số 1 gồm 07 chữ cái: *Từ nào chỉ mối quan hệ gắn nối chặt chẽ về hình thức giữa các yếu tố, các bộ phận trong văn bản, được thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ?*

\*Ô hàng ngang số 2 gồm 16 chữ cái: *Đây là thế giới thể hiện trí tưởng tượng phong phú, khám phá những điều kì lạ, không có giới hạn của con người trong tương lai.*

\*Ô hàng ngang số 3 gồm 17 chữ cái: *Nhân loại đã từng mắc nhiều sai lầm trong cách ứng xử với nó để rồi phải trả giá đắt. Thực tế từ xa xưa, nhiều cộng đồng xã hội đã biết chọn cách sống này để có được sự thanh thản, hạnh phúc. Đó là cách sống nào?*

\*Ô hàng ngang số 4 gồm 19 chữ cái: *Nó đã trở thành một phần đồng hành cùng em đi suốt cuộc đời; làm hành trang tri thức để em có thể tự tin bước vào thế giới rộng lớn của cuộc sống.*

\*Ô hàng ngang số 5 gồm 14 chữ cái: *Những câu chuyện ngụ ngôn mang lại cho chúng ta điều gì?*

\*Ô hàng ngang số 6 gồm 23 chữ cái: *Hằng ngày, chúng ta thường chứng kiến hoặc tham dự những sự kiện diễn ra trong gia đình, ở nhà trường, ngoài xã hội. Tất cả đều có thể gợi lên trong ta những cảm xúc, suy nghĩ, từ đó, ta có thể rút ra bài học bổ ích. Điều đó được gọi là gì?*

(Nếu HS bí câu trả lời, GV có thể gợi ý đây là tên một bài học trong chương trình các em đã học)

**2. Gợi ý câu hỏi hàng ngang như sau:**

\*Ô hàng dọc gồm 6 chữ cái: *Tri thức và cuộc sống luôn có mối quan hệ như thế nào với nhau?*

**Đáp án ô chữ hàng ngang:**

ô 1. LIÊN **K**ẾT

ô 2. TH**Ế** GIỚI VIỄN TƯỞNG

ô 3. HOÀ ĐIỆU VỚI **T**Ự NHIÊN

ô 4. TRA**N**G SÁCH VÀ CUỘC SỐNG

ô 5. BÀI HỌC CUỘC S**Ố**NG

ô 6. TRẢI NGH**I**ỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH

**Đáp án ô chữ hàng dọc: KẾT NỐI**

**Bước 3.** GV tổng kết công bố kết quả cuộc thi, tuyên dương và khen thưởng đổi thắng; sau đó dẫn vào bài.

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP**

- GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân và cặp đôi để thực hiện yêu cầu của các câu hỏi vào vở;

- HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét bổ sung;

- GV chốt vấn đề, HS hoàn thiện vào vở.

**A. ÔN TẬP KIẾN THỨC**

**Câu 1:** **Em đã được học về những loại, thể loại văn bản nào trong học kì II? Hãy trả lời câu hỏi này bằng bảng tổng hợp hay sơ đồ phù hợp.**

**Gợi ý trả lời câu 1:**

Những loại, thể loại văn bản học trong học kì 2:

*- Truyện ngụ ngôn*

*- Thành ngữ, tục ngữ*

*- Truyện khoa học viễn tưởng*

*- Văn bản nghị luận*

*- Văn bản thông tin*

**Câu 2:** **Với Ngữ văn 7, tập hai, em đã được tìm hiểu sâu về một số thể loại văn bản mới chưa học trước đó. Tên và đặc điểm nổi bật của các thể loại này kèm danh mục văn bản cụ thể:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên loại, thể loại văn bản** | **Đặc điểm nội dung** | **Đặc điểm hình thức** | **Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Gợi ý trả lời câu 2:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên loại, thể loại văn bản** | **Đặc điểm nội dung** | **Đặc điểm hình thức** | **Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học** |
| **1** | Truyện ngụ ngôn | Trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống. | - Hình thức tự sự cỡ nhỏ  - Thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió. | - *Đẽo cày giữa đường; Ếch ngồi đáy giếng; Con mối và con kiến; Con hổ có nghĩa.* |
| **2** | Tục ngữ | Đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống. | - Sáng tác ngôn từ dân gian;  - Là những câu nói ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần điệu, hình ảnh. | Một số câu tục ngữ Việt Nam |
| **3** | Truyện khoa học viễn tưởng | - Viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán.  - Đề tài: thường là những cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian, những cuộc kết nối với sự sống ngoài Trái Đất,...  - Không gian: Không gian Trái Đất (trên mặt đất, ở tâm địa cầu hay dưới đáy đại dương), ngoài Trái Đất (trên các hành tinh của hệ Mặt Trời hay trong những thiên hà xa xôi khác),...  - Thời gian: thời gian trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm.  - Cốt truyện: gồm một chuỗi tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng, dựa trên những giả thuyết, dự báo và quan niệm khoa học.  - Nhân vật chính: thường có sức mạnh thể chất phi thường do những tác động của các nhân tố khoa học nào đó, có cấu tạo hoặc khả năng kì lạ, có trí thông minh kiệt xuất để tạo ra những phát minh. | - Thường có tính chất li kì.  - Sử dụng cách viết lô-gíc nhằm triển khai những ý tưởng mới về viễn cảnh hay công nghệ tương lai. | - "Cuộc chạm trán trên đại dương" (trích *Hai vạn dặm dưới đáy biển*, Guyn Véc-nơ).  - "Đường vào trung tâm vũ trụ" (trích *Thiên Mã*, Hà Thuỷ Nguyên).  - "Chiếc đũa thần" (trích *Tinh vân Tiên nữ*, I. A. E-phơ-rê-mốp) |

**Câu 3: Trong học kì II, những kiến thức tiếng Việt nào được ôn lại và những kiến thức tiếng Việt nào lần đầu được học? Hãy điền thông tin phù hợp vào bảng được lập theo mẫu gợi ý sau:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Kiến thức được củng cố** | **Kiến thức mới** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Gợi ý trả lời câu 3:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Kiến thức được củng cố** | **Kiến thức mới** |
| 1 | Bài 6: Bài học cuộc sống |  | - Thành ngữ.  - Nói quá. |
| 2 | Bài 7: Thế giới viễn tưởng | - Dấu ngoặc kép. | - Mạch lạc và liên kết của văn bản.  - Dấu chấm lửng. |
| 3 | Bài 8: Trải nghiệm để trưởng thành |  | - Biện pháp liên kết.  - Thuật ngữ. |
| 4 | Bài 9: Hòa điệu với tự nhiên | - Từ Hán Việt. | - Cước chú.  - Tài liệu tham khảo. |

**Câu 4:** **Nêu những kiểu bài viết mà em đã thực hành với Ngữ văn 7, tập hai. Kiểu bài nào được xem là mới và yêu cầu cụ thể của những kiểu bài đó là gì? Hãy lập một sơ đồ phù hợp để thể hiện lời giải đáp của em.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những kiểu bài viết đã thực hành với Ngữ văn 7, tập hai:** | **Kiểu bài mới** | **Yêu cầu cụ thể** |
| … | … | … |
| … | … | … |

**Gợi ý trả lời câu 4:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những kiểu bài viết đã thực hành với Ngữ văn 7, tập hai:** | **Kiểu bài nào được xem là mới** | **Yêu cầu cụ thể** |
| *+ Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).*  *+ Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.*  *+ Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (thể hiện ý kiến phản đối).*  *+ Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.* | *+ Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.* | - Nhân vật được lựa chọn phải có vai trò (dù ít hay nhiều) trong bối cảnh lịch sử đương thời.  - Sự việc được kể liên quan đến nhân vật đó phải có thật.  - Sự việc đó phải có ý nghĩa trong bối cảnh lịch sử nhất định.  - Kể được sự việc theo trình tự hợp lí.  - Bài viết nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết và có sử dụng yếu tố miêu tả. |
| *+ Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động* | - Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).  - Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ trò chơi hay hoạt động.  - Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người.  - Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó. |

- Tất cả các kiểu bài đều vừa cũ, vừa mới. So với lớp 6, em đã được học về kiểu bài kể lại sự việc, thuyết minh, nghị luận, tuy nhiên đối tượng của các bài đó khác với đối tượng của các kiểu bài trên.

**Câu 5: Lập bảng nhắc lại những đề tài viết (theo từng kiểu bài) mà em đã chọn thực hiện và nêu dự kiến về những đề tài khác có thể viết thêm. Gợi ý mẫu bảng:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kiểu bài viết** | **Đề tài đã chọn viết** | **Đề tài khác có thể viết** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Gợi ý trả lời câu 5:**

 HS trả lời dựa vào đề tài viết mà em đã chọn thực hiện.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kiểu bài viết** | **Đề tài đã chọn viết** | **Đề tài khác có thể viết** |
| 1 | *+ Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).* |  | - Khiêm tốn học hỏi giúp mỗi người thành công trong công việc và cuộc sống.  - Biến đổi khí hậu gây nhiều hậu quả khó lường. |
| 2 | *+ Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.* |  | - Trần Hưng Đạo với cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược ở thế kỉ XIII;  - Quang Trung đại phá quân Thanh tết Mậu Thân 1789. |
| 3 | *+ Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (thể hiện ý kiến phản đối).* |  | - Ăn quà vặt, nói tục, chửi thề,…  - Phóng nhanh, vượt ẩu khi tham gia giao thông. |
| 4 | *+ Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.* |  | - Thuyết minh trò chơi thả diều; các lễ hội dân gian; quy tắc khi đến nơi công cộng… |

**Câu 6:** **Trong học kì II, hoạt động nói và nghe đã được thực hiện với nội dung gì? Nội dung nào trong đó khiến em cảm thấy hứng thú nhất? Vì sao?**

**Gợi ý trả lời câu 6:**

- Trong học kì II, hoạt động nói và nghe đã được thực hiện với nội dung:

+ Kể lại một truyện ngụ ngôn;

+ Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người;

+ Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống;

+ Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động;

+ Ngày hội sách.

- Tuỳ mỗi em nội dung khiến mình cảm thấy hứng thú nhất là: ***Ngày hội sách.*** Vì em được chia sẻ về cuốn mình tự đọc và mình yêu thích.

**B. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP**

- GV cho HS trao đổi nhóm để thực hiện một phần các yêu cầu trong hai phiếu trên tại lớp, những phần còn lại sẽ được thực hiện ở nhà.

- Nếu HS (cá nhân hoặc nhóm) đã hoàn thành phiếu trước khi đến lớp, GV cần cùng các em kiểm tra lại kết quả ở một số phiếu cụ thể để kịp thời khẳng định hay điều chỉnh cách thực hiện các yêu cầu.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**1. ĐỌC**

**a. Đọc văn bản (SGK tr.118-119)**

**b. Thực hiện yêu cầu**

**- Chọn phương án đúng (làm vào vở):**

**Câu 1.** *Đoạn trích lấy từ văn bản thuộc loại hay thể loại nào?*

A. Văn bản nghị luận

B. Truyện khoa học viễn tưởng

C. Truyện đồng thoại

D. Văn bản thông tin

**Câu 2.** *Lời của nhà khoa học trong đoạn trích thể hiện khát vọng gì?*

A. Khám phá đại dương và khai thác những nguồn lợi to lớn từ đại dương

B. Sửa chữa lại cấu trúc cơ thể của con người, giúp con người hoàn thiện hơn

C. Cải tạo thể chất con người, giúp con người chinh phục thế giới ngầm của đại dương

D. Chiến thắng nước - một lực lượng hùng mạnh của thiên nhiên

- **Trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Theo đoạn trích, nhận thức khoa học nào đã được dùng làm cơ sở để giáo sư Xan-va-tô theo đuổi những dự án lớn lao của mình?

**Câu 2.** Tìm trong đoạn trích những dấu hiệu hoặc căn cứ cho phép ta xác định được loại hay thể loại của văn bản chứa đựng chính đoạn trích này.

**Câu 3.** Trong đoạn trích có câu: "Là người cá đầu tiên trên Trái Đất và là người đầu tiên sống trong thế giới của cá, Ích-chi-an không thể không cảm thấy cô đơn."

- Hãy viết lại câu văn trên theo một cấu trúc khác, không làm thay đổi nội dung thông báo chính trong câu.

- Chỉ ra điểm khác biệt về nghĩa giữa câu em vừa viết với câu văn gốc.

**Câu 4.** Nêu nhận xét về tính thuyết phục của lời giải thích được giáo sư Xan-va-tô đưa ra.

**2. VIẾT**

Từ những gợi ý của nội dung đoạn trích, hãy viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) về chủ đề: *Đại dương vẫy gọi*.

**3. NÓI VÀ NGHE**

Phác thảo những ý chính cho bài nói về đề tài: *Khai thác và bảo vệ tài nguyên biển.*

**GV hướng dẫn HS hoàn thành Phiếu số 1**

**1. ĐỌC**

**1. Đọc văn bản**

- GV cho HS đọc thầm VB, suy nghĩ tìm hình thức diễn đạt những cảm nhận đầu tiên của mình về nội dung, hình thức VB.

**2. Thực hiện các yêu cầu**

**\*Chọn phương án đúng:**

**Câu 1:** Hướng đến việc xác định đúng thể loại của VB có đoạn được trích.

*\*GV lưu ý:* Tuy đoạn trích có chứa đựng một số thông tin bổ ích về đại dương (kèm theo những con số cụ thể), nội dung lại được tổ chức một cách chặt chẽ nhằm thuyết phục một đối tượng nghe nhất định nào đó, nhưng không thể xác định VB có chứa đoạn trích là VB thông tin hay VB nghị luận được. Căn cứ vào sự xuất hiện của tên một số nhân vật và các chi tiết miêu tả tình huống mà nhân vật đang gặp phải, có thể xác định đây là một VB thuộc thể loại truyện, cụ thể hơn là truyện khoa học viễn tưởng (vì thành tựu mà Xan-va-tô đã đạt được thực ra chưa có trong thực tế).

**Câu 2:** Hướng đến việc nắm bắt đúng khát vọng và ý đồ nghiên cứu chính của nhà khoa học Xan-va-tô.

*\*GV* *lưu ý:* Tất cả các đáp án đều có nội dung liên quan đến nhau, nhưng chỉ có đáp án c mới phản ánh đúng nhất vừa ý đồ, vừa kết quả công việc mà nhân vật đã làm.

**\*Trả lời câu hỏi:**

**Câu 1**

- GV nhắc HS xem kĩ đoạn đầu của ngữ liệu đọc để tìm câu trả lời.

- GV gợi ý: Theo đoạn trích, nhận thức khoa học làm thành điểm tựa hành động cho giáo sư Xan-va-tô là: “con người chưa được hoàn thiện” và việc cải tạo thể chất của con người không chỉ phù hợp với khả năng của khoa học mà còn không làm trái với những gì thực tế đã diễn ra trong quá trình tiến hoá dài lâu của các sinh vật.

**Câu 2**

- Với yêu cầu này, HS kiểm tra lại kết quả thực hiện bài tập trước đó của mình.

- GV định hướng: Có thể dựa trên những dấu hiệu sau đây để khẳng định VB chứa đựng đoạn trích là truyện khoa học viễn tưởng:

a. Đoạn trích chứa đựng những thông tin đích thực mang tính khoa học;

b. Thành tựu mà nhân vật đã đạt được là thành tựu mà cho đến hiện nay, khoa học vẫn chưa chạm tới;

c. Không khí nghệ thuật bao trùm cả đoạn trích là động cơ khoa học, khát vọng phát triển khoa học để đưa cuộc sống con người phát triển lên tầm cao mới.

**Câu 3**

- Đây là câu hỏi kiểm tra kiến thức tiếng Việt, cụ thể là kiến thức về trạng ngữ.

- GV gợi ý về phương án thay đổi cấu trúc câu;

- GV hướng dẫn HS so sánh câu văn gốc với mội số câu văn các em vừa viết để nhận ra điểm khác biệt về nghĩa giữa chúng.

**Câu 4**

- Câu hỏi nhắc HS lưu ý tới hàm lượng thông tin khoa học trong những truyện khoa học viễn tưởng và kiểm tra lại hiểu biết của mình về quá trình tiến hoá của muôn loài sinh vật trên Trái Đất.

- GV gợi mở hướng giải quyết bài tập bằng các câu hỏi: *Giáo sư Xan-va-tô đang thực hiện công việc gì? Động lực nào đã thúc đẩy ông làm công việc đó? Quy luật tự nhiên nào đã được ông nắm bắt để nương theo đó mà triển khai hoạt động của mình? Có thể sơ đồ hoá lời giải thích của giáo sư Xan-va-tô như thế nào? Thái độ của những người dự phiên toà cho thấy điều gì về hiệu quả của những lời giải thích mà giáo sư đưa ra?...*

**2. VIẾT**

- GV lưu ý HS: Yêu cầu viết cần có mối liên hệ lô-gíc với yêu cầu đọc, đảm bảo những điều được gợi lên qua đọc sẽ tạo tiền đề tốt đẹp cho việc thực hành viết đoạn văn.

- GV nêu một số ý để HS có thể triển khai.

**3.** **NÓI VÀ NGHE**

- GV cho HS làm việc nhóm để xây dựng dàn ý bài nói. Gợi ý các ý chính cần triển khai.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**1. ĐỌC**

**\*Chọn phương án đúng (làm vào vở):**

**Câu 1:** Đáp án B

**Câu 2:** Đáp án C

**\*Trả lời câu hỏi:**

**Câu 1:** Theo đoạn trích, nhận thức khoa học đã được dùng làm cơ sở để giáo sư Xan-va-tô theo đuổi những dự án lớn lao của mình là: Qua lịch sử phát triển động vật, tất cả những muông thú sống trên cạn đều thoát thai từ những loài sống dưới nước.

**Câu 2:** Những dấu hiệu hoặc căn cứ trong đoạn trích cho phép ta xác định được loại hay thể loại của văn bản chứa đựng chính đoạn trích này: Nhà khoa học đang làm phẫu thuật cho con cá heo Lét-đinh thành người cá. Hiện tại khoa học chưa phát triển đến mức này. Như vậy văn bản dựa vào khoa học để nói về câu chuyện tưởng tượng ở tương lai. Vì vậy nó thuộc truyện khoa học viễn tưởng.

**Câu 3:**

- Viết lại câu văn theo một cấu trúc khác, không làm thay đổi nội dung thông báo chính trong câu: "*Ích-chi-an không thể không cảm thấy cô đơn khi mình là người cá đầu tiên trên Trái Đất và là người đầu tiên sống trong thế giới của cá*."

a. *ích-chi-an - người cá đầu tiên trên Trái Đất và là người đầu tiên sống trong thế giới của cá - không thể không cảm thấy cô đơn;*

b. *ích-chi-an là người cá đầu tiên trên Trái Đất và là người đầu tiên sống trong thế giới của cá nên cậu ta không thể không cảm thấy cô đơn.*

- Điểm khác biệt về nghĩa giữa câu em viết với câu văn gốc:

+ Câu văn gốc: Là một câu chỉ quan hệ nguyên nhân - kết quả, trong đó việc là người cá là nguyên nhân và "không thể không cảm thấy cô đơn" là kết quả, nguyên nhân được nêu trước, kết quả nêu sau.

+ Câu văn em viết: câu a) chú ý nêu hiện trạng cô đơn của ích-chi-an, còn câu b) nghiêng về xác định lí do đã khiến nhân vật người cá cô đơn như vậy.

**Câu 4:** Lời giải thích được giáo sư Xan-va-tô đưa ra hoàn toàn thuyết phục bởi vì nếu con người biết cách khai thác, chế ngự được biển cả thì rất có lợi cho con người.

**2. VIẾT**

HS có thể triển khai khi viết về chủ đề *Đại dương vẫy gọi* như sau*:*

- Đại dương chứa đựng rất nhiều bí ẩn của sự sống, của lịch sử Trái Đất cần được khám phá.

- Những nguồn lợi từ đại dương vô cùng lớn mà con người cần phải có chiến lược khai thác đúng đắn để phục vụ cho cuộc sống của mình.

- Muốn chinh phục đại dương, con người cần phải chuẩn bị cho mình rất nhiều điều kiện: có khát vọng lớn, có lòng dũng cảm, có tinh thần hợp tác, đặc biệt, có sự hiểu biết khoa học sâu sắc.

**THAM KHẢO ĐOẠN VĂN**

Chúng ta không ngần ngại để nói rằng khát vọng chinh phục tự nhiên của con người đã đạt được nhiều thành tựu. Con người đang làm chủ Trái Đất, thậm chí đang thăm dò các hành tinh khác. Tuy nhiên, dù nói là làm chủ Trái Đất thì con người vẫn còn những phần chưa thể chinh phục. Đó chính là nước. Các đại dương mênh mông chưa được con người khám phá hết. Con người cũng chỉ có thể sống được trên cạn mà chưa sống được dưới nước. Dưới đại dương có những gì? Con

người có thể sinh sống dưới đại dương hay không? Đại dương vẫn đang vẫy gọi con người khám phá.

**3. NÓI VÀ NGHE**

\*Gợi ý các ý chính cần triển khai cho bài nói về đề tài: *Khai thác và bảo vệ tài nguyên biển.*

*- Hướng về biển là một chiến lược phát triển quan trọng của nhiều nước trên thế gịới hiện nay.*

*- Biển có nguồn tài nguyên vô cùng dồi dào cần được khai thác để phục vụ cuộc sống của con người.*

*- Việc khai thác tài nguyên biển cần được đẩy mạnh cùng với việc bảo vệ tài nguyên biển. Hai vấn đề này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.*

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**1. ĐỌC**

**a. Đọc văn bản (SGK tr.120-121)**

**b. Thực hiện các yêu cầu**

**- Chọn phương án đúng (làm vào vở):**

**Câu 1.***Văn bản trên thuộc loại văn bản gì?*

A. Văn bản thông tin

B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản văn học

**Câu 2.** *Theo tác giả, mỗi người cần "tự chịu trách nhiệm" về những sai lầm của bản thân để đạt được mục đích gì?*

A. Từng bước hoàn thiện bản thân

B. Biết khoan dung với người khác

C. Đạt được thành công về sau

D. Thiết lập những quan hệ tốt

**- Trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Vẽ sơ đồ đơn giản thể hiện mối quan hệ giữa vấn đề đặt ra và các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được tác giả trình bày trong văn bản.

**Câu 2.** Phân tích cách triển khai, củng cố lí lẽ mà tác giả đã sử dụng trong đoạn 3 của văn bản.

**Câu 3.** Nêu suy nghĩ của em về nhận định sau đây của tác giả: "Chỉ khi nhìn thẳng vào thiếu sót của bản thân mới có cơ hội tự sửa mình và có thái độ khoan dung với lỗi lầm của người khác để thiết lập những mối quan hệ tốt, hướng tới điều tốt đẹp hơn".

**Câu 4.** Đọc các thành ngữ, tục ngữ sau:

*- Cắn răng chịu đựng;*

*- Dám làm dám chịu;*

*- Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương;*

*- Chân mình thì lấm bê bê/ Lại cầm bó đuốc đi rê chân người.*

Cho biết thành ngữ, tục ngữ nào có nội dung liên quan một phần tới thông điệp được nêu trong văn bản. Vì sao em xác định như vậy?

**Câu 5.***Cầu tiến, vị thế, viện dẫn* là ba trong nhiều từ được dùng trong văn bản có các yếu tố Hán Việt thông dụng. Nêu cách hiểu của em về nghĩa của những yếu tố Hán Việt tạo nên các từ đó và giải thích nghĩa của từng từ.

**2. VIẾT**

Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về những con người dám nhận trách nhiệm trước sai lầm, thất bại do chính họ gây ra.

**3. NÓI VÀ NGHE**

Lập đề cương cho bài nói về vấn đề: *Điều em muốn chuẩn bị cho bước đường tương lai của mình.*

**GV hướng dẫn HS hoàn thành Phiếu số 2**

**1. ĐỌC**

**a. Đọc văn bản**

GV cho HS đọc thầm VB, chú ý nắm bắt trúng mục đích viết của tác giả và hiểu được cách triển khai những luận điểm chính trong VB.

**b. Thực hiện các yêu cầu**

**\*Chọn phương án đúng:**

**Câu 1:** Hướng đến việc xác định đúng thể loại của VB.

*-* GV *lưu ý:* Đây là câu hỏi trắc nghiệm khá đơn giản, nhưng để chọn được phương án đúng, các em “tổng duyệt” nhanh những hiểu biết của mình về các loại VB chính được học trong chương trình: VB thông tin, VB nghị luận, VB văn học.

**Câu 2:** Hướng đến việc hiểu đúng mục đích viết của tác giả.

*- GV lưu ý:* Khi chọn phương án trả lời đúng cho câu 2, cần phân biệt hai vấn đề: a. Hiệu quả tích cực (nói chung) của việc “tự chịu trách nhiệm” về những sai lầm của bản thân; b. Ý nghĩa của việc “tự chịu trách nhiệm” về những sai lầm của bản thân đặt trong quan hệ với mục đích sống mà mỗi người theo đuổi, ởđây, câu hỏi muốn em suy nghĩ về vấn đề b.

**\*Trả lời câu hỏi:**

**Câu 1:**

- GV gợi HS nhớ lại cách đã làm ở lớp 6 (bài học 9) khi thực hành tóm tắt bằng sơ đồ nội dung chính của một VB đơn giản: xác định loại sơ đồ, tìm từ khoá; chọn các hình phù hợp chứa từ khoá, vẽ đường biểu thị mối quan hệ giữa các từ khoá (cũng là giữa các hình đã chọn),...

- GV gợi ý: Với VB nghị luận, nên chọn sơ đồ hình nhánh, mỗi nhánh lớn ứng với một luận điểm, các nhánh nhỏ ứng với các lí lẽ và bằng chứng triển khai luận điểm.

**Câu 2:**

- Yêu cầu của cầu này đòi hỏi HS phải vận dụng được không chỉ kiến thức khái quát về văn nghị luận mà còn cả kiến thức về mạch lạc và liên kết nữa.

- GV gợi ý cách triển khai.

**Câu 3:**

- Bài tập yêu cầu HS phải nêu được suy nghĩ của mình về nội dung một nhận định then chốt trong VB - điều sẽ tạo tiền đề tốt cho việc thực hiện yêu cầu viết ở sau.

- GV gợi ý cho HS.

**Câu 4:**

- Đây là bài tập đòi hỏi HS phải vận dụng kiến thức về tục ngữ, thành ngữ đã học để giải quyết.

- GV gợi ý và định hướng: Tất cả các thành ngữ, tục ngữ được nêu lên trong bài tập này đều có mối liên hệ bề mặt và mối liên hệ bề sâu với luận đề “Tự chịu trách nhiệm”.

- Thành ngữ *cắn răng chịu đựng* và tục ngữ *“Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương.”* chỉ có một điểm gặp ngẫu nhiên với luận đề đã nói ở từ *chịu.*

- Tục ngữ *“Chân mình thì lấm bê bê/ Lại cầm bó đuốc đi rê chân người.”* có liên hệ với luận đề “Tự chịu trách nhiệm” trên hai vấn đề: lỗi lầm, nhược điểm của bản thân và sự phán xét lỗi lầm, nhược điểm của người khác. Nhưng xét trong mối quan hệ với thông điệp của VB, câu này đã đưa vấn đề sang một hướng khác.

- Như vậy, chỉ thành ngữ *Dám làm dám chịu* mới có nội dung liên quan một phần tới thông điệp mà VB đặt ra: Mỗi người cần biết tự chịu trách nhiệm về việc mình làm. Sở dĩ nói “liên quan một phần” là vì ở thành ngữ này, vấn đề được nêu lên chỉ giới hạn trong phạm vi ứng xử cá nhân, không mở rộng phạm vi bàn về ý nghĩa của việc “dám chịu”. *Lưu ý: Dám làm dám chịu* là câu vừa mang tính chất của thành ngữ, vừa mang tính chất của tục ngữ, tuỳ theo góc độ nhìn nhận và ngữ cảnh vận dụng.

**Câu 5:**

- Để làm được bài tập này, các em phải xem lại hoặc nhớ lại nội dung tiết thực hành tiếng Việt ở bài 9. *Hoà điệu với tự nhiên.*

- GV hướng dẫn HS lập bảng theo cách đã làm ở tiết thực hành tiếng Việt nói trên để thực hiện các yêu cầu. Nếu *Phiếu học tập* này được thực hiện ở nhà, HS có thể tra cứu từ điển để giải thích nghĩa của các yếu tố Hán Việt có trong các từ *cầu tiến, vị thế, viện dẫn* và nghĩa chung của mỗi từ đó.

**2. VIẾT**

- Đề tài viết liên quan trực tiếp với VB đọc trong *Phiếu học tập* này. GV nhắc HS đọc lại lần nữa VB *Tự chịu trách nhiệm* trước khi viết để có được những định hướng cần thiết.

**3. NÓI VÀ NGHE**

- GV cho HS làm việc nhóm để xây dựng dàn ý bài nói.

**GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**1. ĐỌC**

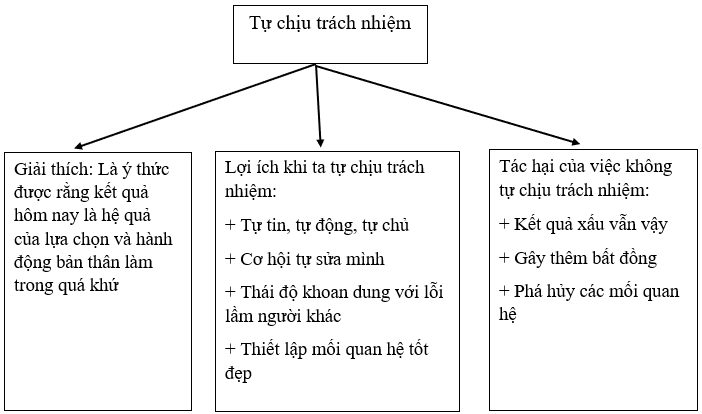
**- Chọn phương án đúng (làm vào vở):**

**Câu 1:** Đáp án B

**Câu 2:** Đáp án C

**- Trả lời câu hỏi:**

**Câu 1:**Vẽ sơ đồ:



**Câu 2:** Cách triển khai.

+ Trước hết phải xác định được lí lẽ chính triển khai trong đoạn văn: Dám tự chịu trách nhiệm thì mới đạt được sự chủ động.

+ Tiếp đó, phải chỉ ra được phản đề mà tác giả đã sử dụng: Biện minh, đổ lỗi đồng nghĩa với việc đẩy mình vào thế bị động. Lưu ý tới việc trích dẫn những lời dạy của cổ nhân - điều có ý nghĩa khẳng định tính xác đáng của lí lẽ được nêu ra.

+ Sau hết, tác giả rút ra bài học ở câu cuối của đoạn văn như một hình thức củng cố lí lẽ rất có hiệu quả.

**Câu 3:** Nhận định này được trình bày theo cấu trúc cú pháp “chỉ khi... mới có”, thể hiện sắc thái khẳng định rất dứt khoát. Hành động “nhìn thẳng vào thiếu sót của bản thân” mang tới hai hệ quả trực tiếp và một hệ quả gián tiếp, mở rộng dần ảnh hưởng từ phạm vi cá nhân sang phạm vi xã hội: “cơ hội tự sửa mình”, “thái độ khoan dung với lỗi lầm của người khác” và “thiết lập quan hệ tốt, hướng tơi điều tốt đẹp hơn”. Như vậy, việc dám “tự chịu trách nhiệm” không hề làm giảm giá trị của bản thân người nhận lỗi mà ngược lại, sẽ đem tới cho họ cơ hội chinh phục lòng người – điều được xem là chìa Khoá dẫn tới thành công.

**Câu 4.** Câu "*Dám làm dám chịu*" liên quan đến văn bản vì nói đến việc khi đã làm việc gì đó, dù hệ quả có thế nào đi chăng nữa thì cũng dám gánh vác trách nhiệm đối với việc mình làm.

**Câu 5.** Nghĩa của các từ có yếu tố Hán Việt:

- ***Cầu tiến***:

+ Cầu: Cầu xin, mong cầu, sở cầu…: là nguyện vọng của một con người.

+ Tiến: Tiến bộ, tiến triển, tiến lên, bước tiến… là chỉ sự phát triển, tăng tiến.

=>Như vậy: *Cầu tiến* *có nghĩa là cầu mong sự tiến bộ.*

- ***Vị thế***:

+ Vị: Vị trí, địa vị, danh vị, chức vị: là Vị trí trong xã hội hoặc địa điểm cụ thể.

+ Thế: Địa thế, trận thế, trần thế: là hoàn cảnh hay vị trí tạo thành điều kiện thuận lợi hay khó khăn cho con người.

=>Như vậy: *Vị thế có nghĩa là địa vị, vị trí đang đứng của một người nào đó.*

- ***Viện dẫn***:

+ Viện: Viện cớ, viện sức, viện trợ: là nhờ đến sự giúp sức.

+ Dẫn: Dẫn chứng, dẫn giải, chỉ dẫn, dẫn đường: là nhờ sự “dẫn” mà đi đến một nơi khác, kết quả khác.

=->Như vậy: *Viện dẫn là dẫn chứng sự việc, sự vật này để chứng minh cho một sự việc nào đó.*

**2. VIẾT**

**\*Một số ý HS có thể triển khai:**

*- Những con người dám nhận trách nhiệm trước sai lầm, thất bại do chính họ gây ra có thể được xem là những con người can đảm.*

*- Trước mắt, việc dám nhận trách nhiệm về sai lầm, thất bại có thể đưa đến một số “thiệt thòi” cho người làm việc đó, nhưng chính nó sẽ tạo tiền đề tốt cho một cuộc khởi đầu mới mang tính bền vững hơn.*

*- Một xã hội muốn phát triển lành mạnh phải luôn biết tự thanh lọc, luôn cần có những con người dám nhận trách nhiệm trước sai lầm, thất bại do chính họ gây ra.*

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

Dũng cảm là một phẩm chất, đức tính đáng quý, cần có ở con người. Nhờ dũng cảm, con người mới có thể làm được những điều to lớn, kì vĩ tưởng chừng không thể. Nhờ dũng cảm, thế giới mới có sự phát triển như ngày nay. Nếu Edison không dũng cảm thừa nhận những sai lầm, thất bại trước đó và tiếp tục thử nghiệm, không biết bao giờ chúng ta mới có bóng đèn để sử dụng. Nếu con người không dám thừa nhận sai lầm khi cho rằng Trái Đất là trung tâm của vũ trụ, liệu chúng ta có thể phát triển thiên văn học như ngày nay? Dũng cảm tưởng như là phải ở những điều lớn lao, nhưng thực tế nó có thể thực hiện ngay từ những điều nhỏ nhặt. Những con người dám nhận trách nhiệm trước sai lầm, thất bại do chính họ gây ra chính là những người dũng cảm đáng khen nhất.

**3. NÓI VÀ NGHE**

\*Gợi ý các ý chính cần triển khai:

*- Bước đường tương lai là cách nói bóng bẩy chỉ mơ ước hay sự hình dung của mỗi người về cuộc sống của chính mình ở phía trước.*

*- Bước đường tương lai sẽ như thế nào, điều đó chủ yếu phụ thuộc vào sự chuẩn bị chủ động của mỗi người.*

*- Năng lực, sở trường, thiên hướng của em là gì? Em mơ ước trở thành con người như thế nào khi trưởng thành?*

*- Để hiện thực hoá mơ ước của mình, em có thể làm gì từ lúc này trong hoạt động học tập và thiết lập các mối quan hệ xã hội? (Lĩnh vực nào, môn học nào cần được tìm hiểu, đầu tư sâu? Trường học, tổ chức nào cần được tìm hiểu thông tin cặn kẽ? Những hoạt động nào cần được tích cực tham gia?...)*

*- Em dự kiến vượt qua các trở ngại (có thể gặp) như thế nào để hướng theo con đường đã xác định?*

**\*Lập đề cương cho bài nói về vấn đề: *Điều em muốn chuẩn bị cho bước đường tương lai của mình.***

- Mở bài: Giới thiệu về bước đường tương lai của mình và điều em muốn chuẩn bị.

- Thân bài:

+ Nêu điều em muốn chuẩn bị.

+ Nêu lý do em lại chuẩn bị những điều đó.

+ Em chuẩn bị như thế nào? Có ai giúp sức không?

+ Điều em mong chờ, hy vọng ở tương lai.

- Kết bài:

+ Em hy vọng ở bước đường tương lai như thế nào?

+ Thể hiện sự quyết tâm chuẩn bị và kêu gọi các bạn cùng chuẩn bị cho tương lai.

**-----------------------------------------------**

**Ngày dạy:..................................**

**TIẾT 138,139:**

**KIỂM TRA HỌC KỲ II**

**I. Mục tiêu cần đạt**

**1. Năng lực:**

- Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng nhận biết, kỹ năng vận dụng, kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến nội dung kiến thức kiểm tra đã được học từ bài 6,7,8,9.

- Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử hoặc Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**2. Phẩm chất:**

- Trung thực, tự giác, nghiêm túc có trách nhiệm trong kiểm tra.

- Hoàn thành tốt quá trình học tập và rèn luyện nhằm đạt được mục đích đặt ra

**II. Chuẩn bị:**

1. GV: Đề kiểm tra.

2. HS: Học bài cũ, chuẩn bị giấy, bút... kiểm tra.

**III. Hình thức kiểm tra:** Kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan

**I. MA TRẬN**

**XÂY DỰNG MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA** **CUỐI HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

**I. MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn. | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| Thơ |
| Văn bản nghị luận |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn  Thơ (thơ bốn chữ, năm chữ)  Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm.  **Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được số từ, phó từ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.  **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 3 TN | 5TN | 2 TL |  |
| 2 | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** vấn đề cần nghị luận: viết bài văn về tác hại của thói tự phụ.  **Thông hiểu:** hiểu được tác hại của thói tự phụ  **Vận dụng:** đặt câu, dựng đoạn, tạo lập văn bản nghị luận  **Vận dụng cao:** vận dụng kiến thức đời sống, lập luận có phản biện, tranh luận thể hiện quan điểm riêng, sáng tạo trong việc dùng từ, đặt câu, lập ý.  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và dẫn chứng hợp lí. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm): Đọc kĩ văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**RÙA VÀ THỎ**

*Trời mùa thu mát mẻ. Trên bờ sông, Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trông thấy liền mỉa mai Rùa:*

*- Đồ chậm như sên. Mày mà cũng đòi tập chạy à ?*

*- Anh đừng giễu tôi. Anh với tôi thử chạy thi, coi ai hơn ?*

*Thỏ vểnh tai tự đắc:*

*- Được, được! Dám chạy thi với ta sao ? Ta chấp mi một nửa đường đó.*

*Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh. Thỏ nhìn theo mỉm cười. Nó nghĩ : Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần đến đích ta phóng cũng vừa. Nó nhởn nhơ trên đường, nhìn trời, nhìn mây. Thỉnh thoảng nó lại nhấm nháp vài ngọn cỏ non, có vẻ khoan khoái lắm.*

*Bỗng nó nghĩ đến cuộc thi, ngẩng đầu lên thì đã thấy Rùa chạy gần tới đích. Nó cắm cổ chạy miết nhưng không kịp nữa. Rùa đã tới đích trước nó.*

(*Rùa và Thỏ*, Tuyển tập truyện của La Phông-ten,

NXB Kim Đồng, H.1996, trang 26)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1 (0.5 điểm)** **Truyện *Rùa và Thỏ*****thuộc thể loại nào?**

A. Truyền thuyết

B. Thần thoại

C. Truyện cổ tích

D. Truyện ngụ ngôn

**Câu 2 (0.5 điểm)** **Nhân vật chính trong truyện *Rùa và Thỏ*****là ai?**

A. Rùa

B. Thỏ

C. Rùa và Thỏ

D. Sên

**Câu 3 (0.5 điểm) Vì sao có cuộc chạy thi giữa Rùa và Thỏ?**

A.Rùa thích chạy thi với Thỏ

B.Thỏ thách Rùa chạy thi

C.Thỏ chê Rùa chậm chạp khiến Rùa quyết tâm chạy thi.

D.Rùa muốn thách Thỏ chạy thi với mình.

**Câu 4 (0.5 điểm) Vì sao Thỏ thua Rùa?**

A.Rùa chạy nhanh hơn Thỏ.

B.Rùa cố gắng còn Thỏ chủ quan, coi thường Rùa.

C**.**Rùa dùng mưu mà Thỏ không biết.

D**.**Rùa vừa chạy vừa chơi mà vẫn tới đích trước.

**Câu 5 (0.5 điểm)** **Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu “Đồ chậm như sên.”**

A.Nhân hóa

B.Ẩn dụ

C.So sánh

D.Điệp ngữ

**Câu 6 (0.5 điểm)** **Từ *nhởn nhơ* trong câu “Nó nhởn nhơ trên đường, nhìn trời, nhìn mây.*”* có nghĩa là gì?**

A. Có vẻ thong thả, ung dung không có điều gì phải lo nghĩ.

B. Chán nản, không muốn làm bất cứ điều gì

C. Thờ ơ, không bận tâm đến mọi chuyện xung quanh

D. Chậm rãi, bê trễ công việc đang làm

**Câu 7 (0.5 điểm)** **Hậu quả của thái độ chủ quan, kiêu ngạo của Thỏ là gì?**

A.Thỏ đi học muộn.

B.Thỏ thua Rùa, bị mọi người cười nhạo.

C.Thỏ cắm cổ chạy, bị ngã.

D.Thỏ mải mê bắt bướm, quên đường về.

**Câu 8 (0.5 điểm) Phép liên kết nào được sử dụng trong hai câu sau: “***Rùa không nói gì. Nó biết mình chậm chạp, nên có sức chạy thật nhanh “*

1. Phép lăp.
2. Phép thế.
3. Phép liên tưởng.
4. Phép nối.

**Trả lời câu hỏi /Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9 (1,0 điểm)** Em có nhận xét gì về nhân vật Thỏ qua câu nói: “*Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó*”.

**Câu 10 (1,0 điểm)** Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học gì trong đời sống?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *“Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn, nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập*”. Em hãy viết bài văn trình bày ý kiến phản đối của mình về hiện tượng trên?

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | D | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | B | 0,5 |
| **9** | Học sinh bày tỏ suy nghĩ cá nhân, chỉ ra được tính cách của Thỏ qua câu nói.  Ví dụ: Thỏ là kẻ kiêu căng ngạo mạn, chủ quan, coi thường người khác. | 1 |
| **10** | Học sinh bày tỏ quan điểm cá nhân.  Có thể nêu các ý: Chậm mà kiên trì sẽ chiến thắng, nhanh mà chủ quan kiêu ngạo thì sẽ thất bại. Chỉ cần chúng ta kiên trì, chắc chắn sẽ thành công. | 1 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận..*  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến  ( phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:* | 0,25 |
|  | c. Nghị luận về hiện tượng nghiện Game. Học sinh có thể nghị luận theo nhiều các khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau: |  |
|  | **A. Mở bài:**  - Dẫn dắt, nêu vấn đề cần nghị luận: Hiện tượng nghiện game online trong giới trẻ hiện nay.  **B. Thân bài**  **\* Luận điểm 1:**Giải thích khái niệm  - **Trò chơi điện tử (game online)**là những trò chơi sử dụng thiết bị điện tử để tạo ra một hệ thống tương tác mà người chơi có thể trực tiếp điều khiển trò chơi theo ý muốn của bản thân.  -**Nghiện** là trạng thái tâm lí tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó.  => **Nghiện game online** là hiện tượng đầu nhập quá mức vào trò chơi điện tử, không thể kiểm soát cảm giác thèm chơi game, chơi liên tục và ưu tiên việc chơi game hàng đầu trong cuộc sống đến mức lệ thuộc vào game dẫn đến những tác hại không mong muốn.  **\* Luận điểm 2:**Thực trạng của việc nghiện game online hiện nay  - Nghiện game đã và đang diễn ra ở một bộ phận không nhỏ con người, đặc biệt là học sinh, thanh thiếu niên.  - Số lượng tài khoản game được lập ra ngày càng nhiều.  **\* Luận điểm 3:** Nguyên nhân dẫn đến việc nghiện trò chơi điện tử  - Chủ quan:  + Do con người không kiểm soát được bản thân, lười học ham chơi.  + Do không kiểm soát được thời gian, không xác định được mục tiêu…  - Khách quan:  + Do môi trường sống của thời đại CNTT bùng nổ mà giới trẻ chưa được trang bị những kiến thức, kĩ năng đầy đủ về hậu quả của việc sử dụng CNTT không đúng cách  + Gia đình thiếu quan tâm hoặc giáo dục rèn luyện con chưa đúng cách…  + Nhà trường và các tổ chức xã hội còn thiếu hoạt động tuyên truyền giáo dục… về vấn đề này  **\* Luận điểm 4**: Tác hại của việc nghiện game online  + Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau…  + Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ…  \* **Luận điểm 5**: Đề xuất biện pháp khắc phục.  + Bản thân giới trẻ cần rèn luyện cho mình những kĩ năng kiến thức để sử dụng mạng xã hội hiệu quả.  + Gia đình cần quan tâm, định hướng đúng đắn cho giới trẻ về mạng xã hội để tận dụng lợi ích của nó mang lại.  + Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tuyên truyền, tổ chức các buổi trải nghiệm … để HS sử dụng mạng xã hội đúng cách…  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại tác hại của nghiện game online.  - Lời khuyên cho giới trẻ.  - Liên hệ: Bản thân cần biết sắp xếp thời gian học tập, giải trí cho phù hợp… | 2,5  (2.0)  \* (0,5) |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo:* Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực. | 0,5 |

**-----------------------------------------------**

**TIẾT 140:**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**I. MỤC TIÊU: Gióp HS**

**1. Năng lực:**

- Nhận ra được ưu, khuyết điểm về các mặt: Ghi nhớ và hệ thống hóa kiến thức về viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống cũng như kiến thức, kĩ năng đọc, viết, nói nghe được trích lũy, rèn luyện qua các bài được học 6,7,8,9.

- HS biết cách sữa chửa những sai sót, nhầm lẫn để bổ sung, hoàn chỉnh cho bài viết cña m×nh.

**2. Phẩm chất:**

- Yêu nước, nhân ái, trách nhiệm: biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hòa với tự nhiên.

- Ý thức tập trung, nghiêm túc trong giờ trả bài

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu,

- Học liệu: Kế hoạch dạy học, bài kiểm tra.

- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm

**III. TIỂN TRÌNH DẠY HỌC**

**\* Bước 1**: **Ổn định tổ chức**

**\* Bước 2: Tổ chức dạy và học bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho HS bắt nhịp vào nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

**c. Sản phẩm:** HS chuẩn bị kiến thức đã có trong đề kiểm tra

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu tìm hiểu đề**

**a. Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

**b.** **Nội dung:** HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

**c**. **Sản phẩm học tập:**HS so sánh bài làm với đáp án.

**d.** **Tổ chức thực hiện:**

**Hoạt động 2: Trả bài**

**I. ĐỀ BÀI: Đã có ở tiết 136,137.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giúp HS củng cố, khắc sâu yêu cầu về truyện ngụ ngôn và kiểu bài viết về văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc, lắng nghe, rà soát bài viết của mình, tự rút ra ưu điểm và hạn chế trên từng yêu cầu cụ thể.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Đối với phần II: GV dựa vào mục: *Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn* *nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống* để nêu ra một khung đánh giá chung và trình chiếu lại cho HS theo dõi. | **II. Tìm hiểu đề:**  **\* Yêu cầu:**  **Phần I: Đọc – hiểu**  **Câu 1 -> câu 8: Phần trắc nghiệm:** Lựa chọn đáp án đúng  **Câu 9.** Em có nhận xét gì về nhân vật Thỏ qua câu nói: “*Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó*”.  **Câu 10.** Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học gì trong đời sống?  **II. VIẾT (4.0 điểm)**  Có ý kiến cho rằng: *“Trò chơi điện tử là món tiêu khiển hấp dẫn, nhiều bạn vì mải chơi mà sao nhãng học tập*”. Em hãy viết bài văn trình bày ý kiến phản đối của mình về hiện tượng trên?  **III. Xác định yêu cầu của đề :**  - Hình thức:  **Câu 9:**  Em có nhận xét gì về nhân vật Thỏ qua câu nói: “*Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó*”.  **Câu 10:**  - Hình thức:Biết viết đoạn văn ngắn  - Noäi dung: Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học trong đời sống.  **IV. Lập dàn ý:**  **Phần II: ( 4,0 điểm )**  **\* Mở bài:**  - Nêu được vấn đề nghịh luận (bày tỏ thái độ phản đối)  - Dẫn dắt vấn đề nghị luận  **\* Thân bài:**  **\* Luận điểm 1:**Giải thích khái niệm  - **Trò chơi điện tử (game online)**là những trò chơi sử dụng thiết bị điện tử để tạo ra một hệ thống tương tác mà người chơi có thể trực tiếp điều khiển trò chơi theo ý muốn của bản thân.  -**Nghiện** là trạng thái tâm lí tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó.  => **Nghiện game online** là hiện tượng đầu nhập quá mức vào trò chơi điện tử, không thể kiểm soát cảm giác thèm chơi game, chơi liên tục và ưu tiên việc chơi game hàng đầu trong cuộc sống đến mức lệ thuộc vào game dẫn đến những tác hại không mong muốn.  **\* Luận điểm 2:**Thực trạng của việc nghiện game online hiện nay  - Nghiện game đã và đang diễn ra ở một bộ phận không nhỏ con người, đặc biệt là học sinh, thanh thiếu niên.  - Số lượng tài khoản game được lập ra ngày càng nhiều.  **\* Luận điểm 3:** Nguyên nhân dẫn đến việc nghiện trò chơi điện tử  - Chủ quan:  + Do con người không kiểm soát được bản thân, lười học ham chơi.  + Do không kiểm soát được thời gian, không xác định được mục tiêu…  - Khách quan:  + Do môi trường sống của thời đại CNTT bùng nổ mà giới trẻ chưa được trang bị những kiến thức, kĩ năng đầy đủ về hậu quả của việc sử dụng CNTT không đúng cách  + Gia đình thiếu quan tâm hoặc giáo dục rèn luyện con chưa đúng cách…  + Nhà trường và các tổ chức xã hội còn thiếu hoạt động tuyên truyền giáo dục… về vấn đề này  **\* Luận điểm 4**: Tác hại của việc nghiện game online  + Bỏ học, dẫn đến nhiều hành vi xấu khác như cướp vặt, đánh nhau…  + Ảnh hưởng đến sức khỏe: gây cận thị, bệnh tự kỷ…  \* **Luận điểm 5**: Đề xuất biện pháp khắc phục.  + Bản thân giới trẻ cần rèn luyện cho mình những kĩ năng kiến thức để sử dụng mạng xã hội hiệu quả.  + Gia đình cần quan tâm, định hướng đúng đắn cho giới trẻ về mạng xã hội để tận dụng lợi ích của nó mang lại.  + Nhà trường và các tổ chức xã hội cần tuyên truyền, tổ chức các buổi trải nghiệm … để HS sử dụng mạng xã hội đúng cách…  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại tác hại của nghiện game online.  - Lời khuyên cho giới trẻ.  **V. Nhận xét:**  **1. ưu điẻm** :  **Phần I: Trắc nghiệm**  + Câu 1 ->8: Hầu hết các em xác định đúng yêu cầu của đề nên làm rất tốt.  + Câu 9: HS nhận xét được nhân vật Thỏ qua câu nói: “*Dám chạy thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó*”.  + Câu 10:  - Ña soá các em em rút ra được bài học trong đời sống.  - Trình bày sạch, đẹp, rõ ràng.  **Phần II Tập làm văn**:  - Boá cuïc ñuû ba phaàn: môû baøi, thaân baøi, keát baøi.  - Các em đã biết cách làm một bài văn nghị luận về trình bày về một vấn đề trong đời sống: Tán thành ý kiến. Đặc biệt nhiều em đã biết dẫn dắt vấn đề hay.  - Biết rút ra bài học và liên hệ thực tế tốt  như: **Đan, Hà, Thúy,….**  **2.** **Nhược điểm** :  - Một số bài trình bày còn cẩu thả, viết hoa tùy tiện.  - Nhiều bài còn sa diễn nôm, lập luận rời rạc, chưa có dẫn chứng nên thiếu tính thuyết phục như: **Ân, Dũng, Thuận,...**  **VI. Sửa lỗi:**  - Giaùo vieân duøng baûng phuï ghi moät soá loãi cuûa baøi vieát. Yeâu caàu hoïc sinh leân baûng söûa chöõa  ***- Loãi dieãn ñaït***  ***- Lỗi chính tả:***  **VI. Trả bài, lấy điểm:**  **+** GV cho HS đọc trước lớp hai bài làm tốt nhất và hai bài làm chưa tốt để HS nhaän xeùt, ñaùnh giaù và rút kinh nghiệm cho các bài kiểm tra sau của mình.  - Hai bài tốt của em: **Linh Đan, Thúy ...**  - Một bài chưa tốt của em: **Thuận ...**  **+ Trả bài:**  **+ Lấy điểm:**  **+ Kết quả:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Lớp** | **G** | **K** | **Đạt** | **CĐ** | |  |  |  |  |  | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS:* Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS đọc và hoàn thành bài tập

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS hoàn thiện bài viết của mình

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

*Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài kiểm tra viết đoạn văn biểu cảm về bài thơ 5 chữ.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đại diện trình bày.

**Bước 4: Đánh giá, nhận định**

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày baì tập trước lớp.

**IV. PHỤ LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Bài viết có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  |
| Bài viết có thể hiện được tính hấp dẫn, đầy đủ, chính xác của vấn đề |  |
| Bài viết có làm rõ những vấn đề |  |
| Các sự việc được trình bày theo trình tự hợp lí. |  |
| Bài viết có mạch lạc, thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung vấn đề được đề cập. |  |

KÍ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

*Ngày … tháng….năm......*

TTCM

NGUYỄN DUY TUYẾN